CHƯƠNG I: BÀI PHÁT BIỂU, NÓI CHUYỆN CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ LÂM ĐỒNG. VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ TỈNH VÀ BÀI PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH

1. BÀI PHÁT BIỂU, NÓI CHUYỆN CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ LÂM ĐỒNG.

1. LÂM VIÊN. Lâm Đồng qua cái nhìn của Thủ tướng Chính phủ / Lâm Viên // Tiền Phong.- 1995.- số 42.- Tr.4.

Cuối tháng 7 năm 1995, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đến Lâm Đồng theo chương trình làm việc tại các tỉnh phía Nam. Làm việc với lãnh đạo tỉnh Thủ tướng đề nghị: "Lâm Đồng thu hút hơn nữa nguồn nhân lực, chất xám để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa" và "Lâm Đồng cần phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng những gì của chính mình!".

Tiền Phong / 1995

2. P.V. Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết: Lâm Đồng cần phát triển cơ sở hạ tầng để thu hút các nhà đầu tư / P.V. // Văn hóa.- 2009.- Ngày 28 tháng 8.- Tr.3.

Tại buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Lâm Đồng về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết nhấn mạnh: Lâm Đồng cần phát triển cơ sở hạ tầng để thu hút các nhà đầu tư nhằm khai thác các thế mạnh, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Là tỉnh có nhiều tiềm năng nhưng chưa có điều kiện khai thác hết, vì vậy, trong thời gian tới Lâm Đồng nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện Nghị quyết Đảng bộ của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X. Bên cạnh đó chủ tịch còn nhắc nhở các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền tỉnh Lâm Đồng cần quan tâm hơn nữa đến công tác xóa đói giảm nghèo cho bà con người dân tộc thiểu số; cần phát triển cơ sở hạ tầng để thu hút các nhà đầu tư nhằm khai thác các thế mạnh, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa / 2009

3. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: Lâm Đồng cần phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế // Thanh tra.- 2009.- Ngày 20 tháng 8.- Tr.2.

Trong buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ, UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 19/8, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh: Lâm Đồng cần phát huy tiềm năng, lợi thế về điều kiện khí hậu tự nhiên, tài nguyên đất rừng, đất nông nghiệp, khoáng sản để phát triển mạnh mẽ nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến tài nguyên khoáng sản. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá cao nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã đẩy mạnh phát triển nhanh, toàn diện kinh tế - xã hội địa phương, duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao (hơn 10,7%), đạt tăng trưởng về nông lâm thủy sản cao nhất nước (13,1%). Thủ tướng biểu dương Lâm Đồng đã đẩy mạnh chương trình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong phát triển nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập cho nhân dân. Tỉnh cũng quan tâm đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề nghị tỉnh Lâm Đồng phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu Đảng bộ, chính quyền tỉnh đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng GDP 12,5 - 13,5%. GDP bình quân đầu người/năm phấn đấu đạt và vượt mức 1.000 USD. Thu hút hơn 3 triệu khách du lịch trong và ngoài nước. Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng lưu ý tỉnh Lâm Đồng: Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi giải ngân các nguồn vốn, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giao thông, điện, đường, trường, trạm... Tăng cường đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, công tác giảm nghèo, đào tạo nghề; phòng chống dịch bệnh, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất trường lớp cho năm học mới. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, sớm công bố đầy đủ bộ thủ tục hành chính, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân, ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo về an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, đề cao cảnh giác, kiên quyết ngăn chặn, không để các tổ chức phản động, kẻ xấu lợi dụng phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Đặc biệt, Lâm Đồng là nơi có tiềm năng khoáng sản bauxit rất lớn, khoảng 975 triệu tấn bauxit nguyên khai (khoảng 463 triệu tấn quặng tinh), tập trung chủ yếu ở Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh, cách thành phố Đà Lạt khoảng 100km, do vậy Thủ tướng đề nghị UBND tỉnh phối hợp với Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ, đảm bảo tuyệt đối về môi trường sinh thái dự án tổ hợp bauxit - nhôm Lâm Đồng.

Thanh tra / 2009

4. VÕ NGUYÊN GIÁP. Xây dựng Lâm Đồng thành một tỉnh giàu, mạnh, đẹp // Võ Nguyên Giáp.- Lâm Đồng.- Công ty Văn hóa và Thông tin. 1978.- Tr.49.; 15cm.

Vào giữa tháng 10 năm 1978, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, đã về thăm tỉnh Lâm Đồng. Nhân dịp này, Đại tướng đã nói chuyện với cán bộ trung, cao cấp và cán bộ khoa học - kỹ thuật trong tỉnh về phương hướng xây dựng Lâm Đồng thành một tỉnh giàu, mạnh, đẹp. Đồng chí nhấn mạnh một số vấn đề sau:

Lâm Đồng cần phải ưu tiên coi trọng cải tiến cơ cấu bữa ăn, đẩy mạnh xuất khẩu, đưa thêm lực lượng lao động vào, thi hành tốt chánh sách dân tộc và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật.

Bên cạnh đó, xuất khẩu là một trong những khả năng to lớn của Lâm Đồng, trong đó chủ lực là chè, gỗ, các đặc sản khác, là hàng thủ công mỹ nghệ. Thủ công, mỹ nghệ ở đây có nhiều khả năng phát triển lớn vì có nhiều nghệ nhân giỏi, có vật liệu và khí hậu tốt. Với khí hậu Đà Lạt, hàng mỹ nghệ làm ra đưa qua các nước châu Âu không bị nứt, không bị co. Do đó hàng mỹ nghệ bảo đảm có chất lượng tốt. Về gỗ, phải đẩy mạnh các biện pháp cưa, xẻ, chế biến. Hoa và phong lan sau này cũng xuất khẩu.

Sau lương thực, thực phẩm và xuất khẩu là lao động. Đây là một trong những vấn đề hết sức quan trọng. Phải tích cực thực hiện kế hoạch đưa lao động từ các tỉnh khác lên mở mang, xây dựng các vùng kinh tế mới.

Đại tướng cũng nhấn mạnh. Lâm Đồng cần đưa lao động các tỉnh khác đến Tây nguyên để mở mang, xây dựng các vùng kinh tế mới có quan hệ chẳng những đối với công cuộc khai thác tài nguyên làm giàu cho Tổ quốc mà còn có ý nghĩa rất quan trọng về mặt quốc phòng.

Về vấn đề dân tộc, phải có quan hệ tốt với đồng bào các dân tộc, phải thi hành tốt chánh chánh sách dân tộc.

Về tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tỉnh, huyện và các biện pháp kỹ thuật khác, kể cả tăng cường lực lượng ngành giao thông, vận tải và mở mang giao thông, vận tải, thì trước hết, phải tăng cường công nghiệp chế biến (cả hiện đại và nửa hiện đại) như trên đã nói. Rồi đến giao thông, bao gồm cả giao thông trong tỉnh, giao thông nông thôn, giao thông trong vùng dân tộc.

DC190

X126D

5. . PV. Lâm Đồng cần nâng cao năng lực khám chữa bệnh / PV // Sức khỏe và đời sống.- 2005.- Số 42.- Tr.2.

Trong hai ngày 3-4/4/2005, PGS. TS. Trần Thị Chung Chiến - Bộ trưởng Bộ Y tế đã làm việc với tỉnh Lâm Đồng về công tác y tế. Làm việc với Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc, Bộ trưởng đánh giá cao những nỗ lực của ngành đã đạt được trong thời gian qua, như chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng cao, xử lý được nhiều

ca phức tạp. Trong công tác xã hội hoá y tế, bước đầu đã đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, đáp ứng một phần nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Bộ trưởng lưu ý ngành y tế Lâm Đồng cần không ngừng nâng cao y đức, tránh phiền hà cho người bệnh và thân nhân của họ. Việc thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi phải thật sự đem lại hiệu quả thiết thực, nâng cao năng lực khám chữa bệnh và cải cách hành chính để người bệnh đến khám được thuận lợi và dễ dàng. Bộ trưởng cho biết thời gian qua Bộ Chính trị, Chính phủ và Quốc hội rất quan tâm tập trung đầu tư cho khu vực Tây Nguyên và đây là cơ hội để ngành y tế Lâm Đồng tập trung đầu tư nguồn lực, xây dựng lộ trình cụ thể đối với vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, cũng như chính sách phát triển y tế phải gắn liền và quan tâm tới vấn đề khách du lịch, nghỉ dưỡng tới Đà Lạt. Chú trọng tới vấn đề xử lý cấp cứu, thiên tai thảm họa, y tế dự phòng… Bộ trưởng yêu cầu đội ngũ cán bộ y tế phải hết sức tận tâm phục vụ người bệnh với tất cả tấm lòng và trách nhiệm của người thầy thuốc. Mặt khác phải phát huy truyền thống của ngành mà lâu nay xã hội rất tôn vinh, đặc biệt lưu tâm tới văn hoá giao tiếp đối với người bệnh.

Sức khỏe và đời sống / 2005

2. VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ TỈNH VÀ BÀI PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH

6. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005). Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh (1979-1985).- http://www.lamdong.gov.vn/.- 2010.- Ngày 7 tháng 7.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ II đánh giá sâu sắc việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh. Trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, các nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá IV), căn cứ vào tình hình, đặc điểm của địa phương, Đại hội đề ra nhiệm vụ chung trong thời gian tới: Động viên Đảng bộ và toàn dân, toàn quân trong tỉnh hăng hái vươn lên, ra sức phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, quyết tâm xây dựng Lâm Đồng từng bước mạnh lên cả về kinh tế và quốc phòng, đặc biệt chú ý khai thác, phát huy mọi tiềm năng sẵn có để xây dựng tỉnh nhà sớm có nền kinh tế theo cơ cấu công-nông-lâm nghiệp kết hợp; mà trọng tâm trước mắt là sản xuất lương thực kết hợp với từng bước phát huy các thế mạnh để tăng cường nguồn hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng và đưa kinh doanh du lịch lên thành ngành kinh tế bổ sung; trên cơ sở đó, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật, tăng cường khả năng quốc phòng, góp phần tích cực cùng cả nước xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

Đại hội đề ra những mục tiêu trong 2 năm 1980-1981 là: đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm nhằm chủ động giải quyết căn bản nhu cầu tại chỗ trong mọi tình huống; tích cực sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng trên cơ sở phát huy thế mạnh về các loại đặc sản, kết hợp với tận dụng sức lao động và tay nghề hiện có của địa phương để tăng cường khả năng xuất khẩu và đáp ứng một phần nhu cầu hàng tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh. Trong đó yêu cầu cấp bách trong 2 năm 1980-1981 cần phải nỗ lực phấn đấu thực hiện:Về sản xuất, chú trọng hơn nữa phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tận dụng ruộng đất hiện có và khai hoang mở rộng diện tích, trọng tâm hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời ra sức giữ vững và phát huy thế mạnh của địa phương, đảm bảo đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu. Phát triển công nghiệp địa phương, nhất là tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là cơ khí và sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu bằng nguyên liệu tại chỗ. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, tích cực thu mua nguồn hàng, bảo đảm cho nhà nước nắm được phần lớn sản phẩm hàng hoá được làm ra trong tỉnh.

Chấp hành chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, từ ngày 24 đến 28-3-1983, tại thành phố Đà Lạt, Đảng bộ Lâm Đồng tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III. Dự Đại hội có 277 đại biểu thay mặt hơn 4.800 đảng viên của toàn Đảng bộ. Đại hội kiểm điểm, đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, quán triệt và cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời kỳ 1983-1985 và các năm sau là: Phát huy cao độ tinh thần tự lực, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học-kỹ thuật làm then chốt. Phát triển kinh tế và văn hoá lên một bước, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất gắn với xây dựng và cải tạo; phát triển lương thực, thực phẩm; phát huy thế mạnh về rừng, cây công nghiệp và du lịch; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng; xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông-lâm nghiệp, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Tăng cường sự nghiệp quốc phòng, an ninh và hệ thống chuyên chính vô sản, phát triển thực lực cách mạng, thiết lập và phát huy đầy đủ cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Xây dựng Lâm Đồng thành một tỉnh mạnh về chính trị, phát triển về kinh tế, vững về an ninh quốc phòng, tiến bộ về văn hoá, xã hội.

Đại hội đã đề ra 4 mục tiêu kinh tế-xã hội trong ba năm 1983-1985 cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh phấn đấu thực hiện.

1. Đáp ứng nhu cầu thiết yếu về đời sống: lương thực, thực phẩm chủ yếu, ăn, mặc, ở, đi lại, thuốc chữa bệnh, học hành cho nhân dân. Phấn đấu năm 1983 đạt 110 ngàn tấn, đến năm 1985 đạt từ 120 đến 130 ngàn tấn lương thực.

2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Tập trung xây dựng cơ sở

vật chất-kỹ thuật phục vụ sản xuất lương thực, cây công nghiệp và công nghiệp chế biến các sản phẩm thế mạnh xuất khẩu; đưa nguồn thu nhập từ xuất khẩu thành nguồn thu lớn cho ngân sách, phấn đấu đạt từ 6 đến 8 triệu rúp năm 1983. Mở rộng du lịch, tích cực tạo mọi điều kiện để ngành du lịch trở thành một ngành kinh doanh toàn diện. Phát triển sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng, giao thông, chuẩn bị cho những công trình của kế hoạch 5 năm. Phân cấp, giao đất giao rừng cho huyện và hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và tổ chức định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đưa phần lớn đồng bào dân tộc vào sản xuất, kinh doanh nghề rừng. Dãn dân nơi quá đông và tiếp nhận dân từ ngoài tỉnh đến xây dựng, mở rộng thêm vùng kinh tế mới. Thực hiện phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "Trung ương và địa phương cùng làm".

3. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Củng cố vai trò kinh tế quốc doanh. Phấn đấu đến năm 1985, hoàn thành căn bản hợp tác hoá nông nghiệp, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa nắm trọn khâu bán buôn và chi phối 50-60% thị trường bán lẻ.

4. Xây dựng quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đoàn kết dân tộc. Phát huy sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản, ra sức xây dựng và phát triển thực lực cách mạng ở cơ sở. Kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Sớm giải quyết cơ bản vấn đề FULRO, chủ động ngăn chặn và làm thất bại mọi hoạt động của bọn phản động.

[http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/tinhuy/gioithieu/lich-su/Pages/Ls-dang-lam-dong-75-2005-chuong-II.aspx]

7. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005). Tập trung lãnh đạo ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và xây dựng kinh tế, văn hoá-xã hội (4-1975 đến 1979).- http://www.lamdong.gov.vn/.- 2010.- Ngày 7 tháng 7.

Trên cơ sở nhận định đánh giá về tình hình thuận lợi, khó khăn của địa phương, Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành lâm thời của Đảng bộ tỉnh đề ra phương hướng và nhiệm vụ:Toàn Đảng bộ phải đề cao cảnh giác, phải xây dựng và củng cố vững chắc công cụ chuyên chính của mình, kiên quyết trấn áp lực lượng phản cách mạng, đặc biệt là coi trọng công tác phát động quần chúng, trên cơ sở nâng cao giác ngộ giai cấp và ý thức làm chủ của họ mà từng bước củng cố hệ thống chuyên chính cách mạng (trước hết là ở cơ sở, vùng dân tộc, tôn giáo) dựa vào đó mà củng cố an ninh trật tự, đồng thời động viên cao trào lao động sản xuất, tham gia khôi phục phát triển kinh tế, văn hoá, tăng cường khối liên minh công nông, tăng cường đoàn kết các dân tộc, lấy vấn đề đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân làm nhiệm vụ trung tâm, phát động tư tưởng cách mạng của quần chúng và xây dựng nội bộ là then chốt để tạo ra sự chuyển biến mới về mọi mặt nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 24 của Trung ương.

Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: Lâm Đồng muốn xây dựng một nền kinh tế toàn diện, vững chắc thì phải biết khai thác những thuận lợi về tài nguyên và điều kiện thiên nhiên ưu ái, biết phát huy thế mạnh sẵn có về cây công nghiệp đặc sản, về chăn nuôi và lâm nghiệp, lấy đó làm phương hướng chính trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh sản xuất lương thực, kinh doanh du lịch, kết hợp các lĩnh vực đó với nhau để tạo tiền đề cho mục tiêu tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, qua hơn một năm (4-1975 đến 8-1976) phong trào trong tỉnh từng bước chuyển biến tiến bộ và đạt được những kết quả đáng phấn khởi Công tác khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân có bước chuyển biến, tính đến tháng 8-1976, diện tích và sản lượng nông nghiệp tăng gấp hai lần năm 1975. Chủ trương triển khai sớm việc khai hoang, phục hoá, giãn dân thành thị ra nông thôn sản xuất, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc ít người được hưởng ứng và thu kết quả tốt. Cuối năm 1976 tăng thêm 5.600 ha đất canh tác (bằng 14,5% diện tích canh tác toàn tỉnh). Trên các vùng mới phục hoá, khai hoang đã tổ chức định canh, định cư cho 18.284 đồng bào dân tộc và 17.967 người Kinh, hình thành một số khu kinh tế mới, trong đó có những khu vực đã tạm ổn định thế ăn, ở và đã thu hoạch vụ sản xuất đầu tiên.

Thực hiện nhiệm vụ vận động các phong trào làm thuỷ lợi, làm phân xanh, phân chuồng, dùng trâu bò làm sức kéo, trong một thời gian ngắn nhân dân đã tham gia trên hai vạn ngày công nạo vét kênh mương với chiều dài 12 km; cùng với Nhà nước hỗ trợ vốn tu bổ và nâng cấp 7 công trình thuỷ lợi đạt khối lượng đất đào đắp trên 57.600 m^3.. Với kết quả đó một số diện tích đất sản xuất đã canh tác được hai vụ.

Từng bước tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, đưa nông dân vào làm ăn tập thể, củng cố và phát triển phong trào vần đổi công, hợp tác lao động. Đến tháng 12-1975 vùng kinh tế mới tiếp nhận 10.000 dân của tỉnh Quảng Ngãi vào thành lập xã Lộc Ngãi và thành lập các thôn Sơn Tịnh, Bình Sơn ở Bảo Lộc.

Ngành lâm nghiệp tiến hành khảo sát, lập quy hoạch, khoanh vùng rừng để bảo vệ, khai thác. Thành lập công ty lâm sản, hình thành mạng lưới kiểm lâm nhân dân; khôi phục và củng cố các cơ sở nghiên cứu và các cơ sở ươm cây giống; phát động phong trào bảo vệ rừng, trồng rừng, hạn chế được một phần nạn khai thác và phá rừng bừa bãi.

Về lĩnh vực công nghiệp, trong thời gian ngắn đã khôi phục và duy trì hoạt động các ngành quan trọng như điện, nước, các nhà máy chế biến trà, các cơ sở sửa chữa cơ khí để phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân, tiếp theo là khôi phục các cơ sở khai thác đá, cao lanh, sản xuất đồ sứ, vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, chế biến thức ăn gia súc, các nghề thủ công mỹ nghệ ở Đà Lạt với kết quả đó đã tăng thêm nguồn hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, tăng nguồn hàng xuất khẩu và giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động.

Các ngành xây dựng cơ bản, giao thông vận tải đã phục vụ tích cực cho sản xuất và đời sống, nhất là sản xuất nông nghiệp như việc xây dựng các trạm nghiên cứu, trại giống, công trình thuỷ lợi, đường vào các khu kinh tế mới, khu định cư.

Các ngành thương nghiệp và vật tư đã hình thành và củng cố mạng lưới thương nghiệp quốc doanh, cải tiến cách phân phối nhằm đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng, phục vụ cho sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và ổn định thị trường, giá cả.

Hoạt động của các ngành tài chính, ngân hàng từng bước đi vào nề nếp, cố gắng tăng thu và thực hiện việc chi tiêu đúng phương hướng, đúng chế độ, phối hợp với các ngành hữu quan tiến hành kiểm tra, thanh tra tài chính, phát hiện một số vụ tham ô, vi phạm tài sản Nhà nước. Ngành ngân hàng bố trí một số tổ giao dịch xuống các xã, ấp, khu phố để triển khai công tác tín dụng, phục vụ sản xuất, vận động tiền gửi tiết kiệm.

Ngành giáo dục đã khôi phục và phát triển tương đối nhanh. Riêng hệ giáo dục phổ thông đã đáp ứng yêu cầu về số lượng trường, lớp và số học sinh. Nội dung và phương pháp giảng dạy có bước chuyển biến theo tình hình mới. Công tác bổ túc văn hoá, bình dân học vụ cũng đạt được những kết quả bước đầu. Đội ngũ giáo viên các cấp qua các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, nghiệp vụ hầu hết có chuyển biến tiến bộ.

Lĩnh vực y tế đã tiếp quản và duy trì các tuyến điều trị tiếp tục phục vụ nhân dân, phát triển thêm 70 cơ sở y tế xã (trong tổng số 72 xã và khu phố) với 1.130 giường bệnh trong hệ thống điều trị từ tỉnh đến cơ sở, đẩy mạnh công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân, ngăn chặn kịp thời một số vụ dịch nguy hiểm. ngành y tế vẫn còn khuyết điểm như chất lượng điều trị chưa cao, chưa gây được phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân.

Qua hơn một năm thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, các ngành đã cố gắng khắc phục khó khăn nhằm từng bước đáp ứng với yêu cầu của giai đoạn mới và đạt được những kết quả tốt.

Để tiếp tục chỉ đạo các phong trào địa phương, từ ngày 21 đến 30/8/1976, Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng tổ chức hội nghị lần thứ hai. Sau khi đánh giá tình hình cụ thể, Hội nghị ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ năm 1976-1977: động viên toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân, quán triệt hơn nữa Nghị quyết 24 của Trung ương, Nghị quyết của Bộ Chính trị, các quan điểm lớn của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, dấy lên một khí thế mới và liên tục trong phong trào lao động sản xuất và cần kiệm xây dựng từ nông thôn đến thành thị, tập trung mọi cố gắng, khẩn trương đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế và văn hoá. Nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ là nhằm tăng thêm sản phẩm, hàng hoá để vừa đáp ứng những nhu cầu bức thiết về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, vừa tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nền kinh tế địa phương. Trong quá trình đó gắn liền với từng bước tổ chức lại sản xuất theo hướng từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời dựa vào phong trào cách mạng của quần chúng, nhanh chóng xây dựng và củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nhất là hệ thống chính quyền nhân dân các cấp, phát huy mạnh mẽ và tôn trọng thật sự quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiếp tục tăng cường công tác quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật

tự xã hội, bảo đảm vững chắc công cuộc xây dựng; góp phần cùng cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trước hết là tập trung giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm bảo đảm ổn định lương thực cho địa phương. Đồng thời tiến hành quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn của các loại cây đặc sản, cây công nghiệp và chăn nuôi, phát triển mạnh nghề rừng. Trong khi tập trung sức phấn đấu để đạt các mục tiêu chính trong sản xuất kinh doanh cần phát huy tính đa dạng của nông nghiệp để nhanh chóng tạo nguồn tích luỹ góp phần xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho kinh tế tỉnh nhà.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ lần thứ hai, trong năm 1976, các cấp uỷ Đảng đã lãnh đạo phong trào thi đua lao động sản xuất trong tất cả các ngành, các địa phương đạt được nhiều thành tích đáng kể.

Về sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo trồng các loại cây lương thực năm 1976 tăng lên 33.274 ha, đạt 137% kế hoạch năm, so với năm 1975 đạt 196% và tăng gấp 3 lần diện tích sản xuất lương thực năm cao nhất dưới thời Mỹ-nguỵ (1971). Năng suất lúa bình quân đạt 2,28 tấn/ha, tổng sản lượng lương thực là 1.716 tấn. Dự kiến tổng sản lượng lương thực đạt khoảng 43.600 tấn quy thóc (có gần 60% là màu các loại) đạt 99,5% kế hoạch năm 1976 và tăng 2,5 lần so với năm 1975. Kết quả tuy còn thấp nhưng đã củng cố và tăng thêm lòng tin của nhân dân vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cây công nghiệp ngắn ngày năm 1976 trồng 1.681 ha, đạt 168% kế hoạch năm. Rau các loại 5.444 ha, đạt 93% kế hoạch năm; đậu các loại 471 ha, đạt 94% kế hoạch năm. Điều đáng chú ý là trong 4 tháng cuối năm 1976, ngành thương nghiệp Lâm Đồng đã tiến hành quản lý thu mua rau và tiêu thụ được 17.580 tấn, doanh thu đạt gần 4.500.000đ.

Công tác khai hoang, phục hoá, định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới đạt khá. Năm 1976 đã phục hoá 4.315 ha, khai hoang gần 5.580 ha và đưa vào sản xuất trên 4.500 ha, diện tích khai hoang, phục hoá tăng gấp 3 lần chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổ chức định canh, định cư cho 18.000 đồng bào dân tộc, giãn dân được 12.000 người đến các điểm kinh tế. Nửa cuối năm 1976, các khu định canh, định cư, di giãn dân đã từng bước củng cố, xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng, xây dựng một số công trình công cộng phục vụ đời sống nhân dân, nhiều nơi đã có sản phẩm thu hoạch góp phần ổn định đời sống. Trong năm 1976 có 3.000 lao động của thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Sơn Bình vào xây dựng kinh tế mới ở Nam Ban (Đức Trọng) và vùng Ba (Bảo Lộc).

Chăn nuôi gia súc, gia cầm năm 1976 đang trên đà phát triển, với tổng đàn gia súc gồm: trâu: 7.454 con, so với kế hoạch đạt 143%; bò có 11.470 con, so với năm 1975 tăng 23% và so với kế hoạch đạt 104%; lợn có 30.317 con, so với kế hoạch đạt 65%.

Nhìn chung về nông nghiệp, năm 1976 có bước phát triển tốt, diện tích gieo trồng năm 1976 đạt 48.920 ha, vượt 17% kế hoạch năm, so với năm 1975 tăng gần 2 lần. Diện tích cây trồng, nhất là cây lương thực tăng nhanh.Việc khai hoang phục hoá, định canh, định cư đạt được những kết quả bước đầu. Lao động sản xuất trở thành phong trào rộng rãi, tiến hành quy hoạch tổng thể nông-lâm nghiệp và rút ra được nhiều bài học, kinh nghiệm quý.

Với phương châm thuỷ lợi nhỏ là chính, công tác thuỷ lợi năm 1976 đã hoàn thành khôi phục 7 công trình thuỷ lợi do vốn Nhà nước đầu tư, khối lượng đất đào đắp 134.503 m^3, phục vụ tưới tiêu cho 1.052 ha; đào đắp 19 kênh mương với tổng chiều dài 71 km; đắp 5 đập dâng nước phục vụ nước tưới cho 756 ha đồng ruộng, tổng khối lượng đất đào đắp là 153.504 m^3 , 66.750 ngày công. Thuỷ lợi trở thành phong trào của toàn dân, các thôn, xã, khu phố đều ra quân làm thuỷ lợi. Chỉ tính riêng trong hai tháng 11 và 12 năm 1976 có hơn 3 vạn người tham gia làm thuỷ lợi và đào đắp được hơn 6 vạn m^3 đất để đắp đập lấy nước phục vụ sản xuất vụ Đông-Xuân.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ Lâm Đồng xác định mục tiêu phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là phục vụ đắc lực cho các ngành kinh tế địa phương, trước hết là cho nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân. Phương hướng phát triển công nghiệp của tỉnh là tích cực xây dựng các xí nghiệp, công nghiệp quốc doanh, đồng thời khôi phục các cơ sở công nghiệp tư nhân sản xuất những mặt hàng cần thiết cho quốc kế dân sinh, lấy công nghiệp quốc doanh làm chủ đạo, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp tư nhân sản xuất theo hướng đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế địa phương.

Tuy ngành công nghiệp của Lâm Đồng còn nhỏ bé, phân tán và chủ yếu là công nghiệp chế biến nhưng trong năm 1976 đã có những cố gắng vươn lên để duy trì và phát triển sản xuất, đạt được một số kết quả: Nhà máy nước sản xuất được 2.577.000 m^3, đạt 93% kế hoạch năm; sành sứ sản xuất được 1.606.000 sản phẩm, đạt 86% kế hoạch năm; đất cao lanh sản xuất được 1.280 m^3, đạt 43% kế hoạch năm.

Trong xây dựng cơ bản, đã hoàn thành việc khôi phục nhà máy rượu hoa quả quốc doanh Lapharô với công suất 500.000 lít/năm; mở rộng xí nghiệp khai thác cao lanh; xây dựng xưởng cơ khí ở huyện Đơn Dương, Đà Lạt, Đức Trọng; xí nghiệp phân bón ở Bảo Lộc với công suất 10 tấn/ngày.

Thủ công nghiệp từng bước được phục hồi. Thành phố Đà Lạt có tổ thủ công mỹ nghệ với hơn 40 công nhân; tổ thêu đan xuất khẩu 126 người và có 200 người đang theo học lớp dạy thêu xuất khẩu.

Về lâm nghiệp, chủ trương của Đảng bộ Lâm Đồng đề ra: Phát huy thế mạnh của nền kinh tế lâm nghiệp, trước mắt là tiến hành điều tra cơ bản, quy hoạch và phân vùng rừng, tạo cơ sở cho việc xây dựng phương hướng sản xuất hoàn chỉnh, sát đúng và kinh doanh có hiệu quả nhất.

Được sự giúp đỡ của Trung ương, năm 1976, Lâm Đồng tiến hành quy hoạch tổng thể vùng nông-lâm nghiệp, sơ bộ đánh giá tiềm năng của rừng, phân khu rừng khai thác, rừng phòng hộ và rừng trồng mới; tiến hành khoanh trên 30.000 ha rừng nuôi để bảo vệ nước đầu nguồn của các sông Đa Nhim, Đồng Nai, La Ngà và vùng rừng có nhiều gỗ quý; làm gần 500 km đường ranh cản lửa ở khu vực rừng thông xung quanh Đà Lạt và rừng đầu nguồn sông Đa Nhim.

Việc kiểm soát lâm sản được chú trọng bằng việc thành lập mạng lưới kiểm lâm nhân dân gồm có 200 người do đó đã ngăn chặn hiệu quả nạn phá rừng, chặt cây, đốt than bừa bãi và chuyên chở lâm sản trái phép. Đồng thời, đẩy mạnh việc học tập pháp lệnh bảo vệ rừng trong nhân dân. Các cơ sở ươm cây giống ở Suối Vàng, Đa Thiện (Đà Lạt), Lang Hanh (Di Linh) và Bảo Lộc ngày càng được củng cố, mở rộng. Năm 1976 đã gieo ươm được 5 triệu cây và tiến hành gieo 15 triệu cây để phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 1977, trồng mới được 25 ha rừng, đạt 104% kế hoạch năm 1976, tỷ lệ cây sống khoảng 90%, ngoài ra còn phát động phong trào trồng cây trong các tầng lớp nhân dân. Riêng ở Đà Lạt trồng được 200.000 cây trên các đồi xung quanh thành phố. Gỗ chế biến được 14.207 m3, đạt 141% kế hoạch năm, tổng doanh thu về lâm nghiệp năm 1976 đạt gần 7 triệu đồng.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ lần thứ hai chỉ rõ phương hướng xây dựng cơ bản năm 1976 là trên cơ sở nắm vững đường lối phát triển kinh tế địa phương, tập trung sức hoàn thành việc xây dựng và sớm đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm, trước hết là các công trình thuỷ lợi ở những vùng trọng điểm lúa, các công trình giao thông có tính chiến lược về quốc phòng và kinh tế. Các công trình khai thác và chế biến lâm sản, trà, cà phê và các nông sản khác, các công trình sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác cao lanh, mở rộng nhà máy sứ Vĩnh Tường.

Năm 1976, ngành xây dựng đã sửa chữa được 85 công trình lớn nhỏ, đưa vào sử dụng 55 công trình, xây dựng mới 20 công trình chủ yếu phục vụ cho vùng kinh tế mới với tổng giá trị ước tính đạt 7,1% so với kế hoạch. Về giao thông, đã làm được 87/120 km đường vào vùng kinh tế mới; sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp 57,5 km đường trong thành phố; sửa chữa hai cầu trên đường 11 và 20; làm 46 km đường giao thông nông thôn. Tổng giá trị vốn đầu tư xây dựng giao thông là 1.243.916 đồng, đạt 95,6% vốn xây dựng giao thông năm 1976.

Về giáo dục, năm học 1976-1977, so với niên học trước số học sinh các cấp tăng 9.237 em. Đội ngũ giáo viên qua một năm giảng dạy và nhất là qua các lớp bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ trong dịp hè đã nâng cao nhận thức, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, các hoạt động dần đi vào nề nếp. Riêng ở vùng kinh tế mới mở thêm 5 trường cấp 1 với 24 lớp học. Năm 1976, toàn tỉnh mở 482 lớp bổ túc văn hoá, có 11.239 người theo học. Xoá nạn mù chữ cho 7.235 người (có 871 người dân tộc).

Công tác y tế, đến cuối năm 1976, có hai bệnh viện ở Đà Lạt và Bảo Lộc với 700 giường bệnh và 3 bệnh xá, 51/70 cơ quan, 37/52 xã và 22 khóm có cơ sở y tế. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được tăng cường, năm 1976 đã tiêm phòng các loại dịch tả, bại liệt, đậu mùa, thương hàn, dịch hạch cho đông đảo nhân dân, công tác

bảo vệ bà mẹ trẻ em được chú ý, việc khám, điều trị bệnh cho nhân dân có tiến triển tốt. Năm 1976 đã khám cho 319.612 lượt người và điều trị nội trú cho 121.592 người và ngoại trú 5.456 người. Tính trung bình mỗi người dân trong năm 1976 được khám bệnh 1 lần và cứ 3 người đi khám bệnh có 1 người được điều trị.

Các hoạt động thông tin văn hoá, văn nghệ, phim ảnh, nhất là phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh, góp phần tích cực trong việc giáo dục tư tưởng, tình cảm con người mới, đồng thời tiếp tục đấu tranh chống lại những tàn dư của nền văn hoá nô dịch, đồi truỵ thực dân kiểu mới của Mỹ-nguỵ. Năm 1976 đã củng cố hệ thống phát thanh ở Đà Lạt, mở rộng hệ thống truyền thanh ở các huyện Bảo Lộc, Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh và mạng lưới truyền thanh ở các vùng kinh tế mới, Núi Chai, Tân Rai, Vùng Ba Bảo Lộc.

Về an ninh chính trị và trật tự xã hội, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ hai chỉ rõ: công tác trấn áp bọn phản cách mạng phải làm kiên quyết, toàn diện và liên tục, đúng chính sách và sách lược. Kết hợp việc phát động phong trào quần chúng với việc hoạt động quân sự và an ninh, kết hợp trấn áp với giáo dục, bạo lực với các biện pháp chính trị, kinh tế, văn hoá và tư tưởng. Cô lập bọn đầu sỏ, phân hoá địch cao độ, phấn đấu trong một thời gian nhất định làm tan rã hoàn toàn về tổ chức và lực lượng của bọn FULRO, tiêu diệt các ổ phản động, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuộc sống yên lành của nhân dân.

Sau hai năm được hoàn toàn giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh Lâm Đồng ra sức bảo vệ và phát huy những thành quả cách mạng đã giành được, tiếp tục khắc phục những hậu quả của chiến tranh để lại, đồng thời từng bước bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phát huy những thành tựu bước đầu đã đạt được, với truyền thống phấn đấu vươn lên trong khó khăn, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá I) đã tiếp thu sâu sắc các quan điểm chỉ đạo từ các nghị quyết Trung ương, cụ thể hoá thành những nghị quyết của Tỉnh uỷ trên các lĩnh vực: về nông nghiệp, xây dựng kế hoạch kinh tế-xã hội, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, về giải quyết vấn đề FULRO... Đồng thời, Tỉnh uỷ tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện đến toàn Đảng bộ, toàn dân trong tỉnh. Suốt 2 năm nhiệm kỳ của Đại hội I, Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng đạt được kết quả bước đầu trong việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Về kinh tế, trong hai năm, sản lượng lương thực tăng trên 64%, trong khi dân số chỉ tăng 10,3%, lương thực bình quân đầu người từ 147 lên 230 kg. Kết quả sản xuất lương thực đã tạo điều kiện giải quyết được một phần quan trọng cho nhu cầu tại chỗ và giảm dần mức chi viện của Trung ương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và phát huy thế mạnh của địa phương. Các ngành khác như công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông phân phối đều có tăng về nhịp độ phát triển và chuyển biến về cơ cấu theo hướng ngày càng hợp lý hơn, khắc phục dần tình trạng mất cân đối của nền kinh tế. So với cuối năm 1976, tổng sản phẩm xã hội tăng 91%.

Trong đó, ngành công nghiệp tăng 77%, nông nghiệp tăng 66,7%, cơ cấu và thành phần kinh tế cũng dần dần được điều chỉnh. Trong tổng sản phẩm xã hội, tỷ trọng công nghiệp từ 16% tăng lên 23,1%; nông nghiệp từ 48% giảm xuống còn 46,6%; kinh tế quốc doanh và tập thể từ 22,8% lên 34,2%, riêng quốc doanh chiếm 32,8%, thu nhập quốc dân tăng 92,6%, quỹ tiêu dùng tăng 67,6%, quỹ tích luỹ tăng 2 lần.

Việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các ngành kinh tế và một phần cho nhu cầu phúc lợi công cộng có vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng khá nhanh. Số vốn thực hiện năm 1978 gấp 6 lần so với năm 1976, vốn đầu tư cho khu vực sản xuất vật chất chiếm từ 77-90%, trong đó, vốn dành cho nông nghiệp chiếm 54%, công nghiệp 18%, lâm nghiệp 17%, trong vốn đầu tư cho nông nghiệp, thuỷ lợi chiếm 44%.

Công tác phát triển giáo dục được quan tâm hơn: nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân được đáp ứng bước đầu; các ngành học từ mầm non, giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, giáo dục chuyên nghiệp… đều phát triển. Sau khi hoàn thành tương đối sớm việc căn bản xoá mù chữ, ngành giáo dục thực hiện phổ cập cấp I, bình quân 4 người có 1 người đi học.

Ngành y tế đã xây dựng, củng cố mạng lưới từ tỉnh đến xã, có nơi đến khóm (ấp), hoạt động của ngành bước đầu đáp ứng một phần yêu cầu chăm lo sức khoẻ cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân, phục vụ sản xuất và công tác. Cơ quan khoa học, kỹ thuật của tỉnh được thành lập, bước đầu tổ chức nghiên cứu thực hiện một số đề tài phục vụ nhiệm vụ kinh tế trước mắt của địa phương.

Hoạt động văn hoá-thông tin được đẩy mạnh. Báo Lâm Đồng và Đài Phát thanh Lâm Đồng mặc dù mới được thành lập (Báo Lâm Đồng ngày 20-6-1977, Đài Phát thanh Lâm Đồng ngày 29-3-1978) còn nhiều khó khăn, nhất là thiếu cán bộ, cũng như về cơ sở vật chất, kỹ thuật nhưng đã có nhiều cố gắng, từng bước mở rộng và chuyển tải kịp thời thông tin phục vụ cho nhiều đối tượng ở các vùng trong tỉnh. Báo, đài đã phổ biến, giáo dục đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tuyên truyền các nhiệm vụ trọng tâm, phản ánh những nhân tố tích cực, gương người tốt, việc tốt trong phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu; góp phần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân và động viên được khí thế cách mạng của quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Những kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh đã làm cho tình hình kinh tế-xã hội của Lâm Đồng dần dần được phục hồi và có bước phát triển.

[http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/tinhuy/gioithieu/lich-su/Pages/Ls-dang-lam-dong-75-2005-chuong-I.aspx]

8. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005). Bước đầu tiến hành công cuộc đổi mới theo đường lối của đảng (1986-1991).- http://www.lamdong.gov.vn/.- 2010.- Ngày 7 tháng 7.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ IV là mốc đánh dấu sự lãnh đạo của Đảng bộ triển khai thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và

lãnh đạo. Tinh thần đổi mới của Trung ương được Đại hội Đảng bộ tiếp thu, vận dụng vào tình hình địa phương. Đại hội IV Đảng bộ tỉnh đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội của tỉnh trong 5 năm (1986-1990) là phát huy sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế; khai thác có hiệu quả cao về tiềm năng lao động, đất rừng…, tiếp tục phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo cho được tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế, phấn đấu ổn định về cơ bản tình hình kinh tế-xã hội, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông-lâm-công nghiệp trên địa bàn huyện, chuẩn bị tiền đề phát triển mạnh cho thời kỳ tiếp theo; củng cố, vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm nhu cầu quốc phòng, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết xác định : Nông dân là lực lượng rất cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nông thôn là địa bàn trọng yếu của cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa; nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Nghị quyết xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản; hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã, thay thế cơ chế khoán theo Chỉ thị 100. Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế tự chủ của đơn vị kinh tế quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết 10 đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống, phù hợp nguyện vọng của nhân dân.

Vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 3 (khoá IV) ra Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 17-1-1987, về phương hướng nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1987. Nghị quyết đề ra chủ trương sắp xếp và chuyển hướng một bước cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý; từng bước ổn định kinh tế-xã hội, trước hết là ổn định giá-lương-tiền; chỉ đạo thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, gắn nông nghiệp-lâm nghiệp với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở nhằm giải quyết từng bước vững chắc về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.

[http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/tinhuy/gioithieu/lich-su/Pages/Ls-dang-lam-dong-75-2005-chuong-III.aspx]

9. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005). Kiên trì công cuộc đổi mới theo chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (1991-2000).- http://www.lamdong.gov.vn/.- 2010.- Ngày 7 tháng 7.

Trên cơ sở đánh giá một cách nghiêm túc kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, quán triệt và vận dụng tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh Lâm Đồng; Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 5 năm 1991-1995. Nghị quyết Đại hội nêu mục tiêu tổng quát: "Tăng cường đoàn kết thống nhất toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn thử thách, khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của địa phương đi đôi với mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với

nước ngoài, tỉnh ngoài, từng bước ổn định và phát triển kinh tế-xã hội; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo được tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế; đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh và trật tự an toàn xã hội; phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng, khắc phục bất công xã hội; đồng thời chuẩn bị đủ điều kiện để tranh thủ mọi thời cơ phát triển nhanh nền kinh tế-xã hội của tỉnh trong những năm sau.

Đại hội xác định 5 mục tiêu cụ thể:

Phát triển mạnh sản xuất, tạo ra nhiều hàng hoá xuất khẩu có giá trị cao, bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

Tích cực giải quyết việc làm cho người lao động. Bảo đảm cho đại bộ phận nhân dân đủ ăn, mặc, cải thiện điều kiện đi lại, học hành, chữa bệnh…, hạn chế đói giáp hạt vùng đồng bào dân tộc và vùng kinh tế mới; hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 2% vào năm 1995.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại sản xuất, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là công nghiệp chế biến và kết cấu hạ tầng; củng cố kinh tế quốc doanh và tập thể. Khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh bằng nhiều hình thức phù hợp điều kiện cụ thể của từng sản phẩm theo luật định.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nêu cao cảnh giác đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, đổi mới tổ chức và cán bộ. Tăng cường xây dựng cơ sở, nhất là xã, phường.

Đại hội nêu rõ 4 phương châm chỉ đạo:

Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, động viên được lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững đoàn kết trong Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

Kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, thực hiện hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội; phát huy lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, khơi dậy mạnh mẽ ý thức tự chủ, sáng tạo, cần kiệm, tạo ra các phong trào quần chúng phấn đấu vì mục tiêu xây dựng Lâm Đồng giàu mạnh.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm để đẩy mạnh đổi mới các lĩnh vực khác, nhất là thực hiện dân chủ hoá xã hội; đổi mới tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị và các chính sách xã hội.

Phát huy năng lực của các thành phần kinh tế, mở rộng hợp tác, liên kết với trong và ngoài nước, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương và các bộ, các ngành, các

nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài để xây dựng địa phương.

Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế giai đoạn 1991-1995 được Đại hội V xác định:

Về sản xuất, tiếp tục phát triển nông, lâm nghiệp toàn diện gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Xây dựng phương án tổng thể trên từng vùng, hình thành cơ cấu hợp lý về nông-lâm-công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và tài nguyên; xây dựng các điển hình kinh tế-kỹ thuật-dịch vụ ở từng vùng; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội ở nông Nghị quyết Đại hội chỉ rõ "phát triển mạnh cây dâu tằm ở tất cả các vùng có điều kiện thích hợp", tập trung thâm canh, tăng năng suất và sản lượng các loại cây trồng chủ lực như cà phê, chè, lúa nước và rau màu các loại, đặc biệt lưu ý phải duy trì và phát triển các loại rau, hoa, cây ăn trái và cây dược liệu; phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm ở khu vực gia đình và tư nhân; phát triển kinh tế rừng gắn với phát triển kinh tế-xã hội, nhất là vùng dân tộc ít người; phát triển nhanh công nghiệp chế biến nông, lâm sản, coi đây là khâu mấu chốt; củng cố và phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông nông thôn với tinh thần "nhân dân làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần"; cải tiến và từng bước đổi mới thiết bị kỹ thuật để nâng cao chất lượng thông tin liên lạc trong mọi tình huống; phát triển du lịch trọng điểm là Đà Lạt. Tư tưởng chỉ đạo của Đại hội V Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về phát triển sản xuất đã quán triệt sâu sắc tinh thần phát triển toàn diện nền kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Đây là một bước tiến mới trong nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế, Đại hội đề ra yêu cầu: "khẩn trương sắp xếp, củng cố và nâng cao hiệu quả các đơn vị kinh tế quốc doanh quan trọng, chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể các đơn vị làm ăn vị kinh tế quốc doanh'' Đối với kinh tế tập thể, Đại hội xác định "củng cố và phát triển kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi và kết hợp hài hoà sức mạnh của tập thể và của xã viên''khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển sản xuất; tiếp tục hình thành và mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hoá; quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Ngân hàng phải làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, thúc đẩy nền kinh tế phát triển có hiệu quả; phải lấy thị trường làm căn cứ để có kế hoạch phát triển sản xuất, làm tốt công tác dự báo để chủ động đối phó với những đột biến về giá cả thị trường.

Để thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển, Đại hội đặc biệt nhấn mạnh phải cải tiến công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế, tiếp tục phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước và quản lý kinh doanh của cơ sở, ngăn chặn tình trạng lợi dụng quyền tự chủ để hoạt động tuỳ tiện, gây tổn thất tài sản xã hội chủ nghĩa.

Đại hội xác định nhiệm vụ chủ yếu của khoa học-công nghệ và giáo dục-đào tạo là đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; trong đó coi trọng việc thực hiện các chương trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Các đề tài khoa học nhằm góp phần giải quyết các vấn đề: tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng hàng hoá nông-lâm-khoáng sản, bảo vệ môi trường, đảm bảo cơ sở khoa học cho các quyết sách của tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội-quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo nhằm nâng cao dân trí, hình thành đội ngũ lao động theo kịp yêu cầu nền kinh tế-xã hội.

Về các chính sách xã hội, Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh xác định phải "tập trung giải quyết những vấn đề xã hội phù hợp với khả năng kinh tế, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân tố con người, là động lực phát triển kinh tế-xã hội. Vấn đề dân số và việc làm có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tăng quy mô dân số phải gắn với đảm bảo giải quyết việc làm, ổn định đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình chính sách, những người có hoàn cảnh đặc biệt…. Phát triển sự nghiệp văn hoá-thông tin theo hướng nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, nâng cao dân trí, bồi dưỡng tình cảm cao đẹp, thoả mãn đầy đủ hơn nhu cầu hưởng thụ văn hoá-thông tin ngày càng cao của nhân dân. Đây thực sự là một nhiệm vụ quan trọng nhưng hết sức khó khăn trong điều kiện nền kinh tế của tỉnh chưa phát triển mạnh.

Về quốc phòng và an ninh, quán triệt sâu sắc quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế của Đảng. Đại hội V của Đảng bộ tỉnh xác định rõ nhiệm vụ của doanh nghiệp bên cạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chính quy, vững mạnh cần tập trung nâng cao chất lượng quân dự bị động viên và tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cả về số lượng và chất lượng''. quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các ngành, địa phương phải gắn chặt với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vật chất hậu cần tại chỗ vững chắc; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo chiến thắng trong mọi tình huống, đấu tranh có hiệu quả âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Về nội dung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân, Đại hội nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Theo đó, phải nâng cao hiệu lực điều hành của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phân công, phân cấp rõ ràng giữa tỉnh-huyện-xã, sắp xếp bộ máy tinh gọn và hoạt động có hiệu quả; nâng cao vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp; đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhằm tập hợp và động viên nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống, đấu tranh chống lại âm mưu thâm độc của kẻ thù.

[http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/tinhuy/gioithieu/lich-su/Pages/Ls-dang-lam-dong-75-2005-chuong-IV.aspx]

10. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005). Lãnh đạo đưa tỉnh vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển vào đầu thế kỷ XXI (2001-2005).- http://www.lamdong.gov.vn/.- 2010.- Ngày 7 tháng 7.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, yếu kém, khuyết điểm trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI và 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phân tích những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức, Đại hội đã xác định phương hướng phát triển 5 năm 2001-2005 là: " Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để đầu tư, phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu phát triển nông lâm nghiệp bền vững, xây dựng ngành du lịch-dịch vụ sớm trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh, tiếp tục xây dựng mạng lưới công nghiệp, chế biến gắn với vùng nguyên liệu và phát triển một số lĩnh vực công nghiệp có lợi thế. Tập trung đầu tư phát triển các địa bàn kinh tế động lực, các ngành sản xuất có khả năng thu hút nhiều lao động và tạo nguồn thu lớn cho ngân sách; trên cơ sở đó đầu tư trở lại cho các địa bàn chậm phát triển, từng bước rút ngắn sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các dân tộc trong tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị vững chắc từ tỉnh đến cơ sở; giữ vững ổn định chính trị, trật tự.

[http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/tinhuy/gioithieu/lich-su/Pages/Ls-dang-lam-dong-75-2005-chuong-V.aspx]

11. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 // Văn kiện Hội nghị Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khóa VII (Nhiệm kỳ 2001-2005).- Đảng Bộ tỉnh Lâm Đồng.- Tr.80-103.

1. Phương hướng.

Tập trung các nguồn lực và phát huy nội lực; tăng cường đoàn kết nhất trí, chủ động, năng động sáng tạo, giữ vững ổn định chính trị để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững, kết hợp với giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của xã hội; ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho sự phát triển vào những năm sau.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu thời kỳ 2001-2005.

2.1. Về kinh tế.

- *Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm từ 11-12%.*
- *GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt từ 5,5 - 6 triệu đồng*
- *Nhịp độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm của các ngành: nông - lâm - thủy 10-11%, dịch vụ 13 - 14%, công nghiệp-xây dựng 16-17%.*

- *Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 13%/năm.*
- *Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách đat 9 -10% so với GDP.*

- *Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 1,5 lần so với 5 năm 1996-2000, đầu tư vào ngành nông lâm thủy 28,5%, ngành dịch vụ 27%, ngành công nghiệp 23%, kết cấu hạ tầng 21,5%.*
- *Đến năm 2005: Tỷ trọng trong GDP của ngành nông lâm thủy 48%, ngành dịch vụ 31%, ngành công nghiệp- xây dựng 21%.*

2.2. Về văn hoá-xã hội.

Về y tế và xã hội:

- *Giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,5 - 0,6 ‰. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2005 dưới 1,7%. Quy mô dân số năm 2005 giữ mức 1,2 triệu người.*
- *Đến năm 2005 tất cả trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.*
- *Năm 2005 tỷ lệ trẻ em 8-12 tuổi bị bệnh bướu cổ còn dưới 9%.*
- *Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 34.4% năm 2000 xuống dưới 25% năm 2005.*
- *70% cụm xã có phòng khám khu vực, 80% xã, phường, thị trấn có bác sỹ.*
  Giảm tỷ lệ tử vong do sốt rét hàng năm dưới 1/100.000 dân.
- *Đến năm 2005 có 60% dân số nông thôn dược dùng nước sạch.*
- *Tạo việc làm mới hàng năm cho 16-18 ngàn lao động.*
- *Đến năm 2005, cơ bản xoá hộ đói, thu hẹp hộ nghèo xuống dưới 8% (theo tiêu chí mới); trong đó, giảm hộ đói nghèo riêng vùng dân tộc thiểu số xuống dưới 13%.*
- *Huy động nhiều nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách xã hội.*
- *Thực hiện tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội.*

Về văn hóa thông tin:

Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của ngành văn hoá, thông tin; đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Phấn đấu đến năm 2005 có 50 - 55 % số hộ gia đinh đạt gia đình văn hóa, 55- 60% thôn, buôn, khu phố, 80% cơ quan đạt tiêu chuẩn dơn vị văn hoá: phủ sóng phát thanh-truyền hình đến hầu hết các vùng trong lĩnh và 90-95% dân số trong tỉnh được xem truyền hình.

Về giáo dục dào tạo:

Phấn đấu đến năm 2005 số học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 30%; thị xã Bảo Lộc, hầu hết các thị trấn và 50% sô xã còn lại đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Huy động trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ đạt 15%, vào lớp mẫu giáo đạt 70%, hầu hết số người dân tộc trong độ tuổi đến lớp. Tỷ lệ học sinh học ở các trường, lớp ngoài quốc lập: Mầm non chiếm 80%, tiểu học 01%, trung học cơ sở 25%, trung học phổ thông 40%, chuyên nghiệp và học nghề 60% (không kể cao đẳng sư phạm); tỷ lệ lao động được đào tạo nghề chiếm trên 20%.

DC212
V115K

12. NGUYỄN CÔNG KHẾ. Đồng chí Nguyễn Trung Tín, UVTW Đảng, Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng / Nguyễn Công Khế // Thanh niên.- 1987.- Số 88.- Tr.2-3.

Trao đổi với tuần tin Thanh niên đồng chí Nguyễn Trung Tín- Bí thư tỉnh Ủy Lâm Đồng cho biết vấn đề cải tạo trong nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng cần được tiến hành trên cơ sở xác định kinh tế Lâm Đồng là kinh tế hàng hoá chứ không phải kinh tế tự túc tự cấp. Bên cạnh đó, là phải xác định đúng cơ cấu cây trồng, phải xem lại cây nào thích hợp có giá trị cao và đó là thế mạnh. Khi xác định được rồi phải có chính sách đúng. Trước hết là chính sách giá, nếu giá đúng thì ta nắm được nông sản phẩm. Năm 1982-1983 đồi chè xơ xác - cây cà phê triệt tiêu (vì lúc bấy giờ chủ trương tập trung làm lương thực). Đất ba dan bị bắt buộc phải trồng sắn lúc đầu cho 8 tấn sau còn lại 3 tấn và cuối cùng không còn được tấn nào. Do những chính sách mới tác động vào sản xuất nên cà phê có 1.500ha năm 1976 đến nay đã đạt 14.000ha, có 5.000ha kinh doanh, dâu tằm từ 450ha năm 1976 đến nay đạt 1.500ha.

Thanh niên / 1987

13. VĂN PHONG. Phát triển toàn diện và bền vững Tây Nguyên / Văn Phong // Sài Gòn giải phóng.- 2004.- Ngày 4 tháng 9.- Tr.6.

Tại Thành phố Đà Lạt vừa diễn ra hội nghị triển khai kết luận của Bộ Chính trị về phát triển toàn diện, bền vững Tây Nguyên dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Đã có nhiều ý kiến đóng góp của lãnh đạo các bộ, ngành trung ương, các nhà cách mạng lão thành và lãnh đạo các tỉnh trong khu vực xung quanh vấn đề tìm giải pháp, khắc phục yếu kém để phát triển Tây Nguyên thành một vùng kinh tế động lực vừa giàu mạnh về kinh tế, ổn định về xã hội và vững chắc về quốc phòng - an ninh. Trong buổi làm việc, Ông Nguyễn Văn Đẳng (Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng cho biết: Việc làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh Lâm Đồng triển khai trước đây, bây giờ đã được hơn 2.000 căn nhà. Năm nay tỉnh cũng đã đầu tư 8 tỉ đồng đưa điện đến 1.000 căn. Kinh nghiệm của Lâm Đồng cho thấy: Nếu chúng ta quan tâm chăm lo đến đời sống đồng bào dân tộc thiểu số thì giải quyết rất cơ bản vấn đề an ninh, trật tự xã hội; lực lượng công an, quân đội nắm rõ, bóc dỡ ngay từ đầu, cô lập không cho các đối tượng hoạt động. Bên cạnh đó tỉnh cũng phấn đấu đến cuối 2004: 100% số xã có điện lưới quốc gia; cuối năm 2005: 80% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện, 100% số xã trong tỉnh có đường ô tô đến trung tâm xã (90% đường nhựa), giảm tỉ lệ đói nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống 20%, hoàn thành cấp đất cho các hộ hiện mới có diện tích dưới 0,5 ha. Đề nghị Chính phủ đưa 2 công trình thủy lợi Ka La (160 tỷ đồng) và Đắc Rông Thượng (180 tỷ đồng) chủ yếu phục vụ cho đồng bào dân tộc thiểu số vào chương trình trái phiếu Chính phủ.

Sài Gòn giải phóng / 2004

14. HUỲNH PHONG TRANH. Lâm Đồng huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nhanh, bền vững / Huỳnh Phong Tranh // Tạp chí cộng sản.- 2009.- Số 796.- Tr.53-57.

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 977.219 ha, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh. Dân số gần 1,2 triệu người với 40 dân tộc anh em, trong đó có 23% là đồng bào dân tộc thiểu số, riêng dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên là 17%.

Xác định đúng và triển khai tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đặt ra cho cả nhiệm kỳ 5 năm và cho từng năm, đặc biệt đã ban hành và triển khai khá đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nên những năm gần đây Lâm Đồng đã huy động và tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả cao, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2006-2008 đạt trên 15.500 tỉ đồng, bằng 44,3% GDP, ước tính 5 năm 2006-2010 đầu tư gấp 3,2 lần so với giai đoạn 2001-2005.

Qua hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, với sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng, tiềm năng, lợi thế của địa phương từng bước được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế được phát huy, tăng trưởng kinh tế giữ ở mức khá cao. Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện…

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, nền kinh tế địa phương phát triển chưa vững chắc, khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thấp, chưa tạo bước đột phá để phát triển nhanh; kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ; còn nhiều vấn đề bức xúc về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được giải quyết có hiệu quả.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém trên, không ngừng vươn lên về mọi mặt, Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2006-2010) đã xác định: phát huy tối đa nguồn nội lực, thu hút có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, hội nhập và cạnh tranh có hiệu quả.

Trên cơ sở định hướng phát triển đó, trong những năm qua, Lâm Đồng đã tập trung triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, từ việc thống nhất tư tưởng trong chỉ đạo, điều hành đến việc xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Một trong những nội dung quan trọng đã được Đảng bộ thực hiện là xác định rõ những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực có thế mạnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và của từng địa phương, đơn vị trong tỉnh để tập trung chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực triển khai thực hiện, định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, phát huy.

Bên cạnh đó, hằng năm tỉnh xác định việc cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư là những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần quan trọng trong huy động

nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa phương; đã ban hành nghị quyết của cấp ủy về thu hút đầu tư và các quy định của chính quyền về trình tự, thủ tục cũng như các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thu hút đầu tư để kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi để đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn…

Do xác định đúng và triển khai tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đặt ra cho cả nhiệm kỳ 5 năm và cho từng năm, đặc biệt đã ban hành và triển khai khá đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nên trong những năm qua, Lâm Đồng đã huy động và tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa phương đạt kết quả tích cực: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2001-2005 đạt 9.250 tỉ đồng, bằng 42,1% GDP, tăng gần 3 lần so với giai đoạn 1996-2000. Giai đoạn 2006-2008 đạt trên 15.500 tỉ đồng, bằng 44,3% GDP; ước tính 5 năm 2006-2010 bằng 3,2 lần so với giai đoạn 2001-2005.

Trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006-2008, đầu tư trong nước chiếm 90,7%, đầu tư nước ngoài chiếm 9,3%; vốn ngân sách nhà nước chiếm 38,5%. Tính đến nay, Lâm Đồng thu hút được 538 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký 62.000 tỉ đồng, trong đó đã có 346 dự án đầu tư trong nước được thỏa thuận hoặc cấp phép đầu tư với số vốn trên 40.000 tỉ đồng, có 113 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, vốn đăng ký 470 triệu USD, vốn thực hiện đạt 183 triệu USD. Nhìn chung, những năm qua số lượng dự án đầu tư vào tỉnh tăng nhanh, thể hiện tiềm năng, thế mạnh và cơ chế, chính sách của tỉnh đã được phát huy có hiệu quả, tạo được sự quan tâm và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chính những kết quả đạt được trong huy động nguồn lực đầu tư như trên đã góp phần quan trọng, quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tốc độ tăng GDP luôn cao hơn mức bình quân của cả nước, giai đoạn 2001-2005 đạt 10,7%/năm và trong 3 năm 2006-2008 là 15%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 2,8 triệu đồng, năm 2005 đạt 6,1 triệu đồng, năm 2007 đạt 9,72 triệu đồng và tăng lên 12,5 triệu đồng năm 2008. Thu ngân sách nhà nước năm 2000 mới đạt 406 tỉ, đến năm 2005 đạt 1.203 tỉ, năm 2007 đạt 1.844 tỉ đồng, và năm 2008 đạt 2.200 tỉ… Đặc biệt, qua 3 năm thực hiện nghị quyết. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, một số kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội được thể hiện một cách rõ nét.

Kinh tế phát triển tích cực, theo định hướng đã xác định. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhờ tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương nên giá trị sản xuất toàn ngành đạt mức bình quân 10,8%/năm (2001-2005 đạt 7,4%), gấp hơn 2 lần so với mức tăng bình quân cả nước; giá trị sản xuất trên một héc-ta đất canh tác từ 27,6 triệu đồng năm 2005 tăng lên 40 triệu đồng năm 2008, có 160.000 ha/ 280.000 ha cho thu nhập trên 50 triệu đồng/năm (10.000 ha đạt trên 100 triệu đồng, cá biệt có một số diện tích trồng hoa đạt từ 1-2 tỉ đồng/ha/năm). Lĩnh vực công nghiệp cũng đạt mức tăng giá trị sản xuất bình quân 21,6%/năm (2001-

2005 đạt 17,9%). Bên cạnh công nghiệp chế biến các sản phẩm thế mạnh của tỉnh, công nghiệp thủy điện đã có sự phát triển mạnh, công nghiệp khai khoáng, đặc biệt là khai thác và chế biến quặng bô-xít bước đầu được triển khai tốt. Lĩnh vực du lịch cũng đạt những kết quả tích cực, lượng khách du lịch đến địa phương tăng bình quân 18,6%/năm, cơ sở lưu trú tăng hơn 37% so với năm 2005. Nhiều dự án đầu tư trên lĩnh vực du lịch đã và đang tiếp tục được thực hiện, khi hoàn thành sẽ tạo nhiều sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư xây dựng, 100% số xã đã có điện và đường ô tô đến trung tâm, có trường tiểu học và trạm y tế; 65% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 83,3% dân số nông thôn được sử dụng điện. Hệ thống viễn thông đã phủ kín địa bàn, đạt hơn 75 máy điện thoại/ 100 dân. Một số công trình trọng điểm về giao thông, như: đoạn cao tốc Liên Khương - Prenn, đường liên tỉnh 723 nối Đà Lạt với Khánh Hòa đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; sân bay Liên Khương đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đường băng mới, đang xây dựng nhà ga quy mô 1 triệu khách/ năm…

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng đạt nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt, tỉnh đã chú trọng thực hiện chủ trương xã hội hóa nên tăng được nguồn lực đầu tư cũng như động lực phát triển. Chất lượng giáo dục - đào tạo và khám chữa bệnh dần được tăng lên. Hộ nghèo giảm tương đối nhanh, từ 23,7% năm 2005 xuống 10,5% năm 2008 (đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 55,2% năm 2005 xuống 33% năm 2008). Chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được quan tâm thực hiện. Từ năm 2006 đến năm 2008, tỉnh đầu tư 250 tỉ đồng xây dựng hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo cán bộ, hỗ trợ làm nhà, giải quyết đất sản xuất, giao khoán quản lý bảo vệ rừng, cấp nước sinh hoạt…

Có thể khẳng định, kết quả phát triển kinh tế - xã hội những năm qua, đặc biệt là trong 3 năm gần đây đã tạo được thế và lực mới, mở ra khả năng phát triển nhanh hơn của Lâm Đồng trong những năm tiếp theo. Đó là kết quả của sự đoàn kết, đổi mới, sự cố gắng nổ lực trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ; là kết quả của sự quyết tâm vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng cuộc sống của đồng bào các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Kết quả đó cũng đồng thời thể hiện: Đảng bộ đã xây dựng nghị quyết với tinh thần tiến công, sát thực tế; đã lựa chọn đúng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm ở từng cấp, từng ngành; đã đề ra các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tích cực; qua đó phát huy được nội lực, huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư bên ngoài, tạo sự phát triển kinh tế nhanh, theo hướng bền vững.

Tạp chí cộng sản / 2009

15. HUỲNH PHONG TRANH. Lâm Đồng ứng dụng công nghệ nông nghiệp công nghệ cao phát triển bền vững / Huỳnh Phong Tranh // Tạp chí cộng sản.- 2009.- Số 805. Tr.70-74.

Lâm đồng là một tỉnh miền núi thuộc khu vực Nam Tây Nguyên, có nhiều tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái phù hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nhất là những loại nông đặc sản có ưu thế như cây công nghiệp dài ngày, rau, quả cao cấp có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới. Lợi thế, tiềm năng đó đang dần được tỉnh khai thác một cách căn cơ, bài bản.

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ XXI, nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã có những bước phát triển tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều vùng chuyên canh cây công nghiệp, rau, hoa, chăn nuôi bò sữa, bò thịt đã hình thành với trình độ thâm canh ngày càng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Việc ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là về giống, kỹ thuật canh tác, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ... đã làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần đưa giá trị sản xuất của toàn ngành tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2001-2005 gần 14% và chiếm 61% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh năm 2005.

Sau 5 năm thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao và 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp được nâng lên. Đa số doanh nghiệp và nông dân đồng tình hưởng ứng, mạnh dạn đầu tư ứng dụng tiến bộ mới của khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ giống, nhà kính, nhà lưới, công nghệ tưới tiết kiệm nước, tiết kiệm phân bón, quản lý dịch bệnh. Nhiều doanh nghiệp và hộ nông dân đã đầu tư sản xuất theo hướng GAP (thực hành nông nghiệp tốt), quản lý nông sản theo hướng an toàn ...

Nhờ ứng dụng công nghệ cao, năng suất chất lượng nông sản tăng lên hàng năm, góp phần quan trọng làm tăng giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp, đóng góp tích cực vào thành quả chung của cả tỉnh. Những kết quả được thể hiện cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2004-2008, ngân sách nhà nước đã đầu tư 28 tỷ đồng để xây dựng các dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đầu tư 2 trung tâm nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp, đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao ở huyện Lạc Dương, xây dựng các mô hình điểm và hỗ trợ giống cho các mô hình điểm sản xuất rau, hoa, dâu tây.

Đến nay, Lâm Đồng đã thu hút được 14 dự án đầu tư vào khu nông nghiệp công nghệ cao Lạc Dương, 21 doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến chè chất lượng cao và một số doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến rau, hoa xuất khẩu, 81 dự án đầu tư lĩnh vực nông lâm kết hợp (17 dự án đầu tư trong vùng quy

hoạch phát triển trang trại). Đồng thời, qua các chương trình, đề án liên quan, tiến bộ kỹ thuật về giống đã được chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả, tỷ lệ giống mới trong sản xuất giống cây rau, hoa chiếm 90%, lúa, ngô trên 90%, dâu tây 27%, chè 36% và cà phê là 12%. Hiện tại, toàn tỉnh đã có 35 cơ sở ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống với sản lượng trên 10 triệu cây giống, cây mô đầu dòng sạch bệnh, cung cấp cho 200 cơ sở gieo ươm để sản xuất trên 1 tỷ cây giống rau, hoa các loại với tỷ lệ xuất vườn đạt 85% (cách gieo hạt truyền thống chỉ đạt 45% - 50%).

- Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh năm 2008 đạt 301.000 ha, trong đó cây hằng năm: 108.000 ha, cây lâu năm: 193.000 ha. Giá trị sản xuất bình quân trên một ha gieo trồng từ 18,3 triệu đồng vào năm 2004 tăng lên 45 triệu đồng năm 2008, phấn đấu năm 2009 đạt 50 triệu đồng/ha. Năm 2008, toàn tỉnh có khoảng 160.000 ha đạt doanh thu trên 50 triệu đồng/ha, trong đó có trên 10.000 ha đạt từ 100 triệu đến 2 tỷ đồng. Riêng vùng rau, hoa, dâu tây trọng điểm của tỉnh có khoảng 7% - 10% diện tích cho doanh thu trên 500 triệu đồng, 18% - 20% diện tích đạt khoảng 250 triệu - 500 triệu đồng và 70% - 75% diện tích đạt dưới 250 triệu đồng/ha.

Năm 2008, diện tích sản xuất rau, hoa, dâu tây ứng dụng công nghệ cao đạt 2.333 ha (trong đó có 1.345 ha trong vùng quy hoạch, đạt 80% mục tiêu quy hoạch) vượt 17% so với mục tiêu xác định đến năm 2010 (2.000 ha), trong đó có khoảng 1.200 ha sản xuất trong nhà lưới, nhà kính, khoảng 1.500 ha áp dụng công nghệ tưới phun. Một số mô hình sản xuất rau, hoa trong nhà kính, nhà lưới, áp dụng kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt, tự động... cho năng suất cao, góp phần nâng cao sản lượng rau toàn tỉnh đến năm 2008 đạt gần 1,1 triệu tấn, hoa đạt trên 800 triệu cành; đồng thời, tăng giá trị sản xuất trên một héc-ta canh tác. Mô hình trồng ớt ngọt ở Đà lạt đạt doanh thu trên 1.050 triệu đồng, ở Đức Trọng và Đơn Dương đạt 700 triệu - 800 triệu đồng/ha/năm, sản xuất rau an toàn 7 vụ/năm ở Đà Lạt doanh thu 400 triệu đồng/ha, trồng dâu tây đạt 300 triệu đồng/ha/năm, trồng hoa ở Đà Lạt, Đức Trọng, Đơn Dương cho doanh thu từ 330 triệu đến 1,2 tỉ đồng/ha/năm tùy theo từng loại hoa, từng thời điểm...

Tổng diện tích chè toàn tỉnh năm 2008 là 26.000 ha, sản lượng đạt gần 190 ngàn tấn. Riêng diện tích chè chất lương cao đạt 2.112 ha (trong đó có 1.960 ha trong vùng quy hoạch, đạt 69,4% mục tiêu quy hoạch) bình quân trồng mới khoảng 300 ha/năm; doanh thu trung bình 160 triệu - 200 triệu đồng/ha/năm; có khoảng 500 ha áp dụng công nghệ tưới phun.

Tổng diện tích cà phê toàn tỉnh năm 2008 là 130.000 ha, sản lượng đạt trên 289 ngàn tấn, trong đó diện tích cà phê giống mới chiếm 12%, diện tích cà phê cao sản (40 tạ - 45 tạ/ha) chiếm 4%. Từ năm 2008 đến nay, Lâm Đồng đã có 10.000 ha cà phê được sản xuất theo quy trình UTZ Certified (cà phê có trách nhiệm, bền vững - là quy trình đã được áp dụng trên thế giới, bắt đầu từ Hà Lan). Đây là chương trình do Công ty cà phê Thái Hòa hỗ trợ thực hiện, chủ yếu là hướng dẫn về mặt khoa học - kỹ thuật trong chăm sóc vườn cà phê đã có sẵn của nông dân (nhằm bảo đảm mục tiêu thân

thiện với môi trường, nâng cao trình độ kỹ thuật cho nông dân, tăng giá trị sản xuất) và thu mua sản phẩm đưa vào chế biến. Kế hoạch đến cuối năm 2009, Công ty sẽ hỗ trợ phát triển thêm 10.000 ha ở huyện Di Linh - địa bàn trọng điểm về cà phê của tỉnh Lâm Đồng.

- Trong chăn nuôi, đến năm 2008, tổng đàn bò đạt 107.400 con, tăng 57% so với năm 2004, trong đó bò lai Sind chiếm 29%; tổng số đàn bò sữa đạt 4.170 con, tăng bình quân 23,7%/năm. Đàn lợn được phát triển tốt theo chương trình nạc hóa với tỷ lệ giống nhập ngoại có năng suất, chất lượng cao đạt trên 95% tổng đàn. Quy mô sản xuất theo hướng giảm dần số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng dân số gia trại, trang trại lớn, bền vững và an toàn. Đặc biệt, sau thành công từ đề án nuôi thử nghiệm cá nước lạnh với tỷ lệ sống đạt trên 90% (cá hồi Vân và cá tầm Nga), đến nay đã có 9 tổ chức, cá nhân đầu tư, sản xuất con giống, cá nước lạnh thương phẩm theo hướng khép kín; sản lượng cá nước lạnh năm 2008 đạt khoảng 100 tấn trên diện tích 4 ha mặt nước, doanh thu khoảng 4 tỉ đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận khoảng 50%.

Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao góp phần quan trọng trong việc tăng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp (giai đoạn 2004-2008 tăng bình quân trên 9%, chiếm tỷ trọng gần 50% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh; tăng giá trị xuất khẩu (năm 2008 xuất khẩu từ lĩnh vực nông nghiệp đạt 200 triệu USD, chiếm 84% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh); thu hút nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp và nhân dân (đến nay, trên lĩnh vực nông nghiệp đã thu hút được 207 dự án đầu tư trong nước, trong đó 164 dự án đã được thỏa thuận đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký 3.622 tỉ đồng, có 67 dự án đã và đang triển khai với vốn thực hiện 758 tỉ đồng; có 69 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 205 triệu USD, vốn thực hiện đạt gần 104 triệu USD); tạo thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao thu nhập của nông dân, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của toàn tỉnh từ 23,7% năm 2005 xuống còn 10,5% vào năm 2008, riêng khu vực nông thôn giảm từ 26% năm 2005 xuống còn khoảng 15% vào năm 2008.

Tạp chí Cộng sản / 2009

16. B.T.Q. Phấn đấu đến năm 2010, Lâm Đồng thành tỉnh mạnh toàn diện / B.T.Q // Người lao động.- Số 3269.- Ngày 4 tháng 4 năm 2005.- Tr.2.

Trong lễ kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Đà Lạt - Lâm Đồng (3/4/1975 – 3/4/2005). Ông Huỳnh Đức Hòa, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, cho biết đến nay, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của Lâm Đồng trên 10%, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, đặc biệt là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Hạ tầng thành thị, nông thôn đã đáp ứng tốt nhu cầu dân sinh và phát triển. Các lĩnh vực văn hóa xã hội cũng phát triển mạnh, an ninh quốc phòng luôn được giữ vững…Phát huy những thành tựu đã đạt được, Lâm Đồng phấn đấu đến năm 2010 sẽ

trở thành một tỉnh mạnh toàn diện và đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp.

Người lao động / 2005

17. HUỲNH ĐỨC HÒA. Lâm Đồng đưa du lịch – dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh / Huỳnh Đức Hòa // Tạp trí quản lý nhà nước.- 2005.- Số 108.- Tr.43-44.

Trong cuộc phỏng vấn với Tạp chí quản lý nhà nước. Ông Huỳnh Đức Hòa - Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, cho biết về định hướng hướng phát triển kinh tế du lịch trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới như sau: Trước mắt, phải tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch của du lịch theo hướng phát huy tối đa các tiềm năng hiện có, đưa ngành Du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh. Trong đó, tập trung khai thác tốt các yếu tố thuận lợi về thời tiết, khí hậu, cảnh quan, môi trường thiên nhiên để thu hút đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo; phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, sản xuất các sản phẩm lưu niệm; bảo vệ và phát huy văn hóa các dân tộc, các lễ hội… phục vụ khách du lịch.

Xây dựng, phát triển nhanh hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không để mở rộng nối các tour, tuyến du lịch với các tỉnh và quốc tế. Cần sớm hoàn thành nâng cấp sân bay Liên Khương để phát triển đường hàng không, nối các trung tâm kinh tế, văn hóa của đất nước cũng như với các nước trong khu vực. Hoàn thành các tuyến đường cao tốc nối thành phố Đà Lạt với Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ nối Đà Lạt với các tỉnh Đắk Lắk, Đăk Nông, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước và Khánh Hòa…

Thu hút đầu tư xây dựng mới các khu du lịch chuyên đề sinh thái, khu du lịch dịch vụ cao cấp, khu du lịch nghỉ dưỡng chữa bệnh, các trung tâm thương mại lớn phụ vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch, kêu gọi đầu tư, thu hút vốn của các thành phần kinh tế để tôn tạo nâng cáp các điểm du lịch hiện có nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, mua sắm của khách du lịch.

Tập trung chỉ đạo xây dựng, chỉnh trang thành phố Đà Lạt - một trong những trung tâm du lịch của cả nước - thực sự là thành phố xanh, sạch, đẹp, thành phố hoa, với phong cách văn hóa của người Đà Lạt: thanh lịch, hiền hòa, mến khách, tạo ra môi trường du lịch tốt để thu hút du khách.

Bên cạnh đó từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy làm công tác QLNN về du lịch, củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp để quản lý, định hướng, hỗ trợ giúp đỡ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch có hiệu quả, ngăn chặn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường du lịch ở địa phương. Coi trọng công tác

đào tạo nguồn nhân lực để có đội ngũ nhân viên ngành du lịch - dịch vụ có trình độ, năng lực nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành du lịch - dịch vụ trong giai đoạn hiện nay.

Tạp trí quản lý nhà nước / 2005

18. HUỲNH ĐỨC HÒA. Lâm Đồng: 6 trọng tâm, 6 trọng điểm / Huỳnh Đức Hòa // Thời sự kinh tế.- 2004.- Số 153.- Tr.3.

Trao đổi với phóng viên báo Thời sự kinh tế. Ông Huỳnh Đức Hòa- Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cho biết: Thời gian qua Lâm Đồng đã thu hút được 1200 doanh nghiệp trong nước với vốn đầu tư trên 1.800 tỷ đồng, 61 doanh nghiệp nước ngoài với vốn đầu tư đạt trên 900 triệu USD. Trong giai đoạn 2004-2005 và những năm tiếp theo, Lâm Đồng tập trung vào 6 chương trình trọng tâm và 6 công trình trọng điểm. Trong đó 6 công trình trọng điểm đang được triển khai với mục đích phá vỡ thế ngõ cụt của thành phố Đà Lạt, mở rộng giao thông, phát triển thương mại bao gồm: nâng cấp sân bay Liên Khương, xây dựng mới đường cao tốc Dầu Dây - Đà Lạt, xây dựng đường 723 từ Đà Lạt đi Nha Trang; xây dựng khu công nghiệp Lộc Sơn; khu du lịch chuyên đề hồ Tuyền Lâm và xây dựng khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng. Để thực hiện thành công các chương trình trọng tâm và công trình trọng điểm này, tỉnh đang tập trung các hoạt động xúc tiến đầu tư bằng cách cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" tại các cơ quan nhà nước, theo đó thời gian giải quyết các thủ tục hành chính được rút ngắn từ 5 đến 10 ngày so với quy định trước đây. Ban hành các chính sách đầu tư ưu đãi về thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho người lao động, hỗ trợ thông tin, lập dự án đầu tư...Tỉnh Lâm Đồng khuyến khích các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư hạ tầng cơ sở sau đó được khấu trừ dần vào các khoản nộp ngân sách hoặc được giao đất để thực hiện đầu tư.

Thời sự kinh tế / 2004

19. HUỲNH ĐỨC HÒA. Tập trung nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế / Huỳnh Đức Hòa // Ngoại thương.- 2009.- Ngày11 tháng 6.- Tr.13-14.

Kế hoạch 5 năm (2006-2010) đã đi được hơn nửa chặng đường, trong hơn 3 năm qua cùng với cả nước tỉnh Lâm Đồng đã có những đổi mới khá toàn diện. Do xác định đúng và triển khai tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đặt ra cho cả nhiệm kỳ 5 năm và cho từng năm, đặc biệt đã ban hành và triển khai khá đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nên trong những năm qua, Lâm Đồng đã huy động và tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa phương đạt kết quả tích cực: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2006-2008 đạt trên 15.500 tỉ đồng, bằng 44,3% GDP; ước tính 5 năm 2006-2010 bằng 3,2 lần so với giai đoạn 2001-2005. Nhìn chung, những năm qua số lượng dự án đầu tư vào tỉnh tăng nhanh, thể hiện tiềm năng,

thế mạnh và cơ chế, chính sách của tỉnh đã được phát huy có hiệu quả, tạo được sự quan tâm và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chính những kết quả đạt được trong huy động nguồn lực đầu tư như trên đã góp phần quan trọng, quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tốc độ tăng GDP luôn cao hơn mức bình quân của cả nước, trong 3 năm 2006-2008 là 15% năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 2,8 triệu đồng, năm 2005 đạt 6,1 triệu đồng, năm 2007 đạt 9,72 triệu đồng và tăng lên 12,5 triệu đồng năm 2008. Thu ngân sách nhà nước năm 2000 mới đạt 406 tỉ, đến năm 2005 đạt 1.203 tỉ, năm 2007 đạt 1.844 tỉ đồng, và năm 2008 đạt 2.200 tỉ... Đặc biệt, qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, một số kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội được thể hiện một cách rõ nét.

Kinh tế phát triển tích cực, theo định hướng đã xác định. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhờ tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương nên giá trị sản xuất toàn ngành đạt mức tăng bình quân 10,8%/năm (2001-2005 đạt 7,4%), gấp hơn hai lần so với mức tăng bình quân cả nước; giá trị sản xuất trên một héc-ta đất canh tác từ 27,6 triệu đồng năm 2005 tăng lên 40 triệu đồng năm 2008, có 160.000 ha/ 280.000 ha cho thu nhập trên 50 triệu đồng/năm (10.000 ha đạt trên 100 triệu đồng, cá biệt có một số diện tích trồng hoa đạt từ 1-2 tỉ đồng/ha/năm).

Lĩnh vực công nghiệp cũng đạt mức tăng giá trị sản xuất bình quân 21,6%/năm (2001-2005 đạt 17,9%). Bên cạnh công nghiệp chế biến các sản phẩm thế mạnh của tỉnh, công nghiệp thuỷ điện đã có sự phát triển mạnh, công nghiệp khai khoáng, đặc biệt là khai thác và chế biến quặng bô-xít bước đầu được triển khai tốt.

Lĩnh vực du lịch cũng đạt được những kết quả tích cực, lượng khách du lịch đến địa phương tăng bình quân 18, 6% /năm, cơ sở lưu trú tăng hơn 37% so với năm 2005. Nhiều dự án đầu tư trên lĩnh vực du lịch đã và đang tiếp tục được thực hiện, khi hoàn thành sẽ tạo nhiều sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư xây dựng, 100% số xã đã có điện và đường ô tô đến trung tâm, có trường tiểu học và trạm y tế; 65% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 83,3% dân số nông thôn được sử dụng điện. Hệ thống viễn thông đã phủ kín địa bàn, đạt hơn 75 máy điện thoại/100 dân. Một số công trình trọng điểm về giao thông, như: đoạn cao tốc Liên Khương - Prenn, đường liên tỉnh 723 nối Đà Lạt với Khánh Hoà đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; sân bay Liên Khương đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đường băng mới, đang xây dựng nhà ga quy mô 1 triệu khách/năm…

Các lĩnh vực văn hoá - xã hội cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt, tỉnh đã chú trọng thực hiện chủ trương xã hội hoá nên tăng được nguồn lực đầu tư cũng như động lực phát triển. Chất lượng giáo dục - đào tạo và khám chữa bệnh

dần được nâng lên. Hộ nghèo giảm tương đối nhanh, từ 23,7% năm 2005 xuống 10,5% năm 2008 (đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 55,2% năm 2005 xuống 33% năm 2008).

Chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được quan tâm thực hiện. Từ năm 2006 đến 2008, tỉnh đầu tư 250 tỉ đồng xây dựng hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo cán bộ, hỗ trợ làm nhà, giải quyết đất sản xuất, giao khoán quản lý bảo vệ rừng, cấp nước sinh hoạt…

Với kết quả phát triển kinh tế - xã hội những năm qua, đặc biệt là trong ba năm gần đây, Lâm Đồng đã tạo được thế và lực mới, mở ra khả năng phát triển nhanh hơn trong những năm tiếp theo.

Ngoại thương / 2009

20. HOÀNG VƯƠNG MỸ. Thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2014: Cần nỗ lực với quyết tâm cao nhất / Hoàng Vương Mỹ // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 29 tháng 9.- Tr1+3+8.

Ngày 26/9/2014, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 3 tháng cuối năm 2014. Đồng chí, Nguyễn Xuân Tiến - UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì hội nghị.

Tại hội nghị,Đồng chí Nguyễn Xuân Tiến đã đưa ra 7 mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và yêu cầu các ngành, các địa phương cần nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ còn lại của năm 2014 theo nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra: Đó là tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, từ chính sách tín dụng, thuế, thủ tục hành chính; rà soát thời hạn để xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp; đánh giá tình hình triển khai dự án của các doanh nghiệp đã có chứng nhận đầu tư để xem xét về năng lực của doanh nghiệp; đồng thời tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách… để giúp doanh nghiệp tiếp tục triển khai dự án, hoặc kiên quyết thu hồi, chứ không né tránh… Tập trung chỉ đạo thu ngân sách nhà nước để hoàn thành chỉ tiêu đề ra: rà soát các khoản nợ đọng thuế, kể cả nợ đọng do tận thu nông sản, hoặc vi phạm Luật Bảo vệ - Phát triển rừng, quy trách nhiệm và các biện pháp để thu được khoản nợ này. Đối với các khoản thu từ quỹ đất: không vì thực hiện Luật đất đai mới mà gây ảnh hưởng đến nhà đầu tư, đến tình hình kinh tế - xã hội, đến người dân có liên quan. Đẩy nhanh tiến độ đối với đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là đối với các địa phương còn nợ đọng chưa quyết toán nhiều dự án. Triển khai các vấn đề liên quan đến Luật đất đai và giải quyết các vấn đề chuyển tiếp trong việc thực thi 2 luật Đất đai cũ và mới, liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy. Giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết và hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, bình xét hộ nghèo không theo thành tích mà phải đảm bảo thực chất, không trông chờ, ỷ lại. Tiếp tục thực hiện kế hoạch và chủ động phòng tránh thiên tai, kể cả giảm thiệt hại về người và tài sản, phòng chống dịch

bệnh cho người và gia súc… Đảm bảo về an ninh trật tự, đẩy lùi các tệ nạn ma túy, không để tệ nạn này xâm nhập vào trường học, thực hiện mục tiêu giảm thiểu thương vong trong tai nạn giao thông.

Lâm Đồng / 2014

21. LAN HỒ. Tiếp tục tạo điều kiện về mọi mặt để vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển toàn diện / Lan Hồ // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 13 tháng 10.- Tr.4.

Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng lần thứ II là sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh trong năm 2014, khẳng định đường lối, chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, đó là: "Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển"; thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tại Đại hội, Đồng chí Nguyễn Xuân Tiến - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã đề ra định hướng, nhiệm vụ để phát triển vùng đồng bào DTTS trong 5 năm tới. Đó là: Việc đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS của tỉnh phải được đặt trong tổng thể kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, đảm bảo sự cân đối hài hòa và tạo điều kiện về mọi mặt để vùng đồng bào DTTS phát triển nhanh hơn, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, giữa đồng bào DTTS với người Kinh. Theo đó, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau: - Quy hoạch và ổn định dân cư, đồng thời xác định rõ cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi, ngành nghề cho từng vùng trên cơ sở lợi thế so sánh, tạo sự phát triển bền vững lâu dài. - Tập trung phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân vùng đồng bào DTTS, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn, giảm nghèo nhanh hơn so với bình quân chung của tỉnh. - Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, thiết chế văn hóa cho vùng đồng bào DTTS gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới; phấn đấu các tiêu chí về hạ tầng (giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa…) đạt mức cao nhất trong tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. - Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, kết hợp với các chương trình phát triển kinh tế, phát triển nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng…; đồng thời vận động nhân dân bài trừ những hủ tục lạc hậu; xây dựng đời sống mới ấm no, hạnh phúc. - Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội vùng đồng bào DTTS, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, thấm nhuần sâu sắc và thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ kính yêu về đoàn kết giữa các dân tộc để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Lâm Đồng / 2014

22. PHAN THIÊN. Phát huy tiền năng, tạo đà phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI / Phan Thiên // Lâm Đồng hướng tới thế kỷ XXI.- Lâm Đồng.- UBND tỉnh Lâm Đồng. 2000.- Tr.8-12.

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc vùng núi và cao nguyên thuộc nam Tây Nguyên. Trong 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tình hình kinh tế xã hội đã có sự phát triển khá tốt. Bình quân mức tăng trưởng GDP hàng năm từ 13-14%. Tuy vậy, sự phát triển đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Lâm Đồng. Trên tinh thần đổi mới về cách nghĩ, cách làm; tập trung mọi nguồn lực để phát triển nền kinh tế địa phương; xóa bỏ các rào cản làm chậm quá trình phát triển, tạo ra động lực mạnh cho nền kinh tế ngay trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Ông Phan Thiên – Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cho biết về quan điểm chủ trương của Lâm Đồng trong việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời gian tới như sau:

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư tại Lâm Đồng được coi là một nhiệm vụ và là một yêu cầu trong việc thực hiện Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, cùng với việc thực hiện các quy định của Chính phủ trong việc bãi bỏ các giấy phép làm cản trở quá trình đầu tư phát triển kinh tế, Lâm Đồng còn chú trọng thực hiện tốt các chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế trong việc định hướng đầu tư. Rà soát lại tất cả các thủ tục cấp đất, cấp phép đầu tư cả đối tượng trong và ngoài nước; cải cách và giảm nhẹ các thủ tục hành chính, thực hiện phương án "một cửa". Tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp vào đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Lâm Đồng.

Chính quyền Nhà nước sẽ tham gia cùng các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp; trực tiếp tổ chức các hội nghị gặp gỡ để nghe ý kiến của các doanh nghiệp, nhằm giúp các doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc có liên quan đến các chế độ, chính sách ở địa phương.

Danh mục các dự án khuyến khích đầu tư sẽ được tỉnh Lâm Đồng công bố là cơ sở cho các nhà đầu tư chọn lựa phù hợp với khả năng của mình. Các cơ quan thanh kiểm tra không được tự tiện kiểm tra các doanh nghiệp nhiều lần trong năm. Việc kiểm tra thường xuyên theo quy định của pháp luật phải được thông báo trước cả về thời gian và nội dung cho các doanh nghiệp.

Trên tinh thần mọi người đều có thể đầu tư làm ăn trên đất Lâm Đồng đối với những ngành nghề mà luật pháp không cấm, Lâm Đồng sẽ không đưa thêm ra bất cứ một thủ tục hành chính nào ngoài quy định của Trung ương, với mong muốn động viên mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp cùng tập trung nguồn lực để đầu tư tại Lâm Đồng. Từ đó, giải quyết vấn đề căn bản nhất là sự hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, của người lao động và của xã hội.

Với những nội dung trên, UBND tỉnh Lâm Đồng tin tưởng rằng: cùng với các nhà doanh nghiệp, nhân dân Lâm Đồng sẽ phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhà, tạo đà phát triển kinh tế xã hội nhanh hơn, mạnh hơn trong những năm đầu của thế kỷ thứ XXI.

DC19
L120Đ

23. ANH MINH. Sẽ có Trung tâm đấu giá hoa tươi / Anh Minh //Thời báo Kinh tế Việt Nam.- 2005.- Số 140+141.- Tr.3.

Ông Nguyễn Tri Diện, Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt cho biết: Tuy có rất nhiều lợi thế về điều kiện, khí hậu, thổ nhưỡng, nhưng trong mấy năm qua thu nhập từ hoa đóng góp rất nhỏ chưa đến 10% GDP toàn thành phố. Chính vì vậy, Đà Lạt phấn đấu mở rộng quy mô canh tác hoa đến năm 2010 đạt 600 đến 700 ha chuyên canh với các loại đạt chất lượng cao, cung cấp cho thị trường tiêu dùng 400 triệu cành/năm. Để chuẩn bị cho bước phát triển quy mô này, tỉnh đang xây dựng dự án thành lập trung tâm đấu xảo hoa tiêu chuẩn quốc tế với mục đích trao đổi, buôn bán, tổ chức giao dịch, tìm đối tác hợp tác phát triển kinh doanh hoa và giới thiệu hoa. Ngoài ra trung tâm đấu xảo hoa sẽ là nơi cung cấp tất cả các loại hoa Đà Lạt, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu cũng như tiêu dùng trong nước với chất lượng cao nhất. Trung tâm này ra đời sẽ giúp nông dân được tham dự trực tiếp hoạt động thương mại hiện đại, tiếp cận thông tin và tự mình tìm đầu ra, cũng như các cơ hội được bán hoa với giá cao… Đó là cách xây dựng thương hiệu hoa Đà Lạt ngay trên địa phương. Tính đến thời điểm này, các chủng loại hoa cắt cành giống mới được du nhập vào Đà Lạt có khoảng 60 giống cúc, 20 giống đồng tiền, 40 giống cẩm chướng, 20 giống hoa hồng và trên 10 chủng loại khác. Bên cạnh đó tỉnh đang khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư sưu tầm các giống hoa mang đặc trưng Đà Lạt, nhân rộng các giống hoa mới có giá trị kinh tế cao để phát triển Đà Lạt thành trung tâm hoa quốc tế, khuyến khích nông dân tham gia vào các khoá đào tạo khuyến nông, nâng cao tay nghề trồng hoa, ứng dụng các kỹ thuật sản xuất hoa công nghệ cao trong canh tác, thu hoạch, bảo quản, đóng gói và vận chuyển.

Thời báo Kinh tế Việt Nam / 2005

24. LÊ HOA. Không dồn việc vào cuối năm / Lê Hoa // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 8 tháng 6.- Tr.1+2.

Ngày 3/6, Chủ tịch UBND tỉnh Đoàn Văn Việt chủ trì Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm và đưa ra những giải pháp trong thời gian tới. Tại buổi làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh Đoàn Văn Việt ghi nhận những cố gắng của các ngành và các địa phương trong việc xác định nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình trong điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, từ nay đến cuối năm có rất nhiều sự kiện, các đơn vị phải quyết liệt hơn nữa, không nên buông lỏng quản lý và không để dồn việc vào cuối năm. Chủ tịch nhấn mạnh những

vấn đề cần tập trung mọi nguồn lực và giải pháp thực hiện, là thu ngân sách nhà nước, triển khai các đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao, liên kết để tiêu thụ sản phẩm, phòng chống thiên tai, sử dụng hợp lý vốn XDCB, rà soát quỹ đất sản xuất trong vùng đồng bào DTTS, chuẩn bị tốt cho các kỳ họp HĐND, Đại hội thi đua yêu nước, Đại hội Đảng các cấp, xây dựng kế hoạch 5 năm 2016-2020…

Lâm Đồng / 2015

CHƯƠNG II: KINH TẾ-XÃ HỘI LÂM ĐỒNG 10 NĂM SAU NGÀY GIẢI PHÓNG (1975-1985).

25. NGUYỄN AN HIỆP. Gieo cấy đông – xuân vượt 10% kế hoạch / Nguyễn An Hiệp // Lâm Đồng.- 1979.- Ngày 24 tháng 3.- Tr.1.

Năm nay, do làm tốt công tác thủy lợi nhỏ và chuẩn bị giống đầy đủ, đồng thời phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa đồng bào dân tộc và đồng bào kinh, nên lần dầu tiên đồng bào các dân tộc hai xã Tu Tra và Ka Đơn đã cấy được hơn 200 héc ta lúa đông-xuân, vượt hơn 10% kế hoạch diện tích. Hiện nay bà con đang tập trung làm cỏ sục bùn và bón phân chuồng cho lúa đông- xuân, đồng thời khẩn trương làm đất chuàn bị gieo trồng vụ hè-thu. Tại xã Tu Tra, bà con đã phát cỏ, dọn rạ xong 240 héc ta ta đất đồi.

Trong phong trào thi đua bán lương thực cho Nhà nước, đồng bào xã Tu Tra

đã hoàn thành chỉ tiêu bán lương thực cả năm 1978 với tổng số 272 tấn, trong đó có hơn 240 tấn lương thực bán nghĩa vụ và 32 tấn thuế nông nghiệp. Riêng xã Ka Đơn, bà con đã bán gần 90 tấn lúa khô, đạt hơn 60% kế hoạch.

Lâm Đồng / 1979

26. NGUYỄN HỮU. Ngành văn thông tin sau 4 năm giải phóng / Nguyễn Hữu // Lâm Đồng.- 1979.- Ngày 7 tháng 4.- Tr.3.

Từ sau ngày giải phóng đến nay, phong trào múa hát tập thể của thanh niên được tổ chức rộng rãi từ thành thị đến nông thôn, đã thu hút hơn 90% thanh niên, thiếu nhi tham gia. Trên 80 đội văn nghệ không chuyên đã được thành lập và hoạt động đều đặn với nội dung tư tưởng tốt, trình độ biểu diễn hấp dẫn, rất được đồng bào ưa thích,hoan nghênh. Trong năm quá, các đội này đã biểu diễn 229 đêm, phục vụ cho 168 ngàn lợt người xem. Bên cạnh đó, hàng chục lớp bồi dưỡng hạt nhân văn nghệ đã được tổ chức tại nhiều địa phương, trong đó có hơn 200 thanh niên dân tộc ít người. Một lớp bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật với thời gian hai tháng dành cho các hạt nhân xuất sắc của phong trào quần chúng cũng đã được mở ra trong năm 78. Lớp hạt

nhân này đã tổ chức biểu diễn báo cáo ở 4 huyện và thành phố Đà Lạt, phục vụ cho 12.000 người xem. Hoạt động thông tin cổ động đã được đẩy mạnh. Trong năm qua, ngành sản xuất phim đã sản xuất được 11 bộ phim đèn chiếu với những chủ đề nóng hổi, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương và đã chiếu phục vụ cho 21.000 lượt người xem, trong đó có hơn một nửa là đồng bào các dân tộc. Ngành xuất bản đã in và phát hành trên 100.000 bản tài liệu những tin phổ thông, các văn kiện chính trị của Đảng và Nhà nước, các tập ảnh thời sự v.v..., 96 cụm pa-nô lớn, 364 tấm pa-nô nhỏ, hàng chục ngàn khẩu hiệu các loại, đã phát huy tác dụng tốt trong các cuộc vận động chính trị lớn của địa phương. Mười một đội thông tin lưu động đã được thành lập, nhiều cuộc triền lãm cố định và lưu động đã được tổ chức, trong đó có cuộc triền lãm lớn về nông nghiệp đầu năm 1978, thu hút trên 10.000 lượt người xem. Tính đến nay, tất cả 4 huyện và thành phố Đà Lạt cùng nhiều cơ quan, đoàn thể, công, nông, lâm trường, xí nghiệp, trường học đã có thư viện. Số sách của các thư viện đã lên tới 114.000 bản. Năm qua, các thư viện đã phục vụ cho gần 7 vạn lượt người đọc. Công tác bảo tàng, truyền thống không ngừng được củng cố và đi vào hoạt động có nề nếp. Đến nay, toàn tỉnh đã sưu tầm, tổng hợp được 1.723 hiện vật có giá trị, riêng năm 78 đã sưu tầm, xác minh được 497 hiện rật lịch sử. Mạng lưới chiếu bóng phát triền rất nhanh chóng. Đến nay, toàn tinh đã có 14 đội và rạp hoạt động liên tục và đều khắp. Riêng năm 1978, các rạp, các đội đã chiếu hơn 7 ngàn buổi với gần 3 triệu lượt người xem, đạt doanh thu trên 1 triệu năm trăm ngàn đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch 500 buổi, đạt tỷ lệ bình quân đầu người bảy lượt xem phim trong một năm.

Ngành phát hành sách báo đã được mở rộng. Với khầu hiệu «Sách tìm người», năm qua, đã mở thêm được 9 hiệu sách nhân dân, phục vụ nhu cầu mua và đọc sách của toàn tỉnh. Ngoài các cửa hàng quốc doanh, ngành còn tổ chức hàng chục quày bán sách lưu động mang sách báo đến phục vụ đồng bào các vùng kinh tế mới và định canh định cư. Nhiều đợt tuyên truyền sách đã được tổ chức rộng rãi ở các địa phương, nhất là trong vùng đồng bào các dín tộc người. Năm 1978, đă phát hành trên 249 ngàn bản sách các loại, đạt 88% kế hoạch. Tính chung, đến nay, bình quân môi ngườri dân đã mua và đọc 2 cuốn sách.

Lâm Đồng / 1979

27. NGUYỄN XUÂN KHANH. Bước phát triển mới của phong trào hợp tác nông nghiệp / Nguyễn Xuân Khanh // Lâm Đồng.- 1979.- Ngày 24 tháng 1.- Tr.3.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IV, được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, với sự tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp, cùng với sự cải tạo xã

hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, nông nghiệp của tỉnh ta đang trong quá trình phát triển và đã thu được kết quả bước đầu.
Từ năm 1977, chúng ta đã căn bản xóa bỏ tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiễn, thu hồi trên 11.400'hécta ruộng đất, 66 đổn điền, nông trại và 11 nhà máy chế biến trà, café của bọn địa chủ và giai cấp tư sản nông thôn, khác. Chúng ta đã chia cấp cho nông dân và nhân dân lao động không có hoặc thiếu ruộng đất trên 5.000 hécta, còn trên 6.400 hécta, phân lớn là diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn trái tập trung hoặc nằm trong quy hoạch, xây dựng nông trường, trạm trại quốc doanh do Nhà Nước quản lý, sử dụng. Đồng thời đã phục hóa, khai hoang trên 2 vạn hécta và giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới được hơn 4.500 hộ với trên 22 000 nhân khẩu, định canh, định cư trên 5 vạn đồng bào dân tộc ít người, các công trình thủy lợi ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ nông nghiệp ngày càng được tăng cường. Từ những tổ đoàn kết sản xuất, tổ đổi công của những năm 1975 — 1977, đến năm 1978 này việc đưa nông dân vào con đường sản xuất tập thể đã có bước phát triển mới, cao hơn, mang đúng tính chất của một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, do nông dân tự nguyện lập ra. Hiện nay, hợp tác hóa nông nghiệp đã trở thành phong trào quần chúng thu hút trên 90% hộ nông dân, trong, đó có 36% vào tở đoàn kêt sản xuât, 56% vào tập đoàn sản xuất và 6% vào hợp tác xã nông nghiệp.
Với bước đi ban đầu của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, tập đoàn sản xuất đang là hình thức chính để phát triển. Toàn tỉnh đã có 652 tập đoàn sản xuất, chiếm trên 55% lao động nông nghiệp và 40% diện tích canh tác trong tỉnh. Trong đó có 93 mô hình vùng dân tộc, 210 mô hình vùng chuyên canh trà, café, 65 mô hình vùng chuyên canh dâu tâm, 75 cái vùng chuyên canh rau.

Kết quả trên đây của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà Nước năm 1978, nhất là trên mặt trận lương thực và sản phẩm của cây công nghiệp. Chúng ta đã đưa tổng sản lượng lương thực từ 6 vạn tấn 1977 lên trên 8 vạn tấn trong năm 1978, nâng mức bình quân lương thực đầu người từ 195kg năm 1977 lên trên 227 kg trong năm 1978, đưa tổng giá trị sản lượng nông nghiệp từ 76 triệu đồng năm 1977 lên khoản 124 triệu đổng trong năm 1978.

Lâm Đồng / 1979

28. ĐÔNG QUÂN. Bước đi lên của trường cấp I,II Phú Hội (Đức Trọng) / Đông Quân // Lâm Đồng.- 1980.- Ngày 30 tháng 5.- Tr.2.

Trước khi bước vào thực hiện cuộc vận động đầy mạnh phong trào thi đua «hai tốt» theo gương những điền hình tiên tiến. Trường phổ thông cấp 1,2 Phú Hội chỉ là một trường trung bình về mọi mặt. Từ năm học 1977 — 1978 đến nay, với quyết tâm vươn lên để trở thành đơn vị tiên tiến, phấn đấu thực hiện mục tiêu nguyên lý giáo dục của Đảng, trường đã đạt được một số kết quả bước đầu. Liên tiếp trong hai năm học 1977 -1978, 1978—1979, trường cấp 1, 2 Phú Hội đã được Ty giáo dục đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh khen là đơn vị xuất sắc trong phong trào « thi đua hai tốt ». Có

được những thành tích trên là do trường đã biết tranh thủ sự lãnh đạo, giúp đỡ của Chi bộ Đảng và chính quyền địa phương, phát huy được ý thức làm chủ tập thể của nhân dân trong sự nghiệp giáo dục, xây dựng một đội ngũ giáo viên đoàn kết, nhất trí, có quyết tâm cao.

Thời gian qua, Chi bộ và chính quyền xã rất quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường, đã tổ chức hội nghị «Toàn dân chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng» nhằm triển khai sâu rộng trong nhân dân Quyết định số 1 của ủy ban cải cách giáo dục Trung ương về cuộc vận động «Tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong các trường học». Ngoài ra, tất cả các cuộc hội nghị quan trọng của trường đều có sự lãnh đạo chặt chẽ của Chi bộ. Các đồng chí thường xuyên theo dõi, giúp đỡ các biện pháp để thực hiện kế hoạch của năm học, chăm lo đến đời sống tinh thần vật chất của giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi để anh chị em yên tâm công tác. Các đoàn thể quần chúng và hợp tác xã nông nghiệp đều xây dựng những kế hoạch dài hạn nhằm phối hợp với nhà nhằm giáo dục học sinh. Bên cạnh đó Hợp tác xã đã giúp nhà trường hơn 251 công để xây dựng cơ sở vật chất, cấp cho trường 5 sào đất để thành lập « Hợp tác xã măng non ».Cùng với sự lãnh đạo, giúp đỡ' của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhân dân bước đầu đã phát huy ý thức làm chủ tập thể trong sự nghiệp giáo dục. Trong ba năm qua, với tinh thần dựa -vào sức .mình là chính, bà con đã đóng góp hàng chục ngàn đồng và trên 500 công xây dựng một phòng đọc sách, một khu" nhà ở cho giáo viên, sửa chữa và làm mới hàng chục phòng học, đóng góp cho thư viện nhà trường trên 1000 cuốn sách.

Nhờ sự chỉ đạo tích cực của nhà trường trong việc xây dựng đội ngũ giáo viên nên đến nay số hạt nhân tích cực tăng gấp 7 lần so với lúc bắt đầu xây dựng trường. Trên 62% số giáo viên đạt danh hiệu tiên tiến và trên 30% giáo viên đạt khá, giỏi trong giảng dạy. Các đoàn thể, quần chúng trong nhà trường cũng phát triển mạnh và có nhiều hình thức hoạt động phong phú, góp phần cùng nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn.

Lâm Đồng / 1980

29. LƯƠNG VĂN SINH. Bước tiến vững chắc của hợp tác xã rau Tự Phước / Lương Văn Sinh // Lâm Đồng.- 1980.- Ngày 14 tháng 2.- Tr.2.

Tự Phước là hợp tác xã sản xuất rau đầu tiên của vùng rau Đà Lạt, được thành lập từ cuối năm 1978. Mặc dù gặp nhiều khó khăn vì thiếu thuốc trừ sâu, phân bón, xăng dầu..., trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn yếu, nhưng năm đầu tiên trên con đường làm ăn tập thể, hợp tác xã Tự Phước đã có những bước đi lên vững chắc. Tổng diện tích gieo trồng cả năm gần 164 hécta, đạt 101% kế hoạch, trong đó có 121 hécta rau các loại, vượt 17% so với kế hoạch. Tổng sản lượng rau cả năm đạt gần 2.500 tấn, năng suất bình quân trên 23 tấn một hécta. Sản xuất phát triển, đời sống của bà con xã viên từng bước được ổn định. Năm qua, giá trị ngày công của một lao động đạt 3,9 đồng. Bình quân mỗi hộ trong hợp tác xã thu nhập trên 170 đồng một tháng. Nếu tính cả kinh tế phụ gia đình thì mỗi tháng một hộ xã viên thu nhập khoảng trên 200 đồng.

Lâm Đồng / 1980

30. THU BỒN. Nhà máy chè Cầu Đất phấn đấu đi lên / Thu Bồn // Lâm Đồng.- 1980.- Ngày 27 tháng 6.- Tr.2.

Bốn năm qua nhà máy chè Cầu Đất đều hoàn thành và có năm thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất Nhà nước giao. Với diện tích trên 200 héc-tà chè, năm Ỉ976 : nhà máy thu hái được 677 tấn búp chè tươi; năm 1979: sản lượng tăng trên 100 tấn. Về trà đen xuất khẩu, năm 1976 nhá máy thực hiện được 101tấn; năm 1979 đạt trên 180 tấn. Năm nay,mặc dù chỉ tiêu kế hoạch được giao có cao hơn nhưng nhà máy đã cố gắng khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Riêng trong gần tháng 6, anh, chị em công nhân đã hái được 130 tấn búp trà tươi, vượt 30 tấn so với chỉ tiêu trong tháng. Bên cạnh đó, việc khôi phục nguồn nguyên liệu cũng được tiến hành khẩn trương. Vì vậy, năng suất búp chè tươi ngày mỗi tăng. Năm 1976 đạt 2,8 tấn/héc-ta, năm 1979 đạt gần 4 tấn/héc-ta. Ngoài ra nhà máy chè Cầu Đất cũng rất quan tâm chăm lo đời sống công nhân. Trong 4 năm, nhà máy đã đầu tư trên 200 nghìn đồng để xây dựng nhà ăn, ở tập thể, nhà trẻ, câu lạc bộ …cho trên 300 công nhân. Phong trào tăng gia sản xuất cũng được đẩy mạnh. Đến nay, nhà máy đã nuôi được gần 60 con bò và hàng chục đầu heo. Hàng năm, không những cung cấp đủ thực phẩm; rau xanh cho bếp ăn tập thể nhà máy mà còn có dư hàng trăm tấn đề tương trợ cho các đơn, vị bạn thuộc xí nghiệp liên hiệp công-nông nghiệp chè.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong những năm qua, nhà máy chè Cầu Đất đang đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất trên hai lãnh vực nông nghiệp và công nghiệp, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất năm 1980.

Lâm Đồng / 1980

31. HQ. Xí nghiệp xe khách Lâm Đồng vượt từ 4.15% đến 19.58% kế hoạch thi đua / HQ // Lâm Đồng.- 1981.- Ngày 18 tháng 9.- Tr.1.

Trong 3 tháng thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ năm, Xí nghiệp xe khách Lâm Đồng đã thực hiện sản lượng vận chuyển được 187.769 người, với khối lượng luân chuyển là 21.524.596 người / kmt, đạt từ 104% đến 119% so với kế hoạch thi đua đề ra. Trong đó, kế hoạch phần 2 xí nghiệp đã thực hiện được về sản lượng vận chuyển là 23.187 người và khối lượng luân chuyển đạt 4257591 người/km, vượt chỉ tiêu về nộp lãi ngân sách.

Khắc phục khó khăn về phụ tùng, vật tư trong công tác sửa chữa bảo dưỡng xe, xí nghiệp đã áp dụng biện pháp giao các cấp sửa chữa lớn cho trạm sửa chữa của xí nghiệp, còn thực hiện các cấp bảo dưỡng, sửa chửa bất thường cho từng đội xe, đồng thời khoán chỉ tiêu hàn vá và sơn xe cho lái xe tự làm, xí nghiệp thanh toán theo định mức và tăng 20% giá chênh lệch vật tư. Nhờ vậy, trong 3 tháng thi đua. nghiệp đã sửa chữa, nâng 34 đầu xe đạt chất lượng cao, làm lợi cho công quỹ hàng vạn đồng, trong đó cải tiến lắp một máy Sta 27 của Ba Lan thay thế cho máy 354 loại xe 52 ghế, tiết

kiệm cho Nhà nước trên 10.000 đồng, phục hồi 1 xe reo 7 tấn, trị giá sửa chữa là 6,500 đồng, làm lợi 3.500 đồng. Ngoài ra, xí nghiệp còn đóng thêm được 2 xe chạy bàng than làm lợi cho công quỹ trên 74.500 đồng.

Lâm Đồng / 1981

32. NGÂN SƠN. Những tiến bộ mới ở xí nghiệp cơ khí Đơn Dương / Ngân Sơn // Lâm Đồng.- 1981.- Ngày 10 tháng 4.- Tr.2.

Xí nghiệp cơ khí Đơn Dương được thành lập tháng 9 /1979, nhưng đầu năm 1980 mới thực sự đi vào sản xuất. Bước đầu gặp không ít khó khăn do cơ sở chật hẹp, trang thiết bị rất thiếu, nhưng, với tinh thần làm chủ, tự lực, tự cường, xí nghiệp đã thu được gần 72700 đồng giá trị lượng. Trong đó riêng mặt hàng chủ yếu chiếm trên 70% tổng giá trị sản phẩm.

Từ đầu năm đến nay, xí nghiệp đã chủ động ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và cung ứng vật tư với các đơn vị, nhanh chóng xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu, nguyên liệu vật tư... sát hợp với thiết bị và tay nghề của công nhân. Ban lanh đạo của xí nghiệp đã tổ chức thảo luận lấy ý kiến đóng góp của công nhân trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất. Sau khi thống nhất ý giữa lãnh đạo và công nhân, việc thực hiện trở thành pháp lệnh. Bên cạnh đóm xí nghiệp còn áp dụng trả lương khoán theo sản phẩm. Hai tháng qua có trên 30% công nhân được khen thường bằng tiền mặt và gần 90% công nhân được hưởng lương theo sản phẩm. Nhờ vậy, việc quản lý ngày, giờ công được chặt chẽ. Chỉ trong hai tháng vừa qua, anh em trong tò rèn, tồ tiện, tò hàn... đã vượt năng suất lao dộng từ 8 đến 10%. Bình quân mỗi công nhân đạt hơn 113 đồng/tháng.

Cùng với việc sản xuất các mặt hàng chủ yếu phục vụ nông nghiệp, anh em tổ cơ khí còn tận dụng phế liệu, nhôm, gang, đồng... chế tạo 1 máy mài, 1 máy hàn, 1 máy sạc bình dùng được cả 2 dòng điện 110v và 220v, phục vụ sản xuất trong các phân xưởng... Bên cạnh đó nhiều công nhân còn có sáng kiến trong việc tự chế máy mài, làm lợi cho Nhà nước hàng ngàn đồng. Với sự chỉ đạo, cách tổ chức sản xuất mới xí nghiệp cơ khí Đơn Dương đang từng bước đi lên.

Lâm Đồng / 1981

33. THÁI HÀ. Trạm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu Lâm Đồng không ngừng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu / Thái Hà // Lâm Đồng.- 1981.- Ngày 27 tháng 3.- Tr.3.

Năm 1980, trạm thủ công mỹ nghệ xuất khầu (Lâm Đồng) đã thực hiện được trên 3 triệu đồng giá trị, đạt 100,8% kế hoạch. Rút kinh nghiệm các năm trước năm nay trạm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu đã phân công mỗi cán bộ của trạm phụ trách 1 cơ sở để theo dõi nắm sát tình hình sản xuất, kịp thời cung cấp và phân phối hợp lý nguyên vật liệu cho các cơ sở. Nhờ vậy trạm đã tìm ra nguyên nhân việc giảm số lượng và chất lượng sản phẩm của các năm trước đề khắc phục. Trạm đã cử nhân viên kỹ thuật thường xuyên xuống các cơ sở để hướng dẫn kỹ thuật tại chỗ kịp thời cho sửa ngay những sai sót, tránh được tình trạng phải tái chế lại sản phẩm hàng loạt vừa đỡ tốn thêm công vừa bảo đảm hợp đồng. Nhờ tăng cường công tác kỹ thuật nên năm nay chất lượng sản phẩm đã tăng hơn 40% ; từ chỗ hư hỏng phải tái chế lại 60 — 70%; nay chỉ còn 20 — 30%. Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng sản phẩm, trạm cũng đã có nhiều biện pháp kiểm tra bảo quản tích cực. Từ các khâu bảo quản vật liệu, cấp phát nguyên vật liệu đến kiềm tra kỹ thuật, thu hóa tại chỗ, bảo quản sản phẩm khỏi bị hư hỏng, bụi bặm kém phầm chất đêu được tiến hành chu đáo cẩn thận, Nhờ nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa không bị trả lại tái chế nên hầu hết các mặt hàng chủ yếu: laine, thêu, thuyền tre xuất khẩu đều đạt và vượt từ 25 — 50% kế hoạch và tăng từ 20 — 200% so với năm trước.

Lâm Đồng / 1981

34. PHẠM THỊ LỢI. Ngành du lịch tổ chức nhiều biện pháp kinh doanh thu hút nguồn khách và chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách quốc tế / Phạm Thị Lợi // Lâm Đồng.- 1982.- Ngày 7 tháng 5.- Tr.4.

Ba tháng đầu năm nay ngành du lịch tỉnh đã thu hut gần 10 000 khách du lịch trong và ngoài nước, tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ năm ngoái.Đặc biệt năm nay ngành đã tổchức ký hợp đồng với các cơ quan, xí nghiệp tại thành phổ Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam, nhận khách du lịch tại chỗ, trang bị phương tiện xe cộ đưa đón khách từ tuyến đi và về với giá cả hợp lý. Đồng thời để khắc phục tình trạng khan hiếm hàng hóa phục vụ khách như các năm trước, ngay từ đầu năm ngành đã khai thác các mặt hàng phục vụ ở tại địa phương và các tình khác tăng gấp hai lần so với năm 1981. Bên cạnh đó, ngành còn mở thêm một số cơ sở mới có thể tiếp đón thêm được từ 120 đến 150 khách. Ba tháng đầu năm nay, tỷ lệ sử dụng khách sạn đạt 95%, tăng gấp 3 lần so với năm ngoái.

Mặt khác ngành còn chú trọng việc nâng cao chất lượng phục vụ khách quốc tế. Mở một số biệt thự để cóthề tiếp đón và phục vụ riêng cho từng đoàn, từng gia đình theo yêa cầu của khách. Đa số công nhân viên phục vụ khách quốc tế đều đã tốt nghiệp lớp 12, biết một ngoại ngữ và đã được đào tạo qua trường ỉớp từ một năm đến một năm rưỡi, các nhân viên nhà bếp cũng đã học nghề từ 2 đến 2 năm rưỡi chuyên

nấu các món ăn Âu, Á. Ngoài ra ngành đang chuẩn bị đầu tư xây dựng các cửa hàng mỹ nghệ, cửa hàng tổng hợp, may đo, nhiếp ảnh, cắt tóc và trang bị ca nô lướt ván trên hồ Xuân Hương để phục vụ khác. Để đáp ứng theo thị hiếu của khách du lịch nước ngoài ngành còn đóng một số xe ngựa theo kiểu cổ để đưa khách đi tham quan du lịch trong thành phố Đà Lạt. Nhờ đó, chỉ trong 3 tháng đầu năm, ngành du lịch Lâm Đồng đã đạt mức doanh thu gần 12 triệu đồng, đạt 42.1% kế hoạch cả năm, tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Lâm Đồng / 1982

35. THANH ĐẠM. Những tiến bộ mới ở bệnh viện Tỉnh / Thanh Đạm // Lâm Đồng.- 1982.- Ngày 18 tháng 6.- Tr.2.

Sau khi được nhận cờ luôn lưu do Bộ y tế trao tặng trong năm 1981, cán bộ, công nhân viên bệnh viện Tỉnh đã lỗ lực phấn đấu xứng đáng với phần thưởng cao quý đó. Bệnh viện đã có những biện pháp để nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh nhân.

*Trong 5 tháng đầu nămj bệnh viện đã thực hiện xuất sắc một số chỉ tiêu: Khám bệnh cho gần 87 600 người, đạt 70% và nhập viện trên 5 500 ngừoi, đạt trên 49% kế hoạch năm 1982. Bên cạnh việc chú trọng củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các khoa, vừa qua bệnh viện xây mới được 4 khoa. Riêng khoa vật **lý** trị liệu chuyên chữa, điều trị tác bệnh mãn tính như hen, suvền, bại liệt bằng phương pháp vật lý vừa đỡ tốn kém, vừa điều trị đuợc nhiều bệnh nhân. Được đầu tư và khuyến khích, số thuốc khoa dược tự điều chế đã giải quyết trên 60% số thuốc dùng trong bệnh viện (các năm trước đạt từ 32 đến 35%). Ngoài ra bệnh viện còn quan tâm tới công tác chỉ đạo chuyên môn và kiểm tra hoạt động của các bệnh viện cấp huyện nhằm đưa ngành y tế Tỉnh nhà đi lên.*

Lâm Đồng / 1982

36. HOÀNG HẬN. Xã Ka Đơn bài trừ mê tín dị đoan / Hoàng Hận // Lâm Đồng.- 1983.- Ngày 7 tháng 1.- Tr.3.

Nằm về phía đông nam huyện Đơn Dương, cách quốc lộ 21B 8 km, cách lô-mét Nhân dân ở đây phần lớn là bà con các dân tộc ít người, một số còn lại là đồng bào Kinh tới xây dựng kinh tế mới từ những năm 1976.

Sau ngày giải phóng được sự chỉ đạo của tỉnh và huyện chính quyền nơi đây đã lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất, từng bước ổn định đời sống, đưa các mặt công tác khác ngày càng đi lên nhất là việc đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan. Qua việc thường xuyên tuyên truyền giáo dục quần chúng xây dựng nếp, sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, dần dần với ý thức tự nguyện, tự giác bà con nơi đây đã thực hiện tốt các quy ước của địa phương đề ra. Trước đàây, việc tổ chức đám cưới rất tốn kém, giết nhiều heo, dê trâu, bò . . . ăn uống, rượu chè say sưa kéo dài nhiều ngày. Trong đám tang, người chết thường đề nhiều ngày, tổ chức ăn uống ngay bên thây ma rồi mới chôn. Trường hợp có những người ốm đau không chịu dùng thuốc uống cho lành bệnh, lại lại tin tưởng tuyệt đối vào hiệu lực của những thầy mo, thầy cúng. Trong sản xuất nông nghiệp, trước và sau mỗi lần cày cấy, thu hoạch đều tổ chức cúng bái linh

đình, phụ nữ sinh đẻ ngoài rừng, sinh ở vỉa hè sau một tháng mới chịu vào nhà v.v... Nhưng từ ngày có Đảng và chính quyền nhân dân, nhất là những năm gần đây, bà con dân tộc cùng với người Kinh đoàn kết một lòng, làm chủ đời mình, hăng hái lao động sản xuất, tích cực xây dựng cuộc sống mới. Đống bào đã tố giác các thầy mo, thầy cúng lừa bịp. Khi đau bệnh không còn mời thầy mo đến cúng, bà con đã uống thuốc và đi bệnh viện điều trị. Các đám cưới được tổ chức giản dị, tiết kiệm. Nơi ăn chốn ở của bà con đã gọn gàng, bảo đảm tốt ba công trình vệ sinh phòng bệnh. Việc ăn chín, uống sôi đã trở thành thường xuyên và co ý thức. Trong chăn nuôi đều có chuồng trại riêng để giữ vệ sinh và tận dạng nguồn phân cho sản xuất. Đây là bước tiến đáng phấn khởi của bà con các dân tộc ở xã Ka Đơn trong những năm qua, một lòng tin tưởng làm theo lời của Đảng.

Lâm Đồng / 1983

37. HOÀNG HẬN. Những đổi mới ở Đầm Ròn / Hoàng Hận // Lâm Đồng.- 1983.- Ngày 15 tháng 6.- Tr.3.

Đầm Ròn là vùng thung lũng ở độ cao từ 500 mét đến 1000 mét, thuận lợi cho việc phát triền nông nghiệp. Trước đây đồng bào sống du canh, du cư, đốt rừng phá rẫy, đời sống thiếu thốn, cực khổ. Những năm đầu sau ngày giải phóng, tình hình an ninh chính trị ở đây khá phức tạp. Bọn phản động Fulrô lén lút hoạt độug chống phá cách mạng.Vào những năm 1980—1981,huyện cử nhiều cán bộ về vận động bà con ổn định sản xuất xây dựng cuộc sống mới, trường học, trạm xá, cửa hàng được dựng lên. Cuộc vận động định canh, định cư được đồng bao tích cực hưởng ứng. Gần 10 ngàn nhâna khẩu, 1371 hộ từ các nơi tụ tập về trên một vùng rộng lớn 100 000 héc-ta. Người kinh cùng với người Cil, Mnông hợp sức, chung lòng xây dựng buô làng, mở rộng diện tích gieo trồng tích cực làm phân, thủy lợi. Cán bộ hướng dẫn đồng bào cày, cấy, làm ruộng nước, biết gữ vệ sinh phòng bệnh. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương đã huy động lực lượng lao động tại chỗ, đóng góp trên 46 000 công làm mương thủy lợi, tu bổ sửa sang lại mặt đường và xây dựng các công trình có ích trong đó có công trình thủy lợi Tiêng Tang dài 12 km. Nhờ vậy đến nay, 3 xã khu vực Đầm Ròn đã có 500 héc-ta ruộng làm hai vụ, đưa sản lượng lúa hàng năm từ 2000 tấn năm 1980 lên 4500 tấn năm 1983 đảm bảo bình quân lương thực cho mỗi nhân khẩu 280kg/năm; chấm dứt tình trạng cứu tế hàng năm, hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực bán cho Nhà nước trên 100 tấn.

Ngoài trồng lúa mỗi năm bà con còn trồng từ 1 000 đến 1 300 héc-ta bắp, khoai mì, ý dĩ, cà phê. Sản xuất ổn định, nên chăn nuôi gia đình không ngừng được phát triển, bình quân mỗi hộ nuôi từ 3 đến 5 con heo, từ 2 đến 4 con bò, trâu, dê hoặc ngựa, đưa tổng số đàn gia súc, gia cầm từ 4 000 con năm 1979 lên đến 7 000 con năm 1983. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ngày một cải thiện. Trẻ em được đến trường ngày một đông, hiện nay số học sinh đông gấp 4 ỉần so với năm 1979. Các bệnh dịch, sốt rét được đẩy lùi dập tắt, các thủ tục lạc hậu mê tín dị đoan dần dần được xóa bỏ, phong trào xây dựng nếp sống mới được đẩy mạnh. Công tác an ninh

chính trị, trật tự xã hội có nhiều tiễn bộ, lực lượng dân quân du kích không ngừng được tăng cường, củng cố. Nhiều người trước đây lầm đường lạc lối, theo Fulrỗ,bây giờ đã tình nguyện trở về với chính quyền cách mạng, cùng với bà con góp sức xây dựng buôn làng.
Phát huy những thành tích đã đạt được nhân dân các xã trong khu vực Đầm Ròn đang ra sức thi đua đầy mạng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội xây dựng quê hương buôn làng giàu mạnh.

Lâm Đồng / 1983

38. TUYẾT MAI. Khánh thành nhà máy nước Đà Lạt – Công trình hợp tác Việt Nam – Đan Mạch / Tuyết Mai // Lâm Đồng.- 1984.- Ngày 6 tháng 7.- Tr.1+4.

Sau hơn hai năm lao động khẩn trương và sáng tạo của cán bộ, công nhân Công ty Xây dựng số 2 và Xí nghiệp Xây lắp 203 với sự hỗ trợ của các đơn vị thi công Trung ương và địa phương, đặc biệt được sự giúp đỡ của Chính phủ Đan Mạnh, Nhà máy nước Đà Lạt — công trình hợp tác Việt Nam — Đan Mạch đã hoàn thành tốt đẹp, bảo đảm đúng yêu cầu thiết kế và kỹ thuật, vợt kế hoạch về thời gian trước 6 tháng.

Trong quá trình thi công, mặc dù gặp nhiều khó khăn về mọi mặt, nhất là lực lượng thi công nhưng với tinh thần tự lực tự cường, các đơn vị thi công đã sôi nổi thi đua, phát huy gần 170 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, làm lợi cho Nhà nước trên 4 triệu đồng, góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công. Qua hơn hai năm, hai đơn vị thi công đúc gần 7 000 mét khối bê-tông, gia công và lắp, dựng trên 800 tấn sắt thép, xây và ép 710 mét khối gạch đá, đào và đắp 300 000 mét khối đất, lắp đặt 380 tấn thiết bị cơ khí, lắp đặt 20 500 mét dây điện cấc loại, lắp đặt hoàn thiện các bộ hệ thống đường ống chuyền tải fi 600 dài 7160 mét và hệ thông đường ống phân phối nước các loại trong thành phổ dài 19 900 mét.

Ngày 18/4/1984, công trình đã đi vào chạy thử, vượt trước kế hoạch 6 tháng. Nhà máy có dây chuyền công nghệ hiện đại và tự động hoàn toàn. Công suất khối nước / một gấp hai lần so với của các nhà có tại Đà Lạt.Dòng nước do cấp bảo đảm trong lành mức độ hợp vệ đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Lâm Đồng / 1984

39. HOÀNG HẬN. Đổi mới bên dùng sông K'Rông Nô / Hoàng Hận // Lao Động.- 1985.- Ngày 25 tháng 6.- Tr.3+4.

Các dân tộc thuộc khu vực 3 xã Đam Rông (Đạ Long, Đạ Tông, Đầm Ròn huyện Lạc Dương) - nơi cách trung tâm huyện 120km ở về phía Tây-Bắc. Từ sau ngày giải phóng, nhất là những năm 1980 - 1981, Đảng và chính quyền cách mạng đã thực

sự mang tới cho bà con các dân tộc ở đây ánh sáng mới - niềm tin. Trường học được dựng lên, nhà cửa, buôn làng được quy hoạch lại, trạm xá mở mang ra, cửa hàng được thành lập, đường xá lại giao lưu.

Để bảo vệ và xây dựng cuộc sống cho đồng bào, Huyện ủy và UBND huyện từng bước đề ra các nhiệm vụ cụ thể và các biện pháp chỉ đạo sát sao, cử những cán bộ, đảng viên trẻ, khỏe, có uy tín và năng lực cùng về chung sống và hướng dẫn bà con hành động cách mạng. Nghe theo lời Đảng, khi cái đầu đã hiểu, các bụng đã tin, con mắt đã thấy thì cái tay, cái chân của đồng bào lại cứ muốn làm nhiều. Vào giữa năm 1981, một cuộc định canh định cư được tiến hành rộng khắp trên địa bàn toàn huyện. gần 10.000 khẩu, 1.371 hộ từ các nơi trong huyện trở về, từ thượng nguồn K'Rông Nô chuyển đến cùng ở chung một vùng đất trên 100.000 ha này. Từ đây có người Kinh sống với người Cil và người M'Nông, đã hợp sức chung lòng giữ gìn an ninh chính trị, hăng hái khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng, tích cực làm phân, làm thủy lợi. Cuộc sống của đồng bào ngày càng thêm "thay da đổi thịt". Họ đã biết chú trọng đào mương, đắp đập; đồng ruộng, cỏ cây được uống nước từ các đập Tiêng Tang (Đầm Ròn), Chiêng Brơm, Chiêng Múp, Chiêng Tơ (Đạ Tông), Cầu Máng, Đạ Mê (Đạ Long). Nhờ đó, đến nay toàn khu vực đã có gần 500 ha ruộng lúa nước làm 2 vụ/năm với năng suất bình quân mỗi vụ đạt từ 24-26 tạ/ha, bước đầu bảo đảm cung cấp lương thực bình quân cho mỗi người trên 300 kg/năm và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước gần 100 tấn. mỗi năm, bà con trong vùng còn trồng từ 1.000-1.300 ha bắp, mì, í dĩ, cà phê, thu nhiều kết quả. Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm của các hộ gia đình không ngừng được phát triển, bình quân mỗi nhà nuôi từ 3-5 con lợn, 2-8 con bò, trâu, dê hoặc ngựa, đưa tổng số đàn gia súc, gia cầm từ 4.000 con năm 1980 lên đến 8.000 con năm 1984, vì vậy đã tạo ra được nguồn phân bón phục vụ cho sản xuất. Bên cạnh đó, hàng năm, ngoài các khoản thu nhập do sản xuất chăn nuôi ra, nhiều gia đình còn khai thác lâm sản, dược liệu địa phương bán cho Nhà nước thu về từ 3.000 đồng đến 4.000.

Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", bằng sức mình là chính, những năm qua, địa phương đã huy động lực lượng lao động tại chỗ, đóng góp gần 58.000 công làm thủy lợi và tu bổ, sửa chữa, xây dựng các công trình phụ khác. Riêng năm 1984 có 13.000 công tham gia nạo vét, đào đắp hơn 13.000 m3 kênh mương, bảo đảm dẫn đủ nước tưới cho 400 ha ruộng nước hai vụ toàn vùng. Đời sống văn hóa, tinh thần có những biến đổi khá rõ nét. Trẻ em trong độ tuổi đến trường gấp 5 lần so với năm 1979-1980. Phong trào bổ túc văn hóa ngày càng phát triển. 3 công trình vệ sinh phòng bệnh được xây dựng rộng khắp trong các buôn ấp. khi ốm đau bà con đã biết đến bệnh viện, trạm xá để điều trị, biết dùng cây thuốc nam để cứu chữa những bệnh thông thường. Nhưng phong tục ma chay, cưới xin, tệ đâm trâu, mổ lợn, cúng bái linh đình kéo dài nhiều ngày như trước dần dần bị xóa bỏ.

Lao động / 1985

40. HOÀNG OANH. Tân Cao vươn lên từ yếu kém / Hoàng Oanh // Lâm Đồng.- 1985.- Ngày 15 tháng 3.- Tr.2.

Hợp tác xã Tân Cao được thành lập từ đầu năm 1981 với trên 306 ha diện tích canh tác, trong đó có 159 ha trà và gần 63 héc-ta cà phê. Hợp tác xã có191 hộ, 1109 khẩu với 515 lao động. Dân số chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó số hộ người Nùng, và người K'Ho chiếm gần 40%.

Sự phức tạp của cơ cấu dân cư cùng với kinh nghiệm quản lý ban đầu còn non yếu của ban quản trị đã là một trong những nguyên nhân làm cho hợp tác xã 2 năm đầu thành lập bị trì trệ yếu kém.

Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của huyện ủy, UBND huyện Di Linh, chi bộ, chính quyền xã Tân Cao cùng ban quản trị hợp tác xã từng bước gỡ dần những khó khăn chóng đưa hợp tác xã đi vào sản xuất. Từ giữa năm 1983 hợp tác xã đã tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Qua giáo dục, vận động, chỉ trong thời gian ngắn, 100% số hộ đã đăng ký nhận khoán với hợp tác xã. Nửa năm kiên trì tháo gỡ khó khăn và bước đầu đưa chính sách khoán sản phẩm vào quản lý sản xuất, phong trào hợp tác xã được củng cố lại và dần dần đi vào hoạt động ổn định. Cùng với việc củng cố đội ngũ ban quản trị, hợp tác xã tiến hành sắp xếp, tổ chức lại sản xuất.

Từ kinh nghiệm bước đầu trong công tác khoán sản phàn, năm 1984, hợp tác xã quản thêm 2 khâu : tô phòng trừ sâu bệnh và nhóm thu hái giao nộp sản phẩm, tập trung nhóm lao động từ 6 đến 8 người trong từng đội, thu hái nhanh gọn trên từng diện tích và tập trung giao nộp sản phằm. Qua cách khoán này, sản lượng trà cà phê trong năm 1984 của hợp tác xã đã giao nộp cho Nhà nước đạt từ 77% đến 95,46% kế hoạch được giao. Từ những thành tự đã đạt được Tân Cao đã khẳng định hướng đi lên tất yếu của con đường làm ăn tập thể, xứng đáng là một vùng chuyên canh cây công nghiệp trọng điểm của huyện Di Linh.

Lâm Đồng / 1985

CHƯƠNG III: KINH TẾ-XÃ HỘI LÂM ĐỒNG SAU GẦN 30 NĂM ĐỔI MỚI

41. KIM CHI. Hợp tác xã Suối Thông B: Phát triển sản xuất theo hướng kinh doanh tổng hợp / Kim Chi // Lâm Đồng.- 1986.- Ngày 20 tháng 7.- Tr.2+4.

Những năm gần đây hợp tác xã Suối Thông B (Đan Dương) đã có bước nhảy. vọt đáng kể trong hoạt động kinh tế. Đưa sản xuất phát triển theo hướng nông nghiệp – công nghiệp.

Về nông nghiệp với chủ trương đẩy mạnh thâm canh cây trồng, đầu tư nhiều về phân bón, giống mới, bảo vệ thực vật đã đưa năng suất lúa bắp tăng 6 tạ/ha đưa tổng sản lượng lương thực từ 221 tấn/ năm 1981 lên 306 tấn/ năm 1985. Bên cạnh đó, hợp tác xã còn liên kết với Công ty giống rau quả Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh trồng 20ha củ cải Thái Lan trên đất đồi, năm 1983 thu lãi trên 6000 đồng.

Về công nghiệp, hợp tác xã đã đưa vào hoạt động cơ sở chế biến đường. Nhờ có sẵn nguyên liệu, cơ sở ép mía, hàng năm hợp tác xã đã sản xuất được hơn 100 tấn đường thô với giá trị sản lượng hàng trăm ngàn đồng. Ngoài ra hợp tác xã Suối Thông B còn nuôi hơn 800 con heo, 347 con bò.

muốn làm kinh tế có hiệu quả thì phải chủ động nguồn vốn, vật tư hợp tác , xã Suối Thông B đã thực hiện nhanh chương trình phát triển ngành nghề, và chuyển hướng mạnh trồng cây công nghiệp dài ngày và cây thưc phẩm. Con đtiờng làm ăn của hợp tác xã Suối Thông B chưa phải đừng lại ở đây. Trong vụ mùa 1986 này, ngoài việc liên kết trống 20 hécta củ cải Thái Lan, hợp tác xã còn ký kết trồng su su và đậu tương với công ty rau quả Trung ương. Năm nay hợp tác xã đã chuẩn bị mọi điều kiện đề trồng mới 50 ha cà phê, 22 000 cây keo dậu chắn gió và 5 000 cây mun đen che bóng đang Hợp lác xã đã ký hợ p đồng với trường' đại học bách khoa thành phố Hồ Chí Minh khoan giếng phun, đề lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống 5 giếng nước, trị giá 1 triệu đồng, phục vụ tới cây cà phê. Ngoài ra, nhằm giải quyết nguồn thức ăn cho gia súc, hợp tác xã cũng đã trang bị một máy chế biến thức ăn gia súc, trị giá 35000 đồng, xây dựng một lò gạch ngói, sản xuất 200 000/năm

Nghị quyết ương về xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là chìa khóa mở đường cho hợp tác xã Suối Thông B từng bước hoàn chỉnh hướng đi lên theo hướng sản xuất kinh doanh tổng hợp.

Lâm Đồng / 1986

42. HOÀNG KIẾN GIANG. Vài nét đổi mới trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc ở tỉnh ta / Hoàng Kiến Giang // Lâm Đồng.- 1987.- Ngày 5 tháng 7.- Tr.3.

Sau 12 năm giải phóng, cùng với sự chuyển biến về mặt kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc ở tỉnh ta có bước phát triển. Sự cách biệt về trình độ nhận thức, nếp sống văn minh giữa đồng bào dân tộc và người Kinh mà chế độ cũ để lại ngày càng được rút ngắn. Bà con dân tộc ngoài những buổi đến nhà văn hóa tham gia sinh hoạt, thưởng thức nghệ thuật... còn có những ngày hội của riêng mình, đó là hội đâm trâu, hội đón tết cổ truyền... Những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan như ma chay, cúng bái thần linh, bói toán, lên đồng... đã được trừ bỏ dần, nhưng việc giữ lại ngày hội đâm trâu, đón xuân theo phong cách riêng của đồng bào dân tộc là một sinh hoạt văn hóa hết sức độc đáo. Phải nói rằng : Trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc cái mới dần dần thay cái cũ, cái lạc hậu, không chỉ do công tác vận động tuyên truyền của các đoàn thể, mà còn do trình độ văn hóa nhận thức của đồng bào dân tộc ngày càng được nâng cao. Như vậy có nghĩa sự nghiệp giáo dục ở các vùng

đồng bào dân tộc được quan tâm đúng mức và đem lại hiệu. Ở xã Lộc Châu với 650 người dân tộc, có 60 em đang trong độ tuổi đến trường và thường xuyên duy trì được 2 lớp bổ túc văn hóa. Tình trạng mù chữ đã được xóa bỏ sau 12 năm giải phóng, không những thế đội ngũ trí thức là con em dân tộc đang hoạt động ở những môi trường, lĩnh vực khác nhau ngày càng chiếm số lượng khá lớn. Điều này khẳng định trình độ văn hóa ngày cao của đồng bào dân tộc.

Ở xã Tân châu 100% bà con Nùng, Nộp, K' Ho... đều đi vào cuộc sống định canh định cư, trồng cây công nghiệp (chè, cà phê) làm lúa nước, phát triển kinh tế vườn, nhà cựa khang trang, thoáng mát, có 3 công trình vệ sinh cầu tiêu, chuồng trại xa nhà và giếng nước sạch sẽ. Đặc biệt bà con ở thôn 4 đều có nhà xây, nền lát xi măng, trong nhà có đủ tiện nghi đài, ti vi, xe máy, catssett... nhờ đó bà con có điều kiện để tiếp thu với những tư tưởng tiến bộ, những thành tựu khoa học. Ở đây không còn cảnh cưới xin, bắt rể, thách cưới bằng vàng bạc, trâu bò của cải, hay là ma chay, đình đám, người chết để trong nhà 5—7 ngày, cũng không còn cảnh nhậu nhẹt say sưa ngày này qua ngày nọ, mà thay vào đó là việc dựng vợ gả chồng theo nếp sống mới của người kinh, việc /chôn cất người chết cũng nhẹ nhàng hợp vệ sinh và đạo lý.

Lâm Đồng / 1987

43. NGUYỄN TRUNG TÍN. Lâm Đồng trên đường đổi mới / Nguyễn Trung Tín // Tạp chí Cộng sản.-1987.- Số 8.-Tr.15+18.

Mười hai năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lâm Đồng liên tục phấn đấu vượt qua nhiều thử thách hết sức gay go, phức tạp, đã giành được những thành quả quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng. Ở Lâm Đồng, đất trồng cây lương thực ít, lại đón trên 130 000 dân đến xây dựng kinh tế mới, song năm 1986 so với năm 1976 bình quân lương thực đầu người đã tăng gần 2 lần, sản lượng đậu đỗ các loại tăng gần 8 lần, diện tích trồng cà phê tăng trên 5 lần, trồng dâu tăng 3 lần, trồng mía tăng trên 6 lần, đàn bò tăng 2,5 lần, đàn trâu tăng trên 2 lần, đàn lợn tăng gần 3 lần. Lương thực, nông sản huy động mỗi năm một nhiều. Giá trị xuất khẩu từ chỗ chưa có gì, nay đã đạt 18 rúp-đô la/người/năm. Tất cả các phường, xã đều đã có trường học và cơ sở y tế, kể cả những vùng kinh tế mới. Đã căn bản chấm dứt được hoạt động của bọn phản động FULRO, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Đạt được những thành tựu trên đây, trước hết là do Lâm Đồng đã biết căn cứ vào những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của mình mà xác định ngày càng đúng đắn phương hướng sản xuất và cơ cấu kinh tế của địa phương là nông - lâm - công nghiệp và du lịch nghỉ dưỡng, tiếp đó đã đề ra các chính sách kinh tế, lập ra các tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý thích hợp để thực hiện phương hướng sản xuất ấy. Đặc biệt là trong nông - lâm nghiệp, tỉnh đã kịp thời chuyển từ phương hướng lấy sản xuất lương thực làm chính sang mở rộng, phát triển mạnh mẽ cây công nghiệp dài ngày trong cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình, ban hành chính sách sử dụng

đất, đầu tư phát triển kinh tế vườn gắn với định canh định cư vùng dân tộc thiểu số, trồng và bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng và khai thác lâm sản. Trong xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ở vùng đồng bào dân tộc và vùng kinh tế mới tỉnh đã thay hình thức tổ chức hợp tác xã bằng tổ chức đoàn kết sản xuất; đồng thời ra sức củng cố các hợp tác xã vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp, thực hiện đúng đắn cơ chế khoán đi đôi với đầu tư chiều sâu cho nông nghiệp, tăng cường liên kết giữa quốc doanh, tập thể, gia đình đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân sản xuất thật nhiều sản phẩm cho xã hội. Những thành quả đạt được đã tăng cường cả thế và lực của Lâm Đồng, tạo ra những nhân tố mới làm tiền đề cho bước phát triển tiếp theo.

Tạp chí Cộng sản / 1987

44. THU HIỀN. Ngành bưu điện nâng cao năng lực hoạt động mạng lưới thông tin điện chính / THU HIỀN // Lâm Đồng.- 1988.- Ngày 20 tháng 5.- Tr.1.

Thực hiện phương châm "ngành và địa phương cùng làm" năm qua ngành bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành nhiều công trình góp phần nâng cao năng lực hoạt động của mạng lưới thông tin trong toàn tỉnh. Như xây dựng công trình đường dây thông tin hữu tuyến ở hai huyện kinh tế mới là Đạ Tẻh – Cát Tiên; sửa chữa nâng cao chất lượng tuyến Đạ Huoai – Đạ Tẻh; triển khai đường dây trực tiếp Đà Lạt – Lâm Hà sau khi huyện được thành lập; thay tổng đài 20 số bằng tổng đài 60 số phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin của các đơn vị mới thành lập; lắp đặt thêm 50 mạch thuê bao kép và sửa chữa cấp 900 đôi giải quyết khó khăn về dung lượng tổng đài cho thành phố Đà Lạt. Bên cạnh đó, ngành cũng đã tăng cường năng lực hoạt động của các máy vô tuyến ở các vùng sâu, vùng xa.

Lâm Đồng / 1988

45. NGUYỄN CHẨM. 12 năm thực hiện định canh định cư và tổ chức lại sản xuất theo hướng nông lâm kết hợp ở tỉnh Lâm Đồng / Nguyễn Chẩm, Nông Phèng // Tạp chí Dân tộc học.- 1989.- số 4.

Ở Lâm Đồng từ sau ngày giải phóng đến nay, quá trình định hướng sản xuất cho đồng bào Thượng đang được tỉnh quan tâm với những hình thức của chương trình định canh định cư

Từ năm 1976-1981: Hoạt động nổi bật là tập trung cho việc khai hoang - xây dựng cánh đồng, làm lúa nước để giải quyết nhu cầu về lương thực tại chỗ.

Trải qua 5 năm, từng bước tổ chức lại sản xuất, sinh hoạt kinh tế và bộ mặt xã hội ở vùng Thượng bước đầu có những thay đổi, và tương đối đồng đều. Một số nơi ở huyện Đức Trọng như N'thol Hạ, ở Đơn Dương như Ka Đơn, ở Di Linh như Đinh Trang Hòa ... đã xuất hiện việc canh tác ruộng nước hai vụ, sử dụng phân bón, dùng trâu bò để cày kéo... Kinh tế hàng hóa bước đầu đã tác động hầu khắp đến các buôn -

làng với sự có mặt hàng ngày của hàng hợp tác xã mua bán, nâng cao mức tiêu dùng thị hiếu. Nhiều nơi xuất hiện các điểm trao đổi sản phẩm, và sản phẩm của đồng bào Thượng tuy còn ít, nhưng đã có mặt thường xuyên tại các chợ thị xã, thị trấn, các tụ điểm giao thông. Nhiều con đường được sửa sang, kiến thiết tạo điều kiện lưu thông, liên lạc giữa các vùng. Các công trình phúc lợi công cộng xây dựng. Những trường học, trạm y tế - hộ sinh, nhà thông tin, sân bãi vui chơi - giải trí đã mọc lên.

Từ năm 1982-1985: Sự lúng túng và thiếu sốt trong 5 năm qua đã mở ra cho Lâm Đồng một hướng mới để thay đổi biện pháp định canh định cư, xác định rõ hơn trong nhận thức và hành động là lấy định canh làm trọng, làm bàn đạp đi từ hình thức thấp lên hình thức cao để định cư. Ngoài việc tạo thêm tư liệu sản xuất như diện tích khai hoang xây dựng đồng ruộng, thực hiện thâm canh tăng vụ, làm thủy lợi v.v... và xây dựng thêm các công trình phúc lợi công cộng theo 4 tiêu chuẩn, Lâm Đồng còn có chủ trương đầu tư vào vườn hộ gia đình trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, như việc phát triển vườn cà phê, tạo nguồn hàng xuất khẩu cho nhà nước thu ngoại tệ. Việc vận động những hộ gia đình đã định cư làm vườn cà phê được tổ chức theo phương châm lấy ngắn nuôi dài, Nhà nước và nhân dân cùng làm. Sự hỗ trợ của Nhà nước bao gồm cả Trung ương và địa phương nhằm vào khâu kỹ thuật, nguồn vốn, trước hết là cây giống và hướng đến canh tác loại cây công nghiệp này. Vượt ra ngoài giai đoạn 1982-1985 tính đến 1987, số cà phê giống đã cấp cho đồng bào dân tộc làm vườn là 3.990.000 cây. Đến nay còn sống trên 2.600.000 cây, tỷ lệ cây còn sống chiếm trên 65%. Tính bình quân chung trong tỉnh, số cây cà phê còn sống của hộ dân tộc là 148/227 cây được cấp phát. Toàn tỉnh hiện có 35/36 xã, 10.762/17.125 hộ người Thượng đã được cấp trên 200 cây giống và 16.681 hộ dân tộc đã có vườn cà phê. Đến 1987, 3 huyện Bảo Lộc, Di Linh và Đức Trọng (cũ) đã căn bản hoàn thành kế hoạch cà phê vườn trong các hộ dân tộc theo chỉ tiêu 200 cây / vườn gia đình thuộc 38 xã, chiếm 70% số xã toàn tỉnh. Huyện Di Linh là nơi có vườn cà phê khá nhất. So với 10 năm trước, diện tích vườn cà phê đã tăng lên 63 lần, với 1.447 ha/ 23 ha. Do hiệu quả kinh tế mang lại rõ rệt, nhiều gia đình Thượng đã bán một phần tài sản để đầu tư cho cà phê vườn. Ba năm 1985-1987 hai huyện Bảo Lộc và Di Linh đã thu mua được 386 tấn cà phê của người Thượng. Riêng 1987, đồng bào ở Di Linh đã bán cho Nhà nước 126 tấn, ở Bảo Lộc 70 tấn và ở Đức Trọng 45 tấn cà phê nhân. Sản lượng thu mua cà phê trong vùng dân tộc ngày càng tăng. Điều đó thể hiện qua một số xã ở huyện Di Linh như Đinh Lạc, Tân Châu, Cung Ré, Liên Đầm, Tân Thượng, Đinh Trang Hòa. Năm 1985 thu mua được 54.574 tấn, 1986: 66.850 tấn và 1987: 108.200 tấn. Năm 1987, nhiều hộ dân tộc ở huyện Di Linh đã thu hoạch bình quân từ 3 đến 4 tạ cà phê nhân / năm. Một số gia đình có sản lượng 7-8 tạ đến 1 tấn. Ở Bảo Lộc nhiều hộ thu hoạch từ 1,5 đến 2,5 tạ. Một số hộ thu hoạch từ 3 tạ trở lên. Đến nay, 1/3 số hộ trong vùng dân tộc số sản phẩm hàng hóa trên vườn nhà 200 cây cà phê, và thu hoạch 300kg nhân / năm đã trở thành phổ biến. Nếu một hộ chỉ cần thu hoạch 300 kg cà phê

nhân sẽ có 2.100 kg gạo theo giá quy đổi đầu năm 1988 và tương ứng với hơn 3 tấn lúa, tương ứng với sản lượng của 3-4 ha rẫy mà một hộ gia đình khó có thể đảm đương.

Từ 1986 đến nay, ở vùng dân tộc có gần 3 triệu cây cà phê vườn tương đương với 3.000 ha và trên diện tích gần 1.000 ha đã được thu hoạch. Những nơi ở liền rừng, đã có vườn cây công nghiệp hai sào và có khả năng về lao động, ngành lâm nghiệp tổ chức ngay việc giao đất giao rừng theo chính sách do UBND tỉnh đã ban hành (quyết định 517 và 897). Phấn đấu đến năm 1990, giao đất giao rừng cho được 100 ngàn đến 150 ngàn ha rừng hoặc đất rừng ở hai vùng thông và tre nứa trên cơ sở tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp gắn với kế hoạch định canh định cư cho 120.000 đồng bào Thượng. Trong năm 1986-1987, Lâm Đồng đã bàn giao được 45.000 ha rừng và đất rừng, tập trung ở 2 huyện Bảo Lộc và Di Linh. Cũng từ 1986, Xí nghiệp liên hợp lâm - công nghiệp Lan Hanh đã đưa đồng bào dân tộc ở thôn Sáu xã Ninh Gia (nay thuộc huyện Đức Trọng) vào làm nghề rừng, gắn kinh tế với xã hội, gắn sản xuất với an ninh quốc phòng, thực hiện ĐCĐC, tiến hành việc giao đất giao rừng bằng biện pháp lâm - nông kết hợp, từng bước tiến tới kinh doanh tổng hợp để phát triển toàn diện. Hai năm qua, đồng bào thôn Sáu đã định cư trên một địa bàn ven quốc lộ 20, gắn với vườn nhà. Họ vừa làm nông nghiệp, vừa trồng cà phê vườn, lại vừa làm nghề rừng gắn với đơn vị công nghiệp chế biến và kinh doanh tổng hợp của địa phuơng.

Sau 12 năm phát triển sản xuất ở những vùng định canh định cư đã tạo được 17.853 ha đất canh tác mới, trong đó có 8.400 ha ruộng nước thì 3.366 ha là ruộng 2 vụ, 5.461 ha đất màu, gần 3.000 ha thổ cư làm vườn, xây dựng 65 công trình thủy điện, thủy lợi vừa và nhỏ, trong đó có trên 30 công trình do dân kiến thiết, đào đắp 13 km kênh mương với 300.000 ngày công, xây dựng nhiều công trình phúc lợi khác với số vốn đầu tư từ 1976-1987 là 95 triệu đồng, trong đó của Trung ương hỗ trợ gần 50 triệu (tính theo giá trị tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1982). Một số tiến bộ kỹ thuật trong canh tác đã được người Thượng ứng dụng như: cày, bừa bằng sức kéo của gia súc, tưới tiêu, cấy thẳng hàng, sử dụng phân bón giống mới, thuốc trừ sâu... Nhờ vậy, năng suất lúa có nơi đạt được 3,5-4 tấn / ha một vụ như ở các xã Đầm Ròn, Ka Đơn, N'Thol Hạ, Đinh Trang Hòa ... Năng suất cây màu trên đất thổ cũng tăng lên từ 2-2,5 tấn bắp /ha một vụ. Nhưng vấn đề lương thực cho đến nay vẫn chưa giải quyết được về căn bản. Trước đây, Nhà nước phải hỗ trợ hàng năm trung bình vài ngàn tấn, nay còn khoảng 100 tấn. Trong 10 năm qua, Nhà nước hỗ trợ cho vùng Thượng trên 4.800 tấn.

Tạp chí Dân tộc học / 1989

46. KIM QUY. Ngành bưu điện nâng cao năng lực hoạt động mạng lưới thông tin điện chính / Kim Quy // Lâm Đồng.- 1989.- Ngày 20 tháng 5.- Tr.1.

Đạ tẻh là một trong 4 huyệa kinh tế mới. Sau 3 năm tách huyện, Đạ Tẻh đã tự khẳng định mình là một huyện trọng điềm về lúa với sản lượng lúa chiếm trên 16% của tỉnh, đạt bình quân lương thực 540 kg / đầu người, bằng 2,5 lần bình quân lương thực cả tỉnh. Mỗi năm, huyện tiếp nhận 4000 dân, nhưng đã tự cân đối được lương thực và có lương thực bán cho Nhà nước. Đạ Tẻh hiện có 34 000 dân. Được Nhà nước hỗ trợ một phần, chủ yếu dựa vào đất đai và lao động, Đạ Tẻh đã chọn hướng đi thích hợp: lấy gia đình làm đơn vị sàn xuất cơ bản, thực hiện cơ cấu sản xuất nông — lâm — tiểu thủ công nghiệp kết hợp, ưu tiên đầu tư cho hạ tầng cơ sở và dịch vụ.

Không trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chính quyền Đạ Tẻh động viên các gia đình bỏ vốn khai hoang, phục hóa sản xuất lương thực và làm kinh tế vườn. Nhờ vậy, chỉ trong thời gian ngắn, ở nhiều xã kinh tế mới như An Nhơn, Quảng Trị, các gia đình đã có của ăn của để, nhà ngói khang trang, vườn cây, ao cá, đời sống không ngừng được cải thiện. Bên cạnh đó huyện còn khuyến khích các gia đình phát triển nghề phụ như đan cót, chẻ tăm, thu hái dược liệu, mở các lò rèn, lò gạch, lò đường, máy xay xát… Toàn huyện đã có 1400 gia đình làm hàng xuất khẩu, trong năm 1987-1988 đã thu được 220000 rúp đôla. Năm 1988, hệ số sử dụng đất ở Đạ Tẻh đã tăng lên, diện tích lúa hai vụ tăng lên gấp đôi, riêng diện tích lúa nước tăng lên gấp 3 lần, tổng sản lượng lương thực tăng 30% so với năm 1986. Toàn huyện có 10 ngàn trụ tiêu, 100 nghìn cây đầo lộn hột,… 10% hộ đã có ao cá, 90% số hộ nuôi lợn, trong đó có 100 hộ đã cho xuất chuồng từ 5 tạ đển 1 tấn thịt lợn hơi Nhờ có bước đi thích hợp, đến nay toàn huyện đã có 50.% số hộ có nhà gỗ, 30% số hộ có nhà lợp ngói, 30% số hộ có thu hoạch lương thực 3 tấn/ năm trở lên, 8 % có thu nhập kinh tế vườn 1 triệu đồng một năm.

Cùng với tỉnh và Trung ương, huyện đã đầu tư 20 triệu đồng xây dựng 2 cầu kiên cố, mỏ 40 km đường liên thôn, liên xã, nâng cấp 15 km đường liên huyện. Kết hợp với tỉnh, huyện đã đầu tư 50 triệu đồng xây đựng công trình thủy lợi Đạ Hàm. Được sự đầu tư của Bộ thủy lợi, huyện đã mở công trường xây dựng hồ Đạ Tẻh có dung tích 46 triệu m3 nước, bảo đảm tưới cho 3 000 ha lúa 2 vụ ổn định.

Mỗi năm, huyện cũng đã đầu tư 30 triệu đồng xây dựng lớp học kiên cố và bán kiên cố. Riêng trong năm 1988, Đạ Tẻh đã sửa chữa và làm mới 24 phòng học, 300 bộ bàn ghế, xóa tình trạng học 3ca, 10 xã trong huyện đã có trường phổ thông cơ sở và một số trương phổ thông trung học thu hút trên 80% số ưm nhỏ trong độ tuổi đến trường. Huyện cũng đã đầu tư 70 triệu đồng xây dựng hàng trăm trụ điện, đường dây, máy nổ cung cấp nguồn điện cho thị trấn Đạ Tẻh. Các cơ sử dịch vụ như ngân hàng, thương nghiệp, cửa hàng đã được xây dựng, bước đầu tạo cho thị trấn Đạ Tẻh thành một trung tăm vàn hóa, kinh tế của cá huyện

Từ một vùng đất hoang với gần 2000 đồng bào dân tộc sống du canh, du cư, qua 10 năm xây dựng, cùng với 2 huyện Đạ Huoai và Cát Tiên, Đạ Tẻh đang thay da đổi thịt, xây dựng vùng chiến khu xưa thành vùng nồng thôn mới trù phú.

Lâm Đồng / 1989

47. NGUYỄN SĨ DO. Qua 13 năm thực hiện công tác điịnh canh định cư / Nguyễn Sĩ Do // Lâm Đồng.- 1990.- Ngày 20 tháng 4.- Tr.4+5.

Từ lâu đời sống đồng bào các dân tộc trong tỉnh sống gắn bó với rừng, phát nương làm rẫy, cuộc sống du canh du cư nay đây mai đó nên quanh năm chịu cảnh đói với các tập tục mê tín dị đoan lạc hậu và bệnh tật hành hạ. Vốn rừng ngày càng thu hẹp lại vì nạn đốt phá rừng làm rẫy và chặt phá rừng bừa bãi.

Thực hiện công tác định canh định cư gắn với kinh tế Quốc phòng, 13 năm qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đầu tư vào công tác định canh định cư gần 500 triệu đồng và 125 con trâu bò, 125 000 dụng cụ cầm tay hàng ngàn tấn phân bón và thuốc trừ sâu các loại và bước đầu đã tạo được một số cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể, phần nào đã làm thay đổi bộ mặt trong vùng đồng bào dân tộc.

Với khẩu hiệu Nhà nước và nhân dân cùng làm, 13 năm qua đã khai hoang phục hóa được 10500 ha đưa tổng diện tích canh tác trong vùng đồng bào dân tộc lên 17600ha trong đó có 8400 ha lúa nước và ruộng 2 vụ chiếm 3215 ha, đất màu 7246 ha và tiêu 2 000 ha trồng cây công nghiệp, chưa kể 1 500 ha vườn hộ.

Đã xây dựng 65 công trình thủy lợi, thủy điện lớn nhỏ, 15 km kênh mương…Đưa tổng sản lượng lương thực trong vùng đồng bào dân tộc lên 4 vạn tấn, nhiều xã đạt bình quân lương thực đầu người 400—450 kg/năm Từ năm 1981 đến nay phong trào phát triển cây công nghiệp đã lan rộng ra cả tỉnh. Với trên 1500ha vườn hộ.

Kinh tế một số vùng đồng bào dân tộc ngày càng phát triển, đời sống ổn định và từng bước được cải thiện, nhiều hộ đã có nhà xây sân gạch, mua sắm máy cày, máy nước, xe máy và các dụng cụ gia đình. Các hệ giao thông được củng cố khai thông trên 1000km với 44 cầu trong đó có 13 cầu xây và sắt thuận tiện cho việc đi lại và giao lưu hàng hóa trong các vùng. Các công trình phúc lợi được mọc lên như: trường học, nhà trẻ, trạm xá, cửa hàng, nhà văn hóa và các trạm truyền thanh xây dựng ngày càng nhiều đặc biệt xây dựng được 3 trạm thủy điện nhỏ.Có ánh sáng văn hóa ánh sáng điện, các trương chính sách của Đảng và pháp luật đã đến được với đồng bào vùng dân tộc. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cán bộ là người dân tộc cũng được quan tâm đúng mức.

13 năm qua dưới ánh sáng các Nghi quyết củạ Đảng và sự lãnh đạo của tình ủy UBND tỉnh, của cấp ủy, chính quyền các cấp và của các đoàn thể quần chúng, cuộc vận động định canh định cư đã đạt được những kết quả khả quan. Góp phần đưa kinh tế xã hội của tỉnh là nên một bước mới.

Lâm Đồng / 1990

48. PHẠM BÁ PHONG. Những thành quả trong nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống / Phạm Bá Phong // // Lâm Đồng hướng tới thế kỷ XXI.- Lâm Đồng.- UBND tỉnh Lâm Đồng. 2000.- Tr.56-58.

Từ năm 1985 trở lại đây, lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đã có trên dưới 50 đề tài, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng, ngân hàng, môi trường, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, điều tra cơ bản tài nguyên đất, nước, đa dạng sinh học... Các đề tài dự án đã được ứng dụng vào thực tiễn đưa lại những kết quả cụ thể:

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đã xây dựng được tập đoàn giống lúa nước, lúa cạn, lúa chịu hạn năng suất cao, thích hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của các vùng trồng lúa trong tỉnh. Diện tích gieo trồng các giống mới chiếm tỷ lệ ngày càng cao, lúa khoảng 70%; ngô lai 80%; rau và hoa hơn 95%; cà phê, chè, cây ăn quả khoảng 15-30%. Đà Lạt là một trong ba trung tâm của cả nước, ứng dụng có hiệu quả kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật như là công cụ hữu hiệu sản xuất, cung cấp giống ở quy mô hàng hóa.

Về lĩnh vực công nghiệp, đã xây dựng và triển khai thực hiện 8 đề tài thuộc chương trình phát triển công nghiệp địa phương giai đoạn 1991-1995 và đến năm 2000 như: công nghiệp năng lượng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghiệp chế biến nông lâm sản, chế biến khoáng sản, công nghiệp vật liệu xây dựng... Đồng thời, tiến hành điều tra đánh giá trình độ công nghệ các ngành sản xuất công nghiệp, làm căn cứ cho việc xây dựng lộ trình công nghệ của địa phương những năm đầu của thế kỷ XXI.

Bên cạnh đó, các đề tài nghiên cứu phục vụ công tác chăm lo thế hệ trẻ như: Điều tra khảo sát đánh giá tình trạng về dinh dưỡng, đời sống, vui chơi giải trí, trẻ mồ côi lang thang, trẻ phạm pháp, trẻ bị xâm hại trước các tệ nạn xã hội cũng được quan tâm đầu tư.

ĐC19
L120Đ

49. NGUYỄN VĂN MÃO. Trang trại ở Lâm Đồng: Thực trạng và triển vọng / Nguyễn Mão // Lâm Đồng hướng tới thế kỷ XXI.- Lâm Đồng.- UBND tỉnh Lâm Đồng. 2000.- Tr.8-12.

Từ lâu, Lâm Đồng đã trở thành vùng đất nhiều tiềm năng và hứa hẹn cho việc phát triển loại hình kinh tế trang trại. Những năm gần đây, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế trang trại ở Lâm Đồng đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Năm 1997, toàn Lâm Đồng chỉ có 1.062 trang trại thì năm 1998 đã lên đến 3.556 trang trại và hiện nay đã có 4.805 trang trại gia đình. Ngoài ra còn có 19 dự án đầu tư nước ngoài, 23 doanh nghiệp tư nhân và Công ty trách nhiệm hữu hạn tổ chức sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp theo mô hình kinh tế trang trại. Các địa bàn có nhiều trang trại là huyện Lâm Hà (2.698 trang trại), huyện Di Linh (810 trang trại) và huyện Bảo Lâm (321 trang trại...). Phần lớn các trang trại hoạt động có hiệu quả là các trang trại chuyên canh cây công nghiệp dài ngày (cà phê, trà...), cây rau - hoa và cây ăn quả có quy mô đất đai bình quân từ 2 đến 5 ha.

Trong điều kiện hiện nay còn nhiều khó khăn, nhất là cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa ổn định do biến động của thị trường và công tác quy hoạch chưa làm tốt, chính sách và biện pháp phát triển kinh tế, nhất là phát triển nông nghiệp, chưa thông

thoáng, chưa đồng bộ... song ở Lâm Đồng đã có tới 74,3% trang trại có quy mô thu nhập 1 năm từ 30 đến 50 triệu đồng, 22,4% trang trại có quy mô thu nhập từ trên 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng và khoảng 3% trang trại có thu nhập trên 100 triệu đến trên 200 triệu đồng với tỷ suất hàng hóa bình quân của các trang trại đạt 97% cao hơn mức bình quân chung toàn quốc (86,74%).

Có thể nói, ở Lâm Đồng, tất cả các huyện, thị, thành đều có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trang trại, dù là nơi có nhiều đất canh tác như Di Linh, Bảo Lâm, Lâm Hà hoặc là nơi ít đất canh tác như ở Đức Trọng, Đơn Dương, thậm chí rất ít đất canh tác như ở Đà Lạt. Sự phát triển nhanh và có hiệu quả của kinh tế trang trại đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển tương đối nhanh và bền vững của nền kinh tế Lâm Đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Lâm Đồng. Tuy chỉ chiếm 3,06% số hộ làm nông nghiệp với diện tích chỉ bằng 7,84% diện tích nông nghiệp toàn tỉnh nhưng giá trị thu nhập của các trang trại ở Lâm Đồng đã chiếm tới 13,8% giá trị GDP của toàn ngành nông nghiệp với 99% sản phẩm dành cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Nói chung, hiệu quả sản xuất kinh doanh trên 1 ha đất canh tác của các trang trại cao gấp 1,76 lần so với kinh tế hộ và các hình thức tổ chức sản xuất khác trong nông nghiệp, góp phần khai thác có hiệu quả nhiều vùng đất trống, đồi núi trọc, vùng sâu, vùng xa, góp phần hình thành nhanh và vững chắc các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp chế biến phát triển.

Kinh tế trang trại phát triển cũng tạo điều kiện huy động nguồn lực sẵn có trong dân, trước hết là vốn đầu tư cho phát triển sản xuất. Ước tính đã có gần 700 tỷ đồng đầu tư cho trang trại, trong đó gần 93% là nguồn vốn trong dân, chỉ có 7,4% là nguồn vốn tín dụng của ngân hàng. Trang trại phát triển cũng đã tạo thêm nhiều việc làm, góp phần giải quyết lao động thiếu việc làm ở cả thành thị và nông thôn từng bước nâng cao dân trí và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhiều cộng đồng dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế mới. Hàng năm, các trang trại ở Lâm Đồng đã giải quyết được trên 10.200 lao động thường xuyên, gồm 8.640 lao động trong gia đình và 1.584 lao động kỹ thuật bên ngoài với mức lương bình quân 500 - 700 ngàn đồng/tháng; ngoài ra còn thuê thêm l,2 - l,5 triệu ngày công thời vụ với giá trị ngày công từ 20- 30 ngàn đồng. Có thể nói, trang trại phát triển đã góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ văn hóa và tay nghề cho bà con nông dân, từng bước rút ngắn khoảng cách về thu nhập và trình độ nhận thức giữa nông thôn và thành phố. Hơn thế, mô hình trang trại đã tự khẳng định là hình thức tổ chức sản xuất và quản lý rất quan trọng, có thể coi là bước đột phá để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Lâm Đồng.

Lâm Đồng cũng đang tập trung củng cố và phát triển trang trại mạnh hơn nữa theo hướng : Tăng cường đầu tư vốn, tiến bộ kỹ thuật, trình độ quản lý để hơn 5.000 hộ gia đình đã có đủ quy mô về mặt diện tích canh tác nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về thu nhập của trang trại thực sự trở thành trang trại có giá trị và tỷ suất hàng hóa cao, quy mô phù hợp, cơ cấu cây con hợp lý.

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân nhận giao hoặc thuê các diện tích đất trống, đồi núi trọc để lập các trang trại, ưu tiên cho các trang trại trồng và kinh doanh rừng nguyên liệu, kết hợp kinh doanh rừng với kinh doanh du lịch.

Tổ chức sắp xếp lại vùng nguyên liệu cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và rau hoa theo hướng lấy trang trại gia đình làm đơn vị sản xuất kinh doanh tự chủ, đồng thời phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác làm dịch vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hoạt động thương mại để hỗ trợ trang trại gia đình, trang trại của hộ nông trường viên, hộ xã viên hợp tác xã phát triển hiệu quả và bền vững.

ĐC19
L120Đ

50. ANH THI. UBND thành phố Đà Lạt – Lâm Đồng thực hiện ISO hành chính công / Anh Thi // Thời báo kinh tế Việt Nam.- 2003.- Số 194.- Tr.2.

Ngày 3/12/2003 thì UBND thành phố Đà Lạt đã ứng dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 vào 6 lĩnh vực như cấp phép xây dựng nhà ở tư nhân, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế dự toán công trình xây dựng, chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở, chuyển nhượng - chuyển đổi và thừa kế quyền sử dụng đất. Tổ chức BVQI của Anh và Quacert đã cấp chứng nhận cho UBND Tp. Đà Lạt về vấn đề này. Hiện UBND Tp. Đà Lạt đang tiếp tục triển khai sang các công việc khác thuộc hành chính công và tổ chức thí điểm tại 6 phường xã trực thuộc. Mô hình này tới đây sẽ được triển khai trên diện rộng ra toàn tỉnh Lâm Đồng.

Thời báo kinh tế Việt Nam / 2003

51. BÍCH VÂN. Lâm Đồng đang trở thành vùng nông nghiệp công nghệ cao / Bích Vân / Khoa học phổ thông.- 2003.- Số 703.- Tr.5-8.

Ngay từ trước giải phóng năm 1975, nông dân Đà Lạt đã manh nha làm quen với nền sản xuất hàng hóa theo công nghệ cao. Sau giải phóng, với sự có mặt của các cơ quan nghiên cứu khoa học trung ương đóng chân trên địa bàn thành phố Đà Lạt như: Phân viện Sinh học, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, trung tâm nghiên cứu cây thực phẩm Đà Lạt…, nông dân Đà Lạt đã nhanh chóng hợp tác với các nhà khoa học, nắm bắt khoa học kỹ thuật ứng dụng trong việc sản xuất rau hoa và cây ăn quả đặc sản. Đây chính là nền tảng cơ bản để thành phố Đà Lạt xây dựng vùng nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

Về giống cây trồng, thành phố Đà Lạt đã có bước tiến rất xa trong cuộc cách mạng xanh về các giống rau, hoa, dâu tây, khoai tây, như các loại rau an toàn mà công ty Golden Garden và một số HTX rau Đà Lạt đưa ra thị trường các thành phố lớn trong cả nước; các giống khoai tây sạch bệnh từ nuôi cấy mô. Cũng từ kỹ thuật này, nhiều nông dân đã sản xuất được củ khoai tây bi. Giống dâu tây nhập ngoại sau một thời gian khảo nghiệm trên đất Đà Lạt, nay cũng được đưa vào sản xuất thương phẩm theo công nghệ cao, có thể vận chuyển đi xa, giảm tỷ lệ hao hụt so với giống dâu cũ trước đây. Với giá thương phẩm từ 40.000-50.000đ/kg, hiện nay một số nông dân khu vực Hồ Than Thở, phường 9 đã thu nhập cả trăm triệu đồng từ giống dâu tây mới, vượt xa mục tiêu cánh đồng 50 triệu đồng/ha mà ngành nông nghiệp Việt nam đưa ra.

Đa dạng và phong phú hơn cả là cuộc cách mạng về giống hoa. Với sự hỗ trợ của các cơ quan khoa học công nghệ và sự có mặt của Công ty hoa Dalat Hasfarm cùng một số Công ty nước ngoài về sản xuất hoa xuất khẩu trên địa bàn Đà Lạt, nhiều nông dân đã chuyển hướng đầu tư sang trồng hoa trong nhà kính, cung cấp cho thị trường cả nước nhiều loại hoa cắt cành phong phú về màu sắc, chủng loại. Bên cạnh đó, nông dân Đà Lạt cũng rất nhạy bén tiếp cận với khoa học công nghệ mới, nắm rõ kỹ thuật chăm sóc đối với từng loại rau, hoa, biết áp dụng IPM trong bảo vệ thực vật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật vi sinh, không sử dụng phân xác mắm như trước đây, để bảo vệ môi trường và bảo vệ đất.

Phương thức đóng gói, bao bì vận chuyển cho nông dân Đà Lạt cũng có bước tiến so với cách đây 10 năm như tận dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng, bao bì plastic nâng đỡ hoa, bao bì xốp giữ ẩm, kho lạnh, xe máy lạnh và chọn thời gian đóng gói vận chuyển thích hợp nhất, để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Thị trường tiêu thụ, đã xuất hiện những nông dân điển hình về mô hình hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, sản xuất theo đơn đặt hàng, và một số nơi nông dân bắt đầu phát triển mô hình HTX kiểu mới để có tư cách pháp nhân tiêu thụ nông sản hàng hóa theo nền sản xuất lớn và tạo thế cạnh tranh trên thị trường.

Một điều điều đáng mừng nữa là Đà Lạt đang từng bước kết hợp vùng nông nghiệp công nghệ cao với hoạt động kinh tế như du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn, tiếp tục phát huy công nghệ sinh học, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp và quảng bá du lịch thương mại dịch vụ.

Khoa học phổ thông / 2003

52. UÔNG THÁI BIỂU. Làng văn hóa ở "xứ ruồi vàng" / Uông Thái Biểu / Nhân dân cuối tuần.- 2003.- Số 48.- Tr.1+13.

Từ xa xưa, người Cơ Ho Chil nơi đây gọi buôn của mình là Parsơmach. Tiếng Chil, "parsơmach" có nghĩa là "xứ sở của ruồi vàng". Ai đã từng nghe qua hay biết đến Tây nguyên thì sẽ hiểu điều đó có nghĩa là xa xôi, hoang vắng, là bệnh tật và

nghèo đói, là những buôn làng quặt quẹo với những gương mặt vàng ệch vì sốt rét rừng hành hạ năm này qua năm khác. Người Chil thôn Ba, xã Đạ Sar (huyện Lạc Dương, Lâm Đồng) không quên tên buôn cũ, những ký ức tăm tối ngày xưa và họ cũng rất tự hào về cuộc đổi đời hôm nay…

Xã Đạ Sar nằm dưới chân đỉnh Bidoup - núi Bà, cách Đà Lạt hơn 20 cây số. Thế mà ngày xưa, nơi này như một ốc đảo biệt lập giữa núi rừng. Giờ đây, Đạ Sar không còn xa cách nữa, quốc lộ 723 Đà Lạt - Nha Trang đi qua xã đã rút ngắn độ đường. Những con đường phong quang, sạch đẹp, điện lưới quốc gia kéo về đã nhiều năm nay, những vườn hồng và cà-phê xanh mát mắt, những công trình công cộng như bưu điện văn hóa xã, trường học, trạm y tế… đã thắp sáng cho mơ ước bao đời người Chil Đạ Sar. Trong 64 hộ thôn Ba đã có đến 61 hộ là đồng bào dân tộc Cơ Ho Chil. Từ năm 1999 về trước, tuy Đảng và Nhà nước đã hết sức quan tâm nhưng do trình độ nhận thức của bà con còn hạn chế, nhân dân chưa biết cách áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chưa kết hợp thâm canh tăng vụ, giống cây trồng vật nuôi chưa hợp lý nên hiệu quả kinh tế không cao. Toàn thôn vẫn còn đến 24 hộ đói nghèo. Sau gần 3 năm phát động xây dựng thôn văn hóa, thôn Ba đã đổi thay về nhiều mặt, nổi bật nhất là đời sống kinh tế. Đến nay, toàn thôn có 17 hộ khá giả, 43 hộ có mức sống trung bình, chỉ còn 4 hộ nghèo, không còn hộ đói. Các phương tiện nghe nhìn, đi lại, công cụ sản xuất tăng nhanh: toàn thôn có 1 ô-tô, 45 xe gắn máy, 16 ti-vi, 4 máy xay xát nông sản. Từ chỗ chỉ độc canh trồng cây lương thực theo hướng tự cung tự cấp, đến nay cả thôn đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa và diện tích đất nông nghiệp đã tăng thêm 20% so với trước đây ba năm. Chăn nuôi được xác định là thế mạnh, tổng đàn gia súc đã lên tới 521 con, trong đó có 150 con gia súc lớn. Trong thôn cũng đã có 18 hộ nhận quản lý bảo vệ hơn 500 ha rừng và đây cũng được coi là một nguồn thu nhập quan trọng. Nhiều hộ đã biết trồng các loại rau màu thương phẩm. 80% nhà cửa được cây dựng khang trang, kiên cố. Thôn Ba có hội trường, có hệ thống trang âm phục vụ cho việc sinh hoạt, hội họp và văn nghệ; có tủ sách báo riêng. Thôn còn có một đội văn nghệ, một đội bóng đá, một đội bóng chuyền phục vụ bà con và thường xuyên tham gia các hội thao, hội diễn do địa phương tổ chức. Đời sống kinh tế nâng cao, nhận thức của bà con cũng dần dần thay đổi, đặc biệt việc học hành của con em được quan tâm nhiều hơn. Tất cả trẻ em trong độ tuổi đến trường đều được đi học. Toàn thôn hiện có 92 em học sinh cấp 1, 86 em học sinh cấp 2,18 em đang học cấp 3 và 3 em đang theo học các trường đại học trong nước…

Nếu nhìn lại thời gian trước đây thì đổi thay rõ nét nhất ở thôn Ba là về lĩnh vực xã hội. Việc cưới, việc tang ngày càng đơn giản và tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục và điều kiện kinh tế của các gia đình. Tình trạng say rượu, quậy phá, cờ bạc hoàn toàn chấm dứt. Các hoạt động mê tín dị đoan vắng bóng. Toàn thôn có 53/54 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Thôn cũng đã huy động hàng nghìn ngày công sửa chữa đường sá và trồng cây xanh; đồng thời chấm dứt nạn thả rông gia súc gia cầm

để bảo đảm vệ sinh môi trường cho buôn làng sạch đẹp. Đặc biệt, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc được quan tâm nhiều hơn. Thôn Ba còn bốn bộ cồng chiêng quý được đội văn nghệ sử dụng thường xuyên phục vụ các dịp hiếu hỷ, lễ hội. Các nghệ nhân rất tích cực trong việc truyền lại các điệu chiêng, các làn điệu dân ca, dân vũ và nghề thủ công truyền thống cho lớp trẻ. Trang phục dân tộc được lưu giữ, các môn thể thao truyền thống của người Chil như phóng lao, đẩy gậy, kéo co được phục hồi…

Nhân dân cuối tuần / 2003

53. LÊ HÀ. Không ngừng đầu tư, mở rộng và nâng cao chất lượng mạng lưới thông tin phục vụ nhu cầu liên lạc của nhân dân / Lê Hà / Pháp luật Trung Ương.- 2003- Số 276.- Tr.16.

Để thực hiện chiến lược phát triển ngành Bưu chính Viễn thông trong xu thế cạnh tranh và hội nhập đồng thời góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong những năm gần đây, Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã quan tâm phát triển, mở rộng mạng lưới Viễn thông, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc tại địa phương. Nhờ đó mà mật độ máy không ngừng được tăng lên hằng năm, từ 5,7 máy/100 dân (năm 2001) lên 7,9 máy/100 dân (năm 2002) và dự kiến đến năm 2003 sẽ đạt 8,4 máy/100 dân.

Bên cạnh việc đầu tư phát triển mạng Viễn thông ở khu vực thành thị, Bưu điện tỉnh Lâm Đồng luôn chú trọng mở rộng mạng viễn thông đến vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa góp phần xóa đói giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có gần 20.000 điện thoại thuê bao thuộc vùng nông thôn, chiếm gần 25% thuê bao toàn tỉnh (số điện thoại thuê bao năm 2002 trong toàn tỉnh là 16.569 máy). Song song với việc phát triển mạng lưới Viễn thông, mạng lưới Bưu chính đã hoạt động tích cực: Đường thư liên tỉnh luôn ổn định ngày 2 chuyến, đảm bảo hành trình và chỉ tiêu thời gian; do viêc tổ chức duy trì Trung tâm chia chọn thứ II tại Bảo Lộc đã rút ngắn hành trình đường thư cấp I, II xuống 4 giờ ở các huyện thị phía nam: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên…

Mạng đường thư nội tỉnh đã duy trì tốt, số xã có báo đọc trong ngày 105/109 xã, tuyến đường thư Lạc Dương - Đầm Ròn 1 chuyến/ ngày. Đã trang bị thêm một chuyến xe thư báo cho tuyến Đức Trọng - Lâm Hà. Kết hợp tốt đường thư cấp 3 với cấp 2 nên đã tiết kiệm được lao động và chi phí. Công tác phát hành báo chí cũng không ngừng phát triển. Các Bưu điện huyện, thị, thành đã năng động trong việc khai thác báo thương phẩm. Trong những tháng đầu năm 2003, số lượng báo phát hành đạt 4,87 triệu tờ, cuốn, tăng 20% so với cùng kì năm 2002.

Dịch vụ tiết kiệm bưu điện cũng đã đi vào hoạt động ổn định và có chiều hướng triển tốt.

Pháp luật Trung Ương / 2003

54. NGÔ XUÂN TRƯỜNG. Lâm Đồng qua 4 năm thực hiện chương trình 135 / Ngô Xuân Trường // Tạp trí dân vận.- 2003.- Số 5.- Tr.32+34.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ở Nam Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 976.274 ha, trong đó đất rừng chiếm gần 70%. Sau ngày giải phóng dân số toàn tỉnh chỉ có 341.000 người, đến cuối năm 2002 đã có trên 1,2 triệu người, trong đó 23% là đồng bào các dân tộc thiểu số. Sự gia tăng dân số chủ yếu là di dân theo kế hoạch (33.459 hộ với 167.458 nhân khẩu) và di dân tự do (57.555 hộ với 257.814 nhân khẩu).

Từ năm 1995 đến năm 2000, bằng nhiều nguồn vốn Tỉnh đã tập trung đầu tư gần 122 tỷ đồng để phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số. Qua đầu tư đã có 14 ngàn lượt hộ được tác động, làm chuyển biến bước đầu về nhận thức trong tổ chức sản xuất, đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào. Bộ mặt thôn, buôn đã có nhiều khởi sắc, đời sống từng bước được cải thiện - cơ bản giải quyết được nạn đói giáp hạt. Thu nhập bình quân năm 2000 đạt 4,1- 4,8 triệu đồng/hộ, tăng 2,3 triệu đồng so với năm 1995, tỷ lệ hộ đói nghèo (theo tiêu chí cũ) giảm từ 54,4% năm 1995 xuống còn 27% năm 2000. Việc học hành, chăm sóc sức khỏe ở vùng dân tộc thiểu số tốt hơn trước, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp học đạt 96 - 98% ở bậc tiểu học, 65% bậc trung học cơ sở, cơ bản giải quyết được dịch sốt rét và đã thanh toán được bệnh phong. Những kết quả trên đây đã khẳng định sự đúng đắn và kịp thời về việc chủ trương đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số của Tỉnh. Đặc biệt là, từ khi có quyết định đầu tư 135/1998/QĐ-TTg ngày 3-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển kinh tế -xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (còn gọi là chương trình 135). Các cấp ủy đảng, Chính quyền, các Ban, Ngành, Đoàn thể trong tỉnh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện chương trình đầu tư phát triển kinh tế -xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, xa, vùng dân tộc thiểu số. Trong 4 năm thực hiện chương trình 135 (1999-2002, bằng việc lồng ghép các chương trình, dự án, tỉnh Lâm Đồng đã đầu tư 125.805,665 triệu đồng (bằng vốn Trung ương và ngân sách địa phương) cho 47 xã đặc biệt khó khăn để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng trung tâm cụm xã, quy hoạch bố trí lại dân cư, đào tạo cán bộ, ổn định và phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Nhờ quản lý tốt và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nên tình hình kinh tế-xã hội ở 47 xã đặc biệt khó khăn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều trung tâm cụm xã như Đà Loan (Đức Trọng), Ka Đơn (Đơn Dương), Đam Rông (Lạc Dương), Lộc Bắc (Bảo Lâm)….đã trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, là nơi sinh hoạt văn hóa… của đồng bào các dân tộc trong vùng. Đến cuối năm 2002 đã có 46/47 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, thêm 17 xã dùng nước sạch, 42/47 xã có điện lưới quốc gia.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 TRONG 4 NĂM 1999-2002.

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Tổng số công trình	Vốn	Tỷ trọng
Giao thông	96	29.732	56,3
Thủy lợi	11	3.226	6,1
Nước sinh hoạt	2	800	1,5
Điện	18	4.310	8,1
Trường học	56	13.505	25,5
Trạm y tế	3	470	0,9
Chợ	4	788	1,5
Tổng cộng	190	52.831	100

Những kết quả đạt được trên đây đã tạo thêm lòng tin của đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, đối với Đảng và Nhà nước. Điều đó càng khẳng định chủ trương của Đảng, Nhà nước. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các vùng đặc biệt khó khăn là hoàn toàn đúng đắn, hợp lòng dân, được nhân dân đón nhận một cách thiết thực và có hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc ổn định an ninh chính trị, xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Tạp chí Dân vận / 2003

55. PHÚC ÂN. Đúng công…dân tin / Phúc Ân // Pháp luật Trung ương.- 2003.- Số 271; .- Tr.4.

Thời gian vừa qua, cứ mỗi lần nói đến "thủ tục hành chính" người ta thường rùng mình vì sự nhiêu khê của nó. Nhiều người nói đùa "hành là… chính"! Đứng trước thực trạng đó, với mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, chuyên nghiệp và hiện đại, từ đầu năm 2002 đến nay, UBND TP. Đà Lạt đã triển khai cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa" có ứng dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9.000:2.000. Với phương châm chất lượng là "Đúng luật, công khai, đúng thời hạn, vì lợi ích chung của xã hội và nhân dân", UBND TP. Đà Lạt đã tập huấn cho các CBCC các ngành có liên quan và điều động mỗi ngày một buổi về trụ sở UB làm việc nhằm giải quyết các thủ tục hành chính cho dân từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Mặt khác, lãnh đạo địa phương còn xây dựng mục tiêu chất lượng và cam kết: Đảm bảo 100% các quy trình nghiệp vụ phải đúng pháp luật hiện hành; công khai 100% các tài liệu hiện hành trong hệ thống quản lý chất lượng; đảm bảo giải quyết 100% đúng thời gian theo quy định của từng lĩnh vực… Theo đó, các quy định về thời gian giải quyết

các công việc đã được đề ra một cách cụ thể: Phê duyệt dự án đầu tư thời hạn giải quyết từ lúc nhận hồ sơ đến trả hồ sơ: 20 ngày. Cấp phép xây dựng nhà ở tư nhân với 2 loại: 25 ngày và 30 ngày. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 7 ngày, sau đó rút ngắn xuống còn 5 ngày rưỡi. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán: 26 ngày. Chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở loại có giấy tờ hợp pháp: 10 ngày, loại có giấy tờ hợp lệ: 19 ngày. Chuyển nhượng, chuyển đổi và thừa kế quyền sử dụng đất: 15 ngày. Quá trình tác nghiệp các công việc này từ lúc nhận hồ sơ, chuyển qua các ban ngành, đến việc giải quyết của lãnh đạo UBND TP. Đà Lạt đều được kiểm soát chặt chẽ bằng phiếu kiểm soát có ghi rõ quy định thời gian và có ký nhận hẳn hoi. Nhờ vậy, tinh thần trách nhiệm giải quyết công việc của từng cán bộ, từng khâu được nâng lên rõ rệt. Trong năm 2002, dịch vụ hành chính công của UBND TP. Đà Lạt đã cấp 734 giấy phép xây dựng, 720 hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, 458 hồ sơ chuyển nhượng quyền sở hữu nhà gắn với quyền sử dụng đất ở, hơn 6.700 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh… Riêng 6 tháng đầu năm 2003, đã tiếp nhận và thẩm định 61/78 hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán, 312/360 hồ sơ xin cấp phép xây dựng nhà ở, 932/932 hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 43/49 hồ sơ thẩm định báo cáo đầu tư, 656/656 hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, 198/200 hồ sơ chuyển quyền sở hữu nhà… Từ đó, đã tạo được sự phấn khởi và tin tưởng bước đầu trong nhân dân khi đến với dịch vụ hành chính công. qua kiểm tra, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ hành chính theo tiêu chuẩn ISO 9000:2000 của UBND TP. Đà Lạt ngày 12/8/2003, tổ chức QUACERT đã cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn, và sau khi kiểm tra thực tế một cách nghiêm ngặt, ngày 27/8/2003, tổ chức BVQI của Vương quốc Anh cũng đã cấp giấy công nhận.

Pháp luật Trung ương / 2003

56. HỮU ÂN. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc / Hữu Ân // Lao động và xã hội.- 2004.- Số 150.- Tr.4.

Lâm Đồng hiện có 143 xã, phường, trong đó có 95 xã phường, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số định cư. Có 49 xã đặc biệt khó khăn và 64 thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực 1,2. Dân số 1.097.000 người với gần 40 dân tộc anh em sinh sống. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 21%; đồng bào dân tộc gốc Tây Nguyên chiếm 17% dân số toàn tỉnh.

Từ năm 2001 đến năm 2003 tỉnh Lâm Đồng đã đầu tư trên 172 tỷ đồng cho xã, thôn đặc biệt khó khăn để xây dựng cơ sở hạ tầng như: đường giao thông, trường học, trạm xá, điện, nước, nhà ở cho giáo viên, cán bộ y tế xã, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc… Tỷ lệ hộ đói nghèo từng bước đã giảm đáng kể: năm 2010 là 10.511 hộ nghèo dân tộc/41.530 hộ dân tộc toàn tỉnh, chiếm tỷ lệ 26,09% . Đến năm 2004 còn 10.229 hộ chiếm tỷ lệ 23,44%. Tình hình kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc cơ bản ổn định, an ninh chính trị luôn được giữ vững. Những năm gần đây thực

hiện Quyết định số 90/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc hỗ trợ học nghề cho 6 đối tượng đặc biệt khó khăn; đối tượng là đồng bào dân tộc, được tỉnh đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện cho đi học nghề theo các hình thức dài hạn và ngắn hạn, học nghề theo dạng kèm cặp; giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, đến nay có khoảng 5-7% thanh niên dân tộc được học nghề so với số người được học nghề của tỉnh. Ông Ngô Hữu Hay, Trưởng phòng quản lý đào tạo nghề Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Lâm Đồng cho biết: Từ năm 2005 dự kiến mỗi năm sẽ có khoảng 500 đến 700 thanh niên dân tộc học các nghề phục vụ nông nghiệp, nông thôn hoặc các nghề truyền thống phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống ở địa phương. Bắt đầu từ năm 2004-2005, trường Kỹ thuật Đà Lạt và trường Trung học kinh tế và dạy nghề Bảo Lộc mỗi năm tuyển sinh 200 em là học sinh dân tộc. Ngoài kinh phí đào tạo trong kế hoạch của trường, UBND tỉnh cấp thêm cho mỗi em 8 triệu đồng cho 20 tháng học tại trường.

Lao động và xã hội / 2004

57. NGỌC THẮNG. Lâm Đồng chuyển đổi cơ cấu cây trồng / Ngọc Thắng // Nông nghiệp.- 2004.- Ngày 8 tháng 9.- Tr.10.

Trong giai đoạn từ 2004 -2010, tỉnh Lâm Đồng sẽ tập trung phát tiển theo định hướng sử dụng hết tiềm năng đất đai và so sánh từng loại cây trồng, từng vùng sinh thái, ưu tiên các loại cây trồng như chè, phát triển ổn định diện tích khoảng 28.000 ha, trong đó có 12.500 ha chè cành giống mới, năng suất bình quân trên 9 tấn/ha/năm trở lên. Bên cạnh đó ổn định 100.000 ha cây cà phê, chuyển đổi 17.000 ha cà phê kém chất lượng sang trồng cây khác và chuyển đổi một số diện tích cà phê vối ở độ cao 800 -1.000m sang trồng cà phê chè và khai thác hết những diện tích đất để phát triển cây lúa, đặt biệt là ở các vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa phải chuyển giao những tiến bộ KHKT và đưa các giống lúa mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất. Trên cơ sở tăng cường chuyển đổi cơ cấu giống, cải tiến kỹ thuật sản xuất, chuyển hóa các vùng chuyên canh như: Rau, hoa… thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

Nông nghiệp / 2004

58. KD. Năng suất chè LĐ-97 đạt tới 25 tấn /ha / KD // Nông nghiệp.- 2004.- Số 217.- Tr.2.

Theo báo cáo Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng, tính đến cuối tháng 10, diện tích chè giống mới của đơn vị đã cho năng suất bình quân đạt 14 tấn/ha, cao hơn nhiều so với chè giống cũ được trồng trên cùng địa bàn (chè giống cũ chỉ đạt trung bình 4,6 tấn/ha). Riêng đối với giống chè LĐ-97 do Trung tâm nghiên cứu và lai tạo công bố năm 1997 là một giống

chè mới có năng suất 18-20 tấn/ha (cá biệt có nơi lên tới 23-25 tấn) sau khi trồng từ 5-7 năm. Nhờ vậy, giống chè LĐ-97 của Trung tâm hiện không những được trồng đại trà ở Lâm Đồng mà diện tích của nó còn được mở rộng ở những địa phương khác như Gia Lai, Nghệ An, Tuyên Quang…

Nông nghiệp / 2004

59. KHẮC DŨNG. Mở chuyến bay Đà Lạt – Hà Nội thêm cơ hội để phát triển kinh tế / Khắc Dũng // Nông Nghiệp.- 2004.- Số 222.- Tr.6.

Đúng 9h10 ngày 29/10/2004, chiếc máy bay Fokker 70 của Hãng hàng không Việt Nam đã cất cánh từ đường băng sân bay Liên Khương chính thức mở ra tuyến hàng không Đà Lạt - Hà Nội và ngược lại. "Đây là một sự kiện đáng nhớ của Việt Nam Airlines và tỉnh Lâm Đồng"... Có thể nói, sự kiện mở đường bay Đà Lạt - Hà Nội, là một dấu mốc quan trọng trong hoạt động kinh tế của tỉnh miền núi Lâm Đồng. Trong đó, đáng kể là ngành du lịch Lâm Đồng trong những tháng gần đây đã có những hoạt động khá rầm rộ để đón chào sự kiện mở đường bay Đà Lạt - Hà Nội như: Đẩy mạnh các hoạt động giới thiệu thương hiệu và sản phẩm du lịch, giới thiệu các dịch vụ của các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn Đà Lạt với du khách ... Đây là cơ hội mới để kinh tế Lâm Đồng phát triển, trong đó đáng kể là kinh tế nông nghiệp với các sản phẩm phục vụ cho du lịch

Nông Nghiệp / 2004

60. NGUYỄN LAN. Một số giải pháp nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với mặt trận và các đoàn thể ở Lâm Đồng / Nguyễn Lan // Tạp chí Dân vận.- 2004.- Số12.- Tr.15-16.

Trong những năm qua, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác Dân vận nói chung, đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nói riêng luôn được quan tâm. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từng bước đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp ngày càng đông đoàn viên, hội viên. Từ đó đã động viên nhân dân trong tỉnh xây dựng và giữ vững khối đại đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị, từng bước phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi.

Nội dung, phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy đã có bước đổi mới, vừa phát huy tính độc lập, chủ động, năng động sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, vừa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng qua việc xác định rõ nội dung lãnh đạo trong từng thời gian và xác định rõ cơ chế lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Về nội dung lãnh đạo: *đã tập trung vào một số nội dung lớn:*

Một là, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân quán triệt, thực hiện theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc và có kết quả các chương trình, các phong trào và các định hướng chỉ đạo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể, phát động phong trào thi đua yêu nước chung của toàn dân theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX.

Hai là, lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương với nội dung cụ thể, từng thời gian sát hợp với tình hình của địa phương như: tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tuyên truyền phát động trong vùng đồng bào dân tộc không nghe theo kẻ xấu, giữ vững an ninh chính trị.

Ba là, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức với phương châm chỉ đạo chuyển mạnh về cơ sở, tập trung củng cố, xây dựng cơ sở.

Về phương thức lãnh đạo: *Ra các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ; Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thông qua chế độ giao ban hàng tháng, quý. Qua việc chỉ đạo sơ kết, tổng kết và chế độ thông tin báo cáo; Lãnh đạo thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, Ban Thường vụ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và lãnh đạo qua người đứng đầu Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; Lãnh đạo thông qua công tác sắp xếp, phân công bố trí cán bộ.*

Tạp chí Dân vận / 2004

61. NGUYỄN LAN. Thực hiện chính sách dân tộc, đoàn kết xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở Lâm Đồng // Tạp chí Dân vận.- 2004.- Số 3.- Tr.14-15.

Lâm Đồng là một tỉnh hỗn hợp dân cư và có nhiều thành phần dân tộc. Hiện nay toàn tỉnh có gần 40 dân tộc thiểu số cư trú, bao gồm các dân tộc bản địa gốc Tây nguyên và các dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc đến đây cùng chung sống. Các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng tuy số dân có chênh lệch nhau, trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, ngôn ngữ, phong tục tập quán tín ngưỡng và sắc thái văn hóa cũng khác nhau, nhưng lại có mối quan hệ gắn bó, đoàn kết, tương trợ, sống hòa thuận bình đẳng với nhau.

Công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành TW khóa IX đã hoàn chỉnh 5 quan điểm cơ bản về công tác dân tộc. Trong đó quan điểm: Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của

từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái, phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước. Quán triệt và vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc vào tình hình thực tế ở địa phương Lâm Đồng trong thời gian qua đã có những chuyển biến đáng kể. Trong 3 năm (2001-2003), bằng việc lồng ghép các chương trình, dự án, Tỉnh đã đầu tư 172 tỷ đồng cho 47 xã đặc biệt khó khăn để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng trung tâm cụm xã, quy hoạch bố trí lại dân cư, đào tạo cán bộ, ổn định và phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ làm nhà ở cho đồng bào dân tộc.

Do quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nên tình hình kinh tế - xã hội ở 47 xã đặc biệt khó khăn có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều trung tâm cụm xã như Đà Loan (Đức Trọng), Ka Đơn (Đơn Dương), Đam Rông (Lạc Dương), Lộc Bắc (Bảo Lâm)… đã trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, là nơi sinh hoạt giao lưu văn hóa của đồng bào các dân tộc đến cuối năm 2002 đã có 46/47 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 42/47 xã có điện lưới quốc gia.

Những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình dự án trong vùng dân tộc, nhất là ở 47 xã đặc biệt khó khăn càng khẳng định chủ trương đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho vùng dân tộc là hoàn toàn đúng đắn, hợp lòng dân, được đồng bào đón nhận một cách thiết thực và tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc ổn định tình hình an ninh chính trị xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Tạp chí Dân vận / 2004

62. V.P. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân chương trình kiên cố hóa trường học / V.P. // Sài Gòn giải phóng.- 2004.- Ngày 29 tháng 10.-Tr.7.

Trong năm 2004, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có những chỉ đạo kiên quyết đối với việc thực hiện chương trình kiên cố hoá trường học theo QĐ159 của Chính phủ. Đến ngày 26-10-2004, toàn tỉnh đã giải ngân đạt 67,55% kế hoạch, gấp đôi so với cùng kỳ năm 2003 và đạt gấp rưỡi so với tỷ lệ chung của các tỉnh Tây Nguyên. Các địa phương triển khai tốt là: Đạ Tẻh (100%), Đức Trọng (88%), Bảo Lâm (82,3%), Đạ Huoai (79,8%).

Sài Gòn giải phóng / 2004

63. NGUYỄN QUANG NHÀN. Hiệu quả từ cách làm ăn mới / Nguyễn Quang Nhàn // Lao động và Công đoàn.-2004.- Số 31.-Tr.43+38.

Lâm trường Đạtẻh từ chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao quản lý hơn 30.000ha nằm trên 9 xã và thị trấn huyện Đạtẻh, trong những năm qua lâm trường Đạtẻh đã gặp không ít khó khăn trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong công tác quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Với lực lượng 65 lao động, lâm trường đã bố trí thành 48 tiểu khu rộng trên địa bàn 9 xã và 1 thị trấn. lâm trường đã giao khoán bảo vệ rừng cho 358 hộ dân quản lý, với 99% là hộ dân tộc Mạ bản địa ở 4 xã thuộc huyện sát ven rừng với hơn 11.000ha; ngoài những biện pháp tích cực phối hợp giữa lâm trường với các đơn vị hạt kiểm lâm, công an, huyện đội, UBND các xã tăng cường vận động quần chúng nhân dân tham gia phòng chống, chữa cháy rừng (PCCCR), nhất là những hộ sống gần rừng cam kết không vi phạm luật bảo vệ rừng và phát triển rừng, kiểm tra nghiêm ngặt ở các chốt cửa ra, vào rừng, trực 24/24 giờ trong mùa khô; truy quyét ở trên rừng và các vùng trọng điểm… Lâm trường ngoài thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quản lý bảo vệ rừng, còn góp phần quan trọng trong phát huy ưu thế rừng, xây dựng, phát triển nông thôn mới, cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân, thay đổi tập quán làm ăn trong nhân dân đồng bào dân tộc…

Những năm qua, lâm trường Đạtẻh đã nghiên cứu chọn lọc các loại cây phù hợp với điều kiện lập địa vùng đất Đạtẻh và có hiệu quả kinh tế cao nên công tác trồng rừng phát triển khá tốt, đặc biệt là loài keo lai dăm hom và cây luồng Thanh Hóa. Cây keo lai dăm hom (đã trồng được 473,7ha), trồng bằng kỹ thuật dăm hom, năng suất trồng cao hơn cây keo tai tượng và lá tràm, gỗ tốt; cây luồng Thanh Hóa (với 50ha), có hiệu quả kinh tế, thu nhập cao hơn cây lồ ô, tre nứa, sản phẩm làm từ cây luồng cho năng suất 20kg/cây so với 4kg/cây lồ ô; hiện nay các loài giống mới này đã được dân trồng nhiều ở vườn nhà và hiện nay lâm trường đã chủ động giống, xây dựng vườn ươm cung ứng.

Với các loài cây mới và các hoạt động từ nghề rừng, những năm qua lâm trường đã tạo được nhiều việc làm cho bà con dân tộc Mạ và nhân dân trong huyện. Với các khoản tiền khoán chi trả bảo vệ rừng cho nhân dân hàng năm; tạo việc làm trồng và chăm sóc cây trồng; khai thác chế biến lồ ô tre nứa theo kế hoạch, khai thác rừng đã góp phần tạo việc làm cho hơn 1.500 lao động… tăng thu nhập cho nhân dân địa phương khoảng trên 2,5 tỷ đồng hàng năm.

Qua những biện pháp mới trong sản xuất kinh doanh, quản lý bảo vệ rừng, lợi nhuận, nộp ngân sách, đời sống thu nhập của cán bộ công nhân lâm trường ngày càng được nâng lên, tiền lương công nhân từ 1,2 triệu/2001 nay 1,5 triệu, cuộc sống công nhân có nhiều cải thiện, nhưng kết quả lớn nhất lâm trường đã góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân, phát triển giống cây mới có hiệu quả kinh tế, quản lý, bảo vệ rừng có hiệu quả hơn; không để cháy rừng; mất mát tài sản rừng; cuộc sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Mạ đã có nhiều thay đổi cả về cuộc sống, tập quán làm ăn, đã có nghề rừng, cuộc sống định canh định cư, không còn đốt, phá rừng làm rẫy, đã xây dựng vườn hộ, ý thức làm chủ, giữ gìn, bảo vệ rừng đã được nâng lên…

64. NGUYỄN TẤN DƯƠNG. Những kết quả đạt được trong công tác phòng, chống HIV/AIDS / Nguyễn Tấn Dương // Tạp chí Khoa giáo.- 2004.- Số 12.- Tr.46+50.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi thuộc Nam Tây Nguyên, có diện tích 9.764,79km^2, dân số trên 1 triệu người, với tiềm năng kinh tế du lịch rất lớn. Hàng năm, có trên dưới một triệu lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch. Du lịch là một thế mạnh kinh tế của tỉnh, song đó cũng là một khó khăn và thách thức đối với tỉnh trong công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Lâm Đồng, công tác phòng, chống HIV/AIDS đã thu được nhiều kết quả tốt. Từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 11-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường lãnh đạo trong công tác phòng, chống HIV/AIDS", nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về công tác phòng, chống HIV/AIDS được nâng lên. Trong chỉ đạo các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, các cấp ủy Đảng đã đặt nhiệm vụ hàng đầu là công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, đặc biệt là thanh thiếu niên về đạo đức, lối sống, nguy cơ lan nhiễm HIV/AIDS; coi trọng nâng cao nhận thức và hướng dẫn hành vi an toàn phòng nhiễm HIV cho từng người, từng khu phố, xã, phường. Bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về HIV/AIDS, các chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi… công tác tuyên truyền đã đến với mọi tầng lớp nhân dân, giúp mọi người hiểu rõ tác hại của đại dịch HIV/AIDS; có những kỹ năng cần thiết trong việc phòng, chống HIV/AIDS; biết gần gũi, chia sẻ, động viên đối với người bị nhiễm HIV/AIDS, tuyên truyền cũng làm cho chất lượng công tác quản lý, chăm sóc và tư vấn cho người nhiễm HIV/AIDS ngày càng được củng cố và nâng cao. Qua đó, mỗi người trong cộng đồng có ý thức trách nhiệm hơn trong việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Bên cạnh đó ngành y tế đã thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn trong công tác truyền máu, trong các dịch vụ y tế chống lây nhiễm HIV/AIDS và luôn vượt kế hoạch trong công tác xét nghiệm HIV/AIDS tại các địa phương. Nhờ có sự phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt là việc tiếp cận, kiểm tra và xét nghiệm HIV/AIDS khá đồng bộ nên tốc độ lây nhiễm chậm.

Sau 9 năm thực hiện Chỉ thị 52-CT/TW, Lâm Đồng đã hạn chế được một phần tốc độ lây nhiễm HIV/AIDS, làm giảm thiểu những ảnh hưởng của đại dịch HIV/AIDS đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội trong toàn tỉnh. Điều này cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng, các cấp chính quyền, sự tham gia của toàn xã hội có ý nghĩa quyết định cho sự thành công của công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Tạp chí Khoa giáo / 2004

65. NGUYỄN THỊ LAN. 2 năm thực hiện dự án y, bác sĩ trẻ tình nguyện của Lâm Đồng / Nguyễn Thị Lan // Tạp chí Dân tộc.- 2004.- Số 41.-Tr.28.

Phát huy tinh thần xung kích tình nguyện của tuổi trẻ tham gia phát triển nông thôn miền núi theo Quyết định số 1169-QĐ-TTg ngày 30/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1401-QĐ/TƯĐTN ngày 15/10/2001 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ngày 27/2/2002 Ban quản lý dự án Y, bác sĩ trẻ tình nguyện tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan hữu quan tổ chức ra quân cho 20 y, bác sĩ trẻ tình nguyện về hoạt động tại 20 trạm y tế thuộc xã vùng 2 và vùng 3 của tỉnh (trong đó có 14 bác sĩ, 3 y sĩ, 3 nữ hộ sinh).

Qua hai năm hoạt động, những "chiến sĩ áo xanh" đã đem trí thức của mình tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, phát triển toàn diện kinh tế - chính trị - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc khó khăn tại những thôn, buôn heo hút của các xã: Đạ Long, Đầm Ròn (Lạc Dương); Tân Thanh, PiLiêng, LiêngSronh, Phi Tô, Phúc Thọ, Đan Phượng (Lâm Hà); Gung Ré, Sơn Điền, Hòa Trung, Gia Bắc (Di Linh); Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Tân (Bảo Lâm); Đoàn Kết, Đạp Loa (Đạ Huoai); Quảng Trị, Quốc Oai (Đạ Tẻh).

Trong 2 năm, toàn đội đã thực hiện khám chữa bệnh cho 103.244lượt người, tiêm chủng và uống Vitamin A cho 22.015 trẻ em và 1.368 phụ nữ mang thai, trị bệnh phụ khoa cho 6.861 phụ nữ, hướng dẫn nấu ăn dinh dưỡng cho 4.077 trẻ em và 294 bà mẹ, tham gia khám và cân định kỳ cho 1.845 cháu ở các trường mầm non, tổ chức phun hóa chất, dọn vệ sinh cho 2.131 nóc nhà, điều trị cho 752 bệnh nhân sốt rét. Bên cạnh đó các đội viên y, bác sĩ trẻ tình nguyện đã tiến hành vận động 3.064 trường hợp kế hoạch hóa giai đình, hạn chế sinh con ngoài kế hoạch, vận động đồng bào dân tộc ăn ở hợp vệ sinh, thay đổi phong tục tập quán của bà con, hướng dẫn nhân dân đào hố xí hợp vệ sinh, đào giếng và sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt. Ngoài việc thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, đội Y, bác sĩ trẻ tình nguyện đã tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia công tác Đoàn - Hội, chính quyền, đoàn thể ở địa phương.

Tạp chí Dân tộc / 2004

66. NGUYỄN TIẾN ĐẠT. Nội lực từ làng nghề truyền thống ở huyện Đức Trọng / Nguyễn Tiến Đạt // Người cao tuổi.- 2004.- Số 94.- Tr.11.

Là một huyện miền núi của tỉnh Lâm Đồng, có trên 140 ngàn dân với 27 dân tộc anh em cùng nhau sinh sống lâu đời, Đức Trọng đang từng bước chuyển mình.

Để huy động nguồn lực tổng hợp, huyện một mặt mở cửa kêu gọi các nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân khắp mọi miền về mở cơ sở kinh doanh, dịch vụ với những chính sách ưu đãi, tạo "đất lành cho chim đậu", mặt khác chú trọng khôi phục các làng nghề truyền thống, khuyến khích bà con vươn lên lao động sản xuất, thoát khỏi đói nghèo. Xác định trọng điểm làng nghề nhằm mục đích phát huy nội lực sẵn có, các đồng chí lãnh đạo huyện đã chỉ đạo Phòng Công thương phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền cơ sở, quy hoạch mạng lưới kinh tế làng nghề, từ quy mô đầu tư đến hướng tiêu thụ sản phẩm. Nhờ biết phát huy thế mạnh của từng địa phương, từng chủng loại mặt hàng, nhạy bén với nhu cầu thị trường, nên hầu hết sản phẩm chế biến ra đều được người tiêu dùng chấp nhận, như tơ tằm Liên Hiệp, Bình Thạnh; bột sắn, khoai lang mật Ninh Gia v.v... giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động nhàn rỗi nông thôn. Điển hình nhất là xã Hiệp An, ngoài nghề trồng hoa tươi, rau quả cung cấp cho các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tp. Hồ Chí Minh, nghề dệt thổ cẩm với những đường nét hoa văn độc đáo, phản ánh bản sắc văn hoá Tây Nguyên, mấy năm gần đây đã được khách du lịch trong và ngoài nước rất ưa chuộng. Thương hiệu "Xưởng dệt thổ cẩm K'Long" (thuộc buôn K'Long, xã Hiệp An) mỗi năm xuất ra cơ man nào chủng loại phong phú, đa dạng như vải đóng bộ lễ hội, giá 80.000đ/bộ; túi xách tay phụ nữ, giá 25-30.000đ/chiếc; ví nữ trang, mỹ phẩm giá 20.000đ/chiếc và cả những chiếc cặp du lịch xinh xắn, ngộ nghĩnh đầy ấn tượng trông chẳng khác gì hàng ngoại nhập cũng bắt đầu xuất hiện, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho một lực lượng đông đảo là nữ sinh dân tộc K'ho, với thu nhập bình quân 400.000/người/tháng. Hoặc tại thị trấn Liên Nghĩa, nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số Tày, Nùng, Thái phía Bắc vào sinh cơ lập nghiệp, nghề làm bánh phở cũng được hồi sinh. Với lợi thế có thứ gạo Tùng Nghĩa thơm ngon nổi tiếng, xay ra bột trắng ngần, ít nơi nào sánh được, bánh tráng, nguyên liệu chế biến phở từ các lò thủ công của bà con khu phố 7 luôn hấp dẫn khách hàng, cao điểm dịp lễ, tết cung không đủ cầu, đang hứa hẹn nhiều triển vọng vươn ra thị trường ngoài huyện, ngoài tỉnh.

Người cao tuổi / 2004

67. N.V. Khánh thành phần lắp đặt thiết bị cải tạo nhà máy thủy điện Ankroet / N.V. // Sài Gòn giải phóng.- 2004.- Ngày 9 tháng 12.- Tr.2.

Ngày 8/12/2004, Công ty Điện lực 2 đã tổ chức khánh thành phần lắp đặt thiết bị công nghệ thuộc dự án phục hồi cải tạo nhà máy thủy điện Ankroet (xã Lát, huyện Lạc Dương). Vốn đầu tư lắp đặt thiết bị là 12,4 tỷ đồng thuộc nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Sau khi cải tạo, tổng công suất của nhà máy được nâng lên 4.400kW (1 tổ máy 1.600kW, 2 tổ máy 1.400kW), cấp điện cho khu vực và nối vào lưới điện quốc gia với điện lượng trung bình hàng năm 21,66 triệu kWh. Được biết, đây là nhà máy thủy điện đầu tiên ở Việt Nam, xây dựng vào năm 1945.

Sài Gòn giải phóng / 2004

68. P.V. Hội luật gia Đức Trọng làm tốt trợ giúp pháp lý cho nhân dân / P.V/ Đời sống & pháp luật.- 2004.- Số 35.- Ngày 26 tháng 8 năm.- Tr.35.

Trong những năm gần đây, Hội Luật gia huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức thực hiện tốt nhiều mô hình tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân, đồng bào các dân tộc đã được các cấp uỷ Đảng, mặt trận, chính quyền địa phương đánh giá cao.

Trong 8 tháng đầu năm 2004, Hội Luật gia Đức Trọng đã phối hợp với các cơ quan đoàn thể, chính quyền địa phương tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật, biên soạn in ấn hàng chục ngàn tài liệu tiếng dân tộc, giải đáp các chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trên các phương tiện thông tin, cổ động trực quan bằng nhiều hình thức, nội dung rất đa dạng phong phú cho hàng ngàn lượt đối tượng là đồng bào các dân tộc, vùng sâu, vùng xa, các cơ quan, trường học đã tham dự tìm hiểu về các bộ luật mới sửa đổi như: Luật Đất đai, luật Hợp tác xã, Xây dựng, Khiếu nại, Bảo vệ rừng... hưởng ứng đợt cao điểm tháng an toàn giao thông. Qua đó, nâng cao kiến thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, hạn chế các loại tội phạm, tai nạn giao thông ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của nhân dân và Nhà nước.

Hội còn tham gia hội đồng tư vấn, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân, trợ giúp pháp lý lưu động cho hàng trăm đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, hoà giải trên 100 vụ tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình và tham gia giám sát thi hành pháp luật phát hiện các việc làm vi phạm, những sai sót để cùng các cơ quan chuyên môn có biện pháp xử lý khắc phục kịp thời, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nhân dân.

Nhờ làm tốt công tác này đã đem lại hiệu quả cao góp phần giữ gìn an ninh trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Đời sống & pháp luật / 2004

69. PHAN VĂN ĐỒNG. Langbian cất cánh / Phan Văn Đông // Văn hóa chủ nhật.- 2004.- Số 993.-Tr.6.

Trải dài từ Cao nguyên Langbian hùng vĩ và thơ mộng đến vùng bình nguyên Đam Rông trù phú bên dòng sông KẹRông Nô cuồn cuộn, mảnh đất Lạc Dương đi vào lòng người với bao nhiêu ấn tượng khó quên và cũng bao điều để hy vọng.

Có lẽ không ở đâu như mảnh đất này khi từ trung tâm huyện đến xã phải đi bộ hơn 100 km đường rừng. Muốn đi ô tô thì phải về tỉnh Khánh Hòa, lên tỉnh Đắc Lắc

rồi vượt sông KẹRông Nô mới đến được 3 xã Đam Rông; riêng con đường ô tô nội huyện qua cổng trời còn khiến người đi ngán ngẩm hơn cả đi bộ.

Thế nhưng Lạc Dương bây giờ đã qua rồi cái thuở đó. Bình nguyên Đam Rông không còn là chốn rừng thiêng nước độc mà xanh ngát những cánh đồng; con đường Liên Hung - Đầm Ròn (với kinh phí đầu tư hơn 53 tỉ đồng) xẻ ngang qua núi nối vùng Đam Rông với quốc lộ 27 trong 4 năm qua là minh chứng đầy tự hào cho một chặng đường phát triển mới. Điện lưới quốc gia đã sáng đến từng mái nhà của đồng bào, 100% số xã có điện thoại, có trạm y tế, có trường học, hơn 70% đồng bào của Lạc Dương được dùng nước sạch trong sinh hoạt. Những cái tên Kilplanol hạ, Đầm Ròn ngày nào hiện lên trong đầu nhiều người sự xa xôi, heo hút, nghèo đói thì giờ đã trở thành Đạ Sar, Đạ Chais, Đam Rông rất gần gũi, no ấm. Dưới chân núi Langbian là một xã Lát trù phú, nhộn nhịp với hàng nghìn lượt du khách mỗi ngày. Chỉ tính riêng từ năm 2000 đến nay GDP của huyện tăng bình quân 12,6%/năm; đồng bào tích cực khai hoang làm lúa nước nên sản lượng lương thực năm 2003 đạt hơn 12 nghìn tấn (bình quân lương thực đạt hơn 420 kg/ người/năm). Ngoài ra đồng bào còn có gần 2.500 ha cây công nghiệp dài ngày, hơn 6 nghìn con trâu bò, tham gia nhận khoán quản lý bảo vệ 58.089 ha rừng. Hơn 7 năm trước huyện đã được công nhận phổ cập tiểu học, công nhận xóa bệnh phong; 28/51 thôn buôn của Lạc Dương đã đăng ký xây dựng thôn buôn văn hóa; các thôn buôn giờ đây lại vang lên tiếng cồng chiêng ngất ngây bên chóe rượu mừng được mùa và đồng bào còn biết cả việc tổ chức thành đội cồng chiêng để biểu diễn các bài ca, điệu múa dân gian của mình phục vụ bạn bè, du khách.

Bên cạnh đó, nhờ dự án khu du lịch cao cấp với tổng vốn đầu tư được Chính phủ phê duyệt lên đến 706 triệu USD. Trên 4.913 ha với những đồi thông ngút ngàn, với hồ nước mênh mông xanh biếc, khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng đang được khởi động thực sự là một lời mời gọi đầy quyến rũ đối với những doanh nhân và những ai yêu thích du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm. Không chỉ thế, ngay dưới chân đỉnh Langbian, một dự án xây dựng khu du lịch văn hóa lễ hội với số vốn đầu tư dự toán ban đầu 420 tỉ đồng cũng đang được triển khai cùng với các tiểu dự án du lịch liên hoàn trong vùng (như các thác nước bảy tầng ở Đạ Sar và Đạ Chais, nguồn nước khoáng nóng rất lớn ở Đạ Long). Ở đây những làng nghề truyền thống của đồng bào sẽ được khôi phục, những tinh hoa văn hóa dân gian của các dân tộc cũng được tái hiện, một không gian du lịch xanh sẽ làm hài lòng mọi du khách và vì thế mà Langbian huyền thoại sẽ là một điểm đến đầy hứa hẹn cho du khách.

Tiềm năng của Lạc Dương đang được đánh thức để vùng đất này tăng tốc còn là những tuyến đường mới đầy triển vọng nối liền Lạc Dương với nhiều tỉnh thành khác trong khu vực. Đường 723 vừa được khởi công nối liền Lạc Dương - Đà Lạt với phố biển Nha Trang, dự án đường Đông Trường Sơn đi qua các tỉnh miền Trung - Tây

Nguyên cũng đi ngang qua địa bàn Lạc Dương. Cùng đó, các dự án thủy điện (Đadâng -Dachomo, Đa Khai), thủy lợi (Đắc Tông, Đạ Tiêng Tang) hoặc đang được lập dự án hoặc đã khởi công xây dựng cũng sẽ góp phần tạo nên bước đột phá mới cho Lạc Dương. Đặc biệt, UBND tỉnh Lâm Đồng vừa thông qua quy hoạch cho Lạc Dương xây dựng khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đầu tiên của Lâm Đồng là một hướng mở đầy triển vọng (về thu hút vốn đầu tư, nâng cao trình độ sản xuất cho đồng bào, tạo hiệu quả kinh tế cao trong nông nghiệp) cho vùng đất này cất cánh.

Văn hóa chủ nhật / 2004

70. PHAN VĂN ĐỒNG. 100% đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng sẽ được dùng nước sạch / Phan Văn Đông // Tin tức.- 2004.- Số 1703.- Tr.5.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng vừa phê duyệt và chỉ đạo triển khai ngay đề án giải quyết nước sinh hoạt cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Theo đó đến năm 2006, tỉnh đảm bảo 100% hộ đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng được dùng nước sạch trong sinh hoạt. Để đạt chỉ tiêu này, tỉnh quyết định đầu tư 114,081 tỉ đồng, trong đó đầu tư trực tiếp từ nguồn vốn ngân sách (của Trung ương và địa phương) là 109,215 tỉ đồng các tổ chức khác (nguồn UNICEF, các tổ chức phi chính phủ…) là 2,250 tỉ đồng và nhân dân thụ hưởng nguồn nước đóng góp 2,616 tỉ đồng bằng công lao động. Với nguồn vốn này, tỉnh sẽ xây mới 20 công trình cấp nước tự chảy (qua hệ thống lọc đạt tiêu chuẩn quốc gia) với đồng hồ nước riêng đến từng nhà, làm mới 329 giếng khoan, 13.079 giếng đào các loại, xây dựng 3.696 bể chứa nước mưa, sửa chữa và nâng cấp 43 công trình nước tự chảy hiện có… Các công trình này đảm bảo thời gian sử dụng tối thiểu là 20 năm đối với hệ thống nước tự chảy và 15 năm đối với các công trình khác. Bình quân mỗi người dân được cấp 60 lít nước sạch sinh hoạt/ ngày.

Tin tức /2004

71. PHAN VĂN ĐỒNG . Tây Nguyên niềm vui mới / Phan Văn Đông // Tin tức.- 2004.- Số 1656.- Tr.4.

Đi dọc các tỉnh Tây Nguyên trong những ngày này có thể tận mắt thấy phong trào xây dựng Nhà tình thương, Nhà đại đoàn kết, Nhà theo chương trình 168 đang được triển khai sôi nổi, từ chân đỉnh Chư Giang Sing hùng vĩ đến những buôn làng bên thượng nguồn sông Đồng Nai. Với phương châm "Nhà nước hỗ trợ - gia đình tự làm, cộng đồng giúp đỡ" theo các mức: 3-5 triệu đồng/căn nhà cần sửa chữa, 10-15 triệu đồng/căn nhà làm mới (chưa tính nguồn gỗ khai thác tại chỗ, công lao động được ủng hộ), từ năm 2001 đến nay, Lâm Đồng đã làm mới được 2.500 ngôi nhà cho đồng bào. Ông KẹNhơ, Bí thư xã Tân Châu (Di Linh, Lâm Đồng) khẳng định: Có nhiều yếu tố đưa Tân Châu trở thành xã Dân Tộc thiểu số giàu nhất cả nước, được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới. Trong đó việc phát

huy tinh thần đại đoàn kết các dân tộc, sự gắn bó giúp đỡ giữa người kinh với đồng bào thiểu số trong một cộng đồng dân cư là nền tảng. Sự đoàn kết này đã tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế và xây dựng nếp sống mới. Nhờ thế mà phong trào làm kinh tế giỏi, xây dựng cuộc sống mới ở Tây Nguyên được tất cả các buôn làng hưởng ứng. Già Làng KẹPhương ở thôn KẹRèn (xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng) cho biết, hơn 100 hộ dân (Kẹho) trong thôn KẹRèn bây giờ đều biết trồng lúa nước, trồng các loại rau thương phẩm cung cấp cho thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Gia đình nào trong thôn lười sản xuất, bỏ hoang đất, dù chỉ một mùa vụ cũng bị các già làng đưa ra kiểm điểm trước dân làng.

Khơi dậy quyết tâm xây dựng cuộc sống ngày càng no ấm trong mọi buôn làng, Đảng và Nhà nước cũng đưa ra quyết tâm xây dựng Tây Nguyên phát triển toàn diện, bền vững với những chủ trương, chính sách ưu việt cùng với sự đầu tư lớn, đồng bộ cho toàn vùng. Các tỉnh Tây Nguyên đang phấn đấu đến hết năm 2005, tất cả các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đều có đủ hoặc thừa đất sản xuất theo định mức cho từng nhân khẩu; 100% hộ đồng bào còn khó khăn về nhà ở đều được hỗ trợ sửa chữa hoặc xây dựng nhà mới. Nhà nước đang có kế hoạch hỗ trợ nhiều hơn để phát triển hạ tầng nông thôn, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, chuyển đổi giống và cơ cấu cây trồng vật nuôi; xây dựng mới hàng loạt công trình thủy điện lớn; tăng cường xây dựng các công trình dân sinh và phúc lợi xã hội, xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Tin tức / 2004

72. PHẠM VĂN ĐÔNG. Chuyển động từ cơ chế một cửa / Phạm Văn Đông // Pháp luật Trung ương.- 2004.- Số 241.-Tr.4.

Với mục tiêu xây dựng một nền hành chính " dân chủ - trong sạch - vững mạnh và chuyên nghiệp", thành phố Đà Lạt là địa phương đi đầu thực hiện cơ chế một cửa ở Lâm Đồng. Bắt đầu từ việc mời Trung tâm Chất lượng quốc tế - IQC tư vấn và mở lớp tập huấn những kiến thức về bộ ISO 9001-2000 cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện đề án, Đà Lạt quyết định chọn 6 việc để thực hiện theo bộ chuẩn ISO 9001 - 2000: Cấp phép xây dựng nhà ở tư nhân, cấp giấy phép đăng ký chứng nhận kinh doanh, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán công trình xây dựng, chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở, chuyển nhượng, chuyển đổi và thừa kế quyền sử dụng đất.

Cơ chế "một cửa" sau hơn hai năm triển khai đã thực sự mang lại niềm vui cho người dân về một bộ máy hành chính "vì dân phục vụ". Phương châm "đúng luật, công khai, đúng thời hạn vì lợi ích của xã hội và khách hàng" đã được thành phố thực

hiện tốt. Nhờ làm tốt cơ chế "một cửa" nên mọi giao dịch dân sự như mua bán, sang nhượng nhà đất, xây dựng đều được người dân đưa đến chính quyền. Năm 2002, khi mới bắt đầu thực hiện ISO 9001-2000, dây chuyền "một cửa" của Đà Lạt (riêng cấp thành phố) đã giải quyết gần 10 nghìn hồ sơ, tăng gấp đôi so với năm 2001 và con số này tiếp tục tăng nhanh trong hai năm qua. Từ đó, số thu phí, lệ phí cho ngân sách cũng tăng vọt. Đặc biệt, việc tư nhân xây dựng trái phép (mà nguyên nhân chính là do người dân ngại làm các thủ tục xin phép) đã giảm rất nhanh. Mở rộng ứng dụng ISO 9001-2000, Đà Lạt bắt đầu triển khai một chương trình cách hành chính toàn diện với 6 hợp phần lớn: Đổi mới và nâng cao phương pháp điều hành trong các cơ quan hành chính, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện về cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng kỹ thuật số phục vụ cách hành chính và quản lý đô thị, tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, hiện đại hóa công sở và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về cách hành chính.

Từ những kết quả này, Đà Lạt triển khai cải cách hành chính đồng bộ trên nhiều lĩnh vực. Đây sẽ là yếu tố tạo diện mạo mới để Đà Lạt phát triển.

Pháp luật Trung ương / 2004

73. PHẠM THÁI. Năm 2004 kinh tế hợp tác ở Lâm Đồng phát triển mạnh / Phạm Thái // Kinh tế hợp tác Việt Nam.- 2004.- Ngày 20 tháng 1.- Tr.7.

Năm 2004, nền kinh tế Lâm Đồng phát triển khá, trong đó các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đóng một phần không nhỏ vào tổng sản phẩm xã hội. Đến cuối tháng 12/2004, Lâm Đồng có thêm 281 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, nâng tổng số doanh nghiệp lên gần 1.000 đơn vị, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp dân doanh. Cũng trong năm này, Lâm Đồng đón 1,3 triệu lượt du khách; tổng đầu tư cho xã hội khoảng 2.100 tỷ đồng, tổng sản phẩm xã hội đạt gần 5.000 tỷ đồng (tăng 15,8% so với năm 2003).

Năm 2004 cũng là năm mà các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tăng trưởng nhanh. Phần đông các hợp tác xã và thành viên của Liên minh tỉnh đã tham gia vào các chương trình kinh tế, đầu tư vào sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả cao. Riêng các nguồn quỹ đầu tư từ Chương trình 120, 135, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn của Liên minh hợp tác xã Việt Nam… đã được đầu tư và phát huy hiệu quả, như đầu tư 500 triệu đồng lập tổ hợp trồng dâu nuôi tằm ở vùng sâu Tân Thành, hỗ trợ hợp tác xã tơ tằm Bảo Lộc xây dựng nhà máy xe tơ trên 2 tỷ đồng, hợp tác xã tranh thêu Hữu Hạnh đã đầu tư hàng trăm triệu đồng lập tổ thêu đan, dạy nghề cho hàng trăm con em dân tộc thiểu số ở buôn Klong.

Các chương trình kinh tế hợp tác của các doanh nghiệp dân doanh đã tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu hàng hóa như tranh thêu XQ, Hữu Hạnh, dệt len Nam Phương, rượu vang Đà Lạt, vang Langbian, chè Cầu Đất… Các doanh nghiệp chuyên

trồng rau - hoa xuất khẩu như Hasfam, Nông Ích, Công ty cổ phần rau quả Đà Lạt; Các hợp tác xã rau hoa như Tân Thành, Hiệp Nguyên, Xuân Hương, Tự Phước… đã xuất khẩu hàng triệu cành hoa và hàng chục ngàn tấn rau xanh. Chi nhánh hợp tác xã rau hoa Lạc Thành tại Phú Yên còn xuất khẩu tôm hùm sống sang Nhật. Những sản phẩm ấy đã tạo ra cho Lâm Đồng một nguồn thu ngoại tệ trên 108 triệu USD.

Kinh tế hợp tác Việt Nam / 2004

74. PHẠM VĂN PHONG. Khởi sắc một vùng buôn dân tộc K'Ho / Phạm Văn Phong // Pháp luật Trung ương.- 2004.- Số 97.- Ngày 22 tháng 4.- Tr.5

Lạc Dương là một vùng đồng bào dân tộc sinh sống nằm ở phía Bắc của Lâm Đồng, có đến 4.761 hộ gia đình với 27.102.000 nhân khẩu hầu hết là bà con đồng bào dân tộc Chil và người Mạ… (được gọi chung là người dân tộc K'Ho) sinh sống nơi đây. Xác định lấy nghề nông nghiệp, chăn nuôi là chủ lực và nghề dệt thổ cẩm đã trở thành "một làng nghề truyền thống" rất phát triển ở Lạc Dương - Lâm Đồng.

Ai đã từng một lần đến Lâm Đồng không thể không đặt chân lên đỉnh núi Lang Biang hùng vĩ. Hôm nay tới đây, mới thấy và cảm nhận được sự "thay da đổi thịt" của vùng đất và đời sống của bà con dân tộc đang sinh sống ở "chân núi bà" này. 5 năm gần đây, bà con nhân dân huyện Lạc Dương đã tiếp nhận được nhiều kiến thức pháp luật và biết nắm bắt pháp luật ứng dụng vào thực tế để làm ăn, phát triển kinh tế, đời sống gia đình. Không còn có cảnh "du canh, du cư", "đốt nương làm rẫy" sống theo phong tục hủ lậu, dựa vào thiên nhiên nữa… mà bà con đồng bào nơi đây đã biết định canh, đinh cư, trồng lúa, chăn nuôi, làm nghề dệt thổ cẩm, buôn bán, thương mại… Đời sống của bà con buôn làng hôm nay đã khá lên rất nhiều, hộ nghèo đã giảm xuống đến 63%. Ti vi, xe gắn máy chạy tấp nập, nhiều nhiều hơn và bà con dân tộc ở đây không còn bị "đói" về văn hoá, không còn "đói" về pháp luật nữa…

Pháp luật Trung ương / 2004

75. PHÚC ÂN. 5 năm triển khai phòng chống tội phạm / Phúc Ân // Pháp luật Trung ương.- 2004.- Số 192.- Ngày 14 tháng 8.- Tr.5.

Trong 5 năm triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ (1999-2004), Sở Tư pháp Lâm Đồng vừa phối hợp tốt với nhiều ngành vừa vận động được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia phòng chống và tố giác tội phạm.

Từ chỗ chỉ có hai Câu lạc bộ "Tuổi trẻ phòng chống tội phạm" (TTPCTP) điểm ở Đức Trọng và Lâm Hà, đến nay ở 11/11 huyện thị có 33 CLB TTPCTP với 1.924 hội viên, được cấp 533 thẻ hội viên và trang bị cho 18 câu lạc bộ các trang thiết bị âm thanh trên 80 đầu sách pháp luật và tổ chức lớp tập huấn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ tuyên truyền pháp luật cho thành viên các CLB TTPCTP. Ngoài ra, các bạn

trẻ ở đây còn lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật về phòng chống tội phạm trong hoạt động của các đội thanh niên xung kích, thanh niên tình nguyện và hầu hết các câu lạc bộ đều phát động trong hội viên phong trào tố giác tội phạm. Năm năm qua, 2.267 tổ hoà giải do Tư pháp Lâm Đồng xây dựng đã thực hiện hoà giải thành 15.890 vụ việc tranh chấp, xích mích trong nhân dân, góp phần giữ gìn trật tự công cộng, tình làng nghĩa xóm và xây dựng đời sống văn hoá tại cơ sở. Ngoài ra, Tư pháp Lâm Đồng còn chú trọng đẩy mạnh công tác trợ giúp pháp lý cho nhân dân nhằm giúp người dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời chấp hành tốt pháp luật Nhà nước, đặc biệt là trợ giúp pháp lý lưu động cho bà con các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tính ra đã trợ giúp được 29.740 đối tượng nghèo, gia đình chính sách và đồng bào dân tộc.

Bên cạnh đó, phối hợp với Hội phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Sở Tư pháp cũng đã tập trung phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho chị em phụ nữ toàn tỉnh; giúp Hội Phụ nữ thành lập Trung tâm Hỗ trợ kết hôn để bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, ngăn chặn các hoạt động môi giới kết hôn vì mục đích kinh doanh vụ lợi, không lành mạnh; duy trì thường xuyên việc tuyên truyền pháp luật thông qua 182 CLB Thanh niên, thu hút gần 5.000 đoàn viên thanh niên tham gia; tham mưu và trợ giúp UBND tỉnh tổ chức phát động cuộc thi về tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 1999 đã thu hút 37.042 bài dự thi; 2 cuộc thi viết về gương người tốt việc tốt chấp hành pháp luật; 2 cuộc thi tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ, phòng chống tội phạm ma tuý theo hình thức sân khấu…

Pháp luật Trung ương / 2004

76. NGỌC ÁNH. Đức Trọng chuyển mình / Ngọc Ánh // Đại đoàn kết cuối tuần.- 2005.- Số 440.-Tr.8.

Những công trình lớn đang được khởi công xây dựng trên đất Đức Trọng như công trình thuỷ điện Đại Ninh, quốc lộ cao tốc Đà Lạt - Tp. Hồ Chí Minh, Sân bay Liên Khương, khu trung tâm công nghiệp Phú Hội - đang tạo đà thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Đức Trọng (Lâm Đồng) phát triển mạnh mẽ. Cùng với việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Đức Trọng đang chú trọng đầu tư phát triển mạnh kết cấu hạ tầng cơ sở, văn hoá, xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn thuộc 11/14 xã, thị trấn trong huyện, nhằm giúp đồng bào K'ho, Churu, Thái, Tày, Hoa… có cơ hội xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

Qua gần 3 năm thực hiện Nghị quyết của tỉnh uỷ Lâm Đồng và Nghị quyết của huyện uỷ Đức Trọng về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Tây Nguyên, đến nay, diện mạo các xã vùng sâu đang ngày càng khởi sắc. Huyện đã đầu tư gần 30 tỷ đồng từ các nguồn vốn thuộc chương trình định canh định cư, trung tâm cụm xã,

135… để rải nhựa và cấp khối hơn 100km đường liên xã, liên thôn như tuyến Tà In - Đà Loan, Đà Loan - Tà Năng, Chư Rung - Tà Năng… góp phần đảm bảo giao thông thông suốt, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển nông sản, hàng hoá và bà con đi lại dễ dàng. Để đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu trồng cà phê, dứa… và tăng năng suất cây lương thực, năm 2001, huyện đầu tư hơn 1 tỷ đồng xây dựng hồ thuỷ lợi Phú Cao (thuộc xã Tà In), rộng 4ha đảm bảo nước tưới cho hàng trăm ha diện tích lúa nước và cà phê. Hiện nay, các hồ chứa nước lớn tại thôn Sóp (Đà Loan); Ma Bó (Tà Năng), thôn 10 (Ninh Loan) và Cần Reo (Liên Hiệp) đang được huyện tập trung xây dựng. Bên cạnh đó, trung tâm thuỷ nông huyện tiếp tục đẩy mạnh kiên cố hoá kênh mương cho vùng N'Tho Hạ nhằm phục vụ tưới tiêu cho hàng trăm ha cà phê, cây rau quả, lương thực… Đến nay, diện tích cây dâu trong vùng đồng bào dân tộc đã tăng lên 80 ha; dứa 60 ha; rau hơn 100 ha. Các giống ngô lai, lúa lai, lúa cao sản chiếm trên 90% diện tích gieo trồng với năng suất lương thực bình quân đạt 48-50 tạ/ha. Nhiều mô hình chăn nuôi theo phương pháp khoa học tiên tiến đã được bà con áp dụng như mô hình gà thả vườn ở Đà Loan; mô hình xây dựng chuồng bò và lai tạo giống bò sind với bò địa phương ở Ninh Gia; mô hình nuôi cá nước ngọt ở N'Tho Hạ… Năng suất hiệu quả chăn nuôi vượt trội về số lượng và chất lượng so với cách thức chăn nuôi truyền thống những năm về trước.

Đà Loan đang hình thành một thị tứ với hệ thống đường giao thông, trường học, phòng khám đa khoa, nhà văn hoá, chợ. Đây là trung tâm cụm xã duy nhất của huyện Đức Trọng được xây dựng từ đầu năm 2000 với tổng vốn đầu tư gần 12 tỷ đồng. Trung tâm đã cơ bản hoàn thiện và tiếp tục phấn đấu sang năm 2005 sẽ phát triển trở thành thị tứ của 4 xã vùng Đà Loan. Kết cấu hạ tầng cơ sở phát triển đã góp phần cải thiện, nâng cao mức sống, mức hưởng thụ văn hoá tinh thần, dịch vụ y tế cho đồng bào Chu ru, Thái… Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo đói ở các xã Đà Loan, Ninh Loan, Tà Hơn, Tà Năng đã giảm nhiều so với trước. Phân viện Đà Loan hàng năm tiếp nhận số bà con đến khám và điều trị bệnh miễn phí trên 16.450 lượt người/năm. Ngoài ra, công tác tiêm phòng sởi cho trẻ em, phòng chống bệnh sốt rét, bệnh phong… công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm cho đồng bào trong khu vực cũng được các cấp, các ngành chức năng chú trọng.

Bên cạnh đó, thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và phong trào xây dựng thôn, buôn văn hoá, gia đình văn hoá trong vùng đồng bào dân tộc, Đức Trọng đã phát động xây dựng được 23 thôn văn hoá vùng sâu, trên 7.000 gia đình văn hoá. Toàn huyện có 10 đội văn nghệ quần chúng, 8 đội cồng chiêng, 56 đội bóng đá, 30 đội bóng chuyền thường xuyên tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao do huyện và tỉnh tổ chức. Đức Trọng đang thực sự chuyển mình trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, văn hoá, an ninh trật tự. Có được kết quả đó là nhờ đường lối, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển toàn diện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Đảng và Chính phủ, ngoài ra, còn là

thành quả của quá trình chỉ đạo sát sao của các cấp ngành địa phương và sự tự vận động quyết tâm vươn lên xoá đói giảm nghèo của đồng bào các dân tộc trong huyện.

Đại đoàn kết cuối tuần / 2005

77. ĐƯỜNG ANH NGỮ. Về với đồng bào vùng sâu vùng sa / Đường Anh Ngữ // Quân đội nhân dân.- 2005.- Ngày 23 tháng 3.- Tr.2.

Bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, những năm qua công tác dân vận của lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng đã từng bước đi vào chiều sâu, thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, luôn được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân địa phương tin tưởng.

Hàng năm, Đảng uỷ và lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đều quan tâm chỉ đạo, quán triệt các quan điểm, nhiệm vụ, công tác dân vận trong tình hình mới cho cán bộ, chiến sỹ trong toàn lực lượng, đồng thời xây dựng và thực hiện các kế hoạch công tác dân vận cụ thể đến các đơn vị trực thuộc. Trong hai năm (2003-2004), Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức 6 lượt đại đội tập trung, 21 lượt đại đội dự bị động viên, 18 lượt trung đội dân quân tự vệ với tổng số 3.366 lượt người (17.790 công lao động) về các địa bàn trọng điểm vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số… để tổ chức hàng trăm buổi tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; giúp xây dựng củng cố hệ thống chính trị cơ sở, hỗ trợ nhân dân tu sửa đường giao thông, trường học, trạm xá, kênh mương thuỷ lợi, sửa chữa nhà ở, thu hoạch mùa màng…; khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho 4.170 lượt người, nhuộm thuốc chống muỗi 1.500 chiếc màn với trị giá hơn 54 triệu đồng… Trong hai năm qua, lực lượng vũ trang tỉnh đã quyên góp xây dựng được 6 căn nhà tình nghĩa, trị giá 159 triệu đồng, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam và người nghèo gần 50 triệu đồng, phụng dưỡng 9 bà Mẹ Việt Nam anh hùng và thăm hỏi tặng quà các đối tượng chính sách vào các dịp lễ, tết hàng chục triệu đồng…

Cùng với các hoạt động trên, lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng còn tích cực, tham gia thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số được coi là một hoạt động dân vận mang tính chiều sâu, hiệu quả. Năm 2004, Bộ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã mạnh dạn nhận làm chủ dự án đầu tư xây dựng thôn dân tộc kiểu mẫu tại xã Lộc Bắc anh hùng (huyện Bảo Lâm) với tổng số vốn 2,5 tỷ đồng, trong đó cán bộ, chiến sỹ lực lượng quân đội toàn tỉnh đóng góp 200 triệu đồng. Từ dự án này mà 65 căn nhà, 1km đường giao thông, 4km đường ống nước tự chảy, nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng, hệ thống điện sinh hoạt gia đình… của đồng bào ở Lộc Bắc đã được hoàn thành đưa vào sử dụng vào dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, góp phần đáng kể làm thay đổi bộ mặt đời sống đồng bào nơi đây. Mặt khác, việc tổ chức học tiếng dân tộc bản địa cho cán bộ, chiến sỹ, nhất là cho các tổ, đội công tác tăng cường về cơ sở cũng được Bộ Chỉ huy quân sự

tỉnh duy trì thường xuyên mỗi năm từ một đến hai lớp. Nhờ đó mà việc thâm nhập nắm tình hình cũng như công tác tiếp xúc, tranh thủ, vận động các già làng, nhân sỹ trong vùng dân tộc được thuận lợi và có nhiều kết quả hơn.

Quân đội nhân dân / 2005

78. ĐỨC LIÊN. Sức trẻ trên công trường thủy điện Đại Ninh / Đức Liên // Thanh niên.- 2005.- Số 82.- Ngày 23 tháng 3.-Tr.6.

Giống như các công trình thủy điện: Trị An, Yaly, Thác Mơ, Sê San…, công trình thủy điện Đại Ninh (thuộc địa phận hai tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng) luôn sôi động khí thế thi đua của các kỹ sư, công nhân trẻ Việt Nam. Thủy điện Đại Ninh hứa hẹn một nguồn năng lượng mới với nguồn vốn đầu tư khoảng 440 triệu USD.

Công nhân trắc địa đo đạc Bùi Việt Chiến là một trong số hàng ngàn lao động trẻ có mặt ở công trình từ ngày đầu, Chiến cho biết đến nay anh đã quen dần với mọi cực nhọc, vất vả. Điều quan tâm của Chiến là sớm hoàn thành công việc được giao với chất lượng tốt nhất. Kỹ sư đo đạc Mai Sỹ Liêm, 32 tuổi, đang nhễ nhại mồ hôi góp thêm ý kiến: "Hằng ngày chúng tôi phải làm việc từ 8-10 tiếng nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công trong mùa khô. Mọi người chỉ thật sự được nghỉ ngơi hai ngày chủ nhật trong tháng mà thôi". Từ hai đập chính Đa Nhim và Đa Queyon cao gần 60m, hồ chứa của dự án thủy điện Đại Ninh có dung tích 320 triệu m^3 sẽ được chuyển đến nhà máy thủy điện qua một đường hầm dẫn nước có chiều dài 11,2km. Nhà máy Thủy điện Đại Ninh trong tương lai gần (dự kiến vào năm 2007) sẽ phát điện với công suất (gồm 2 tổ máy) là 300 MW, gấp đôi công suất thủy điện Đa Nhim và sản lượng điện cung cấp là 1,2 tỉ KWh.

Dự án thủy điện Đại Ninh sau khi hoàn thành không chỉ hòa vào lưới điện quốc gia cung cấp điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong nước và khu vực mà còn góp phần tham gia cải tạo môi trường, môi sinh khu vực, tạo ra những điểm du lịch lý tưởng, trong đó tỉnh Lâm Đồng có thể khai thác lòng hồ rộng khoảng 29 km^2 thành một điểm du lịch hấp dẫn. Sắp tới, đường hầm dẫn nước thi công xong chắc chắn sẽ thu hút nhiều người đến tham quan vì đây còn là đường hầm thủy điện dài nhất Đông Nam Á.

Thanh niên / 2005

79. K.T. 10 năm triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng / K.T. // Sức khỏe và Đời sống.- 2005.- Số 30.- Tr.4.

Trước sự gia tăng về nhu cầu điều trị phục hồi chức năng cho người tàn tật trong tỉnh, từ tháng 6/1994, được sự chỉ đạo trực tiếp của Sở y tế Lâm Đồng và sự giúp đỡ của Tổ chức người tàn tật thế giới (Handicap International - HI), Trung tâm phục hồi chức năng trẻ em khuyết tật - nay là Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức

năng Lâm Đồng đã triển khai Chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại huyện Đức Trọng, đây là mô hình thí điểm đầu tiên trong cả nước.

Sau 10 năm, chương trình đã triển khai mở rộng ra ở 6/11 huyện, thị trong toàn tỉnh. Thực hiện được xã hội hóa công tác y tế trong lĩnh vực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Hệ thống cán bộ chuyên trách được tổ chức từ tỉnh đến huyện, xã và đội ngũ cộng tác viên y tế thôn bản thường xuyên được tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục hồi chức năng, có nhiệt tình đã góp phần tạo điều kiện cho chương trình đạt hiệu quả thiết thực, giúp cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng.

Qua triển khai chương trình, bệnh viện đã sản xuất và cung cấp miễn phí các dụng cụ chỉnh hình, giày nẹp cho các đối tượng người khuyết tật nghèo tại các huyện đã triển khai chương trình với 330 dụng cụ trợ giúp, 62 nẹp nhôm, 119 nẹp nhựa, 91 giày và 86 xe lăn; hướng dẫn gia đình tự đóng các dụng cụ trợ giúp luyện tập đơn giản với nguyên liệu sẵn có tại địa phương để phục vụ người khuyết tật tại nhà, đồng thời tổ chức kiểm tra theo dõi hướng dẫn việc sử dụng và có biện pháp sửa chữa kịp thời, thay thế các dụng cụ không còn phù hợp. Bên cạnh đó, nhằm tạo điều kiện cho người khuyết tật có công ăn việc làm và hỗ trợ học nghề, đơn vị còn triển khai 34 dự án kinh tế xã hội bằng các hình thức cho vay vốn trả góp không lấy lãi, qua theo dõi một số dự án đạt kết quả tốt, tạo được việc làm có thu nhập cho người khuyết tật.

Để người khuyết tật cùng tham gia vào chương trình, góp phần tạo điều kiện để hòa nhập cộng đồng, từ năm 1997 đơn vị đã phối hợp với một số các cơ quan chức năng hỗ trợ hình thành mô hình câu lạc bộ người khuyết tật với nhiệm vụ tham vấn, giúp đỡ cho người khuyết tật về các mặt kinh tế - xã hội, hoạt động thể thao văn nghệ, giải trí giao lưu. Với số hội viên lên đến trên 150 người, tổ chức được nhiều hoạt động mang ý nghĩa như: đêm văn nghệ giao lưu, hội trại, tham gia thi đấu thể thao trong và ngoài tỉnh, được các ban ngành, đoàn thể và nhân dân giúp đỡ.

Qua 10 năm triển khai, mặc dù còn không ít khó khăn như địa bàn phức tạp, thời tiết không thuận lợi, chưa có chỉ tiêu biên chế riêng nhưng chương trình đã góp phần giúp đỡ người khuyết tật hòa nhập vào cộng đồng, tạo công ăn việc làm một cách hiệu quả. Trong thời gian tới chương trình sẽ duy trì và tiếp tục triển khai tại các địa phương còn lại nhằm góp phần giúp đỡ người khuyết tật đạt nhiều kết quả tốt hơn.

Sức khỏe và Đời sống / 2005

80. LÊ TÂN. Ngành trà Atisô Lâm Đồng thức dậy một tiềm năng / Lê Tân // Diễn đàn doanh nghiệp.- 2005.- Ngày 28 tháng 9 .- Tr.6.

Đà Lạt - Lâm Đồng với thế mạnh về ngành du lịch, XK hoa đứng đầu cả nước được xem là nguồn phát triển kinh tế của tỉnh. 10 năm gần đây, ngành chế biến trà

Actiso cũng rất phát triển và nó đang dần trở thành thế mạnh và tiềm năng của vùng đất Tây Nguyên này.

Từ đầu những năm 90, khi cây Actiso chưa được nhiều người dân Đà Lạt biết đến, thì chị Nguyễn Thị Lộc (chủ cơ sở trà Actiso Ngọc Duy trước) đã nhạy bén biến nguồn dược liệu quý này thành một loại trà, mà ngày nay nó đã trở thành thứ nhu yếu phẩm trong mỗi gia đình. Cùng với thời điểm trà túi lọc Lipton xuất hiện trên thị trường, chị đã nảy sinh ý định chế biến Atiso thành một loại trà để sử dụng rộng rãi. Năm 1992 đánh dấu một bước phát triển đối với sản phẩm trà của chị. Một vị khách nước ngoài khi đến Đà Lạt dùng thử sản phẩm đã đặt mua 15.000 hộp với giá cao gấp 4 lần trong nước. Sau lô hàng XK đó cơ sở có thêm vốn đầu tư, sản phẩm cũng được nhiều người trong và ngoài nước biết đến.

Bên cạnh các công ty như Khôi Nguyên, Cty Dược Lâm Đồng còn rất nhiều đơn vị khác như Vĩnh Tiến, Ngọc Duy…đã từng bước khẳng định được vị trí của mình trong ngành chế biến trà Actiso. Điều đáng nói là, sản phẩm trà Actiso của các doanh nghiệp này những năm gần đây đều vinh dự được trao những giải thưởng cao quý trong đó có giải "Sao Vàng Đất Việt" - đó là động lực và là minh chứng cho sự phát triển ngành chế biến trà Actiso của Đà Lạt, Lâm Đồng.

Thương hiệu trà Actiso Lâm Đồng đang được hình thành và đã từng bước đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế của một tỉnh vùng cao nguyên, góp thêm vào thế mạnh của vùng này một ngành đầy tiềm năng.

Diễn đàn doanh nghiệp / 2005

81. PHÚC ÂN. Khởi công xây dựng bệnh viện tư nhân đầu tiên / Phúc Ân // Pháp luật Trung ương.- 2005.- Số 82.- Tr.12.

Ngày 2/4/2005. Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ - Đà Lạt đã chính thức được khởi công xây dựng tại đường Mimosa, đồi Long Thọ, phường 10, Thành phố Đà Lạt. Đây là dự án thứ sáu của Cty Bệnh viện Hoàn Mỹ trong toàn quốc sau Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ. Dự án Bệnh viện Hoàn Mỹ - Đà Lạt có quy mô 399 giường điều trị và 100 giường điều dưỡng, xây dựng trên diện tích đất được UBND tỉnh Lâm Đồng giao là 20,4 ha với tổng vốn đầu tư khoảng 5 triệu USD. Bệnh viện gồm: khu khám, điều trị, cấp cứu, đa khoa, khu điều dưỡng, khu dịch vụ cho thân nhân và khách, khu dành cho nhân viên và chuyên viên, khu xử lý kỹ thuật.

Pháp luật Trung ương / 2005

82. PHÚC ÂN. Giải quyết đăng ký hôn nhân thực tế và khai sinh trẻ em / Phúc Ân // Pháp Luật Việt Nam.- 2005.- Số 127.- Ngày 29 tháng 5.- Tr.9.

Với dân số trên một triệu người, địa hình hiểm trở, do vậy, công tác đăng ký hộ tịch không phải là chuyện giản đơn, song đến nay việc giải quyết hôn nhân thực tế và khai sinh cho trẻ em của Lâm Đồng đã hoàn thành về cơ bản và được đánh gía cao về một cách làm năng động...

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 77/CP năm 2001 về đăng ký kết hôn thực tế và khai sinh cho trẻ em, Bộ Tư pháp có thông tư 07 hướng dẫn thi hành Nghị định nói trên, Sở Tư pháp Lâm Đồng đã kịp thời tham mưu với UBND tỉnh cho gấp rút triển khai thực hiện. Hàng vạn tài liệu như phiếu kê khai, mẫu điều tra phục vụ cho việc đăng ký hôn nhân thực tế và khai sinh để cấp phát miễn phí cho bà con được đưa về tận các buôn làng. Theo con số thống kê, đến nay Phòng Tư pháp các huyện, thị, thành phố đã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý và chính quyền các xã, phường tiến hành lập thủ tục đăng ký hôn nhân thực tế cho 4.699 trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 3/1/1987 và 11.542 trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập sau ngày 3/1/1987. Riêng việc đăng ký khai sinh cho trẻ em, các cán bộ tư pháp Lâm Đồng đã giải quyết được 19.505 trường hợp. So với sau khi có chỉ thị 2 năm 2003 của Bộ Tư pháp, thì việc bà con khai sinh cho trẻ em tăng 5.454 trường hợp. Năm qua, các cán bộ Tư pháp Lâm Đồng đã giúp thêm 462 trẻ em trong toàn tỉnh được khai sinh miễn phí và 2.433 trường hợp các cặp vợ chồng có hôn nhân thực tế được làm cho giấy chứng nhận kết hôn tạo cho người dân có đủ điều kiện để được bảo vệ các quyền và lợi hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Pháp luật Trung ương / 2005

83. PHÚC ÂN. Tư pháp lâm đồng: Ba mươi năm - một chặng đường gian khó / Phúc Ân // Pháp luật Việt Nam.- 2005.- Số 118.- Tr.16.

Đến đầu năm 2005, ngành Tư pháp Lâm Đồng đã xây dựng, củng cố và kiện toàn được bộ máy khá vững mạnh: Nếu như những ngày đầu thành lập chỉ có vỏn vẹn 8 cán bộ (5 là trung cấp pháp lý), thì đến đầu năm 2005, Sở Tư pháp đã có 63 cán bộ công tác tại 9 phòng nghiệp vụ và tổ chức trực thuộc Sở với 80% tốt nghiệp đại học. Ở 12/12 huyện, thị và thành phố, các Phòng Tư pháp được thường xuyên củng cố, kiện toàn. Hệ thống Tư pháp xã được xây dựng đều khắp ở 143/143 xã, phường, thị trấn. Từ 400 tổ hòa giải thuở ban đầu đến nay Lâm Đồng đã có một mạng lưới hòa giải viên khá hùng hậu với 2.164 tổ hòa giải, 8.155 hòa giải viên. Chỉ trong năm qua, các hòa giải viên đã hòa giải thành 2.556/3.193 vụ việc, hạn chế tình trạng kiện thưa lên các cấp chính quyền. Tổ chức các cơ quan Thi hành án dân sự cũng đã thi hành xong hoàn toàn 2.695 việc, thu trả cho công dân 11.458.000.000đ, thu về cho Nhà nước được 3.627.973.000đ, thu cho ngân sách 675.145.000đ…

Trong năm qua, Sở Tư pháp còn giúp chính quyền địa phương rà soát 1.002 VBQPPL, 313 văn bản phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế. Qua đó đã đề nghị sửa đổi bổ sung 12 văn bản, bãi bỏ 5 văn bản, ban hành mới 3 văn bản… Riêng 5 tháng đầu năm 2005, Sở đã thực hiện rà soát 1.258 văn bản hiện hành, đề nghị sửa đổi bổ sung 23 văn bản và bãi bỏ thêm 8 văn bản khác.

Chỉ tính riêng năm qua, đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh đã thực hiện 2.080 cuộc tuyên truyền giới thiệu 49 Luật, Bộ luật, 66 Pháp lệnh, 155 Nghị định, thu hút 2.460.000 lượt cán bộ và nhân dân trong tỉnh tham dự. Ngoài ra, Sở còn phối hợp Tỉnh đoàn TNCS tổ chức trên 360 đợt học tập các chính sách và pháp luật của Nhà nước cho 127.000 lượt đoàn viên thanh thiếu niên; thường xuyên duy trì, củng cố và đổi mới sinh hoạt của các Câu lạc bộ "Tuổi trẻ phòng chống tội phạm" thông qua đó đã cảm hóa được hàng trăm đối tượng thanh thiếu niên phạm pháp trở về với đường ngay nẻo thẳng.

Bên cạnh đó ngành còn tổ chức hàng trăm cuộc trợ giúp pháp lý, tuyên truyền pháp luật, làm khai sinh và hộ tịch cho đồng bào dân tộc và bà con nghèo ở những vùng sâu, vùng xa

Trước những thành quả ấy, Chủ tịch Nước đã quyết định tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba, rồi Huân chương Lao động hạng Nhì và Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cũng đã tặng thưởng nhiều Cờ thi đua xuất sắc, hàng trăm bằng khen, giấy khen… cho các cán bộ tư pháp Lâm Đồng.

Pháp luật Việt Nam / 2005

84. THANH HÀ. Đầu tư 32 tỷ đồng cho dự án phát triển chăn nuôi dê / Thanh Hà // Thông tin Tài chính.- 2005.- Số 5.- Tr.2-4.

UBND tỉnh Lâm Đồng vừa phê duyệt dự án phát triển chăn nuôi dê trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ nay đến năm 2010 với tổng mức đầu tư là 31,956 tỷ đồng nhằm giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập cho bà con dân tộc ở các vùng sâu, vùng xa. Trước mắt, trong các năm 2005-2006, Lâm Đồng sẽ đầu tư cho khoảng 700 hộ xây dựng chuồng trại, cung cấp cho mỗi hộ 10 con dê cái và 1 dê đực đồng thời hướng dẫn cặn kẽ các biện pháp chăn nuôi. Phấn đấu đến năm 2010 cả tỉnh sẽ có 2.000 hộ đồng bào dân tộc chăn nuôi 40.000 con dê và sản xuất khoảng 400 tấn thịt dê/năm.

Thông tin Tài chính / 2005

85. VIỆT HÙNG. Đưa chợ việc làm đến xã phường / Việt Hùng //Lao động xã hội.- 2005.- Ngày 27 tháng 9. Tr. 4.

Lấy xã, phường làm địa điểm để doanh nghiệp và người lao động gặp gỡ, giao dịch về việc làm; mang các chủ trương, chính sách về hỗ trợ việc làm, hỗ trợ học nghề cho thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc vốn ít có cơ hội tiếp cập thông tin về việc làm - đó là những điểm mới của Tháng Việc làm tỉnh Lâm Đồng lần thứ 2-2005.

Đến nay, đã có 8 huyện cơ bản hoàn thành việc điều tra, khảo sát về tình hình lao động, qua đó xác định được 9.300 lao động cần ưu tiên giải quyết việc làm. Riêng điều tra hộ nghèo theo chuẩn mới, trong tổng số 50.316 hộ nghèo có 11.952 hộ có người thiếu việc làm hoặc thất nghiệp (chiếm 24%). Đặc biệt, ở một số huyện, số hộ nghèo có người thiếu việc làm chiếm tới 40%. Với chỉ tiêu đưa được 700 lao động đi làm việc ngoài nước trong năm 2005, xuất khẩu lao động là một nội dung quan trọng của Tháng Việc làm. Hiện có 11 doanh nghiệp xuất khẩu lao động đang triển khai tuyển lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc tại các thị trường Malaysia, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Saudi Arabia… Đến nay đã có trên 80% số xã, phường tổ chức cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đến tư vấn tuyển dụng trực tiếp cho người lao động và giới thiệu chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động. Các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Lâm Hà, Đạ Tẻh, Di Linh, Bảo Lâm, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt đã tổ chức từ 1-3 lớp học ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho trên 400 thanh niên trong tổng số gần 550 hồ sơ đăng ký xuất khẩu lao động. Các doanh nghiệp tuyển dụng được nhiều lao động xuất khẩu nhất là LASEC, ENLEXCO, SOVILACO… Theo số liệu từ ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, số dư nợ vay xuất khẩu lao động đã lên đến gần 5,3 tỷ đồng.

Giải quyết việc làm thông qua Quĩ 120 cũng là một kênh quan trọng của Lâm Đồng. Trong thời gian Tháng Việc làm, 2,9 tỷ đồng từ Quĩ 120 đã được giải ngân, nâng tổng số vốn đã giải ngân tính từ đầu năm 2005 lên gần 9 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm, tạo việc làm tại chỗ cho trên 7.000 lao động. Hoạt động đào tạo nghề cũng được đẩy mạnh với 24 lớp học nghề may công nghiệp, thêu tay, dệt thổ cẩm, sửa xe máy - động cơ diesel, điện nông thôn… được tổ chức, thu hút 818 lao động trẻ tham gia. Đến nay đã có gần 500 người ra nghề, có việc làm tại chỗ hoặc được giới thiệu cho các doanh nghiệp.

Ban chỉ đạo Tháng Việc làm nhận định: Nếu giải quyết tốt về vấn đề thông tin cũng như một số vướng mắc cụ thể phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp, thì chắc chắn chỉ tiêu đưa 700 lao động đi làm việc ngoài nước trong năm 2005 sẽ hoàn thành.

Lao động và Xã hội / 2005

86. PHONG VĂN. Công nghiệp Bảo Lộc bước chuyển ngoạn mục / Phong Văn // Sài Gòn Giải Phóng.- 2005.- Ngày 21 tháng 01.- Tr. 6.

Một thời Bảo Lộc chỉ được biết đến như là một trung tâm công nghiệp ươm tơ dệt lụa lớn nhất quốc gia nhưng nay, không chỉ có tơ lụa mà nơi đây đã hình thành nên nhiều nhà máy công nghiệp khác để đưa Bảo Lộc trở thành một trung tâm công nghiệp của cả tỉnh Lâm Đồng và khu vực Nam Tây Nguyên.

Năm 2004, giá trị sản xuất công nghiệp của thị xã đạt mức cao nhất từ trước tới nay với 1.340 tỷ đồng, chiếm 38,3% tỷ trọng cơ cấu GDP, tăng 4% về tỷ lệ và tăng 18,5% về giá trị so với năm trước. Năm qua đã xuất hiện một số nhà máy thu hút hàng ngàn lao động hướng vào xuất khẩu như công ty Scavi, Công ty At-lantic…Tổng giá trị xuất khẩu do các doanh nghiệp trên địa bàn đạt 71,6 triệu USD, chiếm 70% giá trị xuất khẩu của cả tỉnh trong năm 2004 (kế hoạch chỉ là 40%-50%), góp phần đưa tổng giá trị kim ngạch của tỉnh Lâm Đồng đạt hơn 100 triệu USD sau nhiều năm chờ đợi. dù mới đi vào hoạt động hơn một năm nhưng KCN Lộc Sơn (một trong 2 KCN tập trung của tỉnh) đã thu hút được 16 đơn vị đầu tư lập nhà máy với giá trị đầu tư bình quân đạt khoảng 14 tỷ/đơn vị. Bước chuyển ngoạn mục của công nghiệp Bảo Lộc làm người ta tạm quên đi giấc mơ công nghiệp dâu tằm tơ đã bị tan vỡ mà một thời người dân đặt rất nhiều kỳ vọng.

Được xác định là một trung tâm công nghiệp lớn của tỉnh Lâm Đồng trong năm 2005 và những năm tiếp theo, công nghiệp tiếp tục được thị xã xem là ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu là tiếp tục giảm mạnh tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Chỉ tiêu đề ra là tăng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 so với năm 2004 từ 18%-20%. Ngay từ những ngày đầu năm thị xã đã nhận được một số dự án xây dựng nhà máy chế biến quặng Bauxit thành Hydroxit nhôm với quy mô 100.000 tấn/năm với kinh phí đầu tư 400 tỷ đồng và một nhà máy khác có công suất 50.000 tấn/năm tại phường Lộc Tiến. Một số dự án khác đầu tư vào công nghiệp chế biến cà phê ở KCN Lộc Sơn cũng được triển khai để đến cuối năm 2005 lấp được 50% diện tích KCN tương đương 60ha. Thị xã cũng sẽ hoàn chỉnh thủ tục, phê duyệt quy hoạch thêm một số cụm CN địa phương khác như cụm công nghiệp Lộc Phát theo hướng KCN sạch, diện tích 50ha và KCN Lộc Tiến cũng 50ha. Chưa khai trương nhưng đã có 4 nhà đầu tư trong nước đăng ký đầu tư vào KCN sạch Lộc Phát, đó quả là một tín hiệu đầu xuân rất đáng mừng.

Sài Gòn Giải Phóng / 2005

87. PV. Lâm Đồng đầu tư thêm 1.620 tỷ đồng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi / PV // Nhân dân.- 2005.- Ngày 11 tháng 8.- Tr.2.

Tỉnh Lâm Đồng vừa quyết định đầu tư thêm 1.620 tỷ đồng trong khuôn khổ chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 -

2010. Mục tiêu của trương trình là phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tạo thế cạnh tranh đối với các sản phẩm chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong nền nông nghiệp của tỉnh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ. Chỉ tiêu đến năm 2010, chăn nuôi sẽ chiếm tỉ trọng 25%, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 5%. Trong 1.620 tỷ đồng đầu tư, tỉnh sẽ phân bố: hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và đào tạo nhân lực; xây dựng các mô hình điểm, khảo nghiệm, chuyển giao kỹ thuật; xây dựng cơ sở vật chất và quản lý đào tạo cán bộ thú y.

Nhân dân / 2005

88. GIA BÌNH. Đường cao tốc Liên Khương – Đèo Prenn thúc đẩy nền kinh tế xã hội của Đà Lạt phát triển / Gia Bình // Đà Lạt 115 năm.- 2008.- Tr.87-88.

Sau gần 5 năm thi công, ngày 29/6/2008, UBND tỉnh Lâm Đồng và Công ty 7/5 (Quân khu 7, Bộ Quốc phòng) long trọng làm lễ thông xe tuyến đường cao tốc nối cảng hàng không Liên Khương – chân đèo Prenn, cửa ngõ Đà Lạt, mở ra một triển vọng mới, góp phần thúc đẩy nền kinh tế xã hội của thành phố ngàn hoa…

Đường cao tốc Liên Khương – chân đèo Prenn là phân đoạn cuối của đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt mà Bộ Giao thộng Vận tải và hai tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai tiếp xúc triển khai song song với Quốc lộ 20 – tuyến đường huyết mạch của Lâm Đồng nói chung và là tuyến giao thương quan trọng nhất của Đà Lạt đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và TP. Hồ Chí Minh. Đoạn cao tốc Liên Khương – Prenn bắt đầu từ Km 203+600 đến Km 222+820 quốc lộ 20, dài 19,2km, do công ty 7/5 (Quân khu 7) và Ban quản lý dự án Giao thông Vận tải Lâm Đồng làm chủ đầu tư, Công ty 7/5 trực tiếp thi công theo phương thức BOT (xây dựng, kinh doanh, chuyển giao). Đây là đường cao tốc hạng B, được thiết kế tốc độ 80km/giờ, đoạn qua thị trấn Liên Nghĩa rộng 52m, ngoài thị trấn rộng 45m, mặt đường hai chiều gồm 4 làng xe, hai đường gom hai bên, giải phân cách giữa, giải phân cách phần đường và đường gom, lề đường; đoạn chạy dọc ven núi rộng 25,5m, mặt đường 2 chiều 4 làn xe…riêng vòng xoay Liên Khương rộng 121m. Công trình có tổng vốn đầu tư trên 933 tỉ đồng, trong đó vốn đối ứng của nhà nước gần 308 tỉ đồng để giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, làm hàng rào, lặp đặt hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh dọc tuyến.

Ông Đoàn Văn Việt - Chủ tịch UBND TP. Đà Lạt cho biết: "Đà Lạt có khí hậu trong lành và cảnh quan thiên nhiên phong phú, tươi đẹp là nơi có tiềm năng để phát triển mạnh về du lịch, nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, để phát huy được thế mạnh đó thì vấn đề giao thông là quan trọng hàng đầu. Bên cạnh các công trình giao thông như đường Đà Lạt Khánh Vĩnh, đường ĐT 722 nối với quốc lộ 27 và đường Đông Trường Sơn,

công trình nâng cấp mở rộng sân bay Liên Khương thì đường cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) Đà Lạt là giai đoạn 1 mà đoạn Liên Khương Prenn là một dự án vô cùng quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong công việc phát triển về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của TP. Đà Lạt".

DC434
Đ561C

89. NGUYỄN TRI DIỆN. Công nghiệp Đà Lạt nhìn lại một chặng đường / Nguyễn Tri Diện // Kỷ niệm 115 năm (1893-2008).- 2008.- Tr.39-42.

Đà Lạt được khám phá từ năm 1893, đến năm 1916 đô thị Đà Lạt xem như được xác định về mặt pháp lý. Vào thời điểm này thì nghề làm vườn với các giống rau quả ôn đới là ngành nghề sản xuất chính của Đà Lạt, làm cho cư dân Đà Lạt tăng vọt lên hẳn so với những năm trước đó. Hoạt động sản xuất công nghiệp thời kỳ đầu được đánh dấu bằng việc xây dựng nhà máy thủy điện với công xuất 50KW vào năm 1918 để phục vụ cho sinh hoạt của thành phố; xây dựng nhà máy nước vào năm 1920 với công suất 5.000m3/ngày đêm. Tuy vậy, sản xuất công nghiệp không chỉ dừng lại ở đó, qua nhiều nhiệm kỳ, chính quyền thành phố quyết tâm xây dựng Đà Lạt như một trung tâm du lịch và nghỉ dưỡng của Đông Dương.

Những năm 1975-1985, Đà Lạt lúng túng với cơ cấu kinh tế công nông – lâm nghiệp và du lịch. Trong lĩnh vực công nghiệp, ngoài việc mở rộng mạng lưới điện đưa vào phục vụ tận các làng nông nghiệp, một thành tựu quan trọng khác của Đà Lạt là hoàn thành việc xây dựng nhà máy nước Suối Vàng (viện trợ của Đan Mạch) vào năm 1984 với công suất 18.000m3/ngày, bảo đảm cho nhân dân Đà Lạt và du khách đủ lượng nước cần dùng với chất lượng nước cao hơn, các ngành công nghiệp chế biến, cơ khí,… hầu như không có gì đáng kể do điều kiện sau chiến tranh. Thời gian này cũng đánh dấu sự thành lập Xí nghiệp Rượu Lâm Đồng, Xí nghiệp Lương thực thực phẩm tại Đà Lạt (ngày nay là Cty Thực Phẩm Lâm Đồng) và Xí Nghiệp Phân bón Trại Mát.

Giai đoạn 1986 -1992, với chủ trương đổi mới của Đại hội VI của Đảng, đặc biệt là chủ trương mới trong lĩnh vực kinh tế đã làm thay đổi nhận thức cho đến bộ mặt nền kinh tế chung. Ngành công nghiệp bắt đầu có bước phát triển tương đối nhanh. Trên địa bàn Đà Lạt đã thành lập được 43 hợp tác xã và tổ hợp tác chuyên sản xuất công nghiệp và có 519 họ cá thể khác hoạt động sản xuất công nghiệp. Tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp chiếm 20,5% toàn tỉnh. Tổng số lao động thuộc ngành công nghiệp là 3.793 người, chiếm 35,8% số lao động toàn tỉnh, chủ yếu làm việc tại các tổ hợp tác (1.867 người) (Theo niên giám thống kê năm 1986). Mạng lưới điện được mở rộng và hệ thống cấp nước được nâng lên 25.000m3/ngày vào năm 1991. Thời gian này trồng nghề rau quả và hoa vẫn được duy trì như trước đây, tiểu thủ

công nghiệp Đà Lạt được chú ý nhiều hơn. Hàng mỹ nghệ mây tre và chạm bút lửa phụ thuộc thị trường nên lên xuống thất thường được thay thế bằng nghề đan, thêu tăng ngày càng được củng cố, thu hút khá nhiều lao động của thành phố (2.500 người có tay nghề cao). Nhìn chung các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch vẫn phát triển thuận tiện và mạnh mẽ hơn so với ngành công nghiệp hiện đại, sử dụng máy móc và công nghệ thiết bị. Ngành chế biến nông phẩm còn thô sơ, tạo ra ít chủng loại và bao bì chưa đẹp làm cho sản phẩm bị hạ giá, mất đi một nguồn thu cho thành phố và người sản xuất.

Từ năm 1992 đến nay: đây là giai đoạn mà ngành công nghiệp Đà Lạt đã hình thành rõ nét hơn với sự phát triển của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, sự sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chính sách quan trọng trong lĩnh vực kinh tế thông qua NQ 338/HĐBT, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty. Mô hình hợp tác xã trong giai đoạn những năm 1997 -1998 vẫn còn hoạt động rất hiệu quả và sôi nổi như HTX Bình Minh, HTX Thông Xanh sản xuất chế biến gỗ, HTX cơ khí 19/8 chuyên sữa chữa ô tô thu hút khá nhiều lao động. Sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng hơn với các sản phẩm như chế biến trà, cà phê, thực phẩm, bia, nước giải khác, mặt hàng tiểu thủ công nghiệp được nâng cao về mặt chất lượng và chủng loại. So với điểm xuất phát ban đầu, ngành công nghiệp Đà Lạt đã đạt được những thành tựu đáng kể, có bước phát triển tốt về số lượng và chất lượng. Đến năm 2007, số cơ sở sản xuất công nghiệp là 840 cơ sở, sự phát triển về mặt số lượng các cơ sở này tạo công ăn việc làm cho khoảng trên 4.000 lao động. Giá trị sản xuất công nghiệp thành phố Đà Lạt chiếm 15% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Trong đó sản phẩm chủ yếu là trà, cà phê, rượu vang, nước, điện, vật liệu xây dựng, chế biến rau cấp đông, các sản phẩm may mặc và thuê đan.

Với những điều kiện đặc trưng riêng công nghiệp của Đà Lạt trong tương lai sẽ phát triển theo hướng công nghiệp chế biến, công nghiệp điện - nước, tiểu thủ công nghiệp.

DC410
C455N

90. NGUYỄN VĂN THÀNH. Y tế Đà Lạt với phát triển kinh tế xã hội / Nguyễn Văn Thành // // Đà Lạt 115 năm.- 2008.- Tr.135-137.

Trong những năm qua ngành *Y tế thành phố Đà Lạt đã có nhiều nỗ lực thực hiện nhiệm vụ phục vụ nhân dân. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi, phòng chống 7 bệnh truyền nhiễm hàng năm đạt trên 97%, không có trẻ em mắc các bệnh trong chương trình tiêm chủng. Trẻ em từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi uống*

vitamin A dự phòng 2 đợt/năm đạt tỷ lệ 99%. Duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt và bệnh phong trên toàn thành phố. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em triển khai tích cực. Trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10,5% vào năm 2008. Phòng chống bệnh lao hàng năm thu dung từ 70 đến 80 ca mắc mới điều trị khỏi trên 95% không có bệnh nhân bỏ trị-phát hiện kịp thời những tác dụng phụ của thuốc để nâng cao kết quả điều trị.

Bên cạnh đó, ngành y tế thành phố cũng tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư.

Hệ thống y tế khám chữa bệnh tuyến tỉnh và ngành đóng chân trên địa bàn thành phố gồm 12 đơn vị. Hệ thống y tế tuyến thành phố có 15 trạm y tế phường xã, có 3 phòng khám đa khoa khu vực, 1 nhà hộ sinh thành phố, 1 đội y tế dự phòng. Ngoài ra còn có 309 cơ sở y tế tư nhân hoạt động trên địa bàn gồm 133 bác sĩ, 28 cơ sở dịch vụ, 43 cơ sở y học cổ truyền dân tộc, 48 hiệu thuốc có dược sĩ đại học, 2 nhà thuốc đông y cao đơn hoàn tán và 49 quầy thuốc của công ty Cổ phần dược vật tư y tế Lâm Đồng. Từ năm 2005 đến nay, Nhà nước đã đầu tư xây dựng mới thêm nhà hộ sinh thành phố-trạm y tế phường 2, trạm y tế Xuân Thọ và đội y tế dự phòng với kinh phí gần 10 tỷ đồng.

Những năm qua, y tế thành phố Đà Lạt đã và đang có nhiều thay đổi để đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong nền kinh tế thị trường theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế nhằm huy động mọi nguồn lực để đầu tư cho y tế, tạo điều kiện cho ngành y tế phát triển nhanh hơn với chất lượng cao hơn. Đồng thời nâng cao tính cạnh tranh giữa các cơ sở y tế, nâng cao y đức, chuyên môn cho cán bộ ngành y tế. Hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên. Riêng y tế Thành phố Đà Lạt đã vận động đầu tư hơn 4,1 tỷ đồng để mua 01 máy siêu âm màu 3-4D, máy đo loãng xương, máy nội soi tai mũi họng, máy xét nghiệm sinh hóa, máy rửa phim tự động, đặc biệt là 08 máy chạy thận nhân tạo hoạt động từ tháng 03/2008 đến nay đã giải quyết trên 500 lượt bệnh nhân bảo đảm an toàn.

Công tác Dân số, kế hoạch hóa gia đình trên 95% phụ nữ có thai đều được khám thai 03 lần/thai kỳ và được tiêm VAT phòng chống uốn ván sơ sinh. Đã triển khai các đợt chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục sức khoẻ tiền hôn nhân đạt kết quả khả quan, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 1,34%.

DC510
Y600T

91. NGUYỄN VĂN TỚI. Ngành sản xuất rau, hoa ở Đà Lạt / Nguyễn Văn Tới // Kỷ niệm Đà Lạt 115 năm.- 2008.- Tr.43-47.

Thành phố Đà Lạt, với đặc điểm về địa hình và khí hậu tự nhiên, đã trở thành nơi cung cấp những sản phẩm rau quả á nhiệt đới và ôn đới quan trọng cho thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Nghề nông tại Đà Lạt đã được hình thành từ khi lập trang trại nông nghiệp Dankia năm 1898 nhưng thực sự phát triển và trở thành một ngành kinh tế quan trọng chỉ bắt đầu từ khi thành lập ấp Hà Đông năm 1938 với quy mô ban đầu là 12 ha đất sản xuất rau cải. Trải qua nhiều biến động, thăng trầm, ngày nay ngành nông nghiệp Đà Lạt đang khai thác sử dụng trên 9.700 ha đất sản xuất nông nghiệp và có hơn 11.000 hộ gia đình, hơn 25.000 lao động sống bằng nghề nông. Sản phẩm rau và hoa cắt cành các loại là những sản phẩm đặc thù và đã hình thành nên thương hiệu rau Đà Lạt, hoa Đà Lạt. Với diện tích gieo trồng hàng năm đạt trên 8.200 ha rau và 1.200 ha hoa cắt cành, các vùng nông nghiệp của Đà Lạt đã cung cấp cho thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trên 220 ngàn tấn rau, 700 triệu cành hoa các loại.

Sản phẩm rau, hoa của Đà Lạt rất đa dạng, đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường tiêu dùng trong nước. Trong xu thế hội nhập kinh tế, từ năm 1995 đến nay, với sự tham gia đầu tư của một số công ty nước ngoài trên địa bàn đã thúc đẩy và làm thay đổi rõ rệt phương thức sản xuất của hộ nông nghiệp Đà Lạt theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và ứng dụng công nghệ cao. Đà Lạt hiện nay có gần 900 ha nhà lưới nhà màng plastic sản xuất rau hoa. Các tiến bộ khoa học công nghệ trên lĩnh vực giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới, công nghệ vật liệu mới với các thiết bị tưới chuyên ngành… đã được ứng dụng rộng rãi trên nhiều vùng sản xuất rau, hoa của địa phương và mang lại những hiệu quả cao trong đầu tư cho sản xuất nông nghiệp của nông dân Đà Lạt. Theo đánh giá của ngành chuyên môn, Đà Lạt được xem là nơi ứng dụng nhanh nhất các thành tựu của khoa học công nghệ vào sản xuất. Hiệu quả sản xuất mang lại thật rõ nét với trên 120 triệu đồng/ha/năm trong sản xuất rau thông thường, trên 500 triệu đồng/ha/năm trong sản xuất rau cao cấp và trên 300 triệu đồng/ha/năm trong đầu tư sản xuất hoa cắt cành. Chỉ tính riêng trên lĩnh vực sản xuất hoa cắt cành phục vụ cho thị trường nội tiêu, theo khảo sát trong tháng 8/2008 của Hiệp hội Hoa Đà Lạt, hàng năm ngành hoa cắt cành của Đà Lạt đã tạo ra được doanh số xấp xỉ 1.000 tỷ đồng, giá trị sản xuất này thật không nhỏ so với quy mô 1200 ha gieo trồng.

DC464.5
NG107S

92. TRƯƠNG TRỔ. Đà Lạt 115 năm nhìn lại / Trương Trổ // Kỷ niệm Đà Lạt 115 năm.- 2008.- Tr.28-31.

Năm 2008 thành phố Đà Lạt tổ chức kỷ niệm "Đà Lạt 115 hình thành và phát triển", đó là dịp đánh giá sự phát triển của Đà Lạt, đô thị nghỉ mát còn rất trẻ trên cao nguyên Lang Biang.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Một số công trình được đánh giá cao đó là: xây dựng mở rộng và nâng cấp chợ Đà Lạt; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (ngăn chặn tình trạng ô nhiễm hồ Xuân Hương và suối Cam Ly) ; khôi phục đường đèo Prenn cũ (đường Mimosa); cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh; khu du lịch cáp treo; mở rộng sân bay Liên Khương; đường 723 nối liền Đà Lạt – Nha Trang; đường mới Liên Khương – Prenn; phát triển một số đường nội thị;…

Về du lịch: lượng du khách đến Đà Lạt, Lâm Đồng hàng năm đều có tăng, năm 2006 đạt 1.848.000 lượt khách, năm 2007 đạt 2.200.000 lượt khách, năm 2008 ước đạt 2.500.000 lượt khách, tăng bình quân khoảng 18%/năm (tính từ năm 2006).

Rau Đà Lạt tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất rau an toàn, rau sạch, tổng sản lượng vẫn giữ mức 200 ngàn tấn/năm. Đối với ngành sản xuất hoa thì phát triển mạnh, từ gần 20 triệu hoa cắt cành năm 1993, đến nay đã có gần 800 triệu cành, (1.200 ha gieo trồng) trong đó tỷ lệ xuất khẩu xấp xỉ 10%. Sản xuất hoa đang được phát triển mở rộng ra các vùng Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương, sản xuất hoa theo hướng nông nghiệp công nghệ cao.

Về Giáo dục Đào tạo và Khoa học Công nghệ: Tính đến thời điểm 31/12/2007, Đà Lạt có 38376 học sinh phổ thông và 28000 sinh viên đại học, cao đẳng. Sự nghiệp giáo dục phổ thông tiếp tục phát triển theo tốc độ tăng chung của kinh tế, xã hội. Giáo dục đại học có chiều hướng tăng nhanh hơn, đang trở thành một điểm thu hút của khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ. Từ năm 1995 đến năm 2005 tỉnh Lâm Đồng đã đầu tư gần 200 đề tài khoa học và khoảng 20 đề tài cấp Bộ. Số cơ sở nghiên cứu khoa học cũng không có gì mới ngoài trường Đại học Đà Lạt, Viện Nghiên cứu Hạt nhân, Viện Sinh học Tây Nguyên, Các trung tâm nghiên cứu, triển khai…Hàng năm tại Đà Lạt có chừng vài chục hội nghị, hội thảo cấp khu vực, quốc gia và ba, bốn hội nghị quốc tế. Trong những năm gần đây, một số trung tâm hội nghị (hội trường, phục vụ) được mở ra tại một số khách sạn lớn, khu resort, đáp ứng một phần các nhu cầu các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế muốn chọn thành phố Đà Lạt làm nơi tổ chức.

DC192

Đ100L

93. Bệnh viện II Lâm Đồng: Hiệu quả từ xã hội hóa Tạp chí ngoại thương.- 2009.- Số 17.-Tr.21.

Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ y bác sĩ, năm 2008 Bệnh viên II Lâm Đông đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Công tác khám chữa bệnh được thực hiện tốt với công suất sử dụng giường bệnh đạt 129%, đã triển khai và mở rộng các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng mới. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu được đẩy mạnh: năm 2008 Bệnh viện đã đào tạo cho các trung tâm 23 cán bộ về chuyên môn và kỹ thuật trong các chuyên ngành như siêu âm tổng quát và siêu âm phụ khoa, kỹ thuật gây mê... Đồng thời tiến hành nghiệm thu và in thành tập san Hội thảo khoa học lần thứ 5 với 22 đề tài, tổ chức hội nghị khoa học thành công tốt đẹp, hợp tác với một số tổ chức quốc tế. Năm 2008 Bệnh viện cũng đã cố gắng xây dựng mới phòng làm việc, mở rộng nhà để xe cho cán bộ, mở rộng khoa sản thêm 15 giường bệnh bằng vốn tự có. Bên cạnh đó Bệnh viện đã đầu tư mới hệ thống X quang, KTS bằng vốn ngân sách, đầu tư mới máy nội soi Tai mũi họng từ nguồn xã hội hóa.

Bằng tư duy xã hội hóa y tế chân chính, Bệnh viện II Lâm Đồng đã từng bước đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân, cải thiện được thu nhập của đội ngũ cán bộ y bác sĩ để họ yên tâm cống hiến toàn bộ trí tuệ và tinh thần cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có thể nói Bênh viện II Lâm Đồng là một điểm sáng về xã hội hóa trong ngành y tế, là điển hình thành công của một chủ trương lớn mà Đảng và Nhà nước đề ra nhiều năm nay.

Tạp chí ngoại thương / 2009

94. Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội Lâm Đồng: Góp phần xóa đói giảm nghèo // Ngoại thương.- 2009.- Ngày 11 tháng 6.- Tr.24.

Bằng hoạt động của mình, Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội Lâm Đồng năm 2008 đã góp phần giúp 4.115 hộ thoát nghèo, giải quyết việc làm cho 3.012 lao động, tạo điều kiện cho trên 18.400 học sinh, sinh viên trang trải chi phí học tập, giúp 4.247 hộ xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn và có nguồn nước sạch.

Ngoại thương / 2009

95. KHÁNH VÂN. Nước sạch về với đồng bào Cil / Khánh Vân // Lao động xã hội.- 2009.- Ngày 13 tháng 8.- Tr.8.

Đạ Chay là xã cuối cùng của huyện Lạc Dương tiếp giáp với huyện Khánh Vĩnh (Khánh Hòa). Cách đây 3 năm, khi đường 723 nối Tp. Đà Lạt với Tp. biển Nha Trang chưa hoàn thành, đến mùa mưa lũ, xã Đạ Chay gần như tách biệt với thế giới bên ngoài. Khi ấy, con đường đất ngoằn ngoèo, quanh co với những khúc cua tay áo chỉ cần một cơn mưa rừng đã bị chia cắt thành nhiều khúc. 90% dân số nơi đây là người Cil, sống chủ yếu là tự cung tự cấp, vào mùa mưa có khi mấy tháng liền không ra được thành phố để mua lương thực, nương rẫy ở sâu trong núi lại không chủ động được nguồn nước tưới tiêu, nên đời sống người dân gặp rất nhiều khó khăn.

Tháng 8/2008, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Klong Klanh xã Đạ Chay đi vào sử dụng, đời sống người dân nơi đây từng bước được cải thiện. Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Klong Klanh cung cấp nước cho 3 thôn: Klong Klanh, Tupon, Dong K'Si với 265 hộ dân được hưởng lợi. Tổng số vốn đầu tư cho công trình này là 3,7 tỷ đồng với công suất đủ dùng cho 1.300 người dân/ngày đêm do Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường làm chủ đầu tư. Khi công trình đi vào sử dụng, 98% người dân của 3 thôn trên có nước sạch để dùng.

Lao động Xã hội / 2009

96. HUỲNH XUÂN HÒA. Đơn vị tiêu biểu trong phát triển kinh tế tại địa phương // Huỳnh Xuân Hòa // Ngoại thương.- 2009.- Số 17.- Tr.19.

Trong bối cảnh nền kinh tế tỉnh Lâm Đồng không ngừng tăng trưởng, Đảng ủy và Ban giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Công thương tỉnh Lâm Đồng đã lãnh đạo tập thể cán bộ công nhân viên vượt lên khó khăn, đạt được những kết quả nhất định trên tất cả các lĩnh vực kể cả trong công tác chuyên môn lẫn công tác từ thiện xã hội trong công tác chuyên môn lẫn công tác từ thiện xã hội…

Tuy là một ngân hàng thương mại hoạt động trên địa bàn miền núi nhiều khó khăn; điển hình nhất là giai đoạn 2000 - 2005 giá nông sản xuống thấp, cà phê nhân giảm giá kéo dài, các bệnh dịch trên gia súc gia cầm hoành hành liên tục…, nhưng với quyết tâm nỗ lực phấn đấu của Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Chi nhánh, sự hỗ trợ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ban ngành trong tỉnh, VietinBank Lâm Đồng đã vượt qua, đến những năm 2006 - 2008 đã thực hiện vượt mức nhiều chỉ tiêu được giao. Có thể ghi nhận một vài con số tiêu biểu của năm 2008 như: nguồn vốn huy động tại chỗ thực hiện đến 31.12.2008 là 450 tỉ đồng, đạt 105% so kế hoạch; dư nợ cho vay nền kinh tế là 670 tỉ đồng đạt 107,5% kế hoạch, trong đó chỉ tiêu về nợ xấu VietinBank Lâm Đồng là một tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện rất tốt chỉ tiêu này, đến 31.12.2008 nợ xấu chỉ chiếm 0,22%/ tổng dư nợ, lợi nhuận của chi nhánh đạt ở mức khá cao: năm 2007 đạt trên 20 tỉ đồng, năm 2008 tình hình lạm phát và suy thoái kinh tế nhưng Chi nhánh vẫn duy trì mức lợi nhuận đạt 13 tỉ đồng, thể hiện tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản trị tốt.

Trong hoạt động từ thiện xã hội, VietinBank Lâm Đồng đã tích cực hưởng ứng các phong trào do địa phương phát động, riêng năm 2008 đã tài trợ xây dựng nhiều nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhiều lớp học trên toàn tỉnh nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; với số tiền 510 triệu đồng đây là số tiền tương đối lớn; làm được như vậy chi nhánh phải cố gắng nỗ lực rất nhiều.

VietinBank Lâm Đồng là một trong những doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò quan trọng trong việc triển khai 8 chương trình kinh tế trọng tâm và 9 công trình trọng điểm của tỉnh. Đồng vốn của Chi nhánh được đầu tư trên nhiều lĩnh vực nhất là việc

tập trung đầu tư vào các thế mạnh tại chỗ của tỉnh như đầu tư cho phát triển vùng rau, hoa, trồng và chế biến Trà A-ti-sô, rượu vang hay ngành dịch vụ, thương mại… Một số doanh nghiệp đã thực sự lớn mạnh và tạo dựng được thương hiệu trong thị trường quốc tế và thị trường nội địa, đem lại nguồn thu đáng kể cho Ngân sách Nhà nước, mà khởi nghiệp và phát triển từ vốn đầu tư của Ngân hàng công thương.

Ngoại thương / 2009

97. KHẮC DŨNG. Canh tác chè công nghệ cao / Khắc Dũng // Nông nghiệp.- 2009.-Số 256.- Tr.10.

Các đề tài nghiên cứu khoa học về giống chè ở Lâm Đồng mới bắt đầu được triển khai và kết quả đã bắt đầu được ứng dụng vào thực tế. Nhờ những nghiên cứu và những ứng dụng này. Đến năm 1997, trong số 17.500ha chè của toàn tỉnh đã có 7% diện tích được thay thế bằng các loại giống mới cho năng suất và chất lượng cao. Đến cuối năm 2004, trong tổng số 25.600ha chè của toàn tỉnh thì diện tích chè cao sản được canh tác theo công nghệ cao chiếm đến 7.215ha (28,6%).

Hầu hết diện tích chè cành đều đạt năng suất bình quân 17 tấn/ha, cao hơn trên 10 tấn so với chè hạt; đặc biệt ở một số nơi, năng suất đạt đến 24 tấn, thậm chí có vườn còn đạt đến 25 tấn/ha. Bên cạnh đó, các giống chè chất lượng cao (kim tuyền, tứ quý, thúy ngọc…) cũng đạt đến năng suất 10 - 12 tấn /ha (nhưng giá trị kinh tế cao hơn nhiều so với chè hạt và chè cảnh).

Trong chiến lược phát triển, Lâm Đồng đã đặt ra mục tiêu đến năm 2010 sẽ ổn định diện tích canh tác chè ở mức 26.000 - 28.000 ha với năng suất bình quân đạt 16 - 18 tấn/ha. Và điều đặc biệt lưu ý là, trong diện tích này, cây chè giống mới (chè cành và chè chất lượng cao) chiếm khoảng 50%.

Nông nghiệp / 2009

98. KHẮC DŨNG. Rồi mai đây Cát Tiên / Khắc Dũng // Lao Động.-2009.- Số 246.- Ngày 2 tháng 11.- Tr.6.

Cát Tiên - miền đất nhiều huyền thoại nằm ở tận cùng phía nam của tỉnh Lâm Đồng. Đến Cát Tiên, bạn không thể bỏ lỡ cơ hội tìm hiểu về một tuyến du lịch sinh thái - tuyến du lịch xanh, đã được nhắc đến nhiều ở vùng đất này. Ở Lĩnh vực này, Cát Tiên là địa phương có lợi thế rất lớn so với cả tỉnh và cả nước nhờ ở di chỉ khảo cổ học Cát Tiên rất nổi tiếng và Vườn quốc gia Cát Tiên . Nói đến Cát Tiên trong tương lai không xa, không chỉ là nói đến thánh địa mà còn phải nhắc đến tour du lịch xanh, du lịch văn hóa - lịch sử đầy sức hấp dẫn. Cát Tiên nằm bên tả ngạn sông Đồng Nai cách thành phố du lịch Đà Lạt khoảng 200 km, tiềm năng về du lịch quả là không nhỏ, bởi nơi đây không chỉ có một thánh địa huyền bí kích thích sự tò mò của du khách mà

còn có một Vườn quốc gia khá nổi tiếng để du khách khám phá theo một tour du lịch xanh. Thật vậy,, khi nhắc đến Cát Tiên nhiều người đều nghĩ ngay đến một vườn quốc gia có những giá trị khá đặc biệt để hình thành một tour du lịch xanh Vườn quốc gia Cát Tiên là một trong những Vườn quốc gia nổi tiếng của cả nước, được trải rộng trên địa bàn ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước; trong đó, phần nằm trên phần đất Lâm Đồng chiếm 306 km^2 (trong tổng số 739 km^2 của cả vườn). Với 50% diện tích là rừng cây xanh, 40% là rừng tre nứa, Vườn quốc gia Cát Tiên là nơi sinh sống của nhiều loài động vật đặc trưng và quý hiếm (trong đó có không ít loài được xếp vào nguy cơ tuyệt chủng) như tê giác một sừng, voi Châu Á, bò tót, gấu chó, gấu ngựa, trâu rừng, báo hoa mai, báo gấm, đại bàng đen, vịt trời cánh trắng... Điều đáng nói nữa là Vườn quốc gia Cát Tiên đã được UNESCO công nhận là "Khu dự trữ sinh quyển thế giới" và hiện đang được lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Bên cạnh đó vùng đất Cát Tiên từ lâu còn được du khách biết tiếng bởi nơi này còn có một thánh địa bí ẩn bị vùi chôn trong lòng đất hiện đang dần được hé lộ. Được phát hiện từ năm 1985, đến nay, theo xác định của các nhà chuyên môn, thánh địa Cát Tiên nằm trên một địa bàn rộng đến vài trăm hécta và trải dài khoảng 15km dọc theo sông Đồng Nai, thuộc địa phận huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Năm 1997, Nhà nước đã công nhận thánh địa Cát Tiên là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; và từ đó đến nay, Nhà nước đã đầu tư trên 4 tỉ đồng để tiến hành các cuộc khai quật khảo cổ. Như vậy, về tiềm năng du lịch văn hóa - lịch sử thì Cát Tiên hội tụ khá đầy đủ và có đủ cơ sở để ngành du lịch hình thành một tourt du lịch tại đây.

Lao Động / 2009

99. KHẮC LỊCH. Di Linh – Lâm Đồng: Cả thôn rủ nhau bỏ rượu, thuốc lá / Khắc Lịch // Gia đình xã hội.- 2009.- Ngày 17 tháng 9.- Tr.3.

Thôn 2, xã Tân Thượng cách thị trấn Di Linh (Lâm Đồng) khoảng 6 km về phía Nam, là một thôn có tới 97% là đồng bào các dân tộc ít người, nơi đây không chỉ nổi tiếng với những tấm gương làm ăn điển hình mà còn được mọi người trong xã và huyện biết đến với một mô hình văn hóa mới: Phong trào không hút thuốc, không uống rượu…

Trước đây, có tới gần 100% thanh niên địa phương, thậm chí có cả chị em phụ nữ, bà già đều biết uống rượu, hút thuốc. Trước tình hình đó, từ năm 1990 đến nay, chính quyền địa phương mà trực tiếp là Ban nhân dân thôn 2 đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho bà con thấy được những tác hại to lớn và các bệnh tật từ hút thuốc, uống rượu gây ra, từ đó đẩy mạnh công tác vận động cho mọi người cùng tham gia đấu tranh loại bỏ thuốc lá và rượu ra khỏi cộng đồng. Đến nay, gần như 100% người dân thôn 2, xã Tân Thượng đều không ai hút thuốc, uống rượu. Học tập thôn 2, thôn 1, xã Tân Thượng trong ít năm trở lại đây cũng đẩy mạnh công tác vận động, tuyên

truyền và thuyết phục bà con từ bỏ rượu, thuốc. Cho đến nay, toàn thôn đã có gần 80% số người không hút thuốc, uống rượu

Gia đình xã hội / 2009

100. Ladofoods: Những bước đi mang tính chiến lược // Ngoại thương.- 2009.- Ngày 11 tháng 6 năm.-Tr.27.

Năm 2008 công ty cổ phần thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods) nhận được nhiều phần thưởng có giá trị: Cúp vàng về sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam 2008, được xếp hạng tín dụng doanh nghiệp loại tối ưu AAA năm 2007, cúp vàng thương hiệu chứng khoáng uy tín và công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2008… Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty rất đáng phấn khởi: tổng doanh thu hơn 193 tỷ đồng, tăng 27,5% so với năm 2007; kim nghạch xuất khẩu tăng 33%. Trong các yếu tố tạo nên thành công của Công ty, việc đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm và các công tác tìm kiếm mở rộng thị trường có vai trò quan trọng.

Về công tác nghiên cứu mở rộng thị trường, năm 2008 công ty đã thành lập Phòng nghiên cứu và Marketing. Các chương trình phát triển thị trường được Công ty triển khai có bài bản theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu: phát triển sản phẩm vào hệ thống shop, siêu thị, đưa sản phẩm vang cao cấp vào hệ thống nhà hàng và Resost, tham gia nhiều hội chợ phân bổ khắp các thị trường và chú trọng các thị trường trọng điểm như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Hàng loạt các kênh quảng bá khác cũng được Công ty triển khai hiệu quả: thường xuyên cập nhật thông tin sự kiện trên website của Công ty, đăng tải giới thiệu logo và sản phẩm của Công ty trên các báo điện tử và sàn giao dịch điện tử lớn, làm phim phóng sự phát sóng trên truyền hình, tài trợ các chương trình Bước chân thần tốc, phẫu thuật vì nụ cười trẻ em Việt Nam; tổ chức đêm hội rượu vang tại Lễ hội 115 thành phố Đà Lạt… Không dừng lại ở thị trường trong nước, việc quảng bá mở rộng thị trường xuất khẩu cũng được Công ty tiến hành thường xuyên, nhờ đó kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng, các sản phẩm rượu và nước ép của Công ty từng bước chinh phục khách hàng ở các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Đan Mạch, Campuchia,…

Trong năm 2009 này, Ladofoods tiếp tục đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất như Nhà máy chế biến điều xuất khẩu Đạ Huoai với vốn đầu tư 2,8 tỷ đồng, *Nhà máy rượu vang Đà Lạt với vốn đầu tư hơn 11,7 tỷ đồng. Với những bước đi mang tính chiến lược này, chắc chắn trong tương lai không xa Ladofoods sẽ trở thành một thương hiệu có uy tín lớn trên thị trường quốc tế.*

Ngoại thương / 2009

101. LÊ XUÂN THÁM. Tiền năng công nghệ sinh học Đà Lạt – Lâm Đồng // Lê Xuân Thám // Khoa học phổ thông.- 2009.- Ngày 1 tháng 5.-0Tr.8.

Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp và y dược đã có những kết quả quả đáng kể với nhiều nhà khoa học nữ nổi bật của Đà Lạt như TS. Nguyễn Thị

Quảng Hoa, một nhà nghiên cứu côn trùng, đã kết hợp kỹ thuật hạt nhân trong công nghệ tiệt sinh sâu tơ Plutella xylospora hại rau ở Đà Lạt (2002), góp phần vào công tác bảo vệ thực vật. TS. Nguyễn Thị Châu (Viện Trưởng Viện sinh học Tây Nguyên) đã đi sâu nghiên cứu công nghiệp và vi sinh đất nông nghiệp Lâm Đồng, nhất là với nhóm Azotobacter spp - cố định đạm (2003). Các công nghệ lên men sinh khối sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất Bt (Bacillus thuringiensis), chế phẩm Trichoderma spp- ủ xạ khuẩn Actinomyces spp., ... cũng đang được đầu tư vào kỹ thuật mới, cùng với các hệ fermentor có quy mô sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật, cơ chất giá thể, phân bón sinh học, điều tiết phân khoáng, sản xuất an toàn…

Về công nghệ vi sinh học y dược, PGS. TS. Lê Văn Hiệp (viện trưởng Viện Pasteur Đà Lạt và nay là viện trưởng Viện vaccin Nha Trang) đã có nhiều thành công từ những nghiên cứu vi sinh y học tại Đà Lạt những năm 1980-1990. TS. Nguyễn Thị Tuyết (Viện vaccin Nha Trang), PGS. TS. Đào Xuân Vinh, TS. Phan Bổn, TS. Hoàng Công Long, TS. Nguyễn Đình Bồng… cùng các cộng sự ở Công ty vaccin và sinh phẩm Đà Lạt đã triển khai công nghệ sản xuất vaccin và nhiều sinh phẩm khác.

Công nghệ xử lý vi sinh bằng bức xạ trong bảo quản lương thực, thực phẩm, tiệt trùng vật tư, vật phẩm y dược được khởi nguồn từ đầu thập niên 1980 với thiết bị chiếu xạ ^{60}Co của Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt (và Đại học Đà Lạt) đã cho ra đời hàng loạt công trình làm tiền đề khoa học công nghệ hoàn chỉnh cho việc triển khai quy mô công nghiệp. Trong các thập niên 1980-1990 nhóm TS. Trần Tích Cẩn, CN. Bùi Thị Yến từ Liên Xô (cũ) cùng cộng sự đã tạo dựng cơ sở khoa học cho sự thành công ngày nay của Trung tâm Vinagamma TP. HCM (đạt doanh thu trên 1 triệu USD/ năm), và nhiều công ty cổ phần và tư nhân hiện đang góp phần vào công nghệ sau thu hoạch và công nghệ y dược.

Về công nghệ nấm. TS. Nguyễn Mậu Tuấn (khoá 2 Đại học Đà Lạt) cũng thành công với luận án công nghệ nấm ký sinh côn trùng (đông trùng hạ thảo), từ Đại học Kyungbook, Hàn Quốc (2005) mang về Bảo Lộc, Lâm Đồng. Công nghệ lên men sinh khối này hiện đang đi vào sản xuất tại Đà Lạt. Kế tục và phát triển những kết quả về đề tài nấm dược liệu, hiện nay ThS. Phạm Thị Bạch Yến (phó giám đốc Sở y tế Lâm Đồng) vẫn đang miệt mài với luận án tiến sĩ về công nghệ nấm linh chi Ganoderma lucidum Dalat và các ứng dụng trị liệu cho các bệnh tim mạch. Công nghệ nuôi trồng nấm linh chi hiện đang được phổ biến và trở thành ngành nghề chế biến, kinh doanh của nhiều hộ dân ở Đà Lạt với nhiều sản phẩm đã có thương hiệu như Vĩnh Tiến và Thái Bảo.

Từ những nghiên cứu công nghệ cơ bản các loài nấm linh chi Ganoderma lucidum, Ganoderma terenganuense và Amauroderma rude, Amauroderma subresinosum Dalat, năm 2008 vừa qua, toàn bộ trình tự gen ribosome với các vùng đặc trưng (ITS và D) đã được hoàn thành với sự hợp tác của GS. TS. JM Moncalvo, Đại học Toronto, Canada (đăng ký vào Genbank). Đây là một trong những kết quả có

tính đột phá của ngành sinh học phân tử (công nghệ gen và phân tích cấu trúc DNA) Lâm Đồng.

Cũng từ những nghiên cứu công nghệ nấm tại Đà Lạt kết hợp với những doanh nghiệp Nhật Bản và Đài Loan, cựu sinh viên Đại học Đà Lạt Trương Bình Nguyên, đã kế tục những thành công của thập niên 1980, từ những năm 1990 đã chịu khó tìm tòi đưa các chuẩn nấm bào ngư Pleurotus pulmonarius, Pleurotus eryngii, và nhất là bào ngư đen Pleurotus cystidiosus var. blaoensis quý hiếm, vào nghiên cứu và đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tại Đại học Chiba, Nhật Bản.

Công nghệ nấm Lâm Đồng đã trải qua nhiều thăng trầm song vẫn là một trong những thế mạnh đặc thù, hiện đang phát triển, đòi hỏi sự quan tâm đầu tư để đem lại những đóng góp hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

Hướng phát triển trong giai đoạn sắp tới là đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nền sản xuất công nghệ cao và bền vững của tỉnh trên cơ sở phát huy thế mạnh tổng hợp của các công nghệ truyền thống và hiện đại nhằm đạt được những mục tiêu trọng tâm

Khoa học phổ thông / 2009

102. MINH ĐỨC. Lạc Dương – vùng đất nhiều tiềm năng / Minh Đức //

Khoa học phổ thông.- 2009.- Ngày 11 tháng 9.- Tr. 5.

Lạc Dương là huyện có nhiều ngọn núi cao vào loại bậc nhất của tỉnh Lâm Đồng nói riêng cũng như miền nam Tây Nguyên nói chung.

Từ năm 2005, sau khi dự án khu du lịch Dankia - Suối Vàng được tỉnh Lâm Đồng và đối tác Singapore thỏa thuận chấm dứt hoạt động, phía đối tác Nhật Bản đã tiếp cận dự án và được Chính phủ Việt Nam cho phép đầu tư. Dự án khu du lịch Dankia - Suối Vàng đã lập dự án với tên gọi mới là Dalat's Flower, dự kiến số vốn đầu tư lên đến khoảng 1 đến 1,2 tỷ USD. Theo dự án, tính đến năm 2017, dự kiến lượng khách tham quan du lịch Dalat's Flower này đạt khoảng 1,5 triệu lượt người/năm, giải quyết việc làm cho khoảng 35.000 lao động. Hiện nay tại thị trấn Lạc Dương - thủ phủ của huyện Lạc Dương, dự án Khu văn hóa du lịch Langbian đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt quy hoạch chi tiết với quy mô 115 ha nằm ngay dưới chân núi Langbian, tổng số vốn đầu tư gần 250 tỷ đồng đang được triển khai gấp rút.

Lạc Dương đã mạnh dạn chuyển phần lớn diện tích gieo trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cà phê giống cũ sang trồng giống mới và tổ chức các mô hình trồng rau, hoa công nghệ trong nhà lưới. Đến nay, toàn huyện Lạc Dương đã có 1.600 ha cà phê Catimo, 65% số diện tích này đang cho thu hoạch. Toàn huyện cũng đã có 130 ha bắp cao sản mang lại nguồn thu nhập khá lớn cho bà con. Riêng với cây lúa, huyện chủ trương chỉ giữ lại khoảng 100 ha lúa nước hai vụ, có khả năng cho năng suất sản lượng cao, nhằm đảm bảo an ninh lương thực của địa phương.

Trong hai năm qua, bằng việc quy hoạch, mời gọi đầu tư của huyện, nhiều doanh nghiệp trong ngoài tỉnh đã vào đầu tư sản xuất rau hoa công nghệ cao. Từ hiệu quả của mô hình sản xuất rau hoa tại xã Đạ Sar, nhiều hộ dân tộc thiểu số tại xã Lát, thị trấn Lạc Dương và cả Đạ Nhim, Đạ Chais đã mạnh dạn chuyển đổi những diện tích cây công nghiệp dài ngày, lúa, hoa màu cho năng suất sang trồng rau hoa trong nhà kính, nâng tổng diện tích rau hoa công nghệ cao của huyện lên 2.400 ha. Việc xuất khẩu rau hoa đã góp phần quan trọng đưa giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của huyện tăng nhanh từ 31,7 tỷ đồng (năm 2005) lên trên 30 tỷ đồng chỉ trong 6 tháng đầu năm 2009.

Một mô hình sản xuất khác cũng đang mở ra triển vọng thoát nghèo nhanh chóng, bền vững cho bà con dân tộc thiểu số huyện Lạc Dương là nuôi cá nước lạnh. Hiện nay, ngoài 10 ha mặt nước nuôi khảo nghiệm cho kết quả tốt tại thôn Long Lanh, xã Đạ Chais do sở NN-PTNT đầu tư, Phòng NN-PTNT huyện này cũng đã đầu tư 100 triệu đồng cho hai hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Đạ Chais thả 3.000 con cá giống mang lại kết quả khả quan, mở ra triển vọng lớn cho nghề nuôi thủy sản công nghệ cao tại địa phương này.

103. MINH ĐỨC. Chung tay tháo gỡ những khó khăn / Minh Đức // Đại đoàn kết.- 2009.- Ngày 28 tháng 8.- Tr.3.

Hội nghị sơ kết 6 năm hợp tác kinh tế Lâm Đồng - Tp. Hồ Chí Minh (2004-2009) và định hướng hợp tác giai đoạn 2010-2015 vừa được diễn ra tại Lâm Đồng. Tính đến tháng 8/2009, tổng số dự án được UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận chủ trương cho Tp. Hồ Chí Minh đầu tư còn hiệu lực là 212 với tổng diện tích là 29.892 ha, tổng vốn đăng ký là 51.605 tỷ đồng. Trong đó có 142 dự án đã được thỏa thuận đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký là 25.786 tỷ đồng và 68 dự án đang triển khai với tổng vốn là 12.613 tỷ đồng, khối lượng thực hiện ước khoảng 4.308 tỷ đồng.

Đại đoàn kết / 2009

104. MINH ĐỨC. Ứng dụng vật liệu Polyme trong sản xuất nông nghiệp: Hiệu quả bất ngờ // Minh Đức // Kinh tế hợp tác Việt Nam.- 2009.- Ngày 5 tháng 3.- Tr.13.

Việc ứng dụng vật liệu polyme tự nhiên và tổng hợp để giữ ẩm cho đất trong thời gian dài đang được Đà Lạt và các huyện Đơn Dương, Lạc Dương, Đức Trọng sử dụng phổ biến. Từ vài năm nay, nông dân Lâm Đồng tuỳ theo điều kiện kinh tế mỗi gia đình đã chủ động đầu tư để mua các sản phẩm polyme về sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, ở Lâm Đồng, polyme được sử dụng trong rất nhiều công đoạn sản xuất nông nghiệp như dùng làm túi nilon để ươm cây non, làm bạt phủ che đậy cây trong cả quá trình trồng, làm mái lợp, nhà vòm bằng polyme… Việc sử dụng polyme

không chỉ tiết kiệm khoảng 30% lượng nước tưới, điều tiết được độ quang hợp mà còn chống được sự thâm nhập của nhiều loại côn trùng, sâu bệnh phá hoại cây trồng như sâu đục thân, sùng đất…

Không những được ứng dụng nhiều trong sản xuất rau, hoa vật liệu polyme còn được nhiều nông dân thành phố Đà Lạt sử dụng trong trồng dâu tây. Theo số liệu thống kê của Sở NN&PTNT Lâm Đồng, chỉ riêng tại thành phố. Đà Lạt, huyện Đơn Dương và huyện Đức Trọng, tính đến tháng 2/2009 đã có trên 40% diện tích rau, hoa được trồng trong nhà kính và che phủ bằng polyme, riêng tại TP. Đà Lạt có trên 60%.

Từ năm 2005, sau khi Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt thử nghiệm thành công mô hình ứng dụng polyme trên cây cà phê tại địa phương, nhiều nông dân trồng cà phê ở đây đã tự mua bạt polyme về phủ gốc cà phê để giữ nước. Kết quả cho thấy, khả năng giữ ẩm tại những gốc cà phê được phủ bạt polyme rất tốt, sản lượng tăng so với cây đối chứng trên 20%, hạt to, bóng, tỷ lệ đạt 2 nhân/quả. Theo kinh nghiệm của bà con ở Di Linh, cây cà phê được tưới ít nhất 3 đợt trong mùa khô với chi phí khoảng 1.500 đồng/cây, nếu sử dụng sản phẩm polyme che gốc sẽ giữ được khoảng 30% lượng nước và giảm được 50% công và chi phí tưới.

Hiện nay, việc sử dụng vật liệu polyme trong sản xuất nông nghiệp tại Lâm Đồng đã và đang trở thành ưu tiên hàng đầu của người nông dân nhằm chống hạn cho cây trồng và giữ ổn định sinh thái đất.

Kinh tế hợp tác Việt Nam / 2009

105. Trung tâm y tế huyện Cát Tiên không ngừng đầu tư để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh // Ngoại Thương.- 2009.- Số 17.- Tr.19.

Cát Tiên nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Lâm Đồng. Trong những năm qua, cùng với những đổi mới về kinh tế, xã hội, Trung tâm Y tế huyện cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới y tế trên địa bàn toàn huyện đã được củng cố, kiện toàn về cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp, các dịch vụ khám chữa bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh ngày càng được nâng cao; việc cung ứng thuốc được chú trọng, từng bước góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên phạm vi toàn huyện.

Tranh thủ từ nhiều nguồn vốn đầu tư như nguồn vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ, tiết kiệm từ việc thực hiện Nghị định 43 của Chính phủ, dự án tài trợ của Chính phủ Nhật Bản… trong những năm gần đây, Trung tâm Y tế Cát Tiên đã đầu tư xây dựng bệnh viện có quy mô 50 giường và mới đưa vào hoạt động đầu năm 2008, 12/12 xã có trạm y tế, trong đó có 3 trạm được xây dựng mới theo chuẩn của Bộ Y tế và 2 trạm đang được xây dựng trong năm nay; trang bị nhiều máy móc như máy chụp Xquang, siêu âm, máy sinh hóa, huyết học, máy giúp thở, moniter sản khoa, máy truyền dịch… Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ y bác sĩ cũng được quan tâm, hàng năm có khoảng 20% số cán bộ được cử đến các trường đại học để được đào tạo nâng cao

trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đến nay, toàn huyện đã có 31,2 cán bộ y tế/ 1 vạn dân, mỗi trạm y tế có từ 4-6 cán bộ y tế, 100% trạm y tế có từ 1-2 nữ hộ sinh.

Ngoài ra, Trung tâm cũng thường xuyên tổ chức học tập nâng cao y đức, thực hiện nghiêm túc nếp sống văn hóa, quy tắc ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh, triển khai cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", nhờ đó tinh thần phục vụ người bệnh của đội ngũ cán bộ y tế đã được nâng lên rõ rệt. Đến nay, các nhu cầu khám chữa bệnh cơ bản đã được Trung tâm đáp ứng, nhiều kỹ thuật mới trong công tác khám chữa bệnh đã được triển khai như lâm sàng, cận lâm sàng, mổ sản, chữa bệnh ngoài tử cung, cắt tử cung bán phần trong cấp cứu, mổ ruột thừa, dạ dày, thoát vị bẹn, mổ trĩ... Đã góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên. Các chỉ tiêu khám chữa bệnh đều tăng qua từng năm. Năm 2008, trung tâm đã khám chữa bệnh cho 145.398 lượt người, đạt 161,1% so với kế hoạch, tăng hơn 21.800 lượt người so với năm 2007, công suất sử dụng giường bệnh đạt 105%.

Ngoại thương / 2009

106. PHẠM VĂN PHONG. N'Thôl Hạ - Buôn làng ta được "No" pháp luật / Phạm Văn Phong // Pháp luật Trung ương.- 2009.- Số 232.-Tr.5.

Với cái nắng, cái gió của cao nguyên xanh đang lan tỏa trên những sườn đồi trà bạt ngàn vi vu như tấm khăn voan sặc sỡ của thiên nhiên ban tặng, buôn làng N'Thôl Hạ - huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng hôm nay đang đón nhận những luồng sinh khí đầy nhựa sống của cuộc đổi thay "Đời sống của buôn làng khá và giàu hơn rồi, người đồng bào mình không còn cơ cực như trước đây, có cái ăn no, lại còn có của để dành nữa" - "no cái chữ, thì phải thắc mắc chớ, tìm tòi, học hỏi chớ, còn cả đòi hỏi cái chữ pháp luật nữa" - đó là lời tâm sự rất đỗi mộc mạc của chị K'Toan người dân tộc Chil ở N'Thôl Hạ khi gặp - những người làm công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý (của Sở Tư pháp Lâm Đồng và lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên của Cục Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư Pháp), đại diện của tổ chức SIDA Thụy Điển trong chuyến trợ giúp pháp ly lưu động tại nơi này.

N'Thôl Hạ trước đây là một "xã nghèo" của huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, nhưng bây giờ, đời sống của nhân dân trong xã đã khá hơn nhiều...90% người dân N'Thôl Hạ là người dân tộc thiểu số, sống chủ yếu nhờ trồng lúa, phá nương, đốt rừng làm rẫy. Từ khi Đảng ta có những chính sách ưu tiên và đặc biệt là hiệu quả của công tác vận động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân, bà con xã N'Thôl Hạ đã không còn tin vào những hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan, không du canh, du cư, đốt nương làm rẫy như trước đây nữa. Những cánh rừng phòng hộ không còn phải than khóc vì bị "chảy máu" bởi bà con dân tộc đã nhận thức được thế nào là tác hại của việc phá rừng, đã biết định canh, định cư ổn định cuộc sống,

phát triển kinh tế gia đình, trồng trọt, chăn nuôi và phát huy nghề dệt thổ cẩm truyền thống… Một nét nổi bật nữa của xã N'Thôl Hạ là việc triển khai thực hiện Nghị định 77 của Chính phủ về đăng ký kết hôn. Ngay từ năm 2001, chính quyền xã đã xác định việc tổ chức, rà soát, vận động các cặp vợ chồng chung sống chưa có giấy chứng nhận kết hôn đi đăng ký kết hôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Với tinh thần vận động, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Phòng Tư pháp huyện, Hội Phụ nữ huyện và Trung tâm trợ giúp pháp lý với nhiều hình thức tuyên truyền, đa dạng linh hoạt trong các hoạt động trợ giúp pháp lý. Các văn bản pháp luật đã đến được với bà con nhân dân xã N'Thôl Hạ… Bên cạnh đó, xã còn thường xuyên tuyên truyền chính sách pháp luật trên các đài truyền thanh của xã, tổ chức những cuộc thi lồng ghép nội dung tìm hiểu pháp luật về Luật Hôn nhân và Gia đình, về bình đẳng giới, đất đai, về quê hương đất nước…qua nhiều hình thức như thi viết, sân khấu hóa, hái hoa dân chủ. Nhờ vậy, những nội dung chủ yếu của luật và các văn bản pháp luật sớm đi vào lòng dân của xã N'Thôl Hạ. Bà con nhân dân xã N'Thôl Hạ hả hê trong niềm vui sướng vì cái bụng "no pháp luật", cái đầu mở rộng "chữ pháp luật", cái nhìn rộng, sâu, dài và xa hơn theo những triền đồi của cao nguyên chạy mãi, chạy mãi mà chẳng hề sợ đêm tối vì đã có ánh sáng của pháp luật dẫn đường, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đón chào, rộng mở, soi tỏ mọi con đường.

Pháp luật Trung ương / 2009

107. PHẠM THÁI. Thế đứng của trường Đại học Yersin – Đà Lạt / Phạm Thái // Kinh tế hợp tác.- 2009.- Ngày 14 tháng 5.- Tr. 15.

Đại học Yersin Dalat là trường dân lập đầu tiên trên địa bàn Đà Lạt - Lâm Đồng. Từ chỗ trên 100 sinh viên khóa 1 (2004-2005), đến nay nhà trường đã có trên 4.200 SV theo học 8 chuyên ngành và một trường THPT trên 600 HS. Cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy - học tập đã đáp ứng nhu cầu căn bản của một trường kiểu mới, chính qui hiện đại.

Hiện nay, hàng năm trường thi tuyển gần 1.300 SV đầu vào. Nếu tính niên khóa 2005 nhà trường thi tuyển, đào tạo 700 sinh viên hệ chính qui, niên khóa 2006 tăng lên 1.140 sinh viên, năm 2007 đạt 1.171 sinh viên và 2008 là 1.300 sinh viên. Dự kiến niên khóa 2009 trường sẽ giữ mức như năm trước. Bên cạnh đó nhà trường còn tiến hành nhiều biện pháp đối ngoại, nhằm thu hút nguồn đầu tư vật chất - kỹ thuật, trí tuệ, công nghệ tiên tiến của các nước, các trường, viện và các tổ chức quốc tế. Hiện tại nhà trường có mối quan hệ hợp tác với trên 21 tổ chức quốc tế và 10 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó có các trường đại học và viện nghiên cứu Châu Âu, Mỹ, Autralia, Nhật, Trung quốc, Pháp, Bỉ, Đan Mạch, Thái Lan, Malaisia… Cuối năm 2008 Đại học Yersin ký thỏa thuận trao đổi với Đại học Quốc tế Assumption - Thái Lan, liên kết đào tạo cử nhân giai đoạn 2, đào tạo thạc sĩ, cấp bằng có giá trị quốc tế và tài trợ học bổng đào tạo tiến sĩ. Đại học Avignon - Pháp cũng tài trợ cho nhà

trường 6 suất học bổng tiến sĩ. Trường liên kết với Nhật Bản mở khóa đào tạo tiếng Nhật cho khoa kiến trúc và tiến tới tiếp nhận một dự án đào tạo nghề đạt trình độ quốc tế cho chuyên ngành dịch vụ du lịch.

Cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm, giảng đường là một trong các nhu cầu tối thiểu của một trường Đại học. Vì vậy ngay từ đầu, Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu đã tiếp quản một cơ sở (thuộc Viện nghiên cứu hạt nhân) với các phòng thí nghiệm, giảng đường có sức chứa khoảng 2.000 SV. Nhà trường cũng đã đầu tư gần 30 tỷ đồng xây dựng trên 100 phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, hàng ngàn m^2 văn phòng và các cơ sở phục vụ giảng dạy - học tập đủ phục vụ hàng chục ngàn sinh viên học sinh. Ngoài khoảng 8.000m^2 phòng học giảng đường, nhà trường còn xây dựng hệ thống các vườn thực nghiệm sinh học trên 10.000m^2, 9 phòng thực hành, các phòng thí nghiệm, thư viện, khu thực nghiệm, xưởng đồ họa, phòng thực hành phẩu thuật, phòng thực hành tin học… tổng diện tích hàng ngàn m^2.

Bên cạnh các cơ sở hiện có, nhà trường đang tiến hành xây dựng cơ sở 2 tổng diện tích trên 16 ha tại Khu vực hồ Chiến Thắng - Thung lũng tình yêu (Đà Lạt). Theo đó dự án cơ sở 2 đang được đầu tư giai đoạn một đến hàng trăm tỷ đồng và sau đó tiến hành xây dựng các cơ sở hạ tầng của một trường đại học hiện đại sánh vai với các nước khu vực Á châu.

Kinh tế hợp tác / 2009

108. TIẾN BÁCH. Ngành công thương Lâm Đồng phát triển công nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu // Ngoại thương.- 2009.- Ngày 11 tháng 6.- Tr.15-16.

Công nghiệp Lâm Đồng cách đây 30 năm hầu như chưa có gì ngoài một số cơ sở chế biến thủ công. Qua nhiều năm đổi mới và đầu tư phát triển, đến nay ngành công nghiệp đã có những bước tiến rõ nét và tăng trưởng qua các năm. Nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú, đặc biệt là sự gia tăng của nguồn vốn nước ngoài và dân doanh. Tận dụng những lợi thế so sánh sẵn có về nguồn nguyên liệu tại chỗ, điều kiện khí hậu, con người… ngành công nghiệp Lâm Đồng đã phát huy những thế mạnh đối với từng ngành, từng lĩnh vực. Trong đó có thể kể đến ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp khai thác và công nghiệp điện - nước. Đến năm 2008 công nghiệp chế biến chiếm 65,5%, công nghiệp khai thác chiếm 3,3% và công nghiệp điện - nước là 31%.

Công nghiệp chế biến của tỉnh đã có bước tăng trưởng cả về số lượng, qui mô và năng lực sản xuất. Những năm gần đây, tỷ lệ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 14-15%. Nhiều sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước như: Vang Đà Lạt, trà - cà phê Tâm Châu, trà Cầu Đất, trà Vĩnh Tiến, tranh thêu XQ. Công nghiệp chế biến trà là một thế mạnh của Lâm Đồng so với bình diện cả nước với 26.700ha chè (đứng đầu cả nước), hàng loạt các nhà máy, dây chuyền chế biến chè xanh, chè đen, chè Ô long xuất khẩu đã và đang được đầu tư. Lâm Đồng đứng thứ 2 cả nước về diện tích cà phê với sản lượng 273.000 tấn, tuy

nhiên ngành công nghiệp này chỉ mới dừng lại ở sơ chế, công nghệ chế biến ướt chưa phổ biến, khả năng cạnh tranh chưa cao. Ngoài ra, sản xuất tơ tằm và hạt điều cũng là những lĩnh vực có lợi thế của Tỉnh với gần 6.300ha dâu tằm cho sản lượng ổn định khoảng 100.000-120.000 tấn/năm và 15.000ha điều nguyên liệu với sản lượng đạt 5.900 tấn/năm. Ngành công nghiệp chế biến rau hoa chỉ mới phát triển trong những năm gần đây, nguồn nguyên liệu khá dồi dào, giống rau phong phú và được đầu tư theo công nghệ cao, công nghệ kỹ thuật tiên tiến.

Ngành công nghiệp chế biến lâm sản cũng từng bước khẳng định vị trí, hiện Lâm Đồng đang có 607.280ha rừng (đứng hàng thứ ba cả nước) với nhiều loại cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. Khả năng khai thác nguyên liệu cho phép để cung cấp cho công nghiệp chế biến hàng năm là 40.000-50.000m^3 gỗ. Các loại tra nứa, lồ ô có tốc độ tái sinh rất nhanh sau khi khai thác, đủ khả năng cung cấp nguyên liệu cho sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ.

Về công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, Lâm Đồng có 30 loại khoáng sản thuộc 4 nhóm chính: nhiên liệu khoáng, kim loại, phi kim và đá quý - bán quý. Trong đó có Bauxite, Bentonite, Kaolin, Diotomite và than bùn có khả năng ở qui mô công nghiệp. Ngành công nghiệp khai thác và chế biến baixite được xác định là ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh từ nay đến năm 2020.

Với nguồn thuỷ năng dồi dào do nằm ở đầu nguồn 4 hệ thống sông lớn: Đồng Nai, Sêrêpốc, sông Lũy và sông Cái Phan Rang, ngoài những dự án thủy điện lớn đã đầu tư như Đa Nhim, Đại Ninh, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Hàm Thuận, Đa Mi. Tỉnh Lâm Đồng cũng đã quy hoạch được 91 điểm thủy điện vừa và nhỏ trên 8 lưu vực sông với tổng công suất lắp máy là 506,2 MW, điện lượng bình quân năm 2.340 triệu KWh. Lâm Đồng đang là điểm đến của nhiều nhà đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Từ năm 2003 đến nay, đã có 43 dự án xây dựng nhà máy thủy điện nhỏ và vừa đang được quan tâm đầu tư tại Lâm Đồng.

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp của Lâm Đồng, nhất là các sản phẩm phục vụ du lịch cũng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, các sản phẩm tiêu biểu như: mây tre đan, thêu lụa, dệt thổ cẩm, hoa khô, đan len, cưa lọng, gỗ mỹ nghệ v.v. Đi đôi với việc duy trì các ngành nghề truyền thống, Lâm Đồng đang khôi phục, phát triển sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch.

Lâm Đồng cũng đã quy hoạch được 02 Khu công nghiệp và 14 Cụm, điểm công nghiệp khác trên địa bàn 10/12 huyện, thị, thành phố. Hiện nay tỉnh Lâm Đồng đang tiếp tục quy hoạch thêm 02 Khu công nghiệp khác trong đó có nâng qui mô 01 Cụm công nghiệp thành khu công nghiệp; nâng tổng số quy hoạch 04 Khu công nghiệp và 13 Cụm công nghiệp. Việc xây dựng các khu, cụm, điểm công nghiệp, các công trình thủy điện qui mô lớn và nhỏ đã và đang làm tiền đề cho sự phát triển của ngành trong giai đoạn tới. Một số dự án có qui mô lớn đang triển khai sẽ đóng góp

đáng kể cho ngành cũng như cho địa phương như thủy điện Đồng Nai 3, 4, tổ hợp bauxite nhôm, các khu, cụm công nghiệp…

Công nghiệp Lâm Đồng cách đây 30 năm hầu như chưa có gì ngoài một số cơ sở chế biến thủ công. Qua nhiều năm đổi mới và đầu tư phát triển, đến nay ngành công nghiệp đã có những bước tiến rõ nét và tăng trưởng qua các năm. Nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú, đặc biệt là sự gia tăng của nguồn vốn nước ngoài và dân doanh. Tận dụng những lợi thế so sánh sẵn có về nguồn nguyên liệu tại chỗ, điều kiện khí hậu, con người… ngành công nghiệp Lâm Đồng đã phát huy những thế mạnh đối với từng ngành, từng lĩnh vực. Trong đó có thể kể đến ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp khai thác và công nghiệp điện - nước. Đến năm 2008 công nghiệp chế biến chiếm 65,5%, công nghiệp khai thác chiếm 3,3% và công nghiệp điện - nước là 31%.

Công nghiệp chế biến của tỉnh đã có bước tăng trưởng cả về số lượng, qui mô và năng lực sản xuất. Những năm gần đây, tỷ lệ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 14-15%. Nhiều sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước như: Vang Đà Lạt, trà - cà phê Tâm Châu, trà Cầu Đất, trà Vĩnh Tiến, tranh thêu XQ. Công nghiệp chế biến trà là một thế mạnh của Lâm Đồng so với bình diện cả nước với 26.700ha chè (đứng đầu cả nước), hàng loạt các nhà máy, dây chuyền chế biến chè xanh, chè đen, chè Ô long xuất khẩu đã và đang được đầu tư. Lâm Đồng đứng thứ 2 cả nước về diện tích cà phê với sản lượng 273.000 tấn, tuy nhiên ngành công nghiệp này chỉ mới dừng lại ở sơ chế, công nghệ chế biến ướt chưa phổ biến, khả năng cạnh tranh chưa cao. Ngoài ra, sản xuất tơ tằm và hạt điều cũng là những lĩnh vực có lợi thế của Tỉnh với gần 6.300ha dâu tằm cho sản lượng ổn định khoảng 100.000-120.000 tấn/năm và 15.000ha điều nguyên liệu với sản lượng đạt 5.900 tấn/năm. Ngành công nghiệp chế biến rau hoa chỉ mới phát triển trong những năm gần đây, nguồn nguyên liệu khá dồi dào, giống rau phong phú và được đầu tư theo công nghệ cao, công nghệ kỹ thuật tiên tiến.

Ngành công nghiệp chế biến lâm sản cũng từng bước khẳng định vị trí, hiện Lâm Đồng đang có 607.280ha rừng (đứng hàng thứ ba cả nước) với nhiều loại cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. Khả năng khai thác nguyên liệu cho phép để cung cấp cho công nghiệp chế biến hàng năm là 40.000-50.000m^3 gỗ. Các loại tre nứa, lồ ô có tốc độ tái sinh rất nhanh sau khi khai thác, đủ khả năng cung cấp nguyên liệu cho sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ.

Về công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, Lâm Đồng có 30 loại khoáng sản thuộc 4 nhóm chính: nhiên liệu khoáng, kim loại, phi kim và đá quý - bán quý. Trong đó có Bauxite, Bentonite, Kaolin, Diotomite và than bùn có khả năng ở qui mô công nghiệp. Ngành công nghiệp khai thác và chế biến baixite được xác định là ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh từ nay đến năm 2020.

Với nguồn thuỷ năng dồi dào do nằm ở đầu nguồn 4 hệ thống sông lớn: Đồng Nai, Sêrêpốc, sông Lũy và sông Cái Phan Rang, ngoài những dự án thủy điện lớn đã đầu tư như Đa Nhim, Đại Ninh, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Hàm Thuận, Đa Mi. Tỉnh Lâm Đồng cũng đã quy hoạch được 91 điểm thủy điện vừa và nhỏ trên 8 lưu vực sông với tổng công suất lắp máy là 506,2 MW, điện lượng bình quân năm 2.340 triệu KWh. Lâm Đồng đang là điểm đến của nhiều nhà đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Từ năm 2003 đến nay, đã có 43 dự án xây dựng nhà máy thủy điện nhỏ và vừa đang được quan tâm đầu tư tại Lâm Đồng.

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp của Lâm Đồng, nhất là các sản phẩm phục vụ du lịch cũng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, các sản phẩm tiêu biểu như: mây tre đan, thêu lụa, dệt thổ cẩm, hoa khô, đan len, cưa lọng, gỗ mỹ nghệ v.v. Đi đôi với việc duy trì các ngành nghề truyền thống, Lâm Đồng đang khôi phục, phát triển sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch.

Lâm Đồng cũng đã quy hoạch được 02 Khu công nghiệp và 14 Cụm, điểm công nghiệp khác trên địa bàn 10/12 huyện, thị, thành phố. Hiện nay tỉnh Lâm Đồng đang tiếp tục quy hoạch thêm 02 Khu công nghiệp khác trong đó có nâng qui mô 01 Cụm công nghiệp thành khu công nghiệp; nâng tổng số quy hoạch 04 Khu công nghiệp và 13 Cụm công nghiệp. Việc xây dựng các khu, cụm, điểm công nghiệp, các công trình thủy điện qui mô lớn và nhỏ đã và đang làm tiền đề cho sự phát triển của ngành trong giai đoạn tới. Một số dự án có qui mô lớn đang triển khai sẽ đóng góp đáng kể cho ngành cũng như cho địa phương như thủy điện Đồng Nai 3, 4, tổ hợp bauxite nhôm, các khu, cụm công nghiệp…

Ngoại thương / 2009

109. TRỊNH CHU. Khởi sắc ở một thôn vùng cao / Trịnh Chu // Trung tâm y tế Bảo Lâm: Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân // Ngoại Thương.- 2009.- Số 17.- Tr.30.

Trung tâm y tế Bảo Lâm được thành lập trên cơ sở hợp nhất các tổ chức y tế trên địa bàn huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng và Phân viện Tân Ray thuộc Bệnh viện II tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động trên địa bàn có kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, dân số luôn biến động (do triển khai các dự án công nghiệp lớn) và đồng bào dân tộc chiếm tỷ trọng 30% trong cơ cấu dân số nên Trung tâm gặp không ít khó khăn. Nhưng bằng sự nỗ lực của tập thể cán bộ y bác sĩ của Trung tâm y tế Bảo Lâm trong năm 2008 công tác khám chữa bệnh đã có những chuyển biến lớn tổng số lần khám bệnh tăng 8% so với năm trước, công suất sử dụng giường bệnh đạt hơn 100%, tăng 11,86% so với cùng kỳ. Điều đáng mừng là cùng với số lượng, chất lượng khám chữa bệnh cũng không ngừng tăng lên, các chế độ như hồ sơ bệnh án, khám bệnh kê đơn, tiếp đón và chăm sóc người bệnh được thực hiện bài bản và khoa học hơn. Công tác dự phòng cũng thu được thành tích tốt khi không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn, các bệnh

có nguy cơ trở thành dịch cơ bản được khống chế, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đầy đủ tăng 7% so với năm 2007, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm 1,1%...

Công tác đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học cũng luôn được Trung tâm chú trọng. Năm 2008 Trung tâm đã cử 2 bác sĩ học Chuyên khoa I tại Đại học y Hà Nội, 3 y sĩ học bác sĩ, cử trên 60 lượt cán bộ đi tập huấn ngắn hạn tại trường và bệnh viện lớn, phối hợp với Trường Trung học y tế Lâm Đồng mở lớp đào tạo nhân viên y tế thôn bản cho 36 học viên. Thông qua các hoạt động này, trình độ của đội ngũ y bác sĩ được nâng lên rõ rệt, và Trung tâm cũng có đội ngũ nòng cốt có chuyên môn cao. Cũng trong năm 2008, Trung tâm đã nghiệm thu được 1 đề tài khoa học: "khảo sát sự hiểu biết về lợi ích của sữa mẹ"

Từ đầu năm 2009 đến nay, Trung tâm y tế Bảo Lâm đang tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, trong đó tập trung tăng cường giám sát dịch bệnh, nhất là dịch cúm gia cầm H5N1, dịch cúm H1N1 và dịch tiêu chảy cấp nguy hiểm; lập kế hoạch ưu tiên sửa chữa, xây dựng các trạm y tế đã xuống cấp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế, duy trì việc học tập 12 điều y đức và cuộc vận động "Học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Ngoại thương / 2009

110. Trung tâm y tế Đức Trọng: Vì sức khỏe nhân dân// Ngoại Thương.- 2009.- Số 17.- Tr.28.

Sau nhiều năm kiên trì phấn đấu, năm 2006, Trung tâm Y tế Đức Trọng được Bộ Y tế công nhận là đơn vị xuất sắc toàn diện. Đây là phần thưởng ghi nhận những đóng góp to lớn của Trung tâm trong việc chăm sóc sức khỏe của cộng đồng và góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương. Trong hoạt động chuyên môn, năm 2008 Trung tâm tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, nâng cao hệ số sử dụng giường bệnh điều trị nội trú, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu của người dân,: tổng số lần khám bệnh trong năm hơn 292 ngàn lượt người, bệnh nhân điều trị nội trú trên 10,6 ngàn người, công suất sử dụng giường bệnh đạt 116,33%. Đặc biệt, năm 2008, Trung tâm Y tế Đức Trọng đã triển khai một số kỹ thuật điều trị hiện đại mang lại kết quả cao như: mổ chấn thương chỉnh hình, phục hồi chức năng, ngoại tổng quát, chẩn đoán hình hảnh…

Các dự án mục tiêu trong năm 2008 cũng được Trung tâm Y tế Đức Trọng triển khai có hiệu quả cao, Dự án phòng chống sốt rét đã góp phần giám sát tốt sốt rét ở vùng trọng điểm 4 xã vùng loan, Liên Hiệp, Hiệp An và Phú Hội. Dự án phòng chống lao đã tổ chức tốt phòng khám lao tại khu khám đa khoa; dự án phòng chống sốt xuất huyết đã triển khai tập huấn chẩn đoán điều trị và giám sát sốt xuất huyết cho cán bộ y tế xã…; Dự án an toàn vệ sinh thực phẩm đã tổ chức thành công tháng hoạt động vì chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, cả năm không có vụ ngộ độc thực phẩm lớn

nào xảy ra. Chương trình tiêm chủng mở rộng đã đạt hiệu quả tốt, dự án phòng chống HIV/AIDS xũng mang lại kết quả khả quan.

Năm 2009 Trung tâm Y tế Đức Trọng phấn đấu duy trì tốt 100% xã đạt chuẩn về y tế, hình thành xây dựng mới trạm Hiệp Thạnh và lập dự án xin xây mới 2 trạm Ninh Loan và Bình Thạnh. Về điều trị, từ đầu năm tới nay Trung tâm đang tiếp tục nâng cao chất lượng khám điều trị, mở rộng diện điều trị, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; nâng cao chất lương khám điều trị cho người nghèo - bà con dân tộc - trẻ em dưới 6 tuổi, người có thẻ bảo hiểm y tế; tiếp tục triển khai xã hội hóa y tế; mở rộng hơn diện phẫu thuật… Tất cả những nỗ lực này đều hướng tới mục tiêu vì sức khỏe nhân dân trên địa bàn./.

Ngoại Thương / 2009

111. HỒNG VĨNH. Những chuyển biến tích cực sau 3 năm thực hiện cuộc vận động ở Lâm Đồng / Hồng Vĩnh // Tuyên giáo.- 2010.- Số 6.- Tr.21-24.

Nhận thức được sự cần thiết và tầm quan trọng của Cuộc vận động trong giai đoạn hiện nay, ngay sau khi phát động (3/2/2007), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã nhiệt tình hưởng ứng thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Thực hiện Cuộc vận động, tỉnh Lâm Đồng đã gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, vì vậy đã tạo được những chuyển biến tích cực trong hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Việc gắn Cuộc vận động với triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội của tỉnh đã đem lại hiệu quả thiết thực, rõ nét: Tốc độ tăng GDP năm 2007, 2008 đạt trên 14%, năm 2009 đạt 12,9% (hoàn thành kế hoạch đề ra), GDP bình quân đầu người năm 2007 đạt 9,84 triệu đồng, năm 2008 đạt 12,5 triệu đồng, năm 2009 16,7 triệu đồng (năm 2009 đạt 104,3% kế hoạch, tăng 33,6%); thu ngân sách Nhà nước năm 2007 đạt 1.844 tỷ đồng, năm 2008 đạt 2.210 tỷ đồng, năm 2009 đạt 2.687 tỷ đồng; đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo năm 2007 giảm 2,37%, năm 2008 giảm 5,47%, năm 2009 giảm 2% (so với năm trước). 100% huyện, thị xã, thành phố và 93,8% xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" được triển khai cả về bề rộng lẫn chiều sâu và có sự lồng ghép với thực hiện Cuộc vận động nên đã có những chuyển biến tích cực. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; từng bước củng cố thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và xây dựng thực lực chính trị cơ sở.

Có thể khẳng định rằng, Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã có tác động tích cực đến mọi lĩnh vực trong tỉnh. Cấp uỷ, các ban, ngành, đoàn thể các cấp đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của Cuộc vận động, có quyết tâm cao trong việc tổ chức thực hiện, có cách làm phù hợp, sáng tạo trong từng bước, từng công việc. Phần lớn cán bộ, đảng viên đã ý thức được việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ra sức rèn luyện, tự hoàn thiện mình. Cuộc vận động cũng được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng, thực sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn tỉnh, tạo bước chuyển biến tích cực trong tư tưởng, nhận thức và hành động của từng cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và các tầng lớp nhân dân trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống, khơi dậy tình cảm của các tầng lớp nhân dân đối với Bác Hồ kính yêu. Phong trào thi đua "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" như một luồng sinh khí mới góp phần làm chuyển biến mọi mặt của đời sống xã hội tại tỉnh Lâm Đồng./.

Tuyên giáo / 2010

112. KHẮC DŨNG. Bừng sáng Tây Nguyên // Khắc Dũng // Nông nghiệp Việt Nam.- 2010.- Ngày 9 tháng 2 .- Tr.3.

Những ngày giáp Tết, niềm vui hiển hiện trên gương mặt bà con ở mọi thôn buôn trên khắp vùng Tây Nguyên khi chương trình điện Tây Nguyên đã bước vào giai đoạn cuối.

Sau gần 20 tháng triển khai chương trình điện Tây Nguyên, tại thôn Phú Ao (xã Tà Hine, huyện Đức Trọng), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã cùng với Điện lực Lâm Đồng đã tiến hành lễ đóng điện chương trình điện Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Đăng Hiền - GĐ Điện lực Lâm Đồng cho biết: Đến nay, 100% buôn làng của tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng) đã có điện thắp sáng. Lâm Đồng là tỉnh đi đầu trong 5 tỉnh Tây Nguyên đã hoàn thành chương trình đúng cuối tháng 1/2010.

Với tổng nguồn vốn gần 208 tỷ đồng trong đó vốn đầu tư của Chính phủ chiếm 85%, còn lại là vốn của ngành điện, chương trình điện Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng được chính thức khởi động vào ngày 10/5/2008. Từ nguồn vốn này, đến nay, Điện lực Lâm Đồng đã triển khai xây dựng 403km đường dây trung thế, 825km đường dây hạ thế và 474 trạm biến áp với tổng dung lượng hơn 13.000kVA.

Tính đến cuối tháng 1/2010, Lâm Đồng đã có thêm 19.700 hộ dân tại 475 thôn buôn thuộc 116 xã phường của 12 huyện, thị, thành có điện thắp sáng (trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 93%) nâng tổng số khách hàng của ngành điện lên 253.000 hộ - đạt 93% hộ dân trong tỉnh được sử dụng điện. Về cơ bản, đến nay Lâm

Đồng đã hoàn thành chương trình điện Tây Nguyên theo kế hoạch đề ra và là tỉnh "về đích" sớm nhất trong 5 tỉnh.

Nông nghiệp Việt Nam / 2010

113. KHẮC DŨNG. 100% buôn làng đã có điện / Khắc Dũng // Lao động.- 2010.- Ngày 23 tháng 1.- Tr.2.

Sau gần 20 tháng triển khai chương trình điện Tây Nguyên, tại thôn Phú Ao (xã Tà Hine, huyện Đức Trọng), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã cùng với Điện lực Lâm Đồng tiến hành lễ đóng điện chương trình điện Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng. Đến nay, 100% buôn làng của tỉnh Lâm Đồng đã có điện thắp sáng. Lâm Đồng là tỉnh đi đầu của 5 tỉnh Tây Nguyên trong triển khai chương trình điện Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Điện lực Lâm Đồng đã triển khai xây dựng 403km đường dây trung thế, 825km đường dây hạ thế và 474 trạm biến áp với tổng dung lượng hơn 13.000KVA. Tính đến ngày 22/1/2010, đã có thêm 19.700 hộ dân tại 475 thôn buôn thuộc 116 xã, phường của 12 huyện, thị, thành trong tỉnh Lâm Đồng có điện (trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 93%); nâng tổng số khách hàng của ngành điện lên 253.000 hộ - đạt 93% số hộ dân trong tỉnh được sử dụng điện.

Lao động / 2010

114. ĐẶNG TUẤN. Người K'Ho nuôi gà đen đạt thu nhập trên 100 triệu đồng / năm / Đặng Tuấn // Tin tức.- 2011.- Ngày 28 tháng 12.- Tr.9.

Sau gần 2 năm đưa 2.000 con gà đen giống từ Tiền Giang về nuôi thử nghiệm trên miền đất lạnh dưới chân núi Langbiang huyền thoại, anh Păng Tin Phúc, dân tộc K'Ho, ở thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương (Lâm Đồng), đã thành công trong khâu ấp nở và nuôi gà đen thương phẩm, mang lại nguồn lãi ròng từ 100 triệu - 130 triệu đồng/năm.

Mô hình nuôi gà đen của anh Păng Tin Phúc mang lại giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện của người dân Lạc Dương, nhất là các hộ dân tộc thiểu số nghèo, giúp bà con vươn lên cải thiện cuộc sống. Hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũng bắt đầu xuất hiện nhiều trang trại chăn nuôi gà đen theo hướng công nghiệp, mở ra hướng phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tin tức / 2011

115. ĐỨC HUY. Thầm lặng những chiến công / Đức Huy // Công an nhân dân.- 2011.- Số 2042.- Ngày 28 tháng 2 .- Tr.3.

Phòng An ninh xã hội (PA88) Công an tỉnh Lâm Đồng - đơn vị 7 năm liền (2004 - 2010) là đơn vị Quyết thắng và năm thứ 3 liên tục được Bộ Công an tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua "Vì An ninh tổ quốc" cấp cơ sở.

Là đơn vị mũi nhọn trên mặt trận đấu tranh giữ gìn an ninh chính trị, năm 2010 Phòng An ninh xã hội đã kịp thời tham mưu cho Giám đốc Công an tỉnh đề xuất với Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết tốt mọi tình hình liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Một mặt đảm bảo cho nhân dân được hoạt động tôn giáo lành mạnh và trong khuôn khổ của pháp luật, mặt khác đơn vị đã trực tiếp đấu tranh với nhiều hoạt động tôn giáo trái phép. Bên cạnh đó, với đặc điểm địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, là vùng trọng điểm của FULRO cũ nên đơn vị đã chủ động nắm tình hình, thực hiện 3 cùng "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với nhân dân. Lực lượng trinh sát đã tích cực nghiên cứu, học tập ngôn ngữ, phong tục tập quán và các nghi lễ của đồng bào dân tộc thiểu số cũng như của các tôn giáo nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết, từ đó phục vụ tốt công tác vận động quần chúng ở cơ sở. Đồng thời, các chiến sĩ còn gần gũi với già làng, nhân sỹ trí thức trong vùng dân tộc, các chức sắc trong tôn giáo để tranh thủ uy tín của họ, từ đó vận động bà con chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động để bà con "không nghe, không tin, không theo" kẻ xấu xúi giục.

Với những thành tích nổi bật đó, năm 2010 Phòng An ninh xã hội đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng 3, được Chính phủ tặng Bằng khen, Bộ Công an tặng 2 Bằng khen, UBND tỉnh tặng 4 Bằng khen… Tổng kết phong trào thi đua "Vì An ninh tổ quốc", năm 2010 là năm thứ 3 liên tiếp đơn vị được Bộ Công an tặng cờ thi đua.

Công an nhân dân / 2011

116. PHẠM VĂN HOA. Biến đổi hôn nhân của người K'Ho / Phạm Văn Hoa // Thế giới Di sản.- 2011.- Số 11.- Tr.56-57.

Người Kơ Ho ở Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng gồm hai nhóm tộc người là Kơ Ho và Chil với số dân khá đông (2.918 nhân khẩu). Theo hôn nhân truyền thống, người Kơ Ho quan niệm rằng, hôn nhân không phải là việc riêng của mỗi cá nhân mà là việc chung của gia đình, dòng họ thậm chí của cả cộng đồng. Trai gái đến tuổi trưởng thành, thường 15, 16, đánh dấu bằng nghi lễ cà răng - căng tai, có thể tiến đến hôn nhân. Việc hôn nhân do người con gái và gia đình cô chủ động.

Ngày nay, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu tự do. Nam nữ tự do gặp gỡ, tìm hiểu nhau trước hôn nhân. Độ tuổi hôn nhân cũng được nâng lên phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Tục đính ước và hôn nhân con cô - con cậu không còn phổ biến và ít được giới trẻ ủng hộ. Tục thách cưới đã thay đổi. Nguyên tắc ngoại hôn dòng họ của người Kơ Ho đã có nhiều biến đổi. Xu hướng hôn nhân của người Kơ Ho ở Ka Đơn với tộc người khác cũng ngày càng phổ biến, đặc biệt là quan hệ hôn nhân với người kinh. Hiện nay, tục nối dòng được nới lỏng, dựa trên sự ưng thuận của người nối nòi và người được chọn, không còn trường hợp nối dòng: người quá trẻ lấy người quá già. Một số nghi lễ tổ chức đám cưới truyền thống được giản lược, đồng thời xuất hiện thêm những yếu tố mới. Đám hỏi thường chỉ diễn ra một lần với nghi thức đơn giản, vào sáng hoặc chiều và cô gái đi cùng.

Cùng với xu hướng phát triển và hội nhập chung của đất nước, sinh hoạt văn hóa của người Kơ Ho ở Ka Đơn, Đơn Dương có nhiều biến đổi, đặc biệt trong quan hệ hôn nhân. Các nghi lễ truyền thống được tổ chức giản lược, xuất hiện nhiều phương thức mới trong tổ chức đám cưới, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa người Kinh. Những biến đổi này là biểu hiện của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, văn hóa.

Thế giới Di sản / 2011

117. SƠN TÙNG. Sơn Điền: Rộn ràng bản làng người K'Ho / Sơn Tùng // Tin tức.- 2011.- Ngày 7 tháng 9 .-Tr.9.

Con đường từ ngã ba Quốc lộ 28 dẫn vào trung tâm xã nay đã thảm nhựa phẳng phiu như dải lụa vắt qua giữa rừng thông, rừng nguyên sinh bạt ngàn. Quá trình "thay da đổi thịt" của vùng căn cứ kháng chiến cũ- Sơn Điền tại huyện Di Linh - Lâm Đồng Sơn Điền được minh chứng bằng sự đủ đầy của người dân, những tuyến đường nhựa đến từng góc buôn, ngõ xóm; những dãy cột điện lưới quốc gia thẳng tắp băng qua những vườn cà phê… Trường học cấp I - II xây dựng khang trang, đáp ứng nhu cầu học tập của gần 600 học sinh là con, em đồng bào. Trạm y tế xã có đầy đủ các tủ thuốc, y bác sỹ người Kinh, người K'Ho trực 24/24 giờ, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Tính theo tiêu chí mới, năm 2011, chỉ còn chưa tới 30% số hộ trong xã thuộc diện nghèo. Số gia đình mua sắm được xe gắn máy, phương tiện nghe, nhìn, phương tiện sản xuất cơ giới của xã đã đạt gần 100%.

Hiện Sơn Điền đã có hơn 500 ha cà phê; 80 ha ngô phục vụ chăn nuôi đại gia súc và 120 ha lúa nước đảm bảo cung cấp lương thực cho người dân. Ở tất cả 6 thôn, buôn Langbang, Hà Giang, Ka Liêng, Bờ Nơm, Bó Cao, Đăng Gia và Kon Sỏh đều có những nông dân K'Ho vươn lên làm giàu với thu nhập từ 200 - 300 triệu đồng mỗi năm. Ông K'Xở ở thôn Langbang, người có thu nhập hơn 200 triệu đồng/năm từ thâm canh cà phê Catimo nói: "Hầu hết bà con đã biết trồng cà phê và có thu nhập tốt. Nhờ tham gia đầy đủ các lớp chuyển giao khoa học công nghệ trồng cây công nghiệp lâu năm, bây giờ mình và tất cả các hộ trong thôn này đều đã tự tin trồng thành công các giống cà phê catimo, robusta và chăn nuôi lợn, bò… Không sợ đói nữa đâu!".

Thống kê chưa đầy đủ của lãnh đạo địa phương, đến trước mùa tuyển sinh năm 2011, xã Sơn Điền đã có 22 con, em đồng bào K'Ho học các trường đại học tại thành phố Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội…

Tin tức / 2011

118. TRƯƠNG NGỌC LÝ. Xuất khẩu lao động ở Lâm Đồng tín hiệu lạc quan // Trương Ngọc Lý // Tạp chí lao động và xã hội.-2011.- Số 401.- Tr.24-25.

Lâm Đồng là một tỉnh vùng cao Nam Tây Nguyên, có độ cao trung bình lên đến 1.000m so với mặt nước biển, diện tích 9.776,1km^2, dân số khoảng 1,2 triệu người được phân bổ trên 12 huyện, thành phố, trong đó có nhiều huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Toàn tỉnh có 43 dân tộc anh em đang sinh sống, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số phần lớn cư trú tại các vùng sâu, vùng xa, cuộc sống chủ yếu dựa vào canh tác nông nghiệp, trồng rừng; trình độ văn hoá thấp, phong tục, tập quán còn lạc hậu; tỷ lệ qua đào tại nghề của địa phương mới đạt khoảng 26%, thấp hơn bình quân chung của cả nước; ý thức vươn lên thoát nghèo của một bộ phận dân cư chưa cao, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn mang tính ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Với đặc điểm, điều kiện như vậy, bên cạnh các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao đời sống vật chất thì các giải pháp nhằm thay đổi nhận thức của người dân để họ có việc làm, tự thoát nghèo là hết sức cần thiết, trong đó công tác xuất khẩu lao động là một giải pháp quan trọng. Tuy nhiên, trong những năm qua công tác xuất khẩu lao động của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, số lao động đi làm việc ở nước ngoài còn thấp so với nhiều địa phương trong cả nước. Cụ thể, năm 2007 toàn tỉnh có 192 người đi, năm 2008 là 120 người và năm 2009 là 150 người. Nguyên nhân là do trình độ văn hoá, tay nghề của người lao động còn thấp, ý thức chấp hành nội quy kỷ luật còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của đối tác nước ngoài; thêm vào đó, tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới đã dẫn tới nhiều người lao động phải về nước trước hạn đã phần nào làm giảm sút lòng tin của số lao động trong nước về công tác xuất khẩu lao động. Ngoài ra, sự phối hợp của một số ngành, địa phương còn hạn chế, chưa thực sự tin tưởng vào công tác xuất khẩu lao động nên chưa tích cực vào cuộc.

Đánh giá được những khó khăn, hạn chế và đặc điểm riêng của tỉnh và nhằm làm chuyển biến nhận thức của người lao động, tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, đoàn thể, địa phương về công tác xuất khẩu lao động, góp phần đẩy mạnh công tác này theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Trong năm 2009, Sở Lao động - Thương binh và xã hội Lâm Đồng đã tham mưu cho UBDN tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Xuất khẩu lao động tỉnh Ban chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu cho tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ riêng của địa phương nhằm đẩy mạnh xuất khẩu lao động như: các chính sách hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho tất cả người lao động của tỉnh có nguyện vọng đi xuất khẩu lao động; chính sách hỗ trợ thêm với các đối tượng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, bộ đội, công an xuất ngũ, con em gia đình chính sách. Hay chính sách hỗ trợ cho vay vốn xuất khẩu lao động từ ngân hàng chính sách xã hội, với mức cho vay tối đa lên đến 50 triệu

đồng. Bên cạnh đó là việc tích cực xây dựng các chương trình phối hợp liên tịch giữa Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Tỉnh đoàn, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh… để hướng dẫn, lồng ghép các hoạt động của từng ngành, đoàn thể và triển khai thực hiện đồng bộ tại các địa phương.

Cùng với việc ra chích sách, Lâm Đồng còn áp dụng nhiều biện pháp phối hợp tuyên truyền mạnh mẽ trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chính sách hỗ trợ của tỉnh, tổ chức các hội nghị triển khai từ tỉnh đến các huyện, thành phố, tổ chức các ngày hội việc làm gắn với công tác xuất khẩu lao động, hàng chục phiên giao dịch việc làm và hàng trăm buổi tư vấn xuất khẩu lao động trên địa bàn toàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị xuất khẩu lao động, các cơ sở đào tạo tổ chức hàng chục lớp đào tạo nghề, ngoại ngữ để phục vụ và đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động …

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự vào cuộc tích cực của các ngành, đoàn thể, các địa phương, cơ sở, công tác xuất khẩu lao động của tỉnh đã từng bước khởi sắc. Nếu như trong năm 2008, 2009 bức tranh về xuất khẩu lao động ở Lâm Đồng còn có phần ảm đạm do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và do nhiều nguyên nhân khác, thì bước sang năm 2010, công tác này đã có nhiều thay đổi và ngày càng tiến gần hơn tới mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và đặc biệt là để góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

Kết thúc năm 2010, toàn tỉnh đã đưa được 605 người tham gia xuất khẩu lao động, vượt chỉ tiêu đề ra và vượt xa con số 150 người của năm 2009. Kết quả đó thể hiện rằng những chủ trương, chích sách khuyến khích, hỗ trợ của tỉnh đã đi vào thực tiễn cuộc sống và được đông đảo người dân, người lao động đồng tình hưởng ứng.

Những thông tin phấn khởi về việc làm, điều kiện lao động và thu nhập của người lao động của tỉnh hiện đang làm việc tại nước ngoài gửi về cho người thân là những tín hiệu lạc quan để chúng ta hy vọng công tác xuất khẩu lao động của tỉnh Lâm Đồng trong năm 2011 sẽ gặt hái được những kết quả tốt đẹp hơn nữa.

Tạp chí lao động và xã hội / 2011

119. ĐÌNH THI. Măng Lin khởi sắc từ khi có nước sạch / Đình Thi // Đại đoàn kết.- 2012.- Ngày 2 tháng 8.- Tr. 7.

Đà Lạt được nhiều người biết đến như một thiên đường nghỉ dưỡng với khí hậu mát mẻ và nhiều cảnh đẹp. Thế nhưng, ít ai biết tại thành phố du lịch này cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa còn muôn vàn khó khăn. Buôn Măng Lin tại phường 7, Tp. Đà Lạt (Lâm Đồng) là một nơi như vậy. Nhưng từ khi có nước máy về bản cuộc sống của bà con đã có sự khởi sắc. Nhờ có nước máy từ chương trình nông thôn mới của Chính phủ nên cuộc sống của đồng bào nơi đây đã thay đổi hẳn

không còn cảnh dự trữ nước, không phải tắm giặt ngoài suối, sức khỏe của đồng bào cũng được cải thiện nhờ dòng nước sạch. Người già, trẻ em trong buôn ít bị những bệnh về đường tiêu hóa, đau mắt, bệnh ngoài da… như trước đây. Cũng nhờ đó những tập tục lạc hậu về thách cưới, giết trâu, giết bò, ăn uống linh đình đã được thay bằng các món ăn theo thực đơn mới ngon miệng, hợp vệ sinh nhưng vẫn giữ được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào…

Đại đoàn kết / 2012

120. LÂM HÀ. Giáo dục – đào tạo Lâm Đồng tháo gỡ khó khăn để phát triển // Lâm Hà // Giáo dục và thời đại.- 2012.- Ngày 27 tháng 4.- Tr.28.

Với địa bàn rộng, dân cư ít nhưng tập trung tới gần 40 dân tộc sinh sống nên đã ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giáo dục chung của toàn tỉnh bởi. Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong những năm gần đây, ngành giáo dục Lâm Đồng đã và đang tháo gỡ dần những khó khăn cho mình để phát triển. Có thể khẳng định công tác giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng ngày càng nhận được sự quan tâm và chăm lo của các cấp, các ngành. Vì thế, những năm trở lại đây, giáo dục dân tộc tiếp tục phát triển khá tốt. Toàn tỉnh có 70.716 giáo dục dân tộc, chiếm tỷ lệ 23,9% so với tổng số giáo dục toàn tỉnh, giảm 2,43% so với năm học trước. Ngoài ra, tỉnh có 8 trường PTDTNT cấp huyện với 1.785 học sinh THCS và 234 học sinh THPT, 01 trường PTDTNT cấp tỉnh với 470 học sinh, 01 trường THPT bán trú.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc, Sở giáo dục – đào tạo chỉ đạo các cơ sở bằng nhiều giải pháp quan trọng như: giáo dục tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc từ cấp học Mầm non và Tiểu học, đồng thời nâng cao chất lượng ở các trường phổ thông DTNT; Tổ chức bán trú cho học sinh ở những điểm trường chính (382 lớp); Triển khai giao lưu "Tiếng Việt của chúng em" ở Tiểu học; Tổ chức hội nghị giao ban các trường phổ thông DTNT trong toàn tỉnh, hội thảo về phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng.

Cấp THCS, học sinh khá giỏi chiếm gần 43%, THPT gần 40%. Số học sinh dân tộc hoàn thành chương trình tiểu học: 6.448/6.543 (98,54%). Số học sinh dân tộc tốt nghiệp THCS: 4.428/4.446 (99,595%). Số HS dân tộc tốt nghiệp THPT: 1.656/2.080 (79,61%), trong đó trường PTDTNT tỉnh: 108/119 (90,76%), PTDTNT Đạ Tẻh: 58/72 (80,56%). Nhiều em học sinh dân tộc thiểu số đã đỗ thủ khoa các trường trong kỳ thi tuyển sinh Đại học, cao đẳng năm học 2010-2011.

Giáo dục và thời đại / 2012

121. NGUYỄN TIẾN. Đột phá cho cây cà phê / Nguyễn Tiến // Đại đoàn kết.- 2012.- Ngày 27 tháng 2.- Tr.4.

Lâm Đồng hiện có diện tích cà phê lớn thứ hai của cả nước, với diện tích gần 145.000 ha, chiếm khoảng 26% tổng diện tích và 28% sản lượng cà phê cả nước. Thời

gian qua, tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích hỗ trợ nông dân chuyển đổi những diện tích cà phê kém hiệu quả, thâm canh tăng năng suất, cải tạo chuyển đổi giống bằng các dòng cà phê cao sản đáp ứng nhu cầu chế biến trong nước và xuất khẩu.

Bảo Lâm là một huyện có diện tích cà phê lớn đứng thứ ba của tỉnh Lâm Đồng, chiếm gần 20% diện tích cà phê của toàn tỉnh. Trước năm 2006, cà phê của huyện Bảo Lâm chủ yếu trồng bằng cây thực sinh nên cho sản lượng kém và không ổn định, chỉ đạt bình quân 25 tạ/ha. Từ thực tiễn đó, UBND huyện Bảo Lâm đã mạnh dạn xây dựng kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi giai đoạn 2006-2010, với mục tiêu chuyển đổi giống cà phê ghép đến năm 2010 đạt 7 tấn nhân/ha. Năm 2007, Phòng NN&PTNT huyện Bảo Lâm tiến hành xây dựng dự án "vườn nhân mầm giống cà phê đầu dòng phục vụ ghép cải tạo cà phê trên địa bàn huyện giai đoạn 2007-2010" với quy mô 1,8 ha tại 31 điểm trong các khu vực sản xuất cà phê tập trung trên địa bàn 12/14 xã, thị trấn của huyện. Qua 4 năm triển khai, dự án đã trực tiếp cung ứng trên 2,5 triệu chồi giống giá rẻ cho nhân dân trên địa bàn huyện ghép cải tạo được trên 1.000 ha cà phê. Cùng với dự án trên, UBND huyện Bảo Lâm chỉ đạo ngành nông nghiệp tập trung khuyến nông chương trình chuyển đổi giống cà phê ghép bằng các mô hình ghép cải tạo và trồng mới, trồng ghép. Đồng thời, ngành hàng năm đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn, tham quan mô hình với hàng ngàn hộ dân hưởng ứng tham gia. Nhờ đó, qua 5 năm thực hiện chương trình huyện đã chuyển đổi được hơn 9.000 ha. Đến năm 2011 chỉ tính 50% diện tích đã thu hoạch, năng suất trung bình mỗi ha tăng thêm được 500kg nhân. Diện tích cà phê ghép cải tạo sau 3 năm đạt năng suất trung bình 4 tấn nhân/ha, cá biệt có diện tích đạt 7-10 tấn nhân/ha.

Theo TS. Phạm S, Phó chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, kết quả thí điểm của mô hình nói trên có thể khẳng định hướng đi kịp thời, đúng đắn và từ những mô hình thành công cần tiếp tục mở rộng, đẩy mạnh công tác chuyển đổi giống cà phê, nhằm từng bước cải tạo diện tích cà phê già cội, năng suất thấp, kém hiệu quả, góp phần tăng năng suất nâng cao chất lượng cà phê của tỉnh Lâm Đồng; gắn với phát triển sản xuất cà phê bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, đảm bảo chất lượng, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm cà phê Lâm Đồng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đại đoàn kết / 2012

122. PHAN VĂN ĐỒNG. Đầu tư công cho tam nông ở Lâm Đồng - *Bài 1:* Cơ sở tạo nên sức bật cho tam nông / Phan Văn Đông // Tin tức.- 2012.- Ngày 6 tháng 6.- Tr.6-7.

Nhiều năm qua, việc đầu tư công cho tam nông (nông thôn, nông nghiệp, nông dân) ở tỉnh Lâm Đồng luôn được chú trọng. Tuy còn không ít điều cần phải bàn, nhưng những nguồn lực đã triển khai, những kết quả đã đạt được là cơ sở quan trọng tạo nên sức bật cho vùng đất nam Tây Nguyên này.

Đầu tư công cho tam nông ở Lâm Đồng được thực hiện liên tục nhiều thập niên qua với số vốn rất lớn; riêng trong giai đoạn 2006 - 2011, tổng vốn đầu tư này lên đến 7.063 tỷ đồng.

Về thủy lợi, chỉ riêng trong giai đoạn 2006 - 2010, Lâm Đồng đã đầu tư 1.045 tỷ đồng xây dựng 85 dự án thủy lợi để cung cấp nước tưới cho 22.390 ha đất sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, Lâm Đồng có đến 592 công trình thủy lợi các loại, hơn 900 km kênh mương tưới các cấp, đảm bảo chủ động tưới cho gần 116.000 ha đất canh tác.

Từ nguồn vốn đầu tư công, Lâm Đồng đã đầu tư xây dựng được 6.046,5 km đường giao thông các loại; đảm bảo có đường ô tô đến 100% xã, nhiều xã đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa cũng đã có đường bê tông nhựa đến tận nơi. Điện lưới quốc gia cũng đã đến 100% xã trong toàn tỉnh, đặc biệt đã có hàng chục nghìn hộ đồng bào các dân tộc thiểu số đã được mắc điện miễn phí từ nguồn dự án điện Tây Nguyên.

Thương mại nông thôn cũng là một điểm sáng của đầu tư công. Từ năm 2006 đến nay đã có thêm 19 chợ nông thôn được xây dựng hiện đại với mức đầu tư hàng chục tỷ đồng/chợ; và đến nay hầu như tất cả các vùng nông thôn đều có các điểm giao thương quy mô lớn để phục vụ đời sống, sản xuất của người dân và yêu cầu phát triển của địa phương.

Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật - kinh tế nông thôn ở Lâm Đồng trong những năm gần đây thực sự có cú đột phá ngoạn mục và yếu tố chính tạo nên cú đột phá đó là nguồn lực đầu tư công.

Với mức đầu tư bình quân khoảng 30 - 40 tỷ đồng/năm trong những năm gần đây, đầu tư công trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp đã mang lại những kết quả cụ thể như: Xây dựng được nhiều mô hình nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới phun tự động, màng phủ nông nghiệp… Trong 5 năm qua, đã có 4.923 ha cây trồng được hỗ trợ chuyển đổi giống bao gồm: 215 ha rau, hoa, 1.256 ha cà phê, 562 ha cây ăn quả các loại, 132 ha chè chất lượng cao, 105 ha cao su, 95 ha ca cao… Hàng nghìn con bò lai shind, lợn… cũng được cung cấp cho nông dân. Đặc biệt nhiều máy nông cụ như máy làm đất, máy sấy chè búp tươi, máy sấy cà phê… cũng được Nhà nước đầu tư làm các mô hình điểm để nông dân tham khảo, tiếp tục đầu tư phục vụ sản xuất.

Không chỉ lo nước đến tận ruộng vườn, đường đến từng thôn buôn, điện luôn sáng mọi nhà..., nguồn vốn đầu tư công ở Lâm Đồng còn tạo nên một sự đổi thay ấn tượng cho nông thôn trong đời sống xã hội. Con số 663 trường học các cấp, 47 cơ sở dạy nghề sơ cấp đến cao đẳng..., trong đó có nhiều trường dân tộc nội trú kiên cố, khang trang, đầy đủ thiết bị dạy và học đã giúp cho nông dân có đủ tri thức, giúp nông thôn Lâm Đồng khởi sắc nhanh chóng và theo đó khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ở nhiều nơi gần như chỉ còn là khái niệm.

Ngoài ra, Lâm Đồng cũng là tỉnh được đánh giá cao về đầu tư, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Con số 224,4 tỷ đồng cho y tế ở nông thôn trong 5 năm (2006 - 2011), 100% xã có trạm y tế, 140/148 xã, phường, thị trấn và 9/12 huyện thành phố đạt chuẩn quốc gia về y tế... đã minh chứng sự nỗ lực rất lớn của tỉnh về vấn đề này. Một con số cụ thể cực kỳ ấn tượng với nông dân đó là hàng chục nghìn gia đình nông dân đã được hỗ trợ xây nhà ở từ nguồn vốn công; chỉ riêng hai chương trình 134 và

167, đã có hơn 81 tỷ đồng vốn ngân sách được chi ra để xây dựng 10.874 căn nhà cho nông dân.

Đặc biệt, nước sạch nông thôn là một trong những lĩnh vực trước đây vốn "xa lạ" với hầu hết nông dân, nhưng cũng được Lâm Đồng tập trung đầu tư với số lượng rất lớn. Chỉ riêng với 2 chương trình: nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn và chương trình 134 của Chính phủ, trong 5 năm 2006 - 2011 Lâm Đồng đã chi đến 170 tỷ đồng để xây dựng 7.808 công trình nước sạch các loại (trong đó có 129 công trình nước tập trung) cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho hơn 105.000 người.

Nhiều khoản đầu tư công trực tiếp hoặc gián tiếp khác cho tam nông, như đầu tư phát triển hợp tác xã nông nghiệp, đầu tư cho an sinh xã hội, đầu tư cho phòng chống thiên tai (hạn hán, lụt bão)… cũng được chú trọng. Nhờ vậy mà bức tranh toàn cảnh đầu tư công cho tam nông ở Lâm Đồng hiện hữu rõ nhiều điểm sáng.

Tin tức / 2012

123. THU HÀ. Lâm Đồng phối hợp nhiều giải pháp nhằm đẩy nhanh xuất khẩu lao động / Thu Hà // Lao động xã hội.- 2012.- Ngày 25 tháng 12.- Tr. 11.

Trong đề án giảm nghèo bền vững 2010-2015 và tầm nhìn 2020 của Lâm Đồng, xuất khẩu lao động được xem là biện pháp quan trọng. Năm 2011, Lâm Đồng được giao chỉ tiêu xuất khẩu lao động cho 600 người. Để đạt được kết quả này tỉnh tập trung đầu tư cho hoạt động dạy nghề. Năm qua đã có 40.677 lao động được dạy nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt mức 28%, tăng 3% so với năm trước. Riêng dạy nghề cho lao động nông thôn đã tổ chức được 280 lớp với 7.500 học viên tốt nghiệp, trong đó người đi học thuộc huyện nghèo Đam Rông, các xã nghèo, thôn nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 50% trong tổng số người được hỗ trợ học nghề. Nhờ đó, tỉnh đã hoàn thành chỉ tiêu giải quyết việc làm cho 30.100 lao động đạt 100% kế hoạch, xuất khẩu lao động cho 600 người, đạt 100% kế hoạch. Có được kết quả này là nhờ thời gian qua, tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phù hợp. Tỉnh có chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động, theo đó, tất cả các đối tượng có hộ khẩu thường trú tại Lâm Đồng có nguyện vọng và đủ điều kiện xuất khẩu lao động sẽ được hỗ trợ học phí học nghề, học ngoại ngữ và giáo dục định hướng. Mức hỗ trợ là 500 ngàn đồng/người/tháng và thời gian hỗ trợ không quá 6 tháng. Với người lao động thuộc diện hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, con em gia đình chính sách, bộ đội, công an xuất ngũ được hỗ trợ thêm tiền ăn, ở trong thời gian tham gia khóa học.

Lao động xã hội / 2012

124. Thương hiệu hoa Đà Lạt // Báo ảnh Việt Nam.- 2012.- Số 638.- Tr. 4+9.

Nhân dịp Festival hoa Đà Lạt 2012 diễn ra từ ngày 30/12/2011 đến 3/1/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định chính thức công nhận Đà Lạt là "Thành phố Festival hoa của Việt Nam". Điều đó cũng có nghĩa, thương hiệu hoa Đà Lạt đang ngày càng được tôn vinh và khẳng định. Năm 2011, diện tích trồng hoa của tỉnh Lâm

Đồng mà chủ yếu là Tp. Đà Lạt đã đạt 3.862ha, sản lượng khoảng 1,4 tỉ cành hoa, trong đó xuất khẩu 53 triệu cành với kim nghạch 22 triệu USD. Ngoài các thị trường truyền thống như Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản… Hoa Đà Lạt đã bắt đầu chinh phục thị trường EU, Bắc Mỹ bằng các loại hoa thế mạnh của mình như hồng, ly, lan, cúc…

Từ năm 1938, nghề trồng hoa ở Đà Lạt đã hình thành khi người dân từ các làng hoa Nghi Tàm, Quảng Bá ngoài Hà Nội di cư đem vào. Tuy vậy phải đến những năm 90 của thế kỉ trước, tên tuổi hoa Đà Lạt mới được biết đến với làng hoa hồng Vạn Thành, nơi cung cấp sản phẩm hoa hồng cắt cành chủ yếu của thành phố Đà Lạt. Rồi tiếp đến tháng 12/2009, làng hoa Thái Phiên trở thành làng hoa đầu tiên được UBND tỉnh Lâm Đồng công nhận là làng nghề truyền thống của địa phương với các sản phẩm hoa nổi tiếng như: hoàng anh, margarite, gerbera, cúc đỏ, cẩm tú cầu, hoa hồng…

Đặc biệt, đến năm 1995, nghề trồng hoa ở Đà Lạt mới thực sự "bùng nổ" với sự xuất hiện của "làng hoa công nghiệp" Dalat Hasfarm (100% vốn nước ngoài). Từ diện tích ban đầu 2 ha, làng hoa này đã cho ra đời nhiều sản phẩm hoa cắt cành và hoa chậu phong phú về chủng loại, rực rỡ về màu sắc. Sự ra đời của Dalat Hasfarm đã làm thay đổi hẳn tư duy trồng hoa theo lối truyền thống của người dân địa phương. Bằng phương pháp thắp đèn sưởi ấm cho hoa, Dalat Hasfarm đã trồng thành công nhiều giống hoa cúc khác nhau và cho nở đúng vào dịp Tết nên giá thành bán ra thị trường cao hơn hẳn so với cách làm truyền thống. Chính cách làm này của Dalat Hasfarm đã kích thích người dân các làng hoa Thái Phiên, Trạm Hành, Đa Thiện… chuyển dần sang phương pháp trồng hoa hiện đại.

Kể từ khi triển khai áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất (năm 1995), ngành trồng hoa Đà Lạt đã có những bước tiến lớn. Hiện nay Đà Lạt đã xây dựng được một ngân hàng hoa giống khá phong phú với hàng trăm giống hoa bản địa và nhập nội, và hơn 35 phòng thí nghiệm phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô để nhân giống hoa sạch bệnh. Các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã, hộ gia đình cũng đã mạnh dạn đầu tư nhiều công nghệ tiên tiến vào sản xuất hoa như công nghệ nhà kính, nhà lưới, tưới nhỏ giọt (drip), và trồng hoa bằng cây giống được sản xuất theo công nghệ nuôi cấy mô… Bên cạnh đó, các vùng trồng hoa còn tăng cường hợp tác với các trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học để nghiên cứu, chuyển giao kĩ thuật, cũng như đào tạo nguồn nhân lực phục vụ việc phát triển ngành sản xuất hoa. Đặc biệt, địa phương còn khuyến khích các nông hộ sản xuất hoa tự nguyện liên kết với nhau và liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội… để thúc đẩy quá trình sản xuất, tăng cường khả năng tiêu thụ và mở rộng thị trường… Nhờ đó, sản phẩm hoa cao cấp của Đà Lạt ngày một đa dạng và phong phú về mặt chủng loại nên không chỉ đáp ứng được thị trường trong nước mà còn phục vụ xuất khẩu.

Tính đến nay, Đà Lạt có 400 loài hoa với hàng ngàn giống hoa bản địa hoặc có xuất xứ từ châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan), châu Âu (Pháp, Hà Lan), châu Mỹ... cùng 200 bộ giống hoa mới được di thực từ nước ngoài về. Từ hàng ngàn giống hoa này, nông dân và các doanh nghiệp đã đưa vào sản xuất theo hướng hàng hóa với trình độ ứng dụng khoa học kĩ thuật cao, nên chủng loại và chất lượng hoa Đà Lạt giờ đây không còn thua kém nhiều so với các quốc gia có nghề trồng hoa lâu đời trên thế giới như Pháp, Hà Lan, Bungaria…

Báo ảnh Việt Nam / 2012

125. TIẾN SƠN. Lâm Đồng: Đẩy nhanh tiến trình giảm nghèo / Tiến Sơn // Lao động và Xã hội.- 2012.- Ngày 22 tháng 7.- Tr. 14.

Lâm Đồng là tỉnh cao nhất của Tây Nguyên, khí hậu quanh năm mát mẻ nên rất thuận lợi cho hoạt động du lịch, nông nghiệp và nghề rừng. Tuy nhiên do có đông bà con dân tộc thiểu số nên hiện tại tỉnh vẫn còn một huyện và 16 xã nghèo cần có sự trợ giúp của Nhà nước cũng như của tỉnh để phát triển. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khóa IX xác định: Trong nhiệm kỳ đến năm 2015 duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 15-16%, đưa tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống còn dưới 4% (bình quân giảm 1,72%/năm), trong đó tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 10% (giảm 4,53%/năm). Số hộ cận nghèo không quá 50% hộ nghèo. Riêng huyện Đam Rông và các xã, thôn nghèo giảm ít nhất một nửa tỉ lệ hộ nghèo so với đầu năm 2011; không còn xã, thôn có trên 30% hộ nghèo. Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng ít nhất 2,2 lần so với năm 2010.

Trong năm vừa qua, Lâm Đồng đã hoàn thành việc rà soát và cấp sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2012. Hiện nay tổng số hộ nghèo toàn tỉnh: 26.413 hộ, tỉ lệ 9,36% (theo Quyết định phê duyệt hộ nghèo năm cuối năm 2011 của Bộ LĐ-TB&XH thì tỉ lệ hộ nghèo cả nước là 11,76%, khu vực Tây Nguyên 18,62%, trong đó Lâm Đồng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất so với các tỉnh Tây Nguyên). Trong đó tổng số hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh là 14.415 hộ, chiếm tỷ lệ 23,88%, riêng huyện nghèo Đam Rông còn 3.096 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 34,19%. Lâm Đồng cũng còn 17.120 hộ thuộc diện cận nghèo, chiếm tỷ lệ 6,07%, trong đó hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 8.267 hộ, chiếm tỉ lệ 13,69%.

Để đẩy nhanh tiến trình giảm nghèo, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện kịp thời, đồng bộ các chính sách giảm nghèo và các chương trình, dự án hỗ trợ khác đối với vùng nghèo, đồng bào dân tộc, người nghèo của Chính phủ; tăng nguồn lực đầu tư của địa phương, huy động toàn xã hội tham gia giúp vùng nghèo, người nghèo. Tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a theo cơ chế; TƯ hỗ trợ huyện Đam Rông, tỉnh tiếp tục hỗ trợ cho 16 xã nghèo giai đoạn 2009-2015 và các xã nghèo khác có tỷ lệ hộ nghèo trên 30%. Các huyện, thành phố

đầu tư, hỗ trợ cho các thôn nghèo còn lại và các địa bàn khó khăn khác. Bên cạnh đó, tỉnh còn thực hiện vận động các hộ nghèo đăng ký thoát nghèo, chỉ hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn vay cho các hộ có quyết tâm, tự lực làm ăn, không ỷ lại; không hỗ trợ các hộ nghèo không có ý chí làm ăn, vươn lên thoát nghèo. Thực hiện phân bổ ngân sách hỗ trợ cho xã nghèo, thôn nghèo trên cơ sở nhu cầu thực tế của số hộ đăng ký thoát nghèo và kết quả giảm hộ nghèo của năm trước trên địa bàn; không phân bổ bình quân. Năm 2012, Lâm Đồng đã cấp 23.184 thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo là 115.698 thẻ và trẻ em dưới 6 tuổi là 122.487 thẻ. Tỉnh cũng đã hỗ trợ tiền điện: 4754,34 triệu đồng cho 26.413 hộ nghèo. Phối hợp với các địa phương tổ chức cấp phát quà của UBND tỉnh và Ban chỉ đạo Tây Nguyên nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Thìn 2012 cho hộ nghèo, cho đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng và tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập với tổng kinh phí 5.715,6 triệu đồng.

Riêng với huyện nghèo Đam Rông, nhằm giúp các hộ dân thoát nghèo nhanh, bền vững Lâm Đồng đã triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2012 với tổng số 28 lớp/948 học viên, kinh phí là 1.186 triệu đồng, chủ yếu đào tạo các ngành nghề như: Lâm sinh, thú y, mộc dân dụng, xây dựng, đan lát, sửa chữa xe gắn máy… Tại 29 xã nghèo tỉnh đầu tư là 29 tỉ, gồm các hạng mục đầu tư cho trồng rừng, chăm sóc rừng trồng năm thứ 2 và thứ 3, thâm canh chuyển đổi cây trồng, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, hỗ trợ vật nuôi, khai hoang. Hiện có 2.135 hộ đăng ký thoát nghèo (chiếm 30% số hộ nghèo của 29 xã). Huyện Đạ Tẻh, huyện Lạc Dương, huyện Đức Trọng, huyện Bảo Lâm, huyện Lâm Hà đã có quyết định giao vốn cho các xã nghèo, các huyện khác đang thẩm định để ban hành quyết định giao vốn theo các hạng mục đầu tư.

Lao động và Xã hội / 2012

126. TRƯƠNG ĐÌNH CĂN. Ban đoàn kết công giáo thành phố Đà Lạt tổng kết phong trào thi đua yêu nước / Trương Đình Căn // Người công giáo Việt Nam.- 2012.- Ngày 28 tháng 7.-Tr.4+21.

Với số dân gần 220 ngàn người, trong đó đồng bào Công giáo có trên 20 ngàn thuộc 22 giáo xứ, giáo sở, giáo họ chiếm tỷ lệ gần 10% dân số thành phố. Đà Lạt được xem như thủ phủ của giáo phận, có Toàn Giám mục với 33 cộng đoàn, hội dòng nam, nữ; có trên 40 linh mục triều và dòng, trên 200 tu sỹ nam và nữ. 5 năm qua, thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư sống tốt đời, đẹp đạo" đồng bào Công giáo Đà Lạt luôn tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, gắn cuộc sống đạo với việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, cùng chung tay góp phần xây dựng thành phố văn minh, giàu đẹp.

Theo thống kê từ các giáo xứ, số hộ giàu có trên 400 hộ, chỉ có khoảng 200 hộ nghèo, không có hộ đói, còn lại là các hộ gia đình có đời sống kinh tế khá.

Trong sự nghiệp giáo dục, hiện nay trong thành phố có các điểm, trường mầm non tư thục do các dòng mở như trường mầm non Thăng Long, trường mầm non Mai Anh, mầm non Trinh Vương, mầm non Du Sinh, mầm non Sao Mai, mầm non Thánh Mẫu, mầm non Hiển Linh, mầm non Hướng Dương… với trên 1000 cháu, đã góp phần xã hội hóa, đa dạng hóa giáo dục mầm non theo chủ trương của Nhà nước, được ngành giáo dục ghi nhận và đánh giá tốt. Ngoài ra, việc mở các lớp tình thương cho các em học sinh nghèo, không có điều kiện đến trường cũng được quan tâm

Riêng các giáo xứ với quỹ khuyến học vận động được 500.000.000 đồng đã trao tặng học bổng cho hàng trăm em là học sinh nghèo hiếu học, tôn vinh và khen thưởng những học sinh của giáo xứ đạt học sinh giỏi, học sinh xuất sắc của các trường để khuyến khích các em không ngừng phấn đấu rèn luyện, nâng cao kiến thức.

Trong hoạt động từ thiện nhân đạo; đây là một trong những thế mạnh của đồng bào Công giáo thành phố Đà Lạt. Phòng khám từ thiện Vạn Thành trực thuộc Hội Chữ thập đỏ thành phố duy trì hoạt động từ nhiều năm qua do linh mục Hoàng Văn Chính và giáo xứ Vạn Thành hỗ trợ tài chính, hiện nay bình quân mỗi tháng Phòng khám từ thiện khám cho khoảng 60 người, 5 năm qua đã khám cho gần 5000 lượt bệnh nhân với chi phí và thuốc cấp miễn phí trị giá 192.500.000 đồng…

Người công giáo Việt Nam / 2012

127. VĂN TÂM. Nét thay đổi ở một thôn vùng sâu / Văn Tâm // Đại đoàn kết.- 2012.- Ngày 28 tháng 2 .- Tr.6.

Thôn Đắc Măng được tách ra từ thôn Liên Hương vào năm 2007, với hơn 200 hộ dân, hơn 800 nhân khẩu, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo của thôn còn hơn 50%; trong khi đó người dân lại thiếu đất canh tác, thiếu vốn và thiếu khoa học kỹ thuật, nên chuyện đói nghèo xảy ra thường xuyên. Những năm trở lại đây, nhờ có sự đầu tư của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực cố gắng của người dân thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế, bộ mặt của thôn Đắc Măng, xã Đạ R'sal, huyện Đam Rông (tỉnh Lâm Đồng) đã có nhiều khởi sắc: điện, đường, thông tin liên lạc đã về tới thôn buôn; những căn nhà cao tầng mọc lên thay thế những căn nhà gỗ; đời sống của người dân đã có nhiều chuyển biến.

Hiện toàn thôn đã trồng được hơn 200ha cây cà phê, 10ha cây ăn trái, 10ha lúa nước; 30ha cây mỳ và trồng 10ha cây rau màu các loại. Bên cạnh đó, triển khai Đề án 30a của Chính phủ, người dân trong thôn được hỗ trợ 22 căn nhà theo Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ, 100 hộ được nhận đất trồng rừng, 22 hộ nghèo được nhận giao khoán quản lý bảo vệ rừng; 10 hộ được hỗ trợ các mô hình cây trồng, vật nuôi. Từ một thôn có 50% hộ nghèo vào năm 2007, đến cuối năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo đã giảm xuống còn 13,1%; thu nhập bình quân đầu người ước đạt 6 triệu đồng/người; 90% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa; 95% gia đình trong thôn có nước sạch, điện thắp sáng, 95% người dân được xem truyền hình; 100% trẻ em trong

thôn được cấp sách tới trường. Các tệ nạn mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu trong cưới hỏi, ma chay đã được đẩy lùi.

Đại đoàn kết / 2012

128. DUY DANH. Người dân Ka Đơn đồng lòng xây dựng nông thôn mới / Duy Danh // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 15 tháng 9.- Tr.3.

Ka Đơn là một xã vùng sâu, vùng xa của huyện Đơn Dương với hơn 8,4 ngàn nhân khẩu. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 54%. Bước vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, từ xuất phát điểm thấp, xã Ka Đơn đã gặp nhiều khó khăn. Trải qua 4 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, người dân Ka Đơn đã đoàn kết, nỗ lực để đưa phong trào xây dựng nông thôn mới của địa phương ngày càng phát triển. Nhờ đó, đến nay, Ka Đơn đã đạt 16/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới và 3 tiêu chí còn lại đang tiệm cận và sẽ hoàn thành trong năm 2014 này. Nhìn chung, sau gần 4 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, mọi mặt đời sống của người dân Ka Đơn được nâng lên rõ rệt. Nếu như vào năm 2011, thu nhập bình quân đầu người của người dân trong xã mới chỉ đạt 13,5 triệu đồng/người/năm thì đến năm 2013 đã đạt 32 triệu đồng/người/ năm. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã cũng không ngừng giảm, nếu như năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo của xã Ka Đơn chiếm 27% thì đến nay giảm xuống còn dưới 6%.

Lâm Đồng / 2014

129. DUY NGUYỄN. Xóa nghèo bền vững ở Pró / Duy Nguyễn // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 5 tháng 9.- Tr.5.

Pró là một xã vùng sâu, vùng xa của huyện Đơn Dương, với gần 1.300 hộ dân (hơn 5.700 nhân khẩu), trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 60%. Đời sống của đồng bào nơi đây còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Chính vì thế mà thời gian qua, xã Pró đã nỗ lực, chú trọng triển khai thực hiện nhiều chương trình, chính sách để xóa nghèo bền vững cho người dân tại địa phương.

Được sự hỗ trợ của Nhà nước, trên địa bàn xã đã đồng loạt triển khai thực hiện các chương trình dự án nhằm giúp đỡ, hỗ trợ cho các đối tượng hộ nghèo trên địa bàn. Trong đó, có các chương trình như: 135, 167, 30a và các chính sách hỗ trợ khác, đã góp phần xóa đói giảm nghèo, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn tại địa phương. Qua việc thực hiện các chương trình, chính sách đó đã giúp cho gần 1 ngàn hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương được hỗ trợ phát triển sản xuất và 240 lượt hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn được hỗ trợ về nhà ở. Ngoài ra các công trình hạ tầng cơ sở khác như công trình nước sạch, điện, đường, trường trạm cũng được đầu tư xây dựng để phục vụ đời sống dân sinh tại địa phương. Hiện nay, hơn 90% số hộ dân tại địa phương được sử dụng nước hợp vệ sinh, hệ thống điện lưới

quốc gia đã về đến các thôn trong xã và có 98% số hộ đồng bào dân tộc tại địa phương được sử dụng điện.

Ben cạnh đó, để giúp người dân nâng cao thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững, chính quyền cũng đã tổ chức triển khai tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất cho bà con theo hướng chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng phù hợp với địa phương. Qua đó, một số dự án như: Dự án lai cải tạo đàn bò, cải tạo vườn tạp, nuôi gà thả vườn, sản xuất lúa lai, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp… đã được triển khai và đem lại hiệu quả. Bên cạnh đó, xã Pró cũng đã phối hợp tổ chức nhiều lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại địa phương như nghề may, sửa chữa xe máy, nghề đan móc len, dệt thổ cẩm… thu hút nhiều người dân tham gia. Sau khi tham gia các lớp đào tạo nghề, nhiều người dân đã có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Nhờ thực hiện tốt các chương trình, chính sách giảm nghèo nên tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã Pró không ngừng giảm. Nếu như năm 2012 toàn xã Pró có hơn 30% tỷ lệ hộ nghèo thì đến nay chỉ còn hơn 13%.

Với nỗ lực quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Pró, hi vọng trong thời gian tới, Pró sớm thoát khỏi danh sách xã nghèo và thực hiện thành công công cuộc xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Lâm Đồng / 2014

130. HIẾU CẦU. Xã 60 trang trại / Hiếu Cầu // Nông nghiệp Việt Nam.- 2014.- Ngày 22 tháng 8. Tr.4.

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp của Bình Thạnh (Đức Trọng, Lâm Đồng) có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng nâng cao giá trị ngành chăn nuôi. Đến nay, xã đã có khoảng 60 trang trại chăn nuôi. Từ khi triển khai xây dựng nông thôn mới, được sự hỗ trợ của nhà nước, họ đã mạnh dạn phá bỏ thế độc canh, chuyển đổi cây trồng như xen canh cây dâu tằm, cấy lúa nước, phát triển trang trại chăn nuôi. Chính vì vậy, cơ cấu sản xuất nông nghiệp của Bình Thạnh có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng nâng cao giá trị ngành chăn nuôi. Năm 2010, giá trị sản xuất trồng trọt của địa phương chiếm 80%, chăn nuôi chỉ chiếm 20%. Nhưng đến nay, xã đã có khoảng 60 trang trại chăn nuôi, chủ yếu là trang trại chăn nuôi heo với số lượng gần 30.000 con và trang trại gà trên 130.000 con. Giá trị sản xuất chăn nuôi của xã Bình Thạnh năm vừa qua đạt trên 120 tỷ đồng, chiếm 55,6% tổng giá trị sản xuấtnông nghiệp. Đặc biệt có những trang trại chăn nuôi của người dân có quy mô lớn trị giá hàng chục tỷ đồng. Ngoài ra, xã Bình Thạnh cũng đang phát triển nhanh mô hình nuôi ong giữa vườn cà phê và chăn nuôi bò sữa. Hiện có gần 70 hộ nuôi ong giữa vườn cà phê với số lượng hơn 3.000 thùng và có 10 hộ nuôi bò sữa với tổng đàn gần 100 con. Cùng với việc phát triển mô hình kinh tế trang trại chăn nuôi, thì thu nhập bình quân của người dân trong xã không ngừng được nâng lên. Nếu năm 2010, thu nhập bình quân của người

dân mới chỉ đạt 19 triệu đồng/người/năm, thì đến năm 2013 đã tăng lên 37 triệu đồng/người/năm và đang phấn đấu đạt 40 - 42 triệu đồng/người/năm.

Nông nghiệp Việt Nam / 2014

131. HỒNG THỦY. Bảo Lâm chuyển mình / Hồng Thủy // Nông Nghiệp Việt Nam.- 2014.- Ngày 27 tháng 10.- Tr.14.

Mặc dù Bảo Lâm là huyện vùng sâu, vùng xa, có đông đồng bào dân tộc thiểu số nhất của tỉnh Lâm Đồng. Nhờ biết thực hiện lồng ghép các chương trình như 30a, 135, 168…, huyện đang thực hiện khá tốt chương trình "giảm nghèo nhanh, bền vững". Đến nay, có 4 xã của huyện là Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Lâm, Lộc Nam thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và là vùng căn cứ cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ, có tỷ lệ đồng bào DTTS trên dưới 90%, được chọn đầu tư theo Chương trình 30a "Giảm nghèo nhanh, bền vững" (GNNBV) của Chính phủ, và khá thành công.

Tại bốn xã này, khi thực hiện Chương trình GNNBV, huyện Bảo Lâm đã lồng ghép đầu tư giữa nguồn vốn 30a với nhiều chương trình dự án khác như 135 (xây dựng hạ tầng cơ sở), 168 (giao khoán quản lý bảo vệ rừng), đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phát triển ngành nghề nông thôn, cho người nghèo vay vốn phát triển sản xuất (SX), chăn nuôi.

Cùng với hỗ trợ phát triển lâm nghiệp, đã có gần 2,650 tỷ đồng đầu tư hỗ trợ phát triển SX, bằng việc ngành nông nghiệp của huyện đã hỗ trợ 244 tấn phân bón vi sinh, NPK, 300 lít thuốc bảo vệ thực vật cho 591 hộ để đầu tư thâm canh chiều sâu và ghép cải tạo 26,8ha cà phê cao sản cho 104 hộ dân tại 4 xã nghèo của huyện.

Bên cạnh đó, đã có hàng chục tỷ đồng được huy động từ nhiều nguồn khác nhau để đầu tư kết cấu hạ tầng cơ sở: Điện - đường - trường - trạm, hệ thống thủy lợi hỗ trợ cho các xã nghèo, thôn nghèo có điều kiện thuận lợi trong tưới tiêu, lưu thông hàng hóa, đi lại, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, khám, chữa bệnh, học tập, hội họp.

Theo báo cáo của UBND huyện Bảo Lâm, đến nay đã chuyển đổi được 13.750/27.300ha giống cà phê năng suất cao; chuyển đổi, trồng mới 5.400/13.200ha chè chất lượng cao. Thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích canh tác của huyện nâng từ 70 lên 90 triệu đồng/ha.

năm 2013 đến nay, Trung tâm Dạy nghề và Trung tâm Nông nghiệp huyện Bảo Lâm đã tổ chức được một số lớp dạy nghề trồng, chăm sóc cà phê cho người dân và 100 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp cho hàng ngàn lượt hộ dân tham gia, trong đó phần lớn là các hộ nghèo, cận nghèo.

Sau 4 năm triển khai Chương trình xây dựng NTM, đến nay huyện Bảo Lâm có 4 xã đạt tiêu chí thu nhập, 6 xã đạt tiêu chí hộ nghèo, 4 xã đạt tiêu chí tổ chức SX và 13/13 xã đạt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên. Toàn huyện đã đạt 116 tiêu chí, bình quân 8,92 tiêu chí/xã.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 40,1 triệu đồng, tăng gấp đôi so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 16,23% năm 2011 còn 6,28% năm 2013, trong đó hộ nghèo đồng bào DTTS giảm còn 14,26%.

Nông Nghiệp Việt Nam / 2014

132. KHẮC DŨNG. Đam Rông ra khỏi huyện nghèo vào năm 2015 / Khắc Dũng // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 29 tháng 8.- Tr.4.

Đam Rông là huyện nghèo không chỉ của tỉnh Lâm Đồng mà còn là huyện nghèo "điểm" của cả nước - và là một trong các huyện trong cả nước được chọn để thực hiện thí điểm Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững. Theo quy hoạch phát triển, tỉnh Lâm Đồng và huyện Đam Rông đặt ra mục tiêu cho Đam Rông là phát triển KT-XH với tốc độ nhanh và bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa huyện Đam Rông với các địa phương khác trong tỉnh; phấn đấu đưa Đam Rông thoát khỏi tình trạng huyện nghèo vào năm 2015; tập trung đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; giảm tỷ lệ ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH...
5 năm qua, huyện Đam Rông đã được đầu tư hàng ngàn tỷ đồng để thực hiện các hạng mục công trình. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm từ vài mươi phần trăm trước đây, xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2013. "Phấn đấu đến năm 2015 tới, tỷ lệ hộ nghèo của Đam Rông giảm còn dưới 10%; và đến năm 2020, tỷ lệ này thấp hơn 3%". Theo báo cáo của UBND huyện Đam Rông, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm giai đoạn 2011 - 2015 của huyện đạt 18% - 19%; trong đó, đáng chú ý là ngành công nghiệp - xây dựng tăng 28%, ngành dịch vụ tăng 23%. Bên cạnh đó thu nhập bình quân đầu người vào năm 2009 chỉ 8 triệu đồng đã tăng lên gần 20 triệu đồng năm 2013 vừa qua và sẽ cao hơn 20 triệu đồng trong năm 2014 này; đặc biệt, theo dự báo, con số này sẽ là 28 triệu đồng vào năm 2015 và 80 triệu đồng trong năm 2020 (con số tương ứng của tỉnh: 44,5 - 46,2 triệu đồng năm 2015 và 92 - 100 triệu đồng năm 2020). Tổng thu ngân sách của Đam Rông giai đoạn 2011 - 2015 mỗi năm trung bình đạt 35 tỷ đồng (tăng bình quân 28%/năm); dự báo giai đoạn 2016 - 2020, con số này sẽ là 110 tỷ đồng (tăng bình quân 26%/năm). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội hằng năm của Đam Rông giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 774 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 sẽ là 1.759 tỷ đồng.

Lâm Đồng / 2014

133. KHẮC DŨNG. Đưa khoa học vào đời sống góp phần phát triển nông nghiệp - nông thôn / Khắc Dũng // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 15 tháng 9.- Tr.5.

Theo đánh giá chung, sau 15 năm thực hiện chủ trương về phát triển khoa học và công nghệ (KH-CN) theo Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, sự nghiệp KH-CN tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp một phần quan trọng vào

sự nghiệp phát triển KT-XH chung của địa phương. Đặc biệt, trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều đề tài khoa học của tỉnh Lâm Đồng được thực hiện mang tính giá trị thực tiễn cao nên đã được áp dụng vào đời sống một cách khá thiết thực, mang lại hiệu quả cao về nhiều mặt, nhất là về kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Lâm Đồng / 2014

134. LỤC LANG. Lâm Đồng phát triển nông nghiệp công nghệ cao / Lục Lang // http://baotintuc.vn/.- 2014.- Ngày 4 tháng 12.

Một trong những lĩnh vực quan trọng góp phần cho thành công của chương trình nông nghiệp công nghệ cao của Lâm Đồng là ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn tạo, nhân giống và ứng dụng giống cây trồng vật nuôi mới.

Lâm Đồng là một trong những địa phương có diện tích áp dụng giống cây trồng mới cao trong cả nước, đặc biệt là các giống rau, hoa, chè chất lượng cao, các dòng cà phê cao sản, giống lúa chất lượng cao, giống bắp mới luôn được phát triển với tỷ lệ cao; tỷ lệ giống mới trong tổng đàn vật nuôi ngày càng tăng. Hiện nay, tỉnh có trên 175 loại rau, có 600 loại hoa, 2 giống chè cao sản, 4 giống chè chất lượng cao, 3 giống dâu tằm mới, 6 dòng cà phê vối cao sản được trồng và khai thác hàng hóa. ỷ trọng giống mới đối với rau, hoa là 95%; đối với cây lương thực (lúa, bắp) là 90%; các giống cây công nghiệp dài ngày: chè 46%, dâu tằm 30%, cà phê 33%; một số giống cây ăn quả mới được phát triển chỉ trồng duy nhất ở Lâm Đồng như cam cara cara của Australia, nho Ý, nho Pháp; nhiều giống cây quý hiếm mới nhập nội. Về vật nuôi, đàn bò vàng địa phương ngày càng được sind hóa, là một trong số ít địa phương trong cả nước có đàn bò sữa số lượng lớn với gần 10.000 con, đàn lợn phát triển theo hướng nạc, giống lợn tốt có tỷ lệ nạc cao chiếm hơn 50% trên tổng đàn. Lâm Đồng còn là địa phương đi đầu ở phía Nam trong việc đầu tư và phát triển nuôi cá nước lạnh (cá hồi vân, cá tầm Nga) thành công, hiện chiếm 50% sản lượng cả nước.

Việc nhân giống và sử dụng giống cây trồng, vật nuôi mới với tỷ lệ cao như trên đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nông sản của Lâm Đồng, nâng cao giá trị sản xuất và gia tăng tỷ trọng xuất khẩu nông sản năm sau cao hơn năm trước, hiện chiếm gần 80% giá trị xuất khẩu hàng năm của tỉnh. Sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả với mức doanh thu bình quân trên một đơn vị diện tích canh tác tăng nhanh từ 27 triệu đồng/ha/năm nay đạt 123 triệu đồng/ha. Riêng các diện tích ứng dụng công nghệ cao cho mức doanh thu từ 150 triệu đồng - 500 triệu đồng/ha, có trên 10.000 ha cho mức doanh thu "đáng mơ ước" từ 500 triệu đồng - trên 1 tỷ đồng/ha/năm.

Theo đánh giá của tiến sĩ Phạm S, tốc độ phát triển công nghệ nhân giống in vitro ở Lâm Đồng luôn tăng nhanh hàng năm. Đến nay toàn tỉnh có khoảng 60 cơ sở ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô thực vật, riêng tại thành phố Đà Lạt có 50 cơ sở. Năm 2013, cả nước có khoảng trên 35 triệu cây giống in vitro thì Lâm Đồng có khoảng 28 triệu cây giống in vitro. Công nghệ nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy

mô in vitro đã được thực hiện trong sản xuất rau, hoa, cà phê, trồng dâu tây, khoai tây và nhiều loại nông sản, cây dược liệu khác trên địa bàn tỉnh.

[http://www.baotintuc.vn/kinh-te/lam-dong-phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao-20141204082003792.htm"]

135. NGUYỆT THU. Đạ K'Nàng vững vàng thoát nghèo / Nguyệt Thu // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 13 tháng 10.- Tr.8.

Xã Đạ K'Nàng là một xã vùng sâu, vùng xa thuộc huyện nghèo 30a, toàn xã hiện có 7 thôn, với 1.873 hộ, 7.327 nhân khẩu, trong đó 57% là đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là người K'Ho, Cill và một số ít dân di cư từ phía Bắc vào. Diện tích tự nhiên toàn xã khoảng 5.193ha, chủ yếu là cà phê và một số ít cây lương thực ngắn ngày. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Nhưng 15 năm qua, cùng với nhiều chính sách đầu tư vùng đồng bào DTTS của Đảng, Nhà nước và bằng ý chí tự vươn lên, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc… Đạ K'Nàng hôm nay đã vững vàng thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, trở thành xã loại 2 của huyện. Các chương trình, chính sách đầu tư của Chính phủ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số như Chương trình 134 "hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo", Chương trình 135 "phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng DTTS miền núi", Chương trình 167 "về hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo", Chương trình 168 "về phát triển KT - XH các tỉnh Tây Nguyên"… bằng việc lồng ghép nguồn vốn các chương trình, chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững (30a), Chương trình xây dựng nông thôn mới một cách thiết thực, hiệu quả, kịp thời, Đạ K'Nàng đã nhanh chóng trở thành địa phương phát triển nhanh và bền vững, tạo nên những hiệu quả rõ nét nhất về xóa đói giảm nghèo. Đạ K'Nàng được tập trung xây dựng trạm y tế với 3 giường bệnh, 3 phòng công vụ, 18 phòng học, xây mới tuyến đường điện, nâng cấp các tuyến đường trục xã, hỗ trợ 89 căn nhà, cấp phát 5,25 tấn lúa giống, 4.453 tấn phân bón, trên 61 tấn gạo, 35 tấn muối I ốt… để giúp đồng bào vực dậy trong những ngày đầu thành lập còn khó khăn. Đến năm 2009, Chương trình 30a tiếp sức mạnh mẽ cho Đạ K'Nàng với 31 công trình xây dựng cơ bản được đầu tư với gần 30 tỷ đồng; áp dụng 53 mô hình chuyển đổi cây trồng, vật nuôi với số vốn trên 1,2 tỷ đồng; xây mới 273 căn nhà, 94 giếng đào cho đồng bào DTTS đang sinh sống trong xã. Đặc biệt, từ khi triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, Đạ K'Nàng đã được đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và mang lại hiệu quả thiết thực như: công trình xây dựng cầu Đạ K'Nàng với tổng vốn 14,2 tỷ đồng, đầu tư đường trục xã từ Quốc lộ 27 vào UBND xã với tổng vốn trên 67 tỷ đồng, đường từ trung tâm xã đi Phúc Thọ - Lâm Hà dài 1,5km, đường giao thông thôn Lăng Tô, đường vào khu sản xuất thôn Đạ K'Nàng… với tổng vốn hơn 9 tỷ đồng… đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa, giao thương với nhiều huyện trong tỉnh ngày càng được tốt hơn. Sắp tới, chương trình đường giao thông thôn Pul cũng đang tiếp tục chuẩn bị đầu tư với tổng vốn trên 1,1 tỷ đồng, công

trình đường giao thông vào ngã ba sông cũng đang được triển khai xây dựng... Góp phần quan trọng đưa Đạ K'Nàng đạt 8/19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Diện mạo nông thôn của vùng đặc biệt khó khăn được cải thiện tốc độ tăng trưởng GDP đến nay đạt 18%, thu nhập bình quân đạt 21 triệu đồng/ người/năm, tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 là trên 31%, giảm đến nay còn 10,57%. Với những nỗ lực không ngừng của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và đông đảo các tầng lớp nhân dân, tháng 1/2014 tập thể xã Đạ K'Nàng đã vinh dự được nhận cờ của Chủ tịch UBND tỉnh ghi nhận những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đặc biệt vinh dự được đề cử là đơn vị xuất sắc nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vào trung tuần tháng 10 tới đây, tại Đại hội đại biểu các DTTS tỉnh Lâm Đồng lần thứ II.

Lâm Đồng / 2014

136. VĂN VIỆT. Hiệu quả từ những dự án nông thôn miền núi / Văn Việt // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 19 tháng 9.- Tr.3.

Gần 10 dự án chuyển giao khoa học kỹ thuật để nâng cao giá trị hàng hóa vật nuôi, cây trồng thuộc chương trình nông thôn miền núi ở Lâm Đồng đã và đang phát huy hiệu quả thiết thực, đồng thời tạo ra những mối liên kết mới giữa 3 lĩnh vực công nghệ, sản phẩm và thị trường.

Từ năm 2011 đến nay, ước tính có đến hàng ngàn lượt nông dân Lâm Đồng được tiếp cận, thực hành các quy trình khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi đạt năng suất và chất lượng cao. Điển hình là Dự án xây dựng nhãn hiệu tập thể "Nấm bào ngư Đơn Dương" đã mang lại những lợi ích thiết thực cho người sản xuất. Theo đó, với 9 quy trình công nghệ do Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng (Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng) chuyển giao, hơn 200 lượt nông dân Đơn Dương đã được tập huấn, kỹ thuật về sản xuất meo giống và các loại nấm ăn làm thuốc chất lượng cao. Kết quả, Trung tâm đã xây dựng hoàn thành 32 nhà nấm mẫu sản xuất công nghệ cao, tọa lạc trên diện tích 8.000m², đạt tổng sản lượng thu hoạch hơn 617 tấn nấm bào ngư, nấm mèo khô và các loại nấm khác. Mở rộng ra trên toàn địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đến nay có khoảng 10 doanh nghiệp đầu tư từ 3 - 5 tỷ đồng/ha để sản xuất các loại nấm công nghệ cao. Ở huyện Lâm Hà được "thụ hưởng" 2 dự án khoa học về trồng dâu nuôi tằm và sản xuất cà phê bền vững, thu hút 700 lượt hộ nông dân tham gia học nghề qua tập huấn và hội thảo. Trong đó, với mô hình cây cà phê gồm 10ha quản lý mùa vụ tổng hợp, 10ha ghép cải tạo vườn cà phê giống cũ, 3ha các vườn nhân chồi, sản xuất hạt giống cà phê chè, cà phê vối lai đa dòng; với mô hình cây dâu tằm gồm 60ha cải tạo và trồng mới, đạt năng suất từ 15-20 tấn lá/ha/năm

Tại huyện nghèo Đam Rông, với Dự án "Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao" đã hoàn thiện quy trình trồng xen 30ha ca cao dưới tán vườn

điều, trồng ca cao thuần 10ha, đồng thời tổ chức đào tạo kỹ thuật cho hơn 750 lượt hộ nông dân quanh vùng. Xã Đồng Nai Thượng, Cát Tiên cũng đã tổ chức hội thảo, chuyển giao cho 480 lượt hộ nông dân về 5 quy trình áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất các loại cây trồng như lúa nước, cà phê, điều, cam, bơ, dứa…

Trong giai đoạn 5 năm trước đó (2005 - 2010), nhiều dự án nông thôn miền núi ở Lâm Đồng đến nay được vẫn tiếp tục nhân rộng các quy trình áp dụng khoa học kỹ thuật về sản xuất, bảo quản, đóng gói sản phẩm các loại hoa cúc, hoa hồng, hoa địa lan ở Đà Lạt; cơ giới hóa trong khâu thu hoạch 50ha diện tích chè búp tươi tại Doanh nghiệp Chè Minh Rồng, Bảo Lâm và "sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật từ bã thải trồng nấm, phế phẩm chăn nuôi và trồng trọt tại Bảo Lộc". Từ nay đến năm 2020, Chương trình Dự án Nông thôn miền núi Lâm Đồng sẽ tiếp tục phát triển sản xuất, nâng cao giá trị các loài cây trồng, vật nuôi đặc thù theo hướng nông nghiệp an toàn và công nghệ cao, nhằm phát huy lợi thế so sánh của từng địa bàn như: lúa ở Đạ Tẻh, Cát Tiên; rau - hoa Đà Lạt; các loại cây dược liệu trong tỉnh như Thông đỏ, Xáo tam phân, Diệp hạ châu, Đẳng sâm; và các loài vật nuôi gồm bò siêu thịt, bò siêu sữa, cá Hồi, cá Lăng…

Lâm Đồng / 2014

137. VĂN VIỆT. Lâm Hà trên lộ trình phủ xanh 5000 ha rừng / Văn Việt // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 1 tháng 9.- Tr.3.

Huyện Lâm Hà đang "khởi động" trồng mới 5.000ha rừng trên đất lâm nghiệp bị lấn chiếm thuộc 12 xã, thị trấn, phấn đấu đến năm 2020 sẽ nâng độ che phủ rừng trên toàn địa bàn huyện đạt tỷ lệ hơn 33%.

Theo thống kê hiện tại, trên địa bàn huyện Lâm Hà có 8.000ha đất quy hoạch lâm nghiệp không có rừng, trong đó có khoảng 3.000ha đất sình lầy, ngập nước sông suối; đất giao cho các dự án thủy điện bố trí, sắp xếp dân cư… Còn lại 5.000ha đất bị lấn chiếm trồng cà phê và các loại hoa màu, nhưng do quanh năm thiếu nước, thiếu cây chắn gió, đất thường xuyên bị xói mòn, nên năng suất cây trồng rất thấp, ảnh hưởng đến thu nhập ổn định và bền vững cho người dân. Để tăng cường hơn nữa công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất lâm nghiệp, từng bước xây dựng và phát triển theo hướng xã hội hóa nghề rừng, ngày 25/7/2014, HĐND huyện Lâm Hà đã quyết nghị giao cho UBND huyện Lâm Hà tổ chức triển khai trồng rừng sản xuất theo phương án nông - lâm kết hợp từ nay đến hết năm 2019. Giai đoạn năm 2014 - 2015 sẽ trồng thí điểm khoảng 400ha rừng trên 5 xã gồm Tân Thanh, Phúc Thọ, Phú Sơn, Phi Tô và Mê Linh. Giai đoạn 2015 - 2019, trồng nhân rộng 4.600ha rừng trên 7 xã, thị trấn tiếp theo như Nam Ban, Nam Hà, Đông Thanh, Gia Lâm, Đinh Văn, Đạ Đờn và Đan Phượng. Có 5 giống cây rừng chính được đưa về trồng ở đây là dầu rái, sao đen,

muồng đen, giáng hương và mắc ca. Cụ thể, cứ trồng xen một hàng cây rừng với 6 - 8 hàng cây cà phê chè catimor và với 3 hàng cây cà phê vối. Kết quả từng diện tích rừng sẽ được nghiệm thu khi mật độ sống của cây rừng trồng đạt trên 70%. Tổng mức đầu tư giống cho 1ha rừng trồng xen cây nông nghiệp ước tính khoảng 2 triệu đồng với cây muồng đen; 4 triệu đồng với các cây sao đen, dầu rái, giáng hương; hơn 15,7 triệu đồng với cây mắc ca.

Lâm Đồng / 2014

138. VĂN VIỆT. Nét mới vùng sâu Ninh Loan / Văn Việt // Lâm Đồng cuối tuân.- 2014.- Ngày 4 tháng 10.- Tr.3.

Cách huyện lỵ Đức Trọng hơn 30km, vùng sâu Ninh Loan đang mở ra những cung đường mới khang trang từ đường thôn, ngõ xóm, nối liền đến từng cánh đồng sản xuất để tạo thêm động lựctăng tốc giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn.

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Ninh Loan đến nay gồm 2 trục đường liên xã, tổng chiều dài 12,4km đã đạt tỷ lệ 100% nhựa hóa; 12 trục đường liên thôn, đường nội đồng dài gần 17km. Đặc biệt, từ năm 2011 - khi bước vào xây dựng các tiêu chí nông thôn mới đến nay, xã Ninh Loan đã đầu tư hơn 38,7 tỷ đồng để làm mới và nâng cấp các công trình giao thông tiêu biểu như: 4,4km đường nhựa trục chính; duy tu 7km đường cấp phối, đường bê tông xi măng liên thôn. Trong đó, nhân dân đã tự nguyện hiến đất làm đường với tổng trị giá ước tính khoảng 4,5 tỷ đồng và đóng góp nguồn vốn đối ứng hơn 1,8 tỷ đồng...

Bên cạnh những con đường lớn, mô hình trồng rau theo hướng công nghệ cao thuộc thôn Ninh Thái của xã Ninh Loan cũng cho thu lãi khoảng 100 triệu đồng/năm. Với bước chuyển đáng ghi nhận này, xã Ninh Loan đã thực hiện bước tăng tốc giảm nghèo khá ấn tượng: từ 6,2% năm 2011 giảm xuống còn 3,2% vào cuối năm 2014; dự kiến trong năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm xuống còn 2,85%. Tương tự, thu nhập bình quân đầu người ở xã Ninh Loan đã tăng khá nhanh: 27 triệu đồng năm 2011, tăng lên 38 triệu đồng năm 2014 và sẽ vượt lên 40 triệu đồng trong năm 2015. Hiện, thu nhập đầu người ở xã Ninh Loan là 1 trong 17 tiêu chí nông thôn mới đã đạt được; 2 tiêu chí còn lại đang hoàn thành từ nay đến cuối năm 2014

Lâm Đồng cuối tuần / 2014

139. VIẾT TRỌNG. Phước Lộc trên đường thoát nghèo / Viết Trọng // Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 1 tháng 9.- Tr.3.

Là 1 trong 3 xã nghèo của huyện Đạ Huoai, Phước Lộc có 642 hộ dân, gần 2.900 nhân khẩu sống trong 6 thôn với trên 85% là người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên. Khi tách ra từ xã Hà Lâm, đây là một xã vào hàng khó khăn có cỡ của Đạ Huoai. Một thống kê của xã cho thấy, trong năm 2010, trong hơn 600 hộ của xã, đã có

500 hộ nghèo. Nhưng chỉ trong vòng hơn 4 năm, từ 2010 đến nay, Phước Lộc - 1 trong 3 xã nghèo của huyện Đạ Huoai đã đưa số hộ nghèo của mình từ 86,7% dân số của xã xuống còn 12,75%. (Năm 2011, số hộ nghèo của xã giảm xuống còn 342 hộ; năm 2012 còn 150 hộ nghèo, năm 2013 còn 84 hộ với 5 hộ cận nghèo.).

Có được những thành quả trên chính là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp các ngành trong huyện trong việc tập trung chuyển đổi giống cây trồng, tạo điều kiện cho người dân, các hộ nghèo tự mình vươn lên làm ăn, tạo được thu nhập để nuôi sống mình, đặc biệt là trong các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Lâm Đồng / 2014

140. HOÀNG VƯƠNG MỸ. Sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ở Đức Trọng / Hoàng Vương Mỹ // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 27 tháng 5.- Tr.4.

Cùng với Đà Lạt, Đơn Dương; Đức Trọng là địa phương có diện tích sản xuất nông nghiệp công nghệ cao khá lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đạt được kết quả này, ngoài việc có chủ trương đúng đắn và quy hoạch đồng bộ chặt chẽ của Cấp ủy, chính quyền địa phương; còn có sự đồng thuận, hưởng ứng mạnh mẽ của người dân. Điều này mở ra triển vọng lớn trong việc cơ cấu lại nền sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp lý - khoa học - hiệu quả, phù hợp với nhu cầu xuất khẩu nông sản ra thị trường quốc tế.

Căn cứ vào khí hậu, đất đai và kinh nghiệm sản xuất của người dân, UBND huyện Đức Trọng tiến hành quy hoạch những địa bàn sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao (hiện được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 3.300ha), đồng thời chỉ đạo các ngành chức năng của huyện hỗ trợ người dân về vốn, cây giống, con giống, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm… Bằng cách làm đó, hiện nay, trên địa bàn huyện Đức Trọng có 3.022,85ha sản xuất rau, hoa theo hướng công nghệ cao, trong đó diện tích sản xuất trong nhà kính 134,03ha, diện tích sản xuất trong nhà lưới 51,72ha, diện tích tưới phun tự động ngoài trời 2.235,9ha, diện tích sản xuất phủ màng Polimer ngoài trời 601,2ha. Đặc biệt, trong sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, ngoài hình thức hộ cá thể nhỏ lẻ, tại huyện Đức Trọng đã xuất hiện các hình thức liên kết, liên doanh, HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại như mô hình liên kết của trang trại Phong Thúy với gần 30 hộ dân sản xuất rau, củ, quả theo tiêu chuẩn VietGAP

Trong lĩnh vực chăn nuôi theo hướng công nghệ cao: Với sự chủ động của người dân và sự hỗ trợ, giúp đỡ của các ngành chức năng tại địa phương, hiện trên địa bàn huyện Đức Trọng đã có 68 cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại tập trung

với quy mô trên 100 con gia súc, 36 cơ sở chăn nuôi gia cầm có quy mô 2.000 con trở lên. Đặc biệt, trong những năm gần đây đã có hàng trăm hộ dân, hàng chục cơ sở chăn nuôi bò sữa với quy mô có trên 10 con cho vắt sữa mang lại hiệu quả kinh tế cao, trong đó có khoảng 62 trại chăn nuôi liên kết với các công ty chăn nuôi trong khâu bao tiêu sản phẩm.

Đây chính là sức hút mạnh mẽ đối với người dân trong việc mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, đồng thời là triển vọng lớn đối với huyện Đức Trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Lâm Đồng / 2015

141. HỒ XUÂN TRUNG. Khai trương tuyến bay thẳng Đà Lạt – Cần Thơ: Nối vùng cao nguyên với miệt sông nước / Hồ Xuân Trung // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 7 tháng 5.- Tr.1+2.

Chuyến bay thương mại đầu tiên chính thức cất cánh trong ngày 7/5 nối vùng Cao nguyên xanh Đà Lạt với miệt sông nước Cần Thơ mở đầu cho mùa du lịch hè năm 2015. Đây là một trong những ưu tiên của lãnh đạo hai địa phương nhằm hiện thực hóa một phần mối liên kết phát triển du lịch giữa Lâm Đồng và Cần Thơ được ký kết trong mấy năm qua, góp phần khai thác hiệu quả thị phần khách du lịch và thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa Cao nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Sự kiện mở đường bay Đà Lạt - Cần Thơ không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân, mà qua đó còn thúc đẩy ngành du lịch phát triển, giúp tăng cường mối quan hệ giao thương giữa hai khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Cao nguyên Đà Lạt. Đồng thời sẽ mang tính đột phá về du lịch, đầu tư và thương mại giữa hai vùng, đặc biệt qua đó góp phần khai thác tiềm năng và triển vọng du lịch miền Tây - Tây Nguyên và tạo được cú hích ấn tượng cho thời điểm mở đầu mùa du lịch hè năm 2015.

Lâm Đồng / 2015

142. K.D. Lâm Hà: Sản xuất nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng ứng dụng công nghệ cao / K.D. // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 18 tháng 3.- Tr.3.

Bước sang năm 2015, Lâm Hà xác định sẽ tiếp tục đưa sản xuất nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng công nghệ cao bằng việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách toàn diện trên các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và cả ngư nghiệp. Năm 2015, Lâm Hà phấn đấu đạt giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - thủy hơn 3.579 tỷ đồng; trong đó, giá trị ngành chăn nuôi chiếm 16,7% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Trước mắt, huyện sẽ duy trì ổn định và thâm canh diện tích

cà phê hiện có (40.242ha) bằng các kỹ thuật tiên tiến; trồng mới hơn 150ha dâu, 15ha chè, phát triển 50ha rau hoa. Về chăn nuôi, Lâm Hà tập trung phát triển chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi trang trại theo mô hình hộ gia đình; triển khai xây dựng các điểm giết mổ gia súc gia cầm tập trung; kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm.

Lâm Đồng / 2015

143. KHẮC DŨNG. Nông nghiệp - nông thôn Lâm Đồng nhìn về năm 2020 / Khắc Dũng // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 27 tháng 5.- Tr.3.

Lâm Đồng xác định: Mục tiêu của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Lâm Đồng là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; coi phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái.

Kết thúc năm 2014 vừa qua, Lâm Đồng đã thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu đề ra từ đầu năm: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 56.557 tỷ đồng - tăng 17,8% so với kế hoạch; trong đó, lĩnh vực nông lâm thủy sản chiếm 21.794 tỷ đồng (tăng 8%). Đặc biệt, 3 chương trình trọng tâm của ngành nông nghiệp đã được triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao: Chương trình nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục được thực hiện và có sức lan tỏa nhanh, khuyến khích được người dân mạnh dạn đầu tư cho sản xuất; toàn tỉnh có hơn 40.000ha đất sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Chương trình chuyển đổi giống và thực hiện tái canh cà phê tiếp tục được triển khai theo đúng tiến độ. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, năm 2014, Lâm Đồng đã được triển khai với tổng nguồn vốn gần 8.187 tỷ đồng...

Định hướng đến năm 2020, Lâm Đồng đề ra mục tiêu: Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; dịch chuyển cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, dịch vụ; gắn sản xuất nông nghiệp với bảo quản sau thu hoạch và chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm. Một số chỉ tiêu phát triển cụ thể cũng đã được Lâm Đồng đặt ra như: Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 7,5% - 8%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 5,5% - 6%/ năm; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2015 đạt trên 15% về diện tích, chiếm 25% - 30% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp; đến năm 2020 đạt 25% - 30% về diện tích, chiếm 50% - 60% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp; giá trị sản xuất trên một hecta đến năm 2015 đạt 137 triệu đồng/năm và đến năm 2020 đạt trên 180 triệu đồng/năm. Về phát triển nông thôn, Lâm Đồng đến năm 2015 có 30% số xã đạt tiêu chí về nông thôn mới và có một huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; đến năm 2020 có 70% - 80% số xã đạt tiêu chí về nông thôn mới và có từ 5 - 6 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

Lâm Đồng / 2015

144. SƠN TÙNG. Huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng) giảm nhanh hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số / Sơn Tùng // Tin tức.- 2012.- Ngày 3 tháng 8.- Tr. 9.

Huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng) có hơn 7.650 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, với gần 35.000 nhân khẩu, là người K'Ho, Mạ, Churu… Theo thống kê của UBND huyện, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số của huyện đã giảm từ 74,42% (năm 2006) xuống còn dưới 18% (tính đến hết tháng 7/2012).

Tỷ lệ giảm nghèo nói trên là một thành quả rất đáng khích lệ từ cách điều hành, định hướng đúng của huyện trong việc triển khai các nguồn vốn đầu tư từ chương trình 30a của Chính phủ và các nguồn vốn thiết thực khác của Trung ương. Đến nay, huyện Bảo Lâm đã sử dụng hơn 11,3 tỷ đồng của chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, thuộc Nghị quyết 30a, để hỗ trợ các hộ dân tộc thiểu số tại 3 xã Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Lâm và 90 thôn, buôn thiểu số tại 9 xã, thị trấn khác của huyện, giúp các hộ đồng bào dân tộc được chuyển giao công nghệ sản xuất, chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng… từng bước thay đổi tập quán canh tác, chăn nuôi lạc hậu. Việc sử dụng, khai thác nguồn vốn có hiệu quả đã tạo nên một phong trào thi đua cải thiện kinh tế, xuất hiện hàng trăm hộ K'Ho, Churu, Mạ… thoát nghèo nhanh, vươn lên làm giàu chính đáng.

Đến năm 2012, tại tất cả các vùng dân tộc thiểu số của huyện đã có hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội. Gần 100% số hộ dân tộc thiểu số đã được sử dụng điện từ điện lưới quốc gia; hệ thống cơ sở giáo dục các cấp; cơ sở y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân đã phủ kín mạng lưới cấp xã…

Tin tức / 2012

145. THÁI AN. Đà Lạt dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước / Thái An // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 11 tháng 3.- Tr.5.

Là địa phương có vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của toàn tỉnh, những năm qua, thành phố Đà Lạt luôn đi đầu trong phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự, xứng đáng là "đầu tàu" gương mẫu. Với nhiều thành tích đạt được, năm 2014, thành phố vinh dự được nhận cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

\Gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ngay từ đầu năm 2014, thành phố Đà Lạt đã phát động thi đua, triển khai cho từng tập thể, cá nhân đăng ký thi đua, gắn thi đua với đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện hiệu quả việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Nghị quyết TW4 (khoá XI), xây dựng và nhân rộng cá nhân điển hình tiên tiến trong nhân dân, cán bộ công chức, lực lượng

vũ trang. Với mục tiêu: Thi đua gắn liền với thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, năm qua, Đà Lạt luôn đạt và vượt các chỉ tiêu, kế hoạch. Điển hình là: tăng trưởng kinh tế đạt 16,8%, tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5.200 tỷ đồng, công trình xây dựng cơ bản đạt 271,8 tỷ đồng, diện tích gieo trồng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đạt 4.500ha (tăng 14,2%), lượng khách du lịch đến Đà Lạt ước 3,6 triệu lượt (tăng 7,5%), tổng thu ngân sách 837,3 tỷ đồng.

Thành phố luôn quan tâm đến các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo với tổng kinh phí là 55,6 tỷ đồng; hỗ trợ cho 7.384 đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội, tổ chức 5 lớp đào tạo nghề nông thôn, giải quyết việc làm cho 4.278 lao động. Toàn thành phố hiện còn 165 hộ nghèo (0,41%), 256 hộ cận nghèo (0,63%). Công tác chữa bệnh chăm sóc sức khỏe, truyền thông về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình đã thực hiện sâu rộng đến từng cơ sở, vào từng gia đình. Ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua "Hai tốt", "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", đẩy mạnh đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tình hình an ninh trật tự được giữ vững, ổn định; công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, gìn giữ trật tự an toàn giao thông được chú trọng, tai nạn giao thông được kiềm chế, giảm trên 10% số vụ, số người chết, số người bị thương.

Phong trào thi đua đã phát huy được tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân thành phố, thúc giục người người cùng tận tụy làm việc, biết hy sinh và cống hiến, tạo thành sức mạnh tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại

Lâm Đồng / 2015.

146. Tuấn Hương. Tăng cường phát triển thể chất cho trẻ vùng sâu / Tuấn Hương // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 29 tháng 5.- Tr.5.

Nâ n g ca o ch ấ t lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non" là chuyên đề được triển khai ở các trường mẫu giáo, mầm non trong năm học 2014 - 2015. Nằm ở địa bàn vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, cơ sở vật chất của Trường Mẫu giáo Bảo Thuận huyện Di Linh còn nhiều thiếu thốn. Do vậy, nhà trường đã tận dụng môi trường bên ngoài và những đồ chơi tự làm để thực hiện chuyên đề này. Bên cạnh đó, nhà trường đã vận động giáo viên và phụ huynh cùng tạo dựng khu vui chơi ngoài trời từ nguyên liệu thiên nhiên như mẩu gỗ, cành tre, sỏi, cát, đá… hay tận dụng những phế liệu an toàn như lốp xe, vỏ hộp cát tông… Và sau vài tháng, một khu vui chơi ngoài trời được hình thành trong khuôn viên nhà trường với sự đóng góp hàng chục ngày công của phụ huynh. Khu vui chơi với nhiều trò chơi vận động như nhảy bao bố, nhảy theo ô vẽ sẵn, đi theo đường dích dắc, kéo co, đi cà kheo… Tất cả

các ngày học trong tuần, nhà trường đều thực hiện 30 phút cho trẻ sinh hoạt ngoài trời, trong đó, 15 phút chơi các trò chơi vận động và 15 phút chơi tự do. Hoạt động này không những khơi dậy sự khám phá của trẻ mà còn tăng cường vận động để trẻ khỏe mạnh. Bên cạnh việc tăng cường cho trẻ chơi các trò chơi vận động, hoạt động thể dục thể thao cũng được nhà trường tổ chức theo hình thức vừa tập luyện vừa vui chơi. Vì vậy, trong dịp tham gia giải bóng đá giao lưu các trường mầm non trên địa bàn huyện, Trường Mẫu giáo Bảo Thuận đã đoạt giải nhất. Cùng với sự nỗ lực trong công tác dạy học, các hoạt động rèn luyện thể lực, thể chất cho trẻ của trường đã mang lại hiệu quả, đến cuối năm học, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm từ 12% xuống còn 5% so với đầu năm; tỷ lệ bé chăm đạt 95%; bé khỏe ngoan đạt 88%; duy trì sĩ số đạt 100%...

Bằng việc tạo dựng khu vui chơi ngoài trời với các trò chơi từ những vật dụng sẵn có, trong năm học 2014 - 2015, Trường Mẫu giáo Bảo Thuận (huyện Di Linh) đã thực hiện tốt chuyên đề "Phát triển vận động cho trẻ" với các hoạt động giáo dục thể chất nhằm rèn luyện phát triển thể lực, tăng cường khả năng vận động ở trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện.

Lâm Đồng / 2015

147. TUẤN LINH. "Lâm Đồng là địa phương tiêu biểu của Việt Nam" // Tuấn Linh // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 14 tháng 5.- Tr.4.

Triển lãm Quốc tế Công nghiệp Thực phẩm Việt Nam 2015 (Vietnam Food Expo 2015) đã thu hút được hơn 500 gian hàng của 300 đơn vị tham gia đến từ 18 quốc gia, vùng lãnh thổ và 30 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đây là sự kiện có quy mô lớn nhất trong ngành nông sản, thực phẩm chế biến từ trước đến nay do Bộ Công thương tổ chức. Trong đó, tỉnh Lâm Đồng được BTC chọn làm "Địa phương tiêu biểu của Việt Nam".

Với mục đích: Trao đổi, đề xuất các giải pháp gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng kết nối của các doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu nhằm đẩy mạnh tiếp cận và phát triển thị trường cho các mặt hàng thực phẩm; giao lưu, kết nối giữa các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức hỗ trợ và các doanh nghiệp; tạo cơ hội hợp tác kinh doanh và đầu tư giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác trong và ngoài nước. Triển lãm lần này thực sự là cơ hội tốt để Lâm Đồng có thể quảng bá sản phẩm, hình ảnh của địa phương trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm chế biến. Tham gia Vietnam Food Expo 2015, tỉnh Lâm Đồng đã giới thiệu đến các địa phương trong cả nước cũng như bạn bè quốc tế những mặt hàng nông sản đã trở thành thương hiệu như: rau, củ, quả, trà, cà phê, rượu vang, dâu tây, sữa… Thông qua đó, các doanh nghiệp trong tỉnh không chỉ giới

thiệu các sản phẩm của địa phương mà còn tìm kiếm đối tác, mở rộng phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Lâm Đồng / 2015

148. VĂN NHÂN. Lâm Đồng 40 năm nhìn lại // Văn Nhân // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 3 tháng 4.- Tr.3.

Qua gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh Lâm Đồng đã phát huy được năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao, quy mô, chất lượng được nâng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghiệp, dịch vụ; hình thành được các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, rau, hoa, gắn với các cơ sở công nghiệp chế biến; chú trọng phát triển các khu công nghiệp, các trung tâm du lịch - dịch vụ, đưa du lịch thành nền kinh tế động lực của tỉnh; đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng trọng tâm là giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh viện, trạm y tế... Các đô thị được đầu tư chỉnh trang, nâng cấp ngày càng khang trang, sạch đẹp; phong trào xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên, kể cả vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng chiến khu xưa. Tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, xã hội. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được coi trọng và đạt nhiều kết quả quan trọng. Bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố, tăng cường; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành được nâng lên. Việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị "Về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường; dân chủ xã hội, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được giữ vững.

Lâm Đồng / 2015

149. VŨ VĂN. Phát triển nhiều loại hình du lịch có lợi thế so sánh của miền núi Lâm Đồng / Vũ Văn // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 29 tháng 4.- Tr.5.

Với quyết tâm trở thành một điểm đến thực sự an toàn, thân thiện và chất lượng, Lâm Đồng vừa thông qua định hướng phát triển ngành du lịch theo chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế từ nay đến năm 2020. Trong đó tập trung mở rộng nhiều loại hình du lịch có lợi thế so sánh của vùng cao nguyên Đà Lạt - Lâm Đồng gồm: Du lịch sinh thái (đặc biệt là du lịch dưới tán rừng), du lịch thể thao, mạo hiểm (vượt địa hình, vượt thác ghềnh, leo núi, nhảy dù…); tham quan, nghỉ dưỡng cuối tuần kết hợp với

mua sắm, vui chơi giải trí; nghiên cứu, đào tạo, thực tập giảng dạy du lịch canh nông; hội nghị, hội thảo, triển lãm, trưng bày, xúc tiến thương mại; nghiên cứu về tự nhiên, kiến trúc, khảo cổ, nghệ thuật, văn hóa lễ hội các dân tộc, các làng nghề truyền thống; du lịch thăm người thân, du lịch tránh đông, du lịch tuần trăng mật và các sản phẩm du lịch đặc thù khác như: điều dưỡng, khám chữa bệnh; tham quan di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, huấn luyện thể thao… Phấn đấu mỗi năm tăng lượng khách du lịch đến Lâm Đồng khoảng 10%; đạt bình quân 2,7 ngày lưu trú; toàn tỉnh có 25.000 phòng nghỉ, thu hút khoảng 15.000 lao động địa phương…

Lâm Đồng / 2015

150. XUÂN HÒA. Lâm Đồng: Mắc điện cho hơn 3.000 hộ dân tộc thiểu số Công nghiệp Việt Nam.- 2004.- Ngày 2 tháng 11.- Tr.9.

Sau hơn một năm triển khai Đề án hỗ trợ đồng bào thiểu số kéo điện vào nhà, đến nay các địa phương ở Lâm Đồng đã mắc điện nhánh rẽ vào nhà cho hơn 3.000 gia đình đồng bào các dân tộc thiểu số còn khó khăn ở các vùng sâu, vùng xa trong tỉnh. Mạng lưới điện đã cơ bản phủ kín 100% xã. Tuy nhiên, do nhiều hộ đồng bào dân tộc còn khó khăn không tự kéo điện từ đường dây hạ thế vào nhà nên người dân vẫn không dùng điện. Tỉnh đã trích ngân sách để đầu tư cho việc mắc điện vào nhà cho đồng bào với mức hỗ trợ 650.000 đồng/hộ. Ngành điện lực đưa cán bộ kỹ thuật đến mắc điện cho từng gia đình. Nhờ đó, hơn 90% số hộ ở các thôn, buôn đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa đã có điện phục vụ sinh hoạt, nâng cao đời sống. Dự kiến năm 2005, 100% hộ đồng bào các dân tộc trong tỉnh sẽ được sử dụng điện.

Công nghiệp Việt Nam / 2004

151. XUÂN TRUNG. Cuộc "cách mạng" trên đồng ruộng / Xuân Trung // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 8 tháng 6 .- Tr.3.

Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được triển khai thực hiện trên địa bàn Lâm Đồng từ năm 2004. Sau những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu, Tỉnh ủy đã có Nghị quyết chuyên đề số 05 - NQ/TU ngày 11/5/2011 về "Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011 - 2015". Qua đó, khẳng định việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao là chủ trương đúng đắn, tạo bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp.

Mục tiêu của Nghị quyết 05 đặt ra: Có 10% diện tích canh tác nông nghiệp được sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 20%; năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi khi áp dụng công nghệ cao tăng bình quân từ 20%... và giá trị nông sản xuất khẩu chiếm 74% kim

ngạch xuất khẩu của tỉnh. Thế nhưng, với những nỗ lực vượt bậc của ngành nông nghiệp và các địa phương, chỉ sau 3 năm thực hiện nghị quyết này, các chỉ tiêu nêu trên đạt vượt mức nghị quyết đề ra từ 5 - 10%. Theo Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Lâm Đồng hiện có 39.237ha sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, chiếm tới 15% diện tích đất canh tác nông nghiệp. Trong đó, diện tích rau, hoa, cây đặc sản chiếm 14.063ha; diện tích sản xuất chè đạt 5.635ha, cà phê đạt 15.335ha và lúa chất lượng cao đạt 3.585ha. Bên cạnh đó, tổng đàn bò sữa đạt trên 16.000 con, trong đó chăn nuôi tập trung quy mô công nghiệp chiếm 20%, còn lại được chăn nuôi tại các nông hộ. Mặt khác, diện tích ao nuôi cá nước lạnh 60ha với sản lượng đạt 500 tấn/năm. Để cung ứng nguồn cây giống và phục vụ xuất khẩu, có 50 cơ sở nuôi cấy mô thực vật, sản xuất khoảng 30 triệu cây giống thương phẩm. Đáng chú ý hơn, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 30% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, trong khi đó diện tích sản xuất chỉ chiếm 15% tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp. Không chỉ dừng lại ở mức tăng diện tích và quy mô sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mà năng suất, chất lượng cây trồng ngày càng cao và mang lại lợi nhuận gia tăng đáng kể. Năng suất cây trồng, vật nuôi khi áp dụng công nghệ cao tăng từ 25 - 30%, giúp gia tăng lợi nhuận trên 30% so với doanh thu. Đặc biệt, tỷ trọng xuất khẩu chiếm tới 80% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Tính đến thời điểm hiện nay, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác của toàn tỉnh đạt 130 triệu đồng/ha/năm thì diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có doanh thu đạt gấp hơn 2 lần. Đó là chưa kể nhiều mô hình áp dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ đạt hiệu quả cao với doanh thu từ 1 - 3 tỷ đồng/ha/năm. Năm 2009, toàn tỉnh chỉ có trên 10 ngàn ha đất canh tác ứng dụng công nghệ cao thì đến nay đã tăng lên gần 40 ngàn ha và hầu hết diện tích này tập trung ở các nông hộ. Theo đánh giá của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 05, ngoài kết quả đạt vượt chỉ tiêu đặt ra từ 5 - 10% chỉ sau 3 năm triển khai nêu trên, qua chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn "thu hoạch" nhiều thành quả khác đó là: các công nghệ tiên tiến như công nghệ sản xuất giống, công nghệ tưới, các quy trình canh tác hiện đại, cơ giới hóa đồng ruộng trong sản xuất và các công nghệ sau thu hoạch được áp dụng phổ biến trong sản xuất nông nghiệp. Hình thành những vùng tập trung chuyên canh với quy mô tập trung lớn tại thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, góp phần hình thành tác phong lao động có kỷ luật, tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu kỹ thuật, tạo ra những sản phẩm có chất lượng, tăng giá trị và thu nhập trên một diện tích đất canh tác. Đồng thời, thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI, chuyển giao kỹ thuật theo hướng công nghệ cao ngày càng đi vào chiều sâu, đã phát huy hiệu quả vốn đầu tư, hình thành một bộ phận nông dân làm giàu từ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đó thực sự là cuộc "cách mạng" trên đồng ruộng mà cán bộ, đảng viên của ngành nông nghiệp đã nỗ lực góp phần đưa nền nông nghiệp Lâm Đồng đứng vào tốp đầu trong sản xuất ứng dụng công nghệ cao của cả nước trong thời gian qua.

Lâm Đồng / 2015

152. XUÂN TRUNG. Kinh tế **Lâm Đồng tiếp tục có bước phát triển / Xuân Trung // Lâm Đồng.- 2015.- Ngày 24 tháng 6 .- Tr.1+2.**

Sáng ngày 22/6, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng Đoàn Văn Việt đã chủ trì hội nghị trực tuyến với các sở, ban, ngành và các địa phương nhằm đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, đề ra nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2015. Theo báo cáo tại hội nghị, tổng giá trị tăng thêm (GRDP) theo giá so sánh 1994 ước đạt 8.221 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông lâm thủy sản đạt 1.794 tỷ đồng, tăng 6,7%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 3.397 tỷ đồng, tăng 13,6%; khu vực dịch vụ đạt 3.025 tỷ đồng, tăng 17,2%. Nếu theo giá hiện hành, GRDP 6 tháng đầu năm 2015 ước đạt 24.646 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. Theo đó, ngành nông lâm thủy sản đạt 4.692 tỷ đồng, tăng 8,8%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 8.620 tỷ đồng, tăng 21,5% và ngành dịch vụ đạt 11.320 tỷ đồng, tăng 21,9%.

Lâm Đồng / 2015